

MỤC LỤC

HỌC TẬP VÀ LÀM THEO TƯ TƯỞNG ĐẠO ĐỨC PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH

- **Đỗ Duy Tú:** Giáo dục, bồi dưỡng thanh niên theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh - Một số nội dung cơ bản
- **Nguyễn Thị Hoa Phượng:** Học tập tư tưởng Hồ Chí Minh về nói đi đôi với làm
- **Nguyễn Hoài Đông:** Tư tưởng Hồ Chí Minh về việc thực hiện dân chủ trong giáo dục ở nhà trường
- **Đào Xuân Thủy:** Bản lĩnh, trí tuệ - Hành trang Nguyễn Tất Thành mang theo để tìm đường cứu nước
- **Nguyễn Ngọc Linh:** Phát huy phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ”, kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân cho thanh niên quân đội hiện nay
- **Lê Anh Thi:** Thanh niên Việt Nam học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về tư duy độc lập, tự chủ và ý chí tự lực, tự cường
- **Nguyễn Phương Thủy:** Tư tưởng biện chứng Hồ Chí Minh về kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại và ý nghĩa trong giai đoạn hiện nay

BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG

- **Nguyễn Thị Ánh Đào:** Phát triển câu lạc bộ “Lý luận trẻ” - Giải pháp hữu hiệu để tuổi trẻ Lào Cai tham gia bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng
- **Tôn Đức Hoàng - Võ Lý Đạt Thành:** Nâng cao ý thức tự bảo vệ của học viên các nhà trường quân đội trước âm mưu, thủ đoạn “phi chính trị hóa” quân đội của các thế lực thù địch hiện nay

- **Lê Thúy Hằng:** Giải pháp ngăn chặn tình trạng “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong đội ngũ cán bộ, đảng viên ở tỉnh Trà Vinh theo Nghị quyết Trung ương tư (Khóa XI và Khóa XII)
- **Nguyễn Thị Bích Hằng:** Một vài nhận định về chủ nghĩa Freud từ lập trường phép biện chứng duy vật Mác-xít

SỰ KIỆN - VẤN ĐỀ

- **Phạm Thu Thủy - Trần Thị Phi Hằng:** Những vấn đề cơ bản trong tổ chức phong trào “Sinh viên 5 tốt” giai đoạn hiện nay
- **Nguyễn Phước Hòa:** Nâng cao vai trò của tổ chức Đoàn TNCS Hồ Chí Minh trong phổ biến, giáo dục pháp luật đối với thanh niên tỉnh Trà Vinh
- **Ngô Hoàng Anh:** Tỉnh đoàn Kon Tum tham gia giải quyết việc làm cho thanh niên trên địa bàn tỉnh
- **Lê Thanh:** Việc xây dựng Tài nguyên Giáo dục mở trong giáo dục đại học là một xu thế tất yếu
- **Nguyễn Thùy Linh:** Thực trạng căng thẳng (stress) của sinh viên Trường Đại học Ngoại thương trong năm học 2022 - 2023

NGHIÊN CỨU - LÝ LUẬN

- **Nguyễn Phan Vũ:** Luận điểm “Thực tiễn cao hơn lý luận” trong tác phẩm Bút ký Triết học của V. I. Lênin
- **Nguyễn Thị Chúc Huyền:** Hậu Giang vươn tầm phát triển công nghiệp

HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP TẠP CHÍ THANH NIÊN

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG:

TS. Nguyễn Minh Triết
Bí thư BCH T.Ư Đoàn - Chủ tịch Trung ương Hội Sinh viên Việt Nam

PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG:

Nhà báo Nguyễn Toàn Thắng
Tổng biên tập Tạp chí Thanh niên
TS. Trịnh Minh Thái
Chủ tịch Hội đồng Học viện TTN Việt Nam

ỦY VIÊN HỘI ĐỒNG:

- GS.TS Võ Khánh Vinh
- PGS. TS Lâm Quốc Tuấn
- TS. Trần Văn Đông
- TS. Tô Hồng Nam
- PGS. TS. Trần Thanh Giang
- PGS. TS Lê Trọng Hanh
- TS. Nguyễn Duy Nhiên
- PGS. TS Phạm Quốc Thành
- PGS.TS. Trần Xuân Bách
- TS. Lê Văn Cầu
- TS. Đỗ Ngọc Hà
- ThS. Đỗ Quang Huỳnh

- **Nguyễn Quang Thành:** Thực trạng chính sách, pháp luật liên quan đến phát triển các làng nghề trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

- **Phạm Thị Quỳnh:** Di tích Hán Nôm tại Chùa Hang (Kim Sơn Tự) - Thái Nguyên

- **Phan Thị Thu Hằng:** Mất cân bằng giới tính khi sinh và định hướng chính sách ở Việt Nam hiện nay

- **Nguyễn Thị Hương Giang:** Ảnh hưởng của việc đọc báo điện tử đối với nhận thức của sinh viên trường Đại học phòng cháy Chữa cháy

- **Trần Thị Ngọc Mai:** Quan hệ ngoại giao Việt Nam - Nhật Bản những năm đầu thế kỷ XXI

- **Nguyễn Thị Xuân:** Vai trò của Phật giáo Nam Tông Khmer trong duy trì và củng cố tính cố kết cộng đồng của người Khmer ở Tây Nam bộ

KINH NGHIỆM - THỰC TIỄN

- **Nguyễn Thị Minh Phương:** Xây dựng phong cách làm việc trọng dân, gần dân của học viên Trường Cao đẳng Cảnh sát Nhân dân I trong giai đoạn hiện nay

- **Nguyễn Trác Linh:** Nâng cao hiệu quả phần huấn luyện chiến thuật võ công an tại Học viện An ninh Nhân dân

- **Đinh Văn Hạnh:** Kinh nghiệm giảng dạy của giảng viên khoa Quân sự, Võ thuật và Thể dục Thể thao cho học viên Hệ An toàn Thông tin, Học viện An ninh Nhân dân

- **Lê Văn Bửu:** Các nhân tố tác động đến hoạt động hỗ trợ phụ nữ trong phát triển kinh tế

- **Trần Thị Hằng:** Phát triển kinh tế, nâng cao đời sống của đồng bào dân tộc thiểu số theo tôn giáo ở Tây Nguyên

- **Bùi Văn Tuyền - Điểu Thùy Linh:** Xây dựng nếp

sống văn hóa, văn minh đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh - Thực trạng và giải pháp

THÔNG TIN KHOA HỌC THANH NIÊN

- **Nguyễn Thị Huyền:** Nâng cao chất lượng giảng dạy môn học Giáo dục Quốc phòng và An ninh thích ứng với sự tác động của cuộc cách mạng Công nghiệp lần thứ tư

- **Vũ Thị Nhỏ:** Trường Đại học Đồng Tháp thúc đẩy mạnh mẽ chuyển đổi số trong giảng dạy các môn Khoa học Xã hội và Nhân văn

- **Phạm Văn Thanh:** Các tiêu chuẩn và quy trình thiết kế bài giảng trên hệ thống học tập trực tuyến

- **Vũ Lan Phương:** Nghiên cứu và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và GPT giúp nâng cao chất lượng dạy và học trong trường đại học

- **Đỗ Thị Thu Trang:** "Bánh mì" BAGUETTE: Cầu nối văn hóa ẩm thực Pháp - Việt

- **Lê Phạm Thị Thu Oanh:** Phát triển năng lực công nghệ thông tin cho sinh viên Sư phạm tại Trường Đại học Tiền Giang

- **Sầm Ngọc Khả Tú:** Nâng cao chất lượng dạy và học tiếng Anh cho sinh viên Trường Đại học Bạc Liêu trong thời đại 4.0

- **Hoàng Thị Hà:** Tìm hiểu di sản mỹ thuật các nền văn minh lớn thời kỳ Cổ đại qua chủ đề mỹ thuật thế giới cổ đại - Mỹ thuật 6

- **Nguyễn Long Thành:** Thủ đoạn của tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên không gian mạng và một số giải pháp phòng ngừa

- **Nguyễn Thị Như Hoài:** Nội dung phát triển con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư

BAN BIÊN TẬP

Tổng biên tập:

Nguyễn Toàn Thắng

Điện thoại: 0913533992

Email: toanthangtctn@gmail.com

Phó Tổng Biên tập:

Ths. Đỗ Quang Huỳnh

Điện thoại: 0933859669

Email: oquang9@gmail.com

Tòa soạn:

Số 5 Chùa Láng, Đống Đa, Hà Nội

Tel: (024)3.7751672

Fax: (024)3.7751798

Email: tctn@hn.vnn.vn

tapchithanhnienviet1@fpt.vn

Tạp chí điện tử: thanhnienviet.vn

Phòng Phóng viên-Biên tập:

Điện thoại: 0912313174

tapchithanhnienviet4.0@gmail.com

Phòng Truyền thông - Phát hành:

Tel: (024)37751392

Phòng Thư kí tòa soạn:

Tel: (024)37751667

Ban đại diện phía Nam:

145 Pasteur, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Tel: (028) 66710688

Email: thanhnienviet24h@gmail.com

Trình bày: Thu Hà



Giấy phép xuất bản số: 158/GP-BTTTT,
ngày 15/4/2020

Chỉ số ISSN: 2734-9039

In tại Công ty TNHH MTV in Quân đội 1
30 Cầu Diễn, P.Phú Diễn, Q. Bắc Từ
Liêm, Hà Nội.

Giá: 100.000đ

GIÁO DỤC, BỒI DƯỠNG THANH NIÊN THEO TƯ TƯỞNG, ĐẠO ĐỨC, PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH - MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN

TS. ĐỖ DUY TÚ

Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh

Ngày nhận: 17/05/2023; Ngày sửa: 22/5/2023; Duyệt
đăng: 23/5/2023

Tư tưởng Hồ Chí Minh là di sản tinh thần to lớn của Đảng và dân tộc ta, đặc biệt là đối với thế hệ trẻ. Cả cuộc đời của Người luôn quan tâm tới vấn đề chăm lo giáo dục thanh niên. Trong thư gửi thanh niên và nhi đồng toàn quốc (tháng 1 năm 1946), Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: “Một năm khởi đầu từ mùa xuân. Một đời khởi đầu từ tuổi trẻ. Tuổi trẻ là mùa xuân của xã hội”¹. Là một lãnh tụ vĩ đại, Người thấu hiểu vai trò to lớn của thanh niên đối với sự nghiệp xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước. Trước lúc đi xa, trong “Di chúc” thiêng liêng, Người ân cần căn dặn: “Đoàn viên và thanh niên ta nói chung là tốt, mọi việc đều hăng hái xung phong, không ngại khó khăn, có chí tiến thủ. Đảng cần phải chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho họ, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa “hồng” vừa “chuyên”. Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc làm rất quan trọng và rất cần thiết”².

Hiện nay, việc thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15-5-2016, của Bộ Chính trị khóa XII, “Về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” đã và đang có tác động sâu sắc đến thái độ và ý thức chính trị của đoàn viên thanh niên, họ quan tâm và có trách nhiệm hơn với sự phát triển của quê hương, đất nước, phát huy sức sáng tạo, chủ động hoà nhập cùng thế giới. Tuy nhiên, trong điều kiện toàn cầu hóa, hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay, một bộ phận thanh niên xa rời các giá trị đạo đức truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tư tưởng hưởng thụ, đua đòi, ngại khó, sợ khổ, sống ích kỷ, thực dụng, thờ ơ với sinh hoạt chính trị, sa vào các tệ nạn xã hội và vi phạm pháp luật... Vì vậy, việc chăm lo giáo dục, bồi dưỡng, đào tạo, phát triển toàn diện về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, văn hoá, sức khỏe, nghề nghiệp cho thế hệ trẻ Việt Nam là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội. Để thanh niên khẳng định được vai trò, vị trí của mình trong xã hội thì việc tuyên truyền, giáo dục, bồi dưỡng đoàn viên thanh niên học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong bối cảnh hiện nay cần chú trọng những nội dung cơ bản sau:

Một là, tăng cường giáo dục tinh thần yêu nước, truyền thống cách mạng cho thanh niên

Yêu nước là một truyền thống quý báu của dân tộc Việt Nam, đồng thời cũng là một phẩm chất của mỗi con người ở mọi quốc gia, dân tộc trên thế giới. Một khi lòng yêu nước phát triển thành một tình cảm thiêng liêng, thành lẽ sống, thành khát vọng sẽ khiến con người lao động hết mình, cống hiến sức lực cho quê hương đất nước, sẵn sàng hy sinh những lợi ích cá nhân, hy sinh tính mệnh cho nền độc lập dân tộc, sự phồn vinh của đất nước. Chính vì vậy, Hồ Chí Minh đặt lên hàng đầu vấn đề giáo dục tinh thần yêu nước cho thanh niên. Đối với thanh niên, Người yêu cầu: “Trước hết phải yêu Tổ quốc, yêu nhân dân, phải có tinh thần dân tộc vững chắc và tinh thần quốc tế đúng đắn”³. Tinh thần yêu nước, như Bác đã khẳng định, là vốn quý, là sức mạnh tuyệt vời đã bao lần giúp dân tộc ta đứng vững trước những thử thách của lịch sử. Người viết: “Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước”⁴.

Ngày nay, trong quá trình CNH, HĐH đất nước trong bối cảnh hội nhập sâu rộng quốc tế trên bình diện toàn cầu, sự tác động mạnh mẽ của cách mạng công nghiệp 4.0, hơn bao giờ hết, tinh thần ấy cần được khơi dậy một cách mạnh mẽ, phải thường xuyên quan tâm giáo dục thanh niên tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, có ý chí vươn lên trong học tập, lao động, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Trước hết, phải làm cho thanh niên nhận thức sâu sắc chủ nghĩa yêu nước truyền thống Việt Nam với những nội dung cơ bản: Yêu quê hương, xứ sở, xóm làng; gắn bó và cố kết cộng đồng; tự hào lịch sử và văn hoá ông cha; ý thức bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ quốc gia; ý thức sâu sắc về độc lập dân tộc. Mặt khác, việc giáo dục tinh thần yêu nước cho thanh niên là việc làm đặc biệt quan trọng bởi lẽ nó sẽ góp phần quan trọng vào quá trình thức tỉnh một bộ phận không nhỏ thanh niên đang sống thiếu lý tưởng, thiếu niềm tin, thiếu lòng tự hào và kiêu hãnh dân tộc,... vươn lên, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, lập thân, lập nghiệp.

Hai là, giáo dục đạo đức cách mạng, hình thành lối sống trong sạch lành mạnh trong thanh niên

Trong tư tưởng về con người, Hồ Chí Minh thường nhấn mạnh đến hai tiêu chuẩn cơ bản của con người mới là “đức và tài” hay “hồng và chuyên”. Trong hai tiêu chuẩn đó, Hồ Chí Minh đặc biệt đề cao vị trí, vai trò của đạo đức. Người luôn coi đạo đức (đạo đức cách mạng) là *bản chất người* của con người, là *nền tảng* của con người cũng giống như *gốc của cây, nguồn của sông suối*. Trong tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc*, Người viết: “Cũng như sông có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì có tài giỏi đến mấy cũng không thể lãnh đạo được nhân dân,... tự mình không có đạo đức, không có căn bản, tự mình đã hủ hoá, xấu xa thì còn làm nổi việc gì?”⁵. Vì vậy, không có đạo đức, không tu dưỡng, rèn luyện đạo đức cách mạng, không chăm lo cái căn bản, cái nền, cái gốc (đạo đức) ấy của mình thì chúng ta không hoàn thành được những nhiệm vụ và mục tiêu vĩ đại của sự nghiệp cách mạng.

Đạo đức chính là những phẩm chất đòi hỏi thanh niên cần phải có trong giai đoạn hiện nay, để họ tham gia vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Vì thế, phải làm cho thanh niên nắm được vị trí, tầm quan trọng của đạo đức cách mạng đối với mỗi người. Đạo đức là vấn đề tiên quyết của việc xây dựng con người mới, thanh niên phải thấy rõ tầm quan trọng của việc tu dưỡng đạo đức và năng lực để có đủ đức, đủ tài, phục vụ cách mạng. Có đạo đức cách mạng làm nền tảng thanh niên mới hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Ba là, giáo dục lòng yêu thương con người cho thanh niên

Yêu thương con người là phẩm chất và giá trị nổi bật trong truyền thống đạo đức của con người và dân tộc Việt Nam. Kế thừa giá trị nhân văn của truyền thống, kết hợp với chủ nghĩa nhân đạo cộng sản, Hồ Chí Minh cho rằng, tình yêu thương con người là một trong những phẩm chất đạo đức cao đẹp nhất của con người mới Việt Nam nói chung và thế hệ thanh niên nói riêng.

Trong tư tưởng đạo đức cũng như trong suy nghĩ hành động của Người, tình yêu thương con người là tình cảm nhân ái, nhân đạo, nhân văn rộng lớn mà trước hết dành cho những người cùng khổ, những người lao động bị áp bức bóc lột. Tình yêu thương ấy còn dành cho mọi dân tộc, mọi người mà điều trước hết và chủ yếu là phải làm cho mọi dân tộc được độc lập, tự do, mọi người ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành. Đó cũng là tình yêu thương đối với bạn bè, đồng chí, với mọi người bình thường trong quan hệ hàng ngày.

Đối với thanh niên, yêu thương con người được cụ thể hóa trong quan hệ bạn bè, thầy trò, đồng nghiệp, đồng chí, đồng bào... trong quan hệ hàng ngày. Nó đòi hỏi mỗi thanh niên trước hết phải nghiêm khắc chặt chẽ với bản thân mình, rộng rãi, độ lượng với bạn bè, đồng chí, “phải

đoàn kết thương yêu giúp đỡ nhau như anh em, chị em một nhà”. Hồ Chí Minh nhắc nhở: “Các cháu học tập, ăn ở tập thể đông đảo, trai có, gái có. Các cháu phải thương yêu giúp đỡ nhau như anh em, chị em; đồng thời phải kính trọng nhau như đồng học, đồng chí”⁶.

Ngoài ra, chúng ta còn phải giáo dục thanh niên xây dựng tình bạn chân chính và tình yêu trong sáng. Biểu hiện cụ thể của tình bạn chân chính là sự quan tâm, giúp đỡ nhau một cách vô tư, hoàn toàn tự nguyện trong quá trình học tập ở trường cũng như ngoài xã hội. Cùng với tình bạn là tình yêu, một giá trị nổi bật ở tuổi trẻ, tình yêu có thể nâng đỡ con người vươn tới những đỉnh cao của ước mơ và khát vọng, ngược lại, nhiều khi nó cũng đưa con người tới những thất bại đau đớn. Nhận thức và đánh giá đúng những đặc điểm của tình yêu có ý nghĩa rất lớn trong việc giáo dục đạo đức cho thanh niên

Bốn là, giáo dục thanh niên những phẩm chất cao quý: cần, kiệm, liêm chính, chí công vô tư

Đây là hệ thống những phẩm chất đạo đức gắn liền với các quan hệ xã hội và hoạt động thực tiễn hàng ngày của con người, của mỗi người, cũng là yêu cầu cơ bản của thanh niên.

Cần là siêng năng, chăm chỉ, cần cù lao động, không lười biếng, không ỷ lại, không dựa dẫm.

Kiệm là tiết kiệm của cải, thời gian, sức lao động, tiền bạc của nhân dân, của đất nước và của bản thân mình, là không xa xỉ, không hoang phí, không bừa bãi, không phô trương hình thức,...

Liêm là trong sạch, không tham lam (không tham địa vị, tiền của, không tham danh tiếng, không tham ô, tham nhũng). Theo Hồ Chí Minh, “chỉ có một thứ ham là ham học, ham làm, ham tiến bộ”.

Chính là ngay thẳng, không tà, đứng đắn. Theo đó, *chính* đối với mình là không tự kiêu, tự đại, tự mãn mà phải luôn chịu khó học tập, cầu tiến bộ, luôn tự kiểm điểm, tự phê bình và thật sự sửa chữa sai lầm, khuyết điểm của mình. *Chính* đối với người khác là không nịnh bợ người trên, xem thường người khác, không đối trá, lọc lừa mà phải chân thành, thật thà đoàn kết với mọi người. *Chính* trong công việc là phải đặt việc công lên trên, lên trước việc tư, việc nhà, phải quyết tâm hoàn thành công việc được giao, không sợ gian khổ, khó khăn, nguy hiểm, “việc gì có lợi cho dân, cho nước phải hết sức làm, việc gì có hại cho dân, cho nước, phải hết sức tránh”.

Chí công vô tư là làm việc công, phục vụ Đảng, Nhà nước và nhân dân phải tận tâm, tận tụy, hết sức hết lòng, là làm bất cứ việc gì cũng phải nghĩ đến lợi ích của người khác, của tập thể, của Đảng, của đất nước trước.

Những phẩm chất đó đối với thanh niên cần được thể hiện ở tinh thần, thái độ, chăm chỉ trong học tập, hăng say trong lao động. Cùng với siêng năng, chăm chỉ thanh niên phải biết tiết kiệm, nhất là thời gian. Hồ Chí Minh

nhấn mạnh: “Của cải nếu hết còn có thể làm thêm. Khi thời giờ đã qua rồi, không bao giờ kéo nó trở lại được. Có ai kéo lại ngày hôm qua được không?”⁷. Do đó, thanh niên phải biết tiết kiệm, không xa xỉ, không hoang phí. Luôn giữ mình trong sạch, không tham lam, ngay thẳng, thật thà. Hồ Chí Minh căn dặn: “Thanh niên cần phải chống tâm lý tự tu, tự lợi, chỉ lo lợi ích riêng và sinh hoạt riêng của mình. Chống tâm lý ham sung sướng và tránh khó nhọc. Chống thói xem khinh lao động, nhất là lao động chân tay. Chống lười biếng, xa xỉ. Chống cách sinh hoạt uỷ mị. Chống kiêu ngạo, giả dối, khoe khoang”⁸

Năm là, giáo dục tinh thần quốc tế trong sáng cho thanh niên

Tinh thần quốc tế trong sáng trong tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh, về thực chất là tinh thần đoàn kết quốc tế vô sản. Đây cũng là một chuẩn mực đạo đức, một yêu cầu cơ bản của người cách mạng nhằm vào mối quan hệ rộng lớn vượt ra ngoài quốc gia, dân tộc. Nó biểu hiện ở tinh thần đoàn kết với các dân tộc bị áp bức, với nhân dân lao động trên toàn thế giới, ở tinh thần đoàn kết của nhân dân Việt Nam với loài người tiến bộ trên toàn thế giới trong cuộc đấu tranh vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Tinh thần đoàn kết quốc tế vô sản còn được gọi là chủ nghĩa quốc tế vô sản, nó gắn liền với chủ nghĩa yêu nước chân chính. Nó hoàn toàn đối lập với chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi, sô vanh, biệt lập, kỳ thị chủng tộc, chủ nghĩa bành trướng bá quyền.

Tinh thần đoàn kết quốc tế vô sản mà Hồ Chí Minh đã nêu lên “Bốn phương vô sản đều là anh em”. Người đòi hỏi thanh niên phải luôn luôn quan tâm đến tình hình thế giới, nói chuyện tại buổi lễ khai mạc Trường Đại học nhân dân Việt Nam, Người nhắc nhở thanh niên: “Phải chú ý đến tình hình thế giới, vì nước ta là một bộ phận của thế giới, mọi việc trên thế giới đều có quan hệ với nước ta, việc gì trong nước ta cũng quan hệ với thế giới”⁹. Tinh thần quốc tế trong sáng là yêu cầu đạo đức hướng đến mối quan hệ rộng lớn vượt qua biên giới, lãnh thổ quốc gia, dân tộc. Việc giáo dục của Đảng và việc nhận thức, rèn luyện của mỗi thanh niên phải luôn được nâng cao, không thể coi nhẹ. Phải quan tâm đến cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản các nước, của các dân tộc, góp phần mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế, tăng cường hiểu biết, hữu nghị, đoàn kết và hợp tác với thanh niên các nước, thực hiện nhiệm vụ đối ngoại của Đảng đóng góp tích cực vào phong trào thanh niên thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Sáu là, giáo dục thanh niên phong cách Hồ chí Minh

Phong cách làm việc và phong cách lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh gắn liền với tư tưởng, đạo đức, lối sống, mục đích sống của Người; thể hiện trong mọi lĩnh vực sống và hoạt động thực tiễn của Người, tạo thành

một chỉnh thể nhất quán, có giá trị khoa học, thực tiễn, là chỉ dẫn vô giá cho mọi người, mọi thế hệ người Việt Nam, trong đó có thanh niên học tập và rèn luyện theo.

Phong cách Hồ Chí Minh biểu hiện ở phong cách làm việc Hồ Chí Minh, đó là lễ lối, cung cách, cách thức làm việc dân chủ, quần chúng, khoa học, nêu gương, thể hiện trong hoạt động lãnh đạo của Người. Đối với thanh niên hiện nay, giáo dục phong cách Hồ Chí Minh cần tập trung vào các nội dung quan trọng như: phong cách tư duy khoa học, cách mạng và hiện đại, độc lập, tự chủ, sáng tạo, hài hòa, uyển chuyển, có lý có tình; phong cách làm việc khoa học, có kế hoạch, đúng giờ “nói đi đôi với làm”, đổi mới, sáng tạo, không chấp nhận lối cũ, đường mòn; phong cách ứng xử khiêm tốn, nhã nhặn, lịch thiệp, chân tình, nồng hậu, tự nhiên; phong cách diễn đạt ngắn gọn, cô đọng, hàm súc, trong sáng và sinh động, có lượng thông tin cao, gắn gũi với cách nghĩ của quần chúng, gắn với những hình ảnh, ví von, so sánh cụ thể; phong cách lãnh đạo, tuân thủ nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách;...

Như vậy, tư tưởng và tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh đến ngày nay vẫn còn nguyên những giá trị lý luận và thực tiễn. Học tập, tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh phải trở thành một nhiệm vụ chính trị thường xuyên, chủ yếu trong lĩnh vực tư tưởng, trong toàn bộ sự nghiệp đổi mới ở nước ta hiện nay. Quan niệm của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với công tác giáo dục thanh niên là một hệ thống hoàn chỉnh, toàn diện. Những quan điểm đó thể hiện sự quan tâm đặc biệt đối với thanh niên, thể hiện một tầm nhìn chiến lược đối với lực lượng rường cột của nước nhà. Trong bối cảnh mới, thời đại của hội nhập và phát triển, những tư tưởng đó lại càng có giá trị hơn bao giờ hết. Thẩm thấu và quán triệt một cách sâu sắc những lời dạy của Hồ Chí Minh sẽ giúp thanh niên có thêm niềm tin và sức mạnh. Trung thành và vận dụng sáng tạo tư tưởng của Người trong hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn, chúng ta hoàn toàn có thể tin tưởng vào những cống hiến to lớn của thanh niên đối với sự nghiệp *dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh*.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN:

¹ Hồ Chí Minh toàn tập, tập 4, Nxb Chính trị Quốc gia Hà Nội, 2000, trang 167.

² Sđd, tập 12, trang 510.

³ Sđd, tập 7, trang 455.

⁴ Sđd, tập 6, trang 171.

⁵ Sđd, tập 5, trang 253.

⁶ Sđd, Tập 7, trang 456.

⁷ Sđd, Tập 5, tr ang 637.

⁸ Sđd, Tập 7, trang 455.

⁹ Sđd, Tập 7, trang 455.

HỌC TẬP TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ NÓI ĐI ĐÔI VỚI LÀM

ThS. NGUYỄN THỊ HOA PHƯỢNG

Trường Chính trị tỉnh Gia Lai

Ngày nhận: 17/5/2023; Ngày sửa: 22/5/2023;
Duyệt đăng: 23/5/2023

Tóm tắt: Với mỗi người dân Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn là biểu tượng ngời sáng về đạo đức cách mạng, tấm gương hi sinh, hiến dâng trọn đời cho sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc, hết lòng, hết sức phụng sự tổ quốc, phục vụ nhân dân. Người không chỉ đấu tranh, mưu cầu cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho nhân dân mà còn để lại cho các thế hệ sau một di sản tinh thần vô cùng quý báu, đó là tư tưởng, là đạo đức, là phong cách Hồ Chí Minh. Ở Hồ Chí Minh luôn luôn có sự nhất quán giữa nói và làm, giữa giáo dục đạo đức với thực hành đạo đức. Bài viết khẳng định quan điểm của Hồ Chí Minh về thực hành đạo đức, nêu gương của người cán bộ, đảng viên, nói đi đôi với làm; học tập và làm theo tấm gương tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay.

Từ khóa: đạo đức, nói đi đôi với làm, Tư tưởng Hồ Chí Minh,

Đặt vấn đề

Tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh là sự kết tinh những giá trị đạo đức truyền thống tốt đẹp của dân tộc, chứa đựng những hạt nhân hợp lý, chất lọc từ tinh hoa giá trị đạo đức nhân loại, phù hợp với những điều kiện kinh tế - xã hội cụ thể của Việt Nam, hướng tới những giá trị mang tầm thời đại. Vì vậy, rèn luyện và tu dưỡng đạo đức cách mạng theo Chủ tịch Hồ Chí Minh chính là nhiệm vụ cấp bách, trước mắt, cũng như lâu dài trong tương lai của đội ngũ cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân. Tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh ngày càng giữ vị trí nổi bật trong công cuộc xây dựng đời sống tinh thần của xã hội, góp phần quan trọng để điều chỉnh hành vi con người, xây dựng đạo đức mới, con người mới ở Việt Nam.

Nội dung

1. Quan điểm của Hồ Chí Minh về nói đi đôi với làm

Thấu hiểu sâu sắc rằng: “Nói chung các dân tộc phương Đông đều giàu tình cảm và đối với họ một tấm gương sống còn có giá trị hơn một trăm bài diễn

văn tuyên truyền”¹, từ rất sớm, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã yêu cầu người cách mạng phải có các chuẩn mực: “Tự mình phải: Cần kiệm. Hòa mà không tư. Cả quyết sửa lỗi mình. Cẩn thận mà không nhút nhát. Hay hỏi. Nhẫn nại. Hay nghiên cứu, xem xét. Vị công vong tư. Không hiểu danh, không kiêu ngạo. Nói thì phải làm. Giữ chủ nghĩa cho vững. Hy sinh. Ít lòng tham muốn về vật chất. Bí mật. Đối với người phải: Với từng người thì khoan thứ. Với đoàn thể thì nghiêm. Có lòng bày vẽ cho người. Trục mà không táo bạo. Hay xem xét người. Làm việc phải: Xem xét hoàn cảnh kỹ càng. Quyết đoán. Dũng cảm. Phục tùng đoàn thể”². Điều đó có nghĩa là, để có thể cổ vũ, tập hợp được lực lượng, vận động được quần chúng tham gia cách mạng, mỗi cán bộ, đảng viên nhất định phải:

Thứ nhất, có đạo đức cách mạng và thường xuyên rèn luyện đạo đức cách mạng, vì “người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân”³. Hơn nữa, “đạo đức cách mạng không phải từ trên trời sa xuống. Nó do đấu tranh, rèn luyện bền bỉ hàng ngày mà phát triển và củng cố. Cũng như ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong”⁴, do đó cán bộ, đảng viên phải thường xuyên tu dưỡng đạo đức cách mạng.

Cụ thể, mỗi người “tự mình phải” hàng ngày khiêm tốn học hỏi, nỗ lực trau dồi tri thức chuyên môn, kỹ năng, nghiệp vụ và đạo đức cách mạng cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, để “khi gặp khó khăn, gian khổ, thất bại, cũng không sợ sệt, rụt rè, lùi bước... Khi cần, thì sẵn sàng hy sinh cả tính mạng của mình cũng không tiếc”; “đối với người” phải luôn chân thành yêu thương, luôn giúp đỡ đồng chí, đồng bào, khoan dung, độ lượng để quy tụ và đoàn kết mọi người trong từng tổ chức, tạo sự thống nhất trong tư tưởng và hành động; khi “làm việc phải” tận tâm, tận lực theo nguyên tắc “dĩ công vi thượng”, “chí công vô tư”, gương mẫu đi đầu “lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ”⁵.

Thứ hai, thực hiện nêu gương bằng hành động, thống nhất giữa lời nói và việc làm, vì: “Trước mặt quần chúng, không phải ta cứ viết lên trán chữ “cộng sản” mà ta được họ yêu mến. Quần chúng chỉ quý mến những người có tư cách, đạo đức. Muốn hướng dẫn nhân dân, mình phải làm mực thước cho người ta bắt chước... Muốn làm cách mạng, phải cải cách tính nết mình trước tiên”⁶. Để xứng đáng với vị thế vừa là người lãnh đạo vừa là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân, mỗi cán bộ, đảng viên phải nêu gương bằng hành động cụ thể trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện, không được nói một đằng làm một nẻo, hứa mà không làm. Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Lấy gương người tốt, việc tốt để hàng ngày giáo dục lẫn nhau là một trong những cách tốt nhất để xây dựng Đảng, xây dựng các tổ chức cách mạng, xây dựng con người mới, cuộc sống mới”⁷, cho nên sự nêu gương, thống nhất giữa nói đi đôi với làm trong mọi mặt công tác và cuộc sống đời thường của mỗi cán bộ, đảng viên là nguyên tắc phải được thực hiện nghiêm túc.

Không chỉ yêu cầu cán bộ, đảng viên phải rèn luyện và nêu gương về đạo đức cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh còn là mẫu mực về thực hành đạo đức cách mạng. Ở Người, thống nhất giữa nói đi đôi với làm không chỉ là nguyên tắc đạo đức, là lẽ sống mà còn là biểu hiện sinh động của sự thống nhất giữa lý luận với thực tiễn, giữa suy nghĩ và hành động, giữa tư tưởng, đạo đức và tác phong. Ở bất kỳ hoàn cảnh nào, Người cũng luôn nhất quán thực hành, tu dưỡng đạo đức, kiên quyết phê bình, đấu tranh phòng và chống bệnh nói không đi đôi với làm. Tất cả những việc Người nói, những việc Người làm đều không ngoài một “sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành”⁸.

Trong quan hệ và ứng xử, Chủ tịch Hồ Chí Minh không bao giờ dựa vào quyền lực, dùng quyền lực để hưởng đặc quyền mà luôn gương mẫu chấp hành quy định về quyền và nghĩa vụ của công dân. Trong cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội khóa I (ngày 06/01/1946) tại Hà Nội, khi được đề nghị không phải ra ứng cử, Người viết thư cảm tạ và đề nghị đồng bào để mình được thực hiện quyền công dân: “Tôi là một công dân của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nên không thể vượt qua thể lệ Tổng tuyển cử đã định. Tôi đã ra ứng cử ở thành phố Hà Nội, nên không thể ra ứng cử ở nơi nào khác nữa. Tôi xin thành thực cảm tạ đồng bào nam, phụ, lão ấu khu

vực ngoại thành Hà Nội”⁹. Chủ tịch Hồ Chí Minh coi chức vụ Chủ tịch nước là do nhân dân ủy thác cho, là “người lính vâng mệnh lệnh của quốc dân ra trước mặt trận”, là “người đầy tớ trung thành của đồng bào”¹⁰. Ngay từ những ngày đầu tiên Đảng ta trở thành đảng cầm quyền, Người đã thẳng thắn nói: “Đảng không có lợi ích nào khác ngoài lợi ích của nhân dân”; đồng thời, “luôn luôn từ chối nắm quyền lực” và Chủ tịch Hồ Chí Minh thường “nêu ra vai trò tập thể Bộ Chính trị, Nhà nước, Hội đồng Chính phủ. Người dứt khoát bác bỏ tham vọng quyền lực, chỉ muốn sẻ bớt cho người khác, nhưng làm việc hết sức mình với tinh thần trách nhiệm gương mẫu”¹¹.

Sự nêu gương của Chủ tịch Hồ Chí Minh, sự thống nhất giữa nói và làm của Người đã được Đại tướng Võ Nguyên Giáp khẳng định: “Bao trùm lên tất cả ở Hồ Chí Minh là sự quên mình vì mọi người, chính là sự ham muốn duy nhất, ham muốn tột bậc của Người là làm sao mang lại thật nhiều hạnh phúc cho dân, cho nước. Cuộc sống hoàn toàn không chút bận riêng tư, đã tạo nên ở Người một cái gì vô cùng trong sáng”¹².

2. Học tập và làm theo tư tưởng Hồ Chí Minh về nói đi đôi với làm trong giai đoạn hiện nay

Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Chủ tịch Hồ Chí Minh về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trong những năm qua, toàn Đảng đã triển khai thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị khóa XII về “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”. Điều này là một trong những giải pháp quan trọng trong công tác giáo dục chính trị tư tưởng, phòng, chống và ngăn chặn sự suy thoái về đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ, góp phần rèn luyện nhân cách của cán bộ, đảng viên trong hệ thống chính trị các cấp nói chung, các đồng chí lãnh đạo cấp cao nói riêng, củng cố, bồi đắp niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý, điều hành của Nhà nước.

Được xây dựng trên nguyên lý có xây, có chống và xây trước, chống sau, kết hợp giữa nói và làm, mà điểm cốt lõi là cán bộ giữ chức vụ càng cao thì càng phải gương mẫu. theo tinh thần của các chỉ thị, nghị quyết và quy định nêu trên, cán bộ, đảng viên, cán bộ lãnh đạo chủ chốt, người đứng đầu, ở mỗi cấp phải gương mẫu đi đầu và nêu gương học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; kết hợp sự gương mẫu đi đầu trong rèn luyện

đạo đức cách mạng và nâng cao bản lĩnh chính trị của mỗi người, nhất quán giữa nói và làm, nói trước và gương mẫu làm trước trong mọi mặt công tác và cuộc sống đời thường tại mỗi cơ quan, địa phương, đơn vị hay nơi địa bàn cư trú. Việc nêu gương, phát huy vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là đội ngũ cán bộ lãnh đạo chủ chốt, người đứng đầu các ngành, các cấp, lãnh đạo cấp cao phải trở thành việc làm tự giác, thường xuyên, liên tục.

Cụ thể, “đối với tự mình”, cán bộ có chức vụ càng cao càng phải gương mẫu; về mọi mặt, công tác và việc thực hiện nghĩa vụ công dân nơi cư trú để cấp dưới và nhân dân noi theo; phải kiên quyết đấu tranh với những biểu hiện vô cảm, quan liêu, cửa quyền, hách dịch và các hành vi những nhiễu, gây phiền hà nhân dân; kiên quyết chống tư tưởng cục bộ, bè phái và các biểu hiện cơ hội, thực dụng, mưu cầu lợi ích cá nhân, “lợi ích nhóm”. Quá trình thực hiện nêu gương của mỗi cán bộ, đảng viên phải gắn với học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, bắt đầu từ việc xây dựng nội dung, kế hoạch và cam kết thực hiện; thể hiện ở tác phong, tinh thần, thái độ, kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao; thể hiện trong quan hệ với cán bộ, đảng viên ở cơ quan, địa phương, đơn vị, với nhân dân nơi địa bàn cư trú.

“Đối với người phải” được thể hiện bằng hành động nói đi đôi với làm trong mọi mặt công tác và quan hệ với nhân dân; được thể hiện toàn diện trên các mặt tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, tác phong; tự phê bình và phê bình, thực hành dân chủ để xây dựng địa phương, cơ quan, đơn vị đoàn kết, thống nhất. Trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện, phải nêu gương tự phê bình và phê bình trên tinh thần trân trọng nhân cách con người, trân trọng đồng chí, đồng nghiệp. Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, trong công việc cũng như khi tiến hành tự phê bình và phê bình, mỗi cán bộ, đảng viên “phải có tính đồng chí thương yêu lẫn nhau” và chú trọng “tinh thần nhân ái và lập trường cách mệnh” để thuyết phục, cảm hóa, tránh dùng lời mỉa mai, chua cay, đâm thọc. Điều quan trọng của sự nêu gương chính là tự mình soi, tự mình sửa và luôn “phải lấy lòng thân ái, lấy lòng thành thật mà ráo riết phê bình đồng chí mình”, giúp đồng chí mình sửa chữa khuyết điểm và ngày càng tiến bộ.

“Làm việc phải” chính là nội dung nêu gương của cán bộ, đảng viên, thể hiện ở tinh thần trách nhiệm, tận tụy, chủ động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm,

dám chịu trách nhiệm để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; làm việc có nguyên tắc, kỷ cương, có lý, có tình, không lạm dụng chức vụ, quyền hạn trong công tác, nói đi đôi với làm, đã nói thì phải làm, kiên quyết chống thói nói một đằng làm một nẻo, hứa mà không làm; thường xuyên, nghiêm túc thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình, kiểm tra và giám sát,...

Việc triển khai thực hiện sự gương mẫu, nêu gương của đội ngũ cán bộ, đảng viên trong hệ thống chính trị các cấp nói chung, các đồng chí lãnh đạo cấp cao nói riêng đã tạo sự chuyển biến quan trọng từ nhận thức đến hành động trong rèn luyện đạo đức cách mạng, phòng, chống và từng bước đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Qua đó, góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng; củng cố niềm tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, sự điều hành của các cấp chính quyền... Tuy nhiên, sự gương mẫu, nêu gương của đội ngũ cán bộ, đảng viên, người đứng đầu nói riêng có nơi, có lúc vẫn chưa đáp ứng yêu cầu đặt ra. Tính tự giác, gương mẫu đi đầu, vai trò nêu gương, thống nhất giữa nói và làm của một bộ phận cán bộ, đảng viên có chức có quyền chưa thật rõ nét, còn hình thức, chung chung, chưa tạo sự tâm phục, khẩu phục trong cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân¹³.

Trước tình hình trên, trong nhóm các giải pháp quan trọng nhằm xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh ngang tầm nhiệm vụ, Đảng cần đặc biệt chú trọng đến vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên, cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp, nhất là các đồng chí lãnh đạo cấp cao, cụ thể sau:

Một là, các cấp ủy đảng, chính quyền, cần thấu triệt sâu sắc hơn những chỉ dẫn của Chủ tịch Hồ Chí Minh về nêu gương và học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Đồng thời, đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục tinh thần nêu gương thực hành “cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư” cho đội ngũ cán bộ, đảng viên gắn với thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 4, khóa XII để mỗi người tự soi, tự sửa, tự rèn luyện theo 3 chuẩn mực đạo đức cách mạng: “Tự mình phải”, “Đối với người phải”, “Làm việc phải”; coi đó là việc làm thường xuyên, liên tục, nề nếp, là nhu cầu tự thân của mỗi cán bộ, đảng viên.

Hai là, nâng cao trách nhiệm và phát huy vai trò gương mẫu của đội ngũ cán bộ, đảng viên theo

nguyên tắc “trên trước, dưới sau”, chức vụ càng cao càng phải gương mẫu rèn luyện đạo đức cách mạng, nêu gương đạo đức cách mạng trong công việc lẫn đời tư, tại nơi công tác cũng như địa bàn cư trú. Đồng thời, thực hiện nghiêm kỷ luật Đảng, Điều lệ Đảng, quy định về những điều đảng viên không được làm và các quy định về nêu gương... Thông qua đó, nâng cao tinh thần, ý thức chấp hành chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong mỗi cán bộ, đảng viên và kiên quyết đưa ra khỏi bộ máy của Đảng và Nhà nước, những cán bộ, đảng viên suy thoái, tham ô, tham nhũng,...

Ba là, tiếp tục phát huy vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn và sinh hoạt thường kỳ của chi bộ; trong đó, xây dựng những chuyên đề cụ thể về nêu gương thực hiện cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; nêu gương về tự phê bình và phê bình; nêu gương trong đảm nhận việc khó... với những nội dung thiết thực, để nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ, góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các cấp ủy, chính quyền, đoàn thể. Thông qua đó, xây dựng tác phong, lề lối làm việc tận tụy phụng sự nhân dân của đội ngũ cán bộ, đảng viên, phù hợp với đặc điểm, tình hình, yêu cầu nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị và chức năng, nhiệm vụ của từng cán bộ, đảng viên.

Bốn là, phát huy vai trò của nhân dân, dựa vào nhân dân để “sửa chữa cán bộ và tổ chức ta” trong giám sát các cơ quan, tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên. Tạo cơ chế pháp lý để nhân dân giám sát cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ, đảng viên có chức, có quyền các cấp trong việc thực hiện Điều lệ Đảng, kỷ luật Đảng, các quy định về nêu gương trong rèn luyện đạo đức cách mạng, phòng, chống và ngăn chặn các biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân: cậy quyền, ỷ thế, lạm dụng quyền trong thi hành công vụ, chấp hành chủ trương, chính sách, quy định của Đảng, pháp luật tại cơ quan công tác và địa bàn cư trú mà không sợ bị đe dọa, trả thù,... Thông qua đó, làm cho việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, nhất là nâng cao tinh thần trách nhiệm nêu gương của mỗi cán bộ, đảng viên, mỗi tổ chức cơ sở đảng trở thành việc làm thiết thực hàng ngày, góp phần xây dựng và chỉnh đốn Đảng.

Kết luận, “Nói đi đôi với làm” là một trong những nguyên tắc căn bản của đạo đức cách mạng. Đồng thời, “Nói đi đôi với làm” còn là yêu cầu, phương châm, lẽ sống của người cán bộ, đảng viên; là biểu

hiện cụ thể của nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn, giữa ý thức đạo đức và hành vi đạo đức mà mỗi cán bộ, đảng viên phải nhận thức sâu sắc và thực hành thường ngày trong công việc và trong đời sống. Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng, Hồ Chí Minh đã nêu tấm gương sáng ngời về phong cách “Nói đi đôi với làm”. Tư tưởng và tấm gương đạo đức, phong cách của Hồ Chí Minh đã làm cho Bác trở thành một con người toàn vẹn, một hình ảnh mẫu mực về “người lãnh đạo và người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”. Chính vì vậy mà tư tưởng, tấm gương đạo đức, phong cách và sự nghiệp của Người đã trở thành bất tử trong lòng dân tộc, mãi mãi là tấm gương để chúng ta học tập và phấn đấu làm theo./.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN:

1. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.284.
2. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 2, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.280-281.
3. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.292.
4. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 11, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.612.
5. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 6, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.16.
6. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 6, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.16.
7. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 15, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.672.
8. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.187.
9. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.136.
10. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.4, tr.161.
11. Hoàng Tùng, *Từ tư duy truyền thống đến tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1998, tr.113.
12. Võ Nguyên Giáp, *Những chặng đường lịch sử*, Nxb Văn học, Hà Nội, 1997, tr.304.
13. TS. Văn Thị Thanh Mai, Chủ tịch Hồ Chí Minh - tấm gương mẫu mực về nói đi đôi với làm, *Tạp chí Tổ chức nhà nước*, Tháng 2/ 2020.

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VIỆC THỰC HIỆN DÂN CHỦ TRONG GIÁO DỤC Ở NHÀ TRƯỜNG

ThS. NGUYỄN HOÀI ĐÔNG

Khoa Khoa học cơ bản - Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh

Ngày 19/5/2023; Ngày sửa: 22/5/2023; Duyệt đăng: 25/5/2023. Năm 1962 của một nhà văn châu Á nổi tiếng đã từng viết: “Chúng ta có thể cùng nhau bàn luận và cũng không dễ thống nhất để tìm xem trên đời này, ai là người vĩ đại nhất, ai là người danh tiếng nhất, ai là người tài giỏi nhất, ai là người uyên bác nhất... Nhưng Hồ Chí Minh dứt khoát là người hoàn toàn nhất, con người giàu chất người nhất trên thế giới này”. Con người “giàu chất người nhất trên thế giới này”, “hoàn toàn nhất” này chính là con người có *tâm mắt đại bàng của tư duy* (theo cách nói của Heghen - nhà triết học duy tâm khách quan cổ điển Đức). Có được *tâm mắt* thiên tài chính là vì nhịp đập của trái tim Hồ Chí Minh gắn liền với vận mệnh đất nước và nỗi niềm của nhân dân.

Một trong những nhận thức thể hiện *tâm mắt đại bàng của tư duy* là Người đã sớm nhìn thấy bản chất thật sự của nền giáo dục thực dân, chỉ rõ bộ mặt thật của cái gọi là “khai hoá văn minh” của thực dân Pháp: *những người đến trường được “đào tạo nên những kẻ làm tay sai, làm tôi tớ cho một bọn thực dân người Pháp”, những người không đến trường thì bị đầu độc bằng các thói hư, tật xấu như rượu chè, cờ bạc, thuốc phiện; tố cáo danh thếp nền giáo dục thực dân trong việc “làm cho dân ngu để trị”, “gieo rắc một nền giáo dục đồi bại, xảo trá và nguy hiểm hơn cả sự đốt nát”. Đồng thời dày công tìm kiếm, phát hiện và giới thiệu cho đất nước những nét tiến bộ mới của nền giáo dục kiểu mới của nhân dân lao động. Đó là nền giáo dục Việt Nam xã hội chủ nghĩa mang tính nhân đạo và tính dân chủ cao cả.*

Trong nền giáo dục ấy, việc phát huy cao độ dân chủ trong giáo dục ở nhà trường luôn là tiền đề cần thiết bảo đảm cho sự phát triển toàn diện những năng lực sẵn có của con người; là nền giáo dục mà theo Người “dạy và học cần phải theo nhu cầu của dân tộc, của Nhà nước”. Trong *Thư gửi các cán bộ, cô giáo, thầy giáo, công nhân viên, học sinh, sinh viên nhân dịp bắt đầu năm học mới*, Báo *Nhân dân*, số 5299, ngày 16/10/1968, Hồ Chí Minh viết: “Giáo dục là sự nghiệp của quần chúng. Cần phải phát huy đầy đủ dân chủ xã hội chủ nghĩa”.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ trong giáo dục ở nhà trường luôn có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc đối với sự nghiệp cách mạng Việt Nam nói chung và sự nghiệp giáo dục nói riêng của đất nước trong bối cảnh hội nhập hiện nay. Với quan niệm *dân chủ là của quý báu nhất của nhân dân và thực hành dân chủ là chìa khóa để giải quyết mọi khó khăn*, trong sự nghiệp giáo dục, đào tạo nguồn nhân lực cho công cuộc công nghiệp hoá,

hiện đại hoá đất nước, thực hiện mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh” ở nước ta, hơn bao giờ hết tư tưởng Hồ Chí Minh về việc thực hiện dân chủ trong giáo dục ở nhà trường càng có ý nghĩa thiết thực và mang tính thời sự sâu sắc, vì rằng chỉ có thực hiện và phát huy được dân chủ trong nhà trường mới đảm bảo là cơ sở, nền tảng vững chắc cho việc khơi thông mọi tiềm năng về trí tuệ vốn sẵn có trong mỗi con người Việt Nam, nhất là tầng lớp sinh viên, học sinh để đào tạo ra những con người toàn diện, vừa “hồng” vừa “chuyên”, vừa “hiền” vừa “minh”, có tri thức khoa học kỹ thuật- tự nhiên - xã hội, có lý tưởng xã hội chủ nghĩa, đạo đức, sức khoẻ,...

Có thể khẳng định, tư tưởng Hồ Chí Minh về việc thực hiện dân chủ trong giáo dục đã được khởi xướng ngay từ năm 1919, trong bản *Yêu sách của nhân dân An Nam* gửi đến Hội nghị Véc-xây là: “tự do học tập, thành lập các trường kỹ thuật và chuyên nghiệp ở tất cả các tỉnh cho người bản xứ”. Đây là quyền tự do của mọi người được hưởng sự giáo dục không hạn chế, được làm chủ kho tàng tri thức của nhân loại. Trong điều kiện lúc bấy giờ, đó là quyền được tự do học tập, quyền phát triển các loại trường ngoài hệ thống trường công của thực dân Pháp, được mở những loại trường như *Đông kinh nghĩa thực* ở Hà Nội, như trường *Dục Thanh* ở Phan Thiết, nơi Hồ Chí Minh đã từng dạy học - là nhằm đào tạo những nhân tài cho đất nước, góp phần mở mang, nâng cao dân trí, chiến thắng nghèo nàn và lạc hậu.

Trong mỗi giai đoạn cách mạng, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng xã hội chủ nghĩa, dù ở bất cứ hoàn cảnh nào, Hồ Chí Minh đều đặc biệt quan tâm đến giáo dục nói chung và việc phát huy dân chủ trong giáo dục ở nhà trường nói riêng để đào tạo ra nguồn nhân lực, nhân tài phục vụ đất nước. Người là chiến sỹ tiên phong đi vào phong trào quần chúng, thúc tỉnh nhân dân, tổ chức, đoàn kết, huấn luyện, đưa nhân dân ra đấu tranh giành tự do độc lập; giải phóng nhân dân thoát khỏi ách áp bức bóc lột của thực dân phong kiến, thoát khỏi sự ràng buộc của hệ tư tưởng lạc hậu, tạo mọi điều kiện cho mỗi dân tộc và mỗi người dân đứng lên làm chủ nền văn hóa, làm chủ vận mệnh và tương lai của mình trong nền giáo dục mới mà Người đã dày công vun đắp.

Trong nền giáo dục kiểu mới ấy, Hồ Chí Minh yêu cầu phải xem “giáo dục là sự nghiệp của quần chúng”. Một trong những mục tiêu cao nhất của nền giáo dục mới,

nền giáo dục cách mạng Việt Nam là “đào tạo các em nên những người công dân hữu ích cho nước Việt Nam ... làm phát triển hoàn toàn những năng lực sẵn có của các em”², trang bị cho mỗi người dân có kiến thức mới để “biến một nước dốt nát, cực khổ thành một nước văn hóa cao và đời sống tươi vui hạnh phúc”³. Để làm được điều đó, Người yêu cầu “phải phát huy đầy đủ dân chủ xã hội chủ nghĩa” vì theo Người, *chỉ có phát huy dân chủ đến cao độ thì mới động viên được tất cả sinh viên, học sinh để ra sáng kiến*. Theo đó, các cấp ủy, chính quyền, các ngành các cấp, các đoàn thể quần chúng và toàn xã hội phải thật sự quan tâm đến công tác giáo dục, tạo điều kiện giúp đỡ các trường về mọi mặt, riêng nhà trường “phải thật sự mở rộng dân chủ trong cơ quan”⁴, phải phát huy cao độ dân chủ trong giáo dục, tạo nên sự đoàn kết nhất trí giữa thầy với thầy, thầy với trò, trò với trò, tạo ra mối quan hệ mật thiết giữa nhà trường - gia đình - xã hội cùng cộng đồng trách nhiệm để phát triển giáo dục, đẩy mạnh sự nghiệp giáo dục của ta lên những bước phát triển mới. Trong *Bài nói tại Hội nghị cán bộ Đảng ngành Giáo dục* (từ ngày 3 đến 8/6/1957, tại Hà Nội), Hồ Chí Minh nói: “giáo dục trong nhà trường dù có tốt mấy nhưng thiếu Giáo dục trong gia đình và ngoài xã hội thì kết quả cũng không thu được hoàn toàn”.

Trong khuôn khổ giáo dục ở nhà trường, việc thực hành dân chủ là một đòi hỏi hết sức bức thiết, theo đó, Người yêu cầu những người làm công tác quản lý giáo dục phải nhận thức đúng tầm quan trọng của dân chủ trong giáo dục, xác định *giáo dục là sự nghiệp của quần chúng*, là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân; chủ trương của Nhà trường phải cụ thể, thiết thực, đúng đắn; phải kết hợp chặt chẽ chủ trương, chính sách của Nhà nước với tình hình thực tế và kinh nghiệm quý báu, phong phú của quần chúng, của cán bộ và của địa phương.

Để việc thực hiện dân chủ trong giáo dục ở nhà trường phát huy được hiệu quả, theo Hồ Chí Minh yếu tố cần thiết đầu tiên là phải đào tạo và xây dựng đội ngũ những người làm công tác giáo dục, đặc biệt là các cô giáo, thầy giáo - *những người vẻ vang nhất, những anh hùng vô danh, người kỹ sư tâm hồn*, vì theo Người, “không có thầy giáo thì không có giáo dục”. Để xứng đáng với danh hiệu ấy, Người cho rằng “mỗi người thầy giáo phải không ngừng học tập trau dồi chuyên môn nghiệp vụ và phẩm chất đạo đức cách mạng của nhà giáo, thực sự vừa “hồng” vừa “chuyên”, “phải tiến bộ cho kịp thời đại thì mới làm được nhiệm vụ, chớ tự mãn cho mình giỏi rồi thì dừng lại mà dừng lại là lùi bước, là lạc hậu, tự đào thải mình trước. Phải cố gắng học tập để cải tạo mình, cải tạo con em, cải tạo xã hội”, phải thật sự yêu nghề, yêu trường. Quán triệt quan điểm của Mác - Lênin: “bản thân nhà giáo dục cũng cần phải được giáo dục”, Hồ Chí Minh cho rằng: “người huấn luyện phải học tập mãi thì mới làm tốt được công việc của mình - người huấn luyện nào tự cho mình là biết đủ cả rồi thì người đó là dốt nhất”. Ngoài việc nhắc nhở về *học tập chuyên môn*, Người cũng

lưu ý một vấn đề hết sức quan trọng đó là *học tập chính trị*, vì “có học tập lý luận Mác - Lênin thì mới củng cố được đạo đức cách mạng, giữ vững lập trường, nâng cao sự hiểu biết về trình độ chính trị mới làm nòng cốt công tác Đảng giao phó”. Mặt khác, Người cho rằng bản thân người thầy cũng phải *học tập chính trị thực tiễn sinh động*. Người nhắc lại câu “giáo bất nhiệm, sư chi toạ”, tức là dạy không nghiêm túc, không đến nơi đến chốn là do thầy lười nhác. Vì vậy, để nâng cao chất lượng của hoạt động giảng dạy bản thân mỗi người thầy giáo phải không ngừng rèn luyện trong thực tiễn sinh động của xã hội, tiếp thu lấy chất lượng sống ở đó mà truyền lại cho thế hệ trẻ: *thầy giáo và học trò, tuy hoàn cảnh và khả năng cần tham gia vào những công tác xã hội ích nước lợi dân, Những kiến thức thực tiễn đó mới thật là dòng sữa ngọt lành nuôi dưỡng thế hệ đang lớn lên*.

Mặt khác, để nâng cao trình độ nhận thức của người học, Hồ Chí Minh cho rằng thầy cô giáo phải có quan điểm *dân chủ, thẳng thắn*, không nhối sợ, áp đặt và cần tạo môi trường, điều kiện để người dạy và người học có sự đối thoại, trao đổi trong quá trình giảng dạy, học tập. Người chỉ rõ “chế độ ta là chế độ dân chủ, tư tưởng phải được tự do. Tự do là thế nào? Đối với mọi vấn đề, mọi người tự do bày tỏ ý kiến của mình, góp phần tìm ra chân lý”⁵, “được hoàn toàn tự do phát biểu ý kiến, dù đúng hoặc không đúng cũng vậy”, và nhấn mạnh “trong trường, cần có *dân chủ*. Đối với mọi vấn đề, thầy và trò cùng nhau thảo luận, ai có ý kiến gì đều thật thà phát biểu. Điều gì chưa thông suốt, thì hỏi, bàn cho thông suốt”⁶ và “khi mọi người đã phát biểu ý kiến, đã tìm thấy chân lý, lúc đó quyền tự do tư tưởng hoá ra quyền tự do phục tùng chân lý”. Một cách cụ thể hơn, Hồ Chí Minh kêu gọi giảng viên phải biết tôn trọng ý kiến của đồng nghiệp, của sinh viên, không nên có thành kiến đối với các ý kiến trái với ý kiến của mình, phải “nêu cao tác phong độc lập suy nghĩ và tự do tư tưởng”, phải ra sức tẩy sạch ảnh hưởng giáo dục nô dịch của thực dân còn sót lại như: thái độ thờ ơ đối với xã hội, xa rời đời sống lao động và đấu tranh của nhân dân, học để lấy bằng cấp, dạy theo lối nhối sợ. Và cần xây dựng tư tưởng dạy và học để phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân”.

Trong mối tương quan giữa người dạy và người học, xét ở góc độ tác động của người dạy đến người học, thì một giảng viên giỏi là một giảng viên biết hướng dẫn sinh viên đi tìm chân lý vì vốn dĩ theo Hồ Chí Minh, “lý luận không phải là một cái gì cứng nhắc, nó đầy tính chất sáng tạo”. Để làm được điều này, điều cần thiết là phải thật sự tạo ra được một *môi trường học tập* thật dân chủ, trong môi trường này *thầy và trò cùng nhau thảo luận, đối thoại*, ở đó không khí thoải mái, hăng hái sẽ được tạo ra, sinh viên có nhiều cơ hội để thể hiện, phát huy năng lực của mình và đích đến của nó là sự sáng tạo như lời Người đã nói: “dân chủ, sáng kiến, hăng hái, ba điều đó rất quan hệ với nhau. Có dân chủ mới làm cho cán bộ và quần chúng đề ra sáng kiến. Những sáng kiến đó được khen ngợi, thì

những người đó càng thêm hăng hái, và người khác cũng học theo. Và trong khi tăng thêm sáng kiến và hăng hái làm việc, thì những khuyết điểm lật vật, cũng tự sửa chữa được nhiều”. Từ đó, Người yêu cầu: *giảng viên cần phải nâng cao mở rộng dân chủ ra, khuyến khích sinh viên, bày cho họ suy nghĩ, cổ động họ tìm tòi, đề nghị,... Khi họ đã có ít nhiều sáng kiến, thì giúp đỡ cho họ phát triển, khen ngợi cho họ thêm hăng hái. Như thế, thì những tính lười, tính “gặp chướng hay chớ” ngày càng bớt, mà sáng kiến và tính hăng hái ngày càng nhiều thêm.*

Tuy nhiên, để dân chủ trong giáo dục ở nhà trường được hoàn bị, Hồ Chí Minh yêu cầu “dân chủ nhưng trò phải kính thầy, thầy phải quý trò, chứ không phải là “cá đối bằng đầu”, trong trao đổi, đối thoại phải trên tinh thần nghiêm túc, công khai, khách quan, phản ánh sự vật, hiện tượng đúng với thực tiễn xảy ra, “không được nói gàn, nói vòng quanh”,... Đó là những yêu cầu có tính nguyên tắc trong đối thoại. Cụ thể như việc đọc tài liệu, Người yêu cầu “phải đào sâu hiểu kỹ, không tin một cách mù quáng từng câu một trong sách, có vấn đề không thông suốt thì mạnh dạn đề ra và thảo luận cho rõ lẽ” cũng như *đối với bất cứ vấn đề gì đều phải đặt câu hỏi “vì sao?”, đều phải suy nghĩ kỹ càng xem nó có hợp với thực tế không, có thật đúng lý không, tuyệt đối không nên nhắm mắt tuân theo sách vở một cách xuôi chiều. Phải suy nghĩ chín chắn”.*

Như vậy, mặc dù đề cao và yêu cầu phải dân chủ, phải nêu cao tác phong *độc lập suy nghĩ, tự do tư tưởng*, Hồ Chí Minh cũng khẳng định không thể có dân chủ quá trớn hay tùy tiện, dân chủ phải gắn liền với pháp luật, tự do phải gắn liền với kỷ cương. Về mối quan hệ này, Người nói: “Dân chủ là của quý báu nhất của nhân dân, chuyên chính là cái khóa, cái cửa để đề phòng kẻ phá hoại, nếu hòm không có khóa, nhà không có cửa thì sẽ mất cắp hết. Cho nên có cửa phải có khóa, có nhà phải có cửa. Thế thì dân chủ cũng cần phải có chuyên chính để giữ gìn lấy dân chủ”⁷ và “không nên hiểu lầm dân chủ. Khi chưa quyết định thì tha hồ bàn cãi. Nhưng khi đã quyết định rồi thì không được bàn cãi nữa, có bàn cãi cũng chỉ là để bàn cách thi hành cho được, cho nhanh, không phải để đề nghị không thực hiện. Phải cấm chỉ những hành động tự do quá trớn ấy”⁸.

Ngoài ra, việc thực hiện dân chủ trong giáo dục ở nhà trường, ngoài những yêu cầu về *người thầy, cũng như sự tương tác giữa người dạy và người học*, Hồ Chí Minh cũng đặc biệt quan tâm đến sự tương tác giữa người học đối với người dạy như nêu ra những yêu cầu về phía *người học*: “Chúng ta là những người lao động làm chủ nước nhà. Muốn làm chủ được tốt, phải có năng lực làm chủ. Chúng ta học tập chính là để có đủ năng lực làm chủ, có đủ năng lực tổ chức cuộc sống mới... Bởi vậy, ý thức làm chủ không phải chỉ tỏ rõ ở tinh thần hăng hái lao động, mà còn phải tỏ rõ ở tinh thần say mê học tập để không ngừng nâng cao năng lực làm chủ của mình”⁹; “con người xã hội chủ nghĩa” - con người toàn diện, “nhất định phải có học thức. Cần phải học văn hoá, chính trị, kỹ thuật. Cần phải học lý luận Mác - Lênin kết hợp với đấu tranh và công tác hàng ngày”.

Như vậy, theo Hồ Chí Minh, để việc thực hiện dân chủ trong giáo dục ở nhà trường đạt hiệu quả, bản thân sinh viên, học sinh phải xác định được ý thức làm chủ, ra sức học tập, nghiên cứu, phát huy tinh thần tự học để xứng đáng là người chủ tương lai của đất nước, người chủ của chính cuộc sống của mình.

Trên đây là nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về việc thực hiện dân chủ trong giáo dục ở nhà trường, xuất phát từ quan niệm của Người: “xã hội ngày càng tiến, công tác của ta cũng phải ngày càng tiến”, hơn bao giờ hết, trong giai đoạn đổi mới và phát triển hiện nay của đất nước, tư tưởng đó của Người luôn soi sáng sự nghiệp trồng người ở Việt Nam, nó không chỉ là cơ sở lý luận cho việc xác định chiến lược đào tạo con người, chủ trương, đường lối chỉ đạo phát triển nền giáo dục Việt Nam của Đảng ta qua các thời kỳ cách mạng, mà còn là những bài học, những kinh nghiệm thực tiễn giáo dục hết sức sinh động, thiết thực và hiệu quả đối với người làm công tác giáo dục nói riêng, ngành giáo dục nói chung hiện nay. Bài học này nhắc chúng ta luôn quán triệt rằng *một nền giáo dục mới nhất thiết phải thực hiện tốt dân chủ mới; một nhà trường phát triển vững mạnh nhất thiết phải có dân chủ và thực hiện tốt dân chủ trong hoạt động giáo dục*. Dân chủ đó nhất thiết phải gắn liền kỷ cương, vì thế song song với việc phát huy dân chủ cần nghiêm khắc đối với những trường hợp vi phạm hoặc mất dân chủ trong hoạt động giáo dục bằng những chế tài nhất định. Đó là tiền đề, là cơ sở cho *mọi năng lực của ta, sáng kiến của ta, tiến bộ của ta luôn luôn phát triển, tiến lên không ngừng xứng đáng là một nền giáo dục mới Việt Nam* mà “con mắt đại bàng của tư duy” của Hồ Chí Minh đã phát hiện và dày công vun đắp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

¹ Trong bài *Nói chuyện tại Đại hội giáo dục phổ thông toàn quốc*, ngày 23/03/1956, Báo Nhân dân, số 753, ngày 26/03/1956

² Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t 4, tr 32

³ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t 8, tr 494

⁴ Trong bài *Nhiệm vụ của chi bộ ở các cơ quan*, Báo Nhân dân, số 176, từ ngày 6 đến 10/4/1954, t.7, tr.269

⁵ Trong *Bài nói chuyện tại lớp nghiên cứu chính trị khóa I, Trường Đại học nhân dân Việt Nam*, ngày 21/7/1956

⁶ Trong *Bài nói chuyện tại buổi lễ khai mạc Trường Đại học Nhân dân Việt Nam*, ngày 19/1/1955

⁷ Trong *Bài nói chuyện tại lớp nghiên cứu chính trị khóa II trường Đại học nhân dân Việt Nam*, ngày 8/12/1956

⁸ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t 6, tr 108

⁹ Trong bài học tập không mỏi, cải tiến không ngừng. Báo Nhân dân, Số 2187, ngày 14/3/1960

BẢN LĨNH, TRÍ TUỆ - HÀNH TRANG NGUYỄN TẮT THÀNH MANG THEO ĐỂ TÌM ĐƯỜNG CỨU NƯỚC

THS. ĐÀO XUÂN THUY

Học viện Cán bộ TP. Hồ Chí Minh

Tóm tắt: Cuộc đời và sự nghiệp cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh là bản anh hùng ca về chủ nghĩa yêu nước, về tinh thần tận tụy, hy sinh phấn đấu quên mình vì độc lập, tự do của Tổ quốc, hạnh phúc của Nhân dân. Ngày 05/6/1911 đã trở thành một dấu mốc đặc biệt quan trọng, không chỉ trong cuộc đời hoạt động cách mạng của Người, mà còn đối với cả lịch sử dân tộc Việt Nam. Để có được quyết định mang tâm vóc dân tộc, chàng thanh niên Nguyễn Ái Quốc không chỉ có lòng yêu nước nồng nàn mà còn có cả bản lĩnh và trí tuệ vô song.

Từ khóa: Hồ Chí Minh, bản lĩnh, trí tuệ, con đường, cách mạng

Ngày nhận: 9/5/2023; Ngày sửa: 12/5/2023; Duyệt đăng: 25/5/2023

Nội dung:

Cuộc hành trình qua 3 đại dương, 4 châu lục Á, Âu, Phi, Mỹ với gần 30 quốc gia, hàng trăm thành phố lớn, nhỏ, tiếp xúc với nhiều dân tộc, nhiều nền văn hóa lớn của nhân loại đã đưa Nguyễn Ái Quốc đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, tìm ra con đường cứu nước cho dân tộc Việt Nam - con đường cách mạng vô sản.

Vì sao Nguyễn Tất Thành một mình với hai bàn tay trắng, dám vượt đại dương đi thẳng về phía kẻ thù của chính dân tộc mình để tìm con đường cứu nước? Vì sao những khó khăn gian khổ trên hành trình bốn ba tìm đường cứu nước vẫn không làm Người chùn bước, hay trước sự xa hoa tráng lệ của những đô thị và cuộc sống ở phương Tây hay nước Mỹ mà Người có dịp đặt chân đến, thậm chí trước cả những món quà vật chất khổng lồ mà nhà cầm quyền Pháp đưa ra để chiêu dụ... vẫn không thể cảm dỗ và làm lay chuyển được sự quyết tâm và lập trường kiên định của Người?... Đây là những câu hỏi được đặt ra từ rất nhiều người, nhiều chính khách, nhiều học giả khi nghiên cứu về cuộc đời, sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Câu trả lời chung nhất cho những câu hỏi trên đó là hành trang ban đầu của Nguyễn Tất Thành ngoài lòng yêu nước nhiệt thành của một người dân mất nước, ngoài những tri thức về văn hoá phương Đông và phương Tây, thì bản lĩnh và trí tuệ thiên tài của Nguyễn Tất Thành là hai yếu tố rất quan trọng giúp Nguyễn Tất Thành quyết tâm đi ra tìm đường cứu nước. Nhờ vậy mà ngay từ đầu Người đã lựa chọn được cho mình một hướng đi đúng, vượt qua được biết bao trông gai, gian khổ để đem lại độc lập cho dân tộc Việt Nam, đem lại hạnh phúc cho triệu triệu người

dân Việt Nam.

Vậy bản lĩnh và trí tuệ của Nguyễn Tất Thành được thể hiện như thế nào? Nội dung bài viết này sẽ trả lời cho câu hỏi trên.

1. Bản lĩnh của Nguyễn Tất Thành khi ra đi tìm đường cứu nước.

Nguyễn Tất Thành sinh ra và lớn lên khi đất nước bị thực dân Pháp xâm lược, nhân dân bị lầm than đói khổ; quê hương Người là mảnh đất Nghệ Tĩnh, nơi giàu truyền thống yêu nước, chống ngoại xâm, nơi nuôi dưỡng nhiều anh hùng nổi tiếng trong lịch sử Việt Nam như: Mai Thúc Loan, Nguyễn Biểu, Đặng Dung, Phan Đình Phùng, Phan Bội Châu... Gia đình của người một gia đình nhà nho, có: thân phụ là một nhà nho giàu lòng yêu nước, thương dân sâu sắc, có ý chí kiên cường vượt gian khổ, khó khăn để đạt được mục tiêu, chí hướng; thân mẫu của Người là người phụ nữ lao động cần cù, hết mực cần mẫn, đảm đang, đôn hậu, hết mực thương yêu và chăm lo cho chồng con. Được gắn bó bên cha mẹ, bên ông bà ngoại, anh chị trong tình thương yêu đùm bọc của gia đình, bà con làng xóm quê hương trong những năm tháng tuổi thơ. Những tình cảm đó đã nảy nở tình yêu đất nước và ý chí sẵn sàng hy sinh tình nhà vì đất nước vì dân tộc nơi Nguyễn Tất Thành.

Bên cạnh đó từ nhỏ, Nguyễn Tất Thành đã đau xót chứng kiến cuộc sống nghèo khổ, bị đàn áp, bóc lột cùng cực của đồng bào mình ngay trên chính mảnh đất quê hương; chứng kiến những tội ác dã man của thực dân Pháp và thái độ ươn hèn, bạc nhược của địa chủ phong kiến phản động... đã tiếp thêm nghị lực và bản lĩnh quyết tâm ra đi tìm đường cứu nước, đánh đuổi thực dân Pháp giải phóng đồng bào.

Bản lĩnh của Nguyễn Tất Thành còn được thể hiện sâu sắc ở sự khắc phục mọi khó khăn, gian khổ, không lùi bước trước những khó khăn, trở ngại, luôn tự chủ được mình, vượt qua các cám dỗ ở bên ngoài, kiên định lập trường, nhằm mục đích tìm con đường cứu dân tộc Việt Nam thoát khỏi nô lệ lầm than. Những năm tháng của cuộc hành trình 30 năm bốn ba tìm đường cứu nước là những tháng năm Nguyễn Tất Thành phải đối mặt và vượt qua muôn vàn khó khăn, thử thách. Những ngày khó khăn, cực nhọc đầu tiên đó là những ngày Nguyễn Tất Thành làm phụ bếp trên tàu Latuso Torevin. Anh làm việc trong môi trường lao động khổ cực, trong bếp thì nóng, dưới hầm thì lạnh, Anh phải lao động từ lúc bốn giờ sáng quét dọn, đốt lò, lấy than, xuống hầm khiêng

thực phẩm vào bếp, lao động quần quật từ sáng đến tối, ít có thời gian rảnh rỗi. Nhiều lúc tưởng chừng như Anh không vượt qua nổi thử thách đầu tiên. Nhưng bản lĩnh và nghị lực kiên cường, càng gian khổ, khó khăn sức chịu đựng của Anh ngày càng rắn rỏi. Công việc quen dần, nổi vất vả như lùi lại phía sau mỗi hải lý con tàu vượt qua. Những năm tháng đặt chân đến Anh, Pháp, Mỹ, Nguyễn Tất Thành đã phải trải qua những tháng ngày lao động gian khổ với nhiều nghề vất vả khó khăn để kiếm sống và nuôi chí lớn tìm con đường cứu nước. Những ngày ở trên nước Mỹ (1912), Nguyễn Tất Thành làm thuê tại Brúclin (ngoại thành New York), còn ở nước Anh (1913), Nguyễn Tất Thành nhận quét tuyết cho một trường học, rồi nghề đốt lò và nhận việc rửa bát thuê, sau đó thợ làm bánh cho khách sạn Carlton. Những ngày trở lại Pháp (1917) cuộc sống hết sức khó khăn, Nguyễn Tất Thành làm thợ làm ảnh và nhiều nghề khác như: làm đồ giả cổ, vẽ quạt, lọ hoa, chao đèn... tiền kiếm được chẳng bao nhiêu, cuộc sống vô cùng khó khăn, ăn uống thiếu thốn, tiết kiệm. Những ngày đông giá lạnh, buổi sáng trước khi đi làm, Anh để một viên gạch cạnh bếp lò, chiều về, Anh lấy viên gạch ra, bọc vào tờ báo cũ lót xuống giường nằm cho đỡ lạnh. Khó khăn là vậy, nhưng nhờ vào ý chí nghị lực rèn luyện Anh đã vượt qua tiếp tục tham gia vào những hoạt động chính trị phục vụ cho mục đích chính là tự do cho đồng bào, độc lập cho dân tộc của mình.

Không chỉ gặp khó khăn, thiếu thốn về vật chất trong cuộc sống, mà trong cuộc hành trình suốt 30 năm bôn ba tìm đường cứu nước, Nguyễn Tất Thành luôn bị kẻ thù rình rập, theo dõi, giám sát, hăm dọa và tìm mọi thủ đoạn hãm hại Anh. Bản án tử hình vắng mặt (1929) và những ngày bị thực dân Anh bắt giam tại Hồng Kông (Trung Quốc) vào năm 1931 mà Anh đã trải qua và tất cả những khó khăn gian khổ đó không làm Nguyễn Tất Thành chùn bước. Ngược lại, những thử thách đó càng tiếp thêm cho Anh nghị lực, ý chí và sức mạnh để cổ vũ Anh vượt qua, kiên định lập trường của mình là tìm ra con đường cứu nước cho Nhân dân Việt Nam.

2. Trí tuệ vượt trội của Nguyễn Tất Thành khi xác định hướng đi tìm đường cứu nước.

Ở Nguyễn Tất Thành, trí tuệ thể hiện trước hết ở khả năng tự xác định mục đích cho hành động và quyết định hướng hoạt động của mình, là tự vạch ra con đường đi cho riêng mình. Khi còn rất nhỏ, Nguyễn Tất Thành là cậu bé có tố chất thông minh, ham học hỏi, thích đọc sách, nghe kể chuyện, ham tìm hiểu về những điều mới lạ. Những ngày tháng theo cha trở lại quê nội, sau khi mẹ và em mất ở Huế, Nguyễn Tất Thành được cha gửi đến học chữ Hán với các thầy giáo có tư tưởng yêu nước tiến bộ như thầy Hoàng Phan Quỳnh, Vương Thúc Quý và sau là thầy Trần Thân. Những tư tưởng phản kháng chế độ thực dân, phong kiến của các Thầy lớn dần, thấm sâu và ảnh hưởng đến tư tưởng yêu nước thương dân của cậu bé Nguyễn Sinh Cung. Qua những buổi bàn luận thời cuộc giữa các thầy với các sĩ phu yêu nước, Cậu bé ấy dần hiểu được

thời cuộc và sự day dứt của các bậc cha, chú trước cảnh nước mất nhà tan.

Càng đi vào cuộc sống của người dân địa phương, Nguyễn Tất Thành càng thấm thía và đau xót trước thân phận của người dân mất nước, Người có dịp theo Cha đến nhiều nơi trong tỉnh, ngoài tỉnh, những chuyến đi ấy là điều kiện tốt để Nguyễn Tất Thành hiểu sâu rộng hơn và tầm nhìn xa hơn. Người không khỏi băn khoăn khi thấy nhiều cuộc nổi dậy của dân ta không thành công và câu hỏi “làm thế nào để cứu nước?” sớm hình thành và lớn dần trong tâm trí Người. Những ngày được Cha xin cho học lớp dự bị ở Trường tiểu học Pháp bản xứ ở thành phố Vinh, Nguyễn Tất Thành lần đầu tiên được tiếp xúc với khẩu hiệu “Tự do, Bình đẳng, Bác ái”. Từ đó Người muốn tìm hiểu nền văn minh Pháp và những gì ẩn giấu đằng sau những từ ấy. Thời gian học tại trường Quốc học Huế, Nguyễn Tất Thành được giao lưu với những luồng tư tưởng yêu nước, tiếp xúc với nhiều sách báo Pháp, các thầy giáo của trường có những người yêu nước. Nhờ vậy, Nguyễn Tất Thành mang một bản lĩnh mới, một tầm nhìn sâu sắc về xã hội, con người, ý muốn sang phương Tây tìm hiểu tình hình các nước và học hỏi những thành tựu của văn minh nhân loại từng bước lớn dần cổ vũ cho ý chí ra đi tìm đường cứu nước. Những tháng ngày làm thầy giáo ở trường Dục Thanh, Phan Thiết, ngoài giờ lên lớp, Anh thường tìm những cuốn sách quý trong tủ sách của cụ Nguyễn Thông để đọc. Lần đầu tiên anh được tiếp cận với những tư tưởng khai sáng Pháp như: Voltaire và Rousseau, Montesquieu... Sự tiếp cận với những tư tưởng mới đó càng thôi thúc ý chí và nghị lực anh phải đi ra nước ngoài. Một lần trả lời nhà văn Mỹ, Người nói: “*Nhân dân Việt Nam trong đó ông cụ thân sinh ra tôi, lúc này thường tự hỏi nhau ai sẽ là người giúp mình thoát khỏi ách thống trị của Pháp, Người này nghĩ là Anh, có người lại cho là Mỹ. Tôi thấy phải đi ra nước ngoài xem cho rõ. Sau khi xem xét họ làm ăn ra sao, tôi sẽ trở về giúp đồng bào tôi*”¹.

Với tố chất là con người thông minh, ham học hỏi và thích khám phá những điều mới lạ. Thời gian sống ở Kinh đô Huế được học hành và tiếp xúc với nền văn hoá mới, với phong trào Duy Tân, cũng như được tiếp cận với những tư tưởng khai sáng Pháp đã cho Nguyễn Tất Thành nhiều hiểu biết mới và tư duy, tư tưởng mới tiến bộ. Nhìn lại các phong trào yêu nước như phong trào Cần Vương, phong trào Đông Du, phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục, khởi nghĩa Yên Thế, cuộc vận động cải cách của cụ Phan Châu Trinh... Anh rất khâm phục và coi trọng các các bậc tiền bối, nhưng Nguyễn Tất Thành không đi theo con đường đó. Thực tiễn thất bại của các phong trào yêu nước đầu thế kỷ XX đã đặt ra nhiều câu hỏi và tác động đến chí hướng của Nguyễn Tất Thành, để rồi anh tự xác định mục đích cho hành động và định hướng hoạt động của mình, để có một quyết định chính xác và táo bạo, tự vạch ra con đường đi là xuất dương tìm đường cứu nước cho dân tộc.

Để thấy rõ hơn được trí tuệ thiên tài của của Nguyễn

Tất Thành trong giai đoạn này, chúng ta có thể cùng nhìn lại mục tiêu xuất ngoại của các bậc tiền bối trước Nguyễn Tất Thành.

Mang chung hành trang là chủ nghĩa yêu nước - nhân văn Việt Nam và cùng mục đích, nhưng giữa hai Cụ Phan với Nguyễn Tất Thành có những khác nhau. Nếu như Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh ra đi là để tìm, học cái mới mà dân tộc chưa có và xem đó như một chỗ dựa, một cứu cánh; thì Hồ Chí Minh lại muốn tìm hiểu giá trị thật của cái mới và cả cái ẩn giấu đằng sau nó; bên này chỉ mới tiến đến ở sự tiếp nhận, còn bên kia là đến tận nơi và xem cho rõ cách làm. Và như vậy, cho dù có cùng hành trang, cùng mục đích, nhưng sự khác nhau về tầm nhìn và phương pháp giữa Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh và Nguyễn Tất Thành đã tạo ra kết quả khác biệt: Hai Cụ Phan muốn tiếp nhận và đưa về cái mới mà dân tộc chưa có nhưng hai cụ lại không biết nó đã bắt đầu trở nên lỗi thời so với sự phát triển của lịch sử nhân loại và chính phong trào cách mạng dân tộc vượt qua, do đó những cố gắng cao nhất của hai cụ Phan cũng chỉ làm bùng phát một phong trào dân tộc, nuôi dưỡng ngọn lửa yêu nước trong nhân dân; còn Nguyễn Tất Thành bằng trí tuệ sắc bén của mình đã tránh được những hạn chế của các sĩ phu đương thời và Người sớm nhận thức được nhược điểm của Phan Bội Châu là chỉ lo đánh đuổi giặc Pháp và kì vọng vào Nhật để đánh Pháp. Vì vậy, Người đã từ chối không đi Đông du. Người gần gũi hơn với tư tưởng dân chủ của Phan Châu Trinh, nhưng mặt khác Người cũng sớm nhận thức được nhược điểm này của bậc tiền bối này là yêu cầu người Pháp cải cách “chẳng khác gì xin giặc rủ lòng thương”. Cùng với sự khảo sát trực tiếp, phân tích, so sánh giữa lý thuyết với kết quả thực tế của các cuộc cách mạng điển hình trên thế giới để lựa chọn nhằm tiếp nhận những giá trị chung và mới của nhân loại Nguyễn Tất Thành đã tìm ra con đường cứu nước, cứu dân thích hợp với hoàn cảnh cụ thể của nước nhà và tương thích với sự vận động, xu thế phát triển mới trong quá trình tiến hóa của loài người.

Thông qua quá trình bốn ba của cuộc hành trình vĩ đại đến với các dân tộc, chủng tộc ở các châu lục, đặc biệt là trải qua thực tiễn đấu tranh cách mạng ở nhiều nước đã nâng cao trí tuệ, làm giàu văn hóa và mở rộng thế giới quan cho Người - từ tầm mức dân tộc đến nhân loại. Đó là cơ sở tạo ra sự khác biệt giúp cho Người thấu hiểu được sự tương đồng và khác biệt giữa triết lý phương Đông và phương Tây; đã nhận thấy nguồn gốc trực tiếp nỗi khổ đau chung của các dân tộc thuộc địa và những người lao động, không phân biệt chủng tộc, màu da, trên hành tinh này và đi tới khẳng định: vấn đề giải phóng dân tộc, giải phóng con người không chỉ là nhu cầu của dân tộc và con người Việt Nam mà là của các dân tộc bị áp bức và nhân dân cần lao trên thế giới.

Bằng trực tiếp khảo sát tại quê hương của các cuộc cách mạng tư sản điển hình (Pháp, Anh và Mỹ), với trí tuệ thiên tài của mình, Nguyễn Tất Thành đã phát hiện và

tiếp nhận “những lời bất hủ” mang giá trị chung của nhân loại về quyền dân tộc và quyền con người được ghi trong Tuyên ngôn độc lập của nước Mỹ và Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền của nước Pháp. Đồng thời, Người cũng thấy rõ hạn chế giữa lí thuyết và thực tế mà nổi bật là tính chất “không đến nơi” của các cuộc cách mạng này. Và Người khẳng định: “*Cách mệnh Pháp cũng như cách mệnh Mỹ, nghĩa là cách mệnh tư bản, cách mệnh không đến nơi, tiếng là cộng hoà và dân chủ, kỳ thực trong thì nó tước lột2) công nông, ngoài thì nó áp bức thuộc địa. Cách mệnh đã 4 lần rồi, mà nay công nông Pháp hăng còn phải mưu cách mệnh lần nữa mới hòng thoát khỏi vòng áp bức*”²

Những kết luận trên đây không phải chỉ là kết quả của sự trải nghiệm. Chỉ với tầm trí tuệ không ngừng được nâng cao, trên cơ sở được làm giàu về các giá trị văn hóa-văn minh nhân loại và với một tầm nhìn thế giới trong phân tích lý luận và kiểm nghiệm thực tiễn, Nguyễn Tất Thành mới có thể đúc rút thành những kết luận khoa học đúng đắn có giá trị quan trọng, tìm lời giải đáp những vấn đề đang được đặt ra trong lịch sử của dân tộc Việt Nam lúc bấy giờ.

Như vậy, với bản lĩnh và trí tuệ thiên tài khi quyết định đi sang “phương Tây”, với hành trình gần 30 năm lao động, học hỏi và hoạt động cách mạng ở nước ngoài, Nguyễn Ái Quốc đã có thời gian khám phá, chiêm nghiệm, để hiểu được thực chất của “Tự do, Bình đẳng, Bác ái”, của pháp quyền, dân chủ và mô hình tổ chức Nhà nước tư sản; của nhân quyền, pháp quyền, dân chủ, mô hình tổ chức Nhà nước Xô viết, và con đường đấu tranh giải phóng dân tộc theo tinh thần của V.I.Lênin. Và sự lựa chọn đúng đắn của Hồ Chí Minh sau khi đã “trưng cất” những tinh hoa của nền văn minh Đông và Tây, TBCN và XHCN, Nguyễn Ái Quốc đã lựa chọn chủ nghĩa Mác - Lênin là một chặng đường cần thiết trong cuộc giải phóng toàn diện con người. Hay nói cách khác, từ một sự khởi đầu đúng đắn, với bản lĩnh, trí tuệ và sự phấn đấu không mệt mỏi cho con đường mình đã chọn, Hồ Chí Minh – Người ra đi từ bến cảng Sài Gòn năm xưa đã tìm thấy con đường và lãnh đạo nhân dân Việt Nam đi đến độc lập và thống nhất, tự do và hạnh phúc, ngày một phát triển và bền vững.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Chúng ta có Bác Hồ (1982), Nhà xuất bản Lao động, Hà Nội.
2. Đường Bác Hồ đi cứu nước (1995), Nhà xuất bản Thanh niên, Hà Nội.
3. Niên biểu (1995), Phan Bội Châu, Phan Trọng Diễm và Tôn Quang Phiệt dịch, Nhà xuất bản Văn-Sử-Địa, Hà Nội.
4. Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch (1970), Trần Dân Tiên, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội.

PHÁT HUY PHẨM CHẤT “BỘ ĐỘI CỤ HỒ”, KIÊN QUYẾT CHỐNG CHỦ NGHĨA CÁ NHÂN CHO THANH NIÊN QUÂN ĐỘI HIỆN NAY

THƯỢNG ÚY NGUYỄN NGỌC LINH

Giảng viên Khoa Triết học Mác-Lênin, Trường Sĩ quan Chính trị

Tóm tắt: Phẩm chất “Bộ đội cụ Hồ” là truyền thống vẻ vang, danh hiệu cao quý của Quân đội nhân dân Việt Nam. Lực lượng đông đảo trong quân đội là thế hệ thanh niên. Hiện nay, dưới tác động của cách mạng công nghiệp 4.0, toàn cầu hóa, mặt trái nền kinh tế thị trường chủ nghĩa cá nhân đang ảnh hưởng lớn đến lối sống của thanh niên nói chung, thanh niên quân đội nói riêng. Điều đó ảnh hưởng rất lớn đến quá trình xây dựng và phát triển của Quân đội. Vì vậy, cần phải phát huy phẩm chất “Bộ đội cụ Hồ”, kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân cho thanh niên quân đội.

Từ khóa: Phẩm chất “Bộ đội cụ Hồ”, chủ nghĩa cá nhân, thanh niên.

Ngày nhận: 19/5/2023; Ngày sửa: 23/5/2023;
Duyệt đăng: 25/5/2023

Quân đội nhân dân Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh tổ chức, giáo dục, rèn luyện. Trải qua 78 năm xây dựng, chiến đấu, trưởng thành bất luận trong điều kiện hoàn cảnh nào Quân đội ta cũng luôn: “Trung với Đảng, hiếu với dân, sẵn sàng chiến đấu, hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội. Nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng” xứng đáng với danh hiệu cao quý “Bộ đội cụ Hồ” mà dân nhân tin yêu dành tặng.

Phẩm chất “Bộ đội cụ Hồ” là truyền thống vẻ vang, danh hiệu cao quý của Quân đội ta. Truyền thống ấy luôn được mọi thế hệ cán bộ, chiến sĩ giữ gìn và phát huy. Nhận thức sâu sắc ý nghĩa, tầm quan trọng của việc phát huy phẩm chất “Bộ đội cụ Hồ” tuyệt đại đa số cán bộ, đảng viên và thanh niên trong quân đội luôn giữ vững phẩm chất người quân nhân cách mạng, kiên quyết đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân.

Tuy nhiên, còn một số cán bộ, đảng viên và thanh niên nhận thức chưa sâu sắc, trách nhiệm trong giữ gìn, phát huy phẩm chất “Bộ đội cụ Hồ” chưa cao. Đặc biệt là thanh niên - những người dễ bị ảnh hưởng của lối sống hiện đại, của những trào lưu văn hóa tư sản. Từ đó thiếu tự giác trong tu dưỡng, rèn luyện, giảm sút ý chí, sa vào chủ nghĩa cá nhân, sống thực dụng, chùn bước trước những khó khăn, gian khổ. Phát ngôn thiếu tính xây dựng, nể nang, né tránh nhiệm vụ, ngại va chạm, thấy đúng không bảo vệ, thấy sai không đấu tranh; tinh thần tự phê bình và phê bình thấp; đoàn kết xuôi chiều dân chủ hình thức. Coi thường lý luận, xa rời thực tiễn, lười học tập, rèn luyện, thích tự do, vô kỷ luật. Thậm chí hoang mang, dao động hoài nghi về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, phụ họa theo những nhận thức lệch lạc, quan điểm sai trái. Những điều đó cực kỳ nguy hại, làm ảnh hưởng đến truyền thống, uy tín của Quân đội, phẩm chất và hình ảnh cao đẹp “Bộ đội cụ Hồ”.

Hiện nay, nhiệm vụ xây dựng Quân đội, bảo vệ Tổ quốc đã và đang đặt ra những yêu cầu ngày càng cao. Trong đó, các thế lực thù địch không ngừng tăng cường chống phá, xuyên tạc bản chất và hình ảnh, phẩm chất cao đẹp “Bộ đội cụ Hồ” của Quân đội ta. Mà đối tượng chúng tập chung vào là cán bộ, đảng viên trẻ và thanh niên. Do đó để thực hiện thắng lợi mục tiêu xây dựng Quân đội nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ mà Đảng, Nhà nước và nhân dân tin tưởng giao phó; bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Cần tiếp tục quan tâm, phát huy phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ”, kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân cho thanh niên quân đội. Để phát huy phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ”, kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân cho thanh niên quân đội hiện nay cần thực hiện tốt các giải pháp sau:

Một là, tăng cường công tác lãnh đạo tư tưởng, giáo dục chính trị, nâng cao nhận thức trách nhiệm cho thanh niên quân đội tiếp tục phát huy phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ”, kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân.

Đây là giải pháp cơ bản, quan trọng để phát huy phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ”, kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân cho thanh niên trong quân đội. Có nhận thức đúng thì mới có hành động đúng. Trước tiên các cấp ủy, tổ chức đảng tiếp tục đổi mới công tác giáo dục chính trị tư tưởng, tuyên truyền, nghiên cứu, học tập các nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng, Nhà nước, Bộ Quốc phòng theo hướng thiết thực, hiệu quả. Coi trọng giáo dục mục tiêu, lý tưởng cách mạng, bản chất, truyền thống, chức năng, nhiệm vụ của Quân đội và đơn vị; kết hợp chặt chẽ giữa giáo dục các chuẩn mực “Bộ đội Cụ Hồ” với giáo dục truyền thống dân tộc, Quân đội, đơn vị; Tăng cường giáo dục đạo đức, pháp luật, điều lệnh, điều lệ Quân đội, quy định đơn vị.

Kết hợp chặt chẽ giữa công tác giáo dục của tổ chức với đề cao trách nhiệm cá nhân trong tự học tập, tu dưỡng, rèn luyện theo các đặc trưng cơ bản của phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ”, đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi những biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân.

Hai là, xây dựng các cấp ủy, tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh tiêu biểu, đề cao vai trò, trách nhiệm trong lãnh đạo phát huy phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ”, kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân.

Giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với Quân đội. Thường xuyên củng cố, kiện toàn, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của cấp ủy, tổ chức đảng là giải pháp quan trọng trong phát huy phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ”, chống chủ nghĩa cá nhân trong quân đội. Cấp ủy, tổ chức đảng là cơ quan đưa ra những đường lối, chủ trương, biện pháp lãnh đạo đơn vị trong thực hiện các nhiệm vụ. Do đó phải đề cao vai trò, trách nhiệm trong lãnh đạo phát huy phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ”, kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân, coi đây là một nhiệm vụ trọng tâm cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo; kịp thời xây dựng, ban hành các đề án, quy chế, quy định, kế hoạch thực hiện của cấp mình, phù hợp với chức năng nhiệm vụ của đơn vị. Thường xuyên đưa thanh niên vào các hoạt động để họ học tập, rèn luyện, trau dồi kiến thức, kinh nghiệm tránh xa các tệ nạn xã hội.

Ba là, xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp có đủ phẩm chất, năng lực, uy tín thực sự là tấm gương mẫu mực trong phát huy phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ” cho thanh niên.

Trong Quân đội, đội ngũ cán bộ chính là người trực tiếp quản lý, giáo dục, rèn luyện thanh niên trong thực hiện mọi nhiệm vụ. Do đó họ có tác động rất lớn trong quá trình phát huy phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ”, kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân cho đoàn viên, thanh niên trong đơn vị mình. Chính vì vậy cần tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp có bản lĩnh chính trị vững vàng, tuyệt đối trung thành với Đảng, Nhà nước và nhân dân, có phẩm chất đạo đức trong sáng, ý thức kỷ luật nghiêm; có kiến thức và năng lực toàn diện; thực sự mẫu mực về phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ”. Chú trọng làm tốt công tác giáo dục, rèn luyện đội ngũ cán bộ có tác phong làm việc khoa học, cụ thể, sâu sát, gắn bó với đơn vị; gương mẫu trong phát huy phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ”.

Bốn là, thường xuyên quan tâm nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho thanh niên quân đội.

Đời sống vật chất, tinh thần là yếu tố quan trọng tác động đến quá trình hình thành nhân cách của thanh niên. Vì vậy thường xuyên quan tâm nâng cao đời sống vật chất, tinh thần giúp họ yên tâm công tác, gắn bó với đơn vị hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ. Trong đó cần làm tốt chính sách hậu phương quân đội đặc biệt là những lực lượng làm nhiệm vụ đặc biệt, nơi biên giới, hải đảo... Khuyến khích thanh niên tích cực đấu tranh phòng chống tiêu cực, tham nhũng, lãng phí và các biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân ảnh hưởng đến uy tín, truyền thống và hình ảnh, phẩm chất cao đẹp “Bộ đội Cụ Hồ”. Kịp thời khen thưởng, biểu dương, nhân rộng các điển hình tiên tiến, tấm gương tiêu biểu trong phát huy phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ”, kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân. Đồng thời, kiên quyết chấn chỉnh, xử lý nghiêm, không có vùng cấm, không có ngoại lệ những trường hợp vi phạm pháp luật Nhà nước, kỷ luật quân đội gây ảnh hưởng xấu đến hình ảnh, phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ”.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập 1, 2, Nxb CTQG, H. 2021.
2. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Tập 14, Nxb CTQG, H. 2011, tr. 435.
3. Nghị quyết 847-NQ/QUTW ngày 28 tháng 12 năm 2021.
4. Tổng cục Chính trị, Tài liệu nghiên cứu, học tập, quán triệt NQ ĐHĐB Đảng bộ Quân đội lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025, Nxb QĐND, H. 2020.

THANH NIÊN VIỆT NAM HỌC TẬP, LÀM THEO TƯ TƯỞNG, ĐẠO ĐỨC, PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH VỀ TƯ DUY ĐỘC LẬP, TỰ CHỦ VÀ Ý CHÍ TỰ LỰC, TỰ CƯỜNG

THS. LÊ ANH THI

Khoa SP KHXH - Trường Đại học Đồng Tháp

Tóm tắt

Bài viết luận giải những vấn đề lý luận và thực tiễn trong cuộc đời hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh về tư duy độc lập, tự chủ và ý chí tự lực, tự cường. Từ đó, đưa ra ý nghĩa học tập để thanh niên Việt Nam có thể vận dụng vào trong quá trình học tập và rèn luyện, nâng cao vai trò của bản thân để góp phần xây dựng đất nước ta trong giai đoạn mới.

Từ khóa: Hồ Chí Minh; học tập và làm theo, tư duy độc lập, tự chủ; ý chí tự lực, tự cường; thanh niên Việt Nam.

Ngày nhận: 25/5/2023; Ngày sửa: 25/5/2023; Duyệt đăng: 26/5/2023

1. Đặt vấn đề

Thanh niên Việt Nam trong giai đoạn hiện nay có nhiều cơ hội để lập thân, lập nghiệp bởi lợi thế về những chủ trương, đường lối rộng mở của Đảng và Nhà nước, một môi trường năng động và hội nhập. Tuy nhiên, để có thể vững bước tạo dựng sự nghiệp và cống hiến cho đất nước, đòi hỏi họ phải có nhiều tố chất và năng lực vững vàng. Trong di sản Người để lại, những lời dạy về thanh niên và tấm gương về tư duy độc lập, tự chủ, tư tưởng về ý chí tự lực, tự cường của Hồ Chí Minh là một giá trị quan trọng giúp thanh niên có thể học tập và vận dụng nhằm phát huy vai trò tiên phong trong giai đoạn mới của đất nước.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Tư duy độc lập, tự chủ của Hồ Chí Minh

Nhận thức được tình cảnh đất nước và dân tộc đang nguy khốn, tiếp cận được tư tưởng mới mẽ, cụ thể là “*Khi tôi độ mười ba tuổi, lần đầu tiên tôi được nghe ba chữ Pháp: Tự do, Bình đẳng, Bác ái. Đối với chúng tôi, người da trắng nào cũng là người Pháp. Người Pháp đã nói thế. Và từ thuở ấy, tôi rất muốn làm quen với nền văn minh Pháp, muốn tìm xem những gì ẩn đằng sau những chữ ấy*” (Hồ Chí Minh toàn tập, tập 1, tr.461). Như vậy, khi tiếp cận tư tưởng *Tự do, Bình đẳng, Bác ái*, Hồ Chí Minh đã không vội tin tưởng tuyệt đối mà muốn xem điều gì ẩn sau những chữ ấy. Tiếp thu tư tưởng Nho giáo, Hồ Chí Minh cũng thấy được ưu điểm rất nổi bật của học thuyết này, tuy nhiên, vẫn đánh giá được điểm hạn chế để có giải pháp khắc phục trong tương lai. Điểm giao thoa tuyệt vời trong tư tưởng Hồ Chí Minh với

các tôn giáo là điều mong muốn có một xã hội tốt đẹp cho loài người, nhưng sự độc lập trong tư duy giúp Hồ Chí Minh mong muốn xây dựng một xã hội lý tưởng ấy ở hiện thực thay vì “ở thế giới bên kia” giống như các tôn giáo khác.

Cụ Phan Bội Châu khi thực hiện phong trào Đông Du cũng từng có lời đề nghị Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh sang Nhật du học, tuy nhiên, khi phân tích và nhận định tình hình thực tế, Người đã từ chối vì sự không khả thi trong chiều hướng cách mạng này. Khi đề cập đến tư duy độc lập, tự chủ của Hồ Chí Minh thì sự kiện ngày 5/6/1911, Người ra đi tìm đường cứu nước trên chiếc tàu hàng hải Amiral Latouche Tréville hướng sang Phương Tây để xem Pháp và các nước khác làm thế nào để về giúp đồng bào. Đây là hướng phát triển cách mạng theo khía cạnh mới mẽ so với các con đường cách mạng theo khuynh hướng phong kiến hay khuynh hướng dân chủ tư sản trước đây. Hành trình khảo sát các cuộc cách mạng trên thế giới, Người cũng đã rút ra kết luận: “*Cách mệnh Pháp cũng như cách mệnh Mỹ, nghĩa là cách mệnh tư bản, cách mệnh không đến nơi, tiếng là cộng hòa và dân chủ, kỳ thực trong thì nó tước lột công nông, ngoài thì nó áp bức thuộc địa. Cách mệnh đã 4 lần rồi, mà nay công nông Pháp hãng còn phải mưu cách mệnh lần nữa mới hòng thoát khỏi vòng áp bức. Cách mệnh An Nam nên nhớ những điều ấy*” (Hồ Chí Minh toàn tập, tập 2, tr.296).

Khi nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh, điểm nổi bật rõ rệt nhất đó chính là sự tiếp thu, lĩnh hội và vận dụng một cách sáng tạo lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tiễn của cách mạng Việt Nam. Sự chủ động này thể hiện ở nhiều khía cạnh giải quyết mối quan hệ dân tộc và giai cấp một cách sáng tạo. Vấn đề về cách mạng giải phóng dân tộc cũng thể hiện rất rõ lập trường cách mạng, nền độc lập dân tộc Người tìm kiếm cũng chính là một nền độc lập thực sự, hoàn toàn và triệt để.

Người nhận thấy, vai trò của Đảng đối với cách mạng là rất cần thiết, “*Trước hết phải có đảng cách mệnh, để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi*” (Hồ Chí Minh toàn tập, tập 2, tr.289). Quá trình thành lập Đảng Cộng sản Việt

Nam, Hồ Chí Minh đã có tư duy sáng tạo khi kết hợp phong trào yêu nước Việt Nam vào công thức ra đời của Đảng. Đây là một luận điểm đáng được ghi nhận bởi tính phù hợp với điều kiện của quốc gia thuộc địa, tận dụng và phát huy được sức mạnh toàn dân tộc vào công cuộc chung của đất nước.

Chính nhờ tư duy độc lập, tự chủ, chúng ta được sự ủng hộ và giúp đỡ rất mạnh mẽ từ bên ngoài, cả về vật chất lẫn tin thần cách mạng. Song song đó, sự tích cực chủ động trong việc nghiên cứu vũ khí, đưa người đi học tập ở Liên Xô, chuẩn bị về hậu phương, tăng gia sản xuất, với quan điểm *“Nước Việt Nam là một, từ Nam đến Bắc chung một tiếng nói, một lịch sử, một văn hóa và một nền kinh tế. Nhân dân Việt Nam đã hy sinh nhiều xương máu để đấu tranh cho tự do độc lập, quyết không một lực lượng nào ngăn cản được sự nghiệp thống nhất Tổ quốc của mình”* (Hồ Chí Minh toàn tập, tập 11, tr.308) cũng góp phần đem đến ngày Việt Nam ta được độc lập và thống nhất hoàn toàn.

2.2. Nội dung tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về ý chí tự lực, tự cường

Câu chuyện “Hai bàn tay” trước khi ra đi tìm đường cứu nước, Người cũng lường trước được những vất vả, khó khăn, ví như lúc đau ốm. Vì thế, mong muốn người bạn đi cùng. Tuy nhiên, sự dũng cảm và chí lớn đã thôi thúc Người ra đi cứu nước không có bạn đồng hành. Theo nghiên cứu, Người đã đi qua 30 quốc gia, 4 châu lục và trong hành trình ấy, 2 từ gian khổ là không đủ. Người đã làm qua rất nhiều nghề gian khổ khác nhau như: phụ bếp, cào tuyết, bồi bàn,... Cần nhận thức về bối cảnh thế giới cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, rất khó khăn. Người cũng có nhiều hình thức đấu tranh khác nhau, ngày 18/6/1919, Người đã thay mặt những người Việt Nam yêu nước để gửi bản Yêu sách của nhân dân An Nam tới Hội nghị Vecxay nhằm đòi quyền tự do, dân chủ cho nhân dân ta. Từ đây, Hồ Chí Minh đã có nhận định, muốn cứu nước và giải phóng dân tộc phải dựa vào chính sức mạnh dân tộc mình.

Có thể nói, ý chí tự lực, tự cường ở Hồ Chí Minh là nhận thức rõ sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước. Vì thế, đối với cách mạng của Việt Nam, Người nhiều lần nhấn mạnh đến việc phát huy sức mạnh nội sinh của dân tộc có được là từ tinh thần yêu nước và đại đoàn kết toàn dân - đây là động lực lớn để giải phóng dân tộc. Người nhiều lần nhắc nhở *“Kháng chiến nhất định thắng lợi, nhưng phải trường kỳ và gian khổ, phải tự lực cánh sinh”* (Hồ Chí Minh toàn tập, tập 7, tr.386); *“Một dân tộc không tự lực cánh sinh mà cứ ngồi chờ dân tộc khác giúp đỡ thì không xứng đáng được độc lập”* (Hồ Chí Minh toàn tập, tập 7, tr.445). Cụm từ *tự lực cánh sinh* được nhắc lại rất nhiều lần trong tư tưởng Hồ Chí Minh, thể hiện ở khía cạnh cách mạng, kinh tế, văn hóa, xã hội. Muốn người ta giúp cho thì trước hết phải tự giúp mình, đây được xem là tôn chỉ hoạt động mà Hồ Chí Minh đã định hướng cho cách mạng Việt Nam.

Nội lực của dân tộc còn là phải đại đoàn kết toàn dân, Người khẳng định, đoàn kết sẽ tạo nên sức mạnh lớn lao bởi chúng ta đã có một lực lượng cực kỳ to lớn, vững chắc,

lực lượng đại đoàn kết của toàn dân. Hiểu được sức mạnh của nhân dân và tầm quan trọng trong việc khôi phục và phát huy tinh thần đại đoàn kết của toàn dân, Người nhấn mạnh, *“Đại đoàn kết: Đại đoàn kết tức là trước hết phải đoàn kết đại đa số nhân dân, mà đại đa số nhân dân ta là công nhân, nông dân và các tầng lớp nhân dân lao động khác. Đó là nền gốc của đại đoàn kết. Nó cũng như cái nền của nhà, gốc của cây”* (Hồ Chí Minh toàn tập, tập 9, tr.244). Yêu dân, tin dân, tin vào sức mạnh của tập thể cũng là một chân lý giá trị của mọi thời đại. *“Trong bầu trời không gì quý bằng nhân dân. Trong thế giới không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân”* (Hồ Chí Minh toàn tập, tập 10, tr.453).

Bên cạnh đó, ý chí tự lực, tự cường của dân tộc cũng phải gắn với chủ nghĩa quốc tế trong sáng. Với Người, dựa vào chính sức mạnh của dân tộc mình nhưng đồng thời cũng tranh thủ sự ủng hộ, giúp đỡ của bè bạn năm châu. Người nói, *“Nhân dân Việt Nam chúng tôi dựa vào sức mình là chính, đồng thời đánh giá cao sự giúp đỡ to lớn của các nước xã hội chủ nghĩa anh em, sự ủng hộ mạnh mẽ của tất cả các nước và các dân tộc yêu chuộng hoà bình trên thế giới”* (Hồ Chí Minh toàn tập, tập 15, tr.84). Một vị lãnh tụ cách mạng có tư tưởng kết nối và hướng ra bên ngoài để nối dài cánh tay sức mạnh của cách mạng, là một khía cạnh rất tài tình, nó phù hợp với xu hướng của dân tộc và thời đại. Trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh, cụm từ *quốc tế trong sáng, tinh thần quốc tế* được nhắc đến nhiều lần. Điều này thể hiện rõ ràng tư duy ngoại giao nhân dân, nhờ thế, chúng ta nhận được sự ủng hộ tinh thần và vật chất từ Liên Xô, Trung Quốc, nhiều nước Xã hội chủ nghĩa Đông Âu,... rất nhiều cuộc mít tinh, biểu tình của nhân dân ở Pháp, Mỹ, Nhật, Đức,... phản đối chiến tranh mà Pháp, Mỹ gây ra cho Việt Nam.

Người cũng có những luận điểm sáng tạo để bổ sung vào cuộc đấu tranh ở các nước, trong đó, *“chúng tôi xin nói với anh em rằng, công cuộc giải phóng anh em chỉ có thể thực hiện được bằng sự nỗ lực của bản thân anh em”* (Hồ Chí Minh toàn tập, tập 2, tr.138). Vai trò và trách nhiệm của tình bằng hữu quốc tế, Hồ Chí Minh luôn tự hào với sự lớn mạnh của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế nhưng cũng rất trăn trở vì sự bất hoà lúc bấy giờ của các đảng trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Có lý, có tình là nguyên tắc cốt lõi, đồng thời trong tư tưởng ngoại giao, Người yêu cầu phải giữ được thể độc lập, tự chủ của đất nước. Có thể khẳng định, ý chí tự lực, tự cường trong đoàn kết quốc tế ở Hồ Chí Minh là không phụ thuộc vào lực lượng bên ngoài, có quan điểm độc lập trong quan hệ quốc tế.

2.3. Ý nghĩa học tập và vận dụng tinh thần độc lập tự chủ, ý chí tự lực tự cường theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh đối với thanh niên trong giai đoạn hiện nay

Hồ Chí Minh từng nhận định: *“Thanh niên là người chủ tương lai của nước nhà. Thật vậy nước nhà thịnh hay suy, yếu hay mạnh một phần lớn là do các thanh niên. Thanh niên muốn làm người chủ tương lai cho xứng đáng thì ngay hiện tại phải rèn luyện tinh thần và lực lượng của mình, phải ra làm việc để chuẩn bị cái tương lai đó”*. (Hồ Chí Minh toàn

tập, tập 5, tr.216). Trong giai đoạn hiện nay, vai trò của thanh niên Việt Nam chưa bao giờ giảm sút mà ngày càng được phát huy hơn. Họ là lực lượng trẻ, nhiều nhiệt huyết, sáng tạo và cơ hội tiếp cận với nền văn minh nhân loại một cách nhanh chóng.

Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm và tạo mọi điều kiện để thanh niên học tập, rèn luyện để lập thành, lập nghiệp. Cụ thể, Đảng Cộng sản Việt Nam ban hành Chỉ thị số 42-CT/TW, ngày 24/3/2015 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thế hệ trẻ giai đoạn 2015 - 2030. Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Quốc hội ban hành Luật Thanh niên. Cụ thể là, từ Khoản 2 - Khoản 6 Điều 5 Luật TN-2020), có 6 chính sách đối với thanh niên.

Có thể thấy, việc thanh niên là đối tượng được quan tâm và tạo mọi điều kiện để xây dựng “những người thừa kế xây dựng xã hội chủ nghĩa vừa “hồng” vừa “chuyên”” (Hồ Chí Minh toàn tập, tập 15, tr.612). Tuy nhiên, thanh niên cũng còn một số hạn chế cần phải khắc phục. Vì thế, việc thanh niên học tập và vận dụng tinh thần độc lập, tự chủ, ý chí tự lực, tự cường theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay là việc làm cần thiết và ý nghĩa.

Môi trường năng động, nhiều cơ hội và cạnh tranh đan xen như hiện nay, thanh niên cần thấu suốt và điểu chỉnh, nên suy nghĩ và hành động một cách khoa học. Nên có óc phân biệt xã hội và đưa ra quyết định dựa trên tư duy độc lập, tự chủ. Biết người, biết ta sẽ chiến thắng được mọi hoàn cảnh. Thêm nữa, phải có lập trường chính trị vững vàng, tin tưởng vào đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước. Hiểu sâu sắc giá trị lịch sử của dân tộc, hiểu về cuộc đấu tranh chính nghĩa mà cách mạng ta đã trải qua để ngày nay có được hòa bình, thống nhất đất nước. Từ đó, miễn nhiễm với âm, thủ đoạn chia rẽ, “diễn biến hòa bình, bạo loạn lật đổ” mà các thế lực phản động hàng ngày, hàng giờ chống phá chế độ ta.

Vì vậy, việc không ngừng học và tự học, tự trau dồi và nâng cấp phẩm chất và năng lực của bản thân. Hồ Chí Minh là tấm gương sáng về việc ham học và tự học, mong muốn tiếp cận được văn hóa nhân loại một cách chủ động. Đồng thời, theo Hồ Chí Minh trong thời đại ngày nay, thanh niên còn phải có tinh thần quốc tế trong sáng, chú trọng việc học ngoại ngữ - đây là một luận điểm hiện đại, tư duy tiến bộ của một nhà cách mạng đương thời, biết hội nhập và sẵn sàng kết nối với quốc tế - một viên gạch nền móng cho thanh niên ta trong giai đoạn xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

Với ý chí tự lực, tự cường mà thanh niên cần học tập Bác trong giai đoạn hiện nay là sự nỗ lực trong cuộc sống, có ý chí “vượt khó”, “vượt sướng” để phát huy tốt vai trò xung kích tuổi trẻ. Vì thế, việc học tập Bác là một tấm gương sáng truyền cảm hứng tích cực, thanh niên lấy đó làm động lực rèn luyện và phấn đấu. Thời đại của hội nhập và phát triển, thanh niên cần xây dựng thêm cho mình tinh thần ý thức đoàn kết, hợp tác, biết làm việc độc lập nhưng cũng biết làm

việc trong tập thể theo tinh thần trong sáng, hướng đến mục tiêu chung.

3. Kết luận

Hồ Chí Minh từng nhận định: “Thanh niên là người chủ tương lai của nước nhà. Thật vậy nước nhà thịnh hay suy, yếu hay mạnh một phần lớn là do các thanh niên. Thanh niên muốn làm người chủ tương lai cho xứng đáng thì ngay hiện tại phải rèn luyện tinh thần và lực lượng của mình, phải ra làm việc để chuẩn bị cái tương lai đó” [5, tr.216]. Hồ Chí Minh đánh giá rất cao vai trò, vị trí và khả năng làm chủ tương lai dân tộc, đất nước trong mọi thời kỳ.

Thanh niên Việt Nam may mắn khi có lãnh tụ tinh thần từ tư tưởng, đạo đức, phong cách của Hồ Chí Minh để học tập và noi theo. Đặt biệt là trong kỷ nguyên 4.0, thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, gắn liền với phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hội nhập vào đời sống của toàn cầu. Tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh soi đường cho Đảng và nhân dân Việt Nam trên con đường thực hiện mục tiêu: dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Ban Bí Thư Trung ương Đảng, (2001), “Đảng Cộng sản Việt Nam với công tác vận động thanh niên trong thời kì công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
2. Bùi Thị Cần (chủ biên), (2020), *Giáo dục sinh viên Việt Nam theo gương bản lĩnh chính trị Hồ Chí Minh trong thời kỳ hội nhập*, NXB Đại học Vinh.
3. Đào Thị Trang, (2018), “Một số giải pháp nâng cao hiệu quả giáo dục tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh nhằm xây dựng lối sống cho sinh viên hiện nay”. Tạp chí Giáo dục, số 427, tr. 1-4.
4. Giang Thiệu Thanh - Hoàng Yến My, (2011), *Hồ Chí Minh về phát hiện và bồi dưỡng nhân tài*, NXB Từ điển Bách khoa.
5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, (2011), tập 1, 2, 3, 4, 5, 7, 9, 11, 15, NXB Chính trị quốc gia - Sự Thật - Hà Nội.
6. <https://quochoi.vn/tulieuquochoi/anpham/Pages/anpham.aspx?AnPhamItemID=1031>
7. <https://thuvienphapluat.vn/chinh-sach-phap-luat-moi/vn/thoi-su-phap-luat/tu-van-phap-luat/42089/chinh-sach-cua-nha-nuoc-doi-voi-thanh-nien>
8. <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/he-thong-van-ban/van-ban-cua-dang/chi-thi-so-42-cttw-ngay-2432015-cua-ban-bi-thu-ve-tang-cuong-su-lanh-dao-cua-dang-doi-voi-cong-tac-giao-duc-ly-162>
9. <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/ban-chap-hanh-trung-uong-dang/dai-hoi-dang/lan-thu-xiii/nghi-quyet-dai-hoi-dai-bieu-toan-quooc-lan-thu-xiii-cua-dang-3663>.

TƯ TƯỞNG BIỆN CHỨNG HỒ CHÍ MINH VỀ KẾT HỢP SỨC MẠNH DÂN TỘC VỚI SỨC MẠNH THỜI ĐẠI VÀ Ý NGHĨA TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

NCS. NGUYỄN PHƯƠNG THUY

Khoa Khoa học Chính trị, Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG Hà Nội

Hồ Chí Minh đã có công rất lớn trong việc nhận diện và giải quyết thành công vấn đề kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong cách mạng giải phóng dân tộc. Bài học đó có ý nghĩa lý luận và thực tiễn to lớn đối với nước ta trong việc xây dựng và phát triển đất nước hiện nay, góp phần bổ sung vào lý luận của Hồ Chí Minh về tinh thần độc lập tự chủ và tinh thần quốc tế, phát huy nội lực, ngoại lực đồng thời góp phần định hướng lâu dài cho sự nghiệp phát triển đất nước gắn độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Từ khoá: Tư tưởng biện chứng Hồ Chí Minh; kết hợp sức mạnh dân tộc; sức mạnh thời đại; ý nghĩa.

Ngày nhận: 15/5/2023; Ngày sửa: 25/5/2023; Duyệt
đăng: 26/5/2023

Trong bài viết này, tác giả tập trung luận giải về mối quan hệ biện chứng giữa kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Trên cơ sở đó, tập trung luận giải những nội dung cơ bản của sự vận dụng mối quan hệ biện chứng này và ý nghĩa trong giai đoạn hiện nay.

1. Tính tất yếu cần kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại - giá trị bất biến trong tư duy về cách mạng giải phóng dân tộc của Hồ Chí Minh.

Hồ Chí Minh đã nhận ra tầm quan trọng của sự kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại thông qua việc nhận diện chính xác về tình hình thế giới, tình hình trong nước thể ảnh hưởng và tác động đến cách mạng Việt Nam. Tình hình thế giới có những điều kiện thuận lợi cho cách mạng Việt Nam đó là thắng lợi của cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917; sự ra đời của quốc tế cộng sản năm 1919; Sự chuyển biến, phát triển của thành tựu khoa học- kỹ thuật trên thế giới là nhân tố tác động đến vấn đề thời đại hiện nay “Năm mươi năm qua có những biến đổi mau chóng hơn và quan trọng hơn nhiều thế kỷ trước cộng lại... Quan trọng nhất là cách mạng tháng Mười nga thành công, Liên Xô, nước xã hội chủ nghĩa đã thành lập, rộng gần một phần sáu thế giới và gần một nửa loài người, đã tiến vào con đường dân chủ mới, những dân tộc bị áp bức lần lượt nổi dậy chống chủ nghĩa đế quốc, đòi độc lập tự do” [4, tr 18-19].

Về tình hình trong nước gặp nhiều khó khăn trong việc xác định con đường giải phóng dân tộc trong bối cảnh nước mất, nhà tan. Khát vọng lớn nhất là tìm ra con đường giải phóng dân tộc. Nhờ nhận diện đúng mối quan hệ biện chứng về sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại của Hồ Chí Minh đã góp phần làm nên thắng lợi của cách mạng Việt Nam trong cách mạng giải phóng dân tộc, trong sự phát triển của đất nước hiện nay.

Hồ Chí Minh cho rằng sức mạnh dân tộc có ý nghĩa quyết định đối với sự phát triển của một dân tộc. Sức mạnh dân tộc còn được hiểu là nội lực của một dân tộc, một quốc gia là sức mạnh tổng hợp những lợi thế, những nguồn lực nội sinh của dân tộc như sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước, tinh thần đoàn kết, truyền thống văn hoá lịch sử của dân tộc, yếu tố con người, ý chí đấu tranh kiên cường, anh dũng; ý thức tự lực tự cường... nhưng trong đó biến số không thể thay đổi đó là sức mạnh, giá trị của đại đoàn kết dân tộc bên cạnh giá trị bất biến trong mọi thời đại là chủ nghĩa yêu nước. Đại đoàn kết dân tộc trở thành sức mạnh nội sinh quyết định đến vận mệnh của đất nước, quốc gia dân tộc. Trên báo “Việt Nam độc lập” số ra ngày 1/2/1942, Bác viết: “Sử ta dạy cho ta bài học này: Lúc nào dân ta đoàn kết muôn người như một thì nước ta độc lập, tự do. Trái lại lúc nào dân ta không đoàn kết thì bị nước ngoài xâm lấn. Vậy nay ta phải biết đoàn kết, đoàn kết mau, đoàn kết chắc chắn thêm lên mãi dưới ngọn cờ Việt Minh để đánh đuổi Tây - Nhật, khôi phục lại độc lập, tự do”. Trong thư gửi đồng bào Công giáo ngày 14/10/1945, Người viết: “Không đoàn kết thì suy và mất. Có đoàn kết thì thịnh và còn. Chúng ta phải lấy đoàn kết mà xoay vần vận mệnh, giữ gìn dân tộc và bảo vệ nước nhà”. Đoàn kết để thành công, đoàn kết sẽ thắng lợi.

Chủ tịch Hồ Chí Minh có niềm tin vào sức mạnh bất diệt của dân tộc. Từ rất sớm, Người đã nhận thức được vấn đề tầm quan trọng của việc đại đoàn kết quốc tế để đấu tranh đòi độc lập tự do, giải phóng cho các dân tộc bị áp bức bóc lột và nô dịch trên phạm vi toàn thế giới, muốn giải phóng dân tộc mình thì phải đoàn kết với các dân tộc khác “Vì nền hoà bình của thế giới, vì tự do ấm no, những người bị bóc lột thuộc mọi chủng tộc cần đoàn kết lại chống bọn áp bức” [4; tr 266]. Người cho rằng nếu

có sự đoàn kết quốc tế thì nhân dân các dân tộc thuộc địa không hề đơn độc trong cuộc chiến này.

Qua hoạt động thực tiễn phong phú của mình ở các châu lục khác nhau, cùng hoà mình với phong trào quần chúng nhân dân lao động, tham gia các tổ chức quốc tế cũng như quá trình nghiên cứu lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, Người dần hình thành nhận thức về sức mạnh thời đại. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại tức là kết hợp giữa chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế vô sản, là phải xây dựng được khối liên minh chiến đấu giữa vô sản ở chính quốc với lao động ở thuộc địa để giải phóng dân tộc.

2. Nhận diện bản chất của mối quan hệ biện chứng về kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại tạo sức mạnh tổng hợp cho thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Hồ Chí Minh đã giải quyết mối quan hệ giữa sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại trong điều kiện nước ta bị thực dân, đế quốc đô hộ. Người đã nhận thấy chúng có mối quan hệ ràng buộc lẫn nhau, thống nhất là sự kết hợp giữa sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại vì chúng có nhiều điểm chung như cùng chung kẻ thù đó là chủ nghĩa đế quốc; cùng chung lợi ích... nên việc kết hợp đó hoàn toàn tự nhiên, phù hợp với thực tiễn, từ sự thống nhất để thay đổi sự khác biệt.

Một là, khẳng định cách mạng Việt Nam có mối quan hệ với cách mạng vô sản thế giới.

Người gắn cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới, cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới "là một trong những cái cánh của cách mạng vô sản". Người đã đánh giá đúng về vai trò cách mạng Việt Nam và cách mạng ở các nước thuộc địa phụ thuộc, các nước tư bản là như nhau giống như hai cánh của con chim, có mối quan hệ biện chứng nhưng không phải quan hệ phụ thuộc.

Hai là, kết hợp chặt chẽ chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế vô sản, độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội

Người quán triệt quan điểm sâu sắc về kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại mang tính nhân văn, mục tiêu vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội; gắn chặt với mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội cho dân tộc sau khi giành độc lập. Theo quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh: Tinh thần yêu nước chân chính khác hẳn với tinh thần "vị quốc" của bọn đế quốc phản động. Nó là một bộ phận của tinh thần quốc tế. Chủ tịch Hồ Chí Minh yêu cầu các Đảng Cộng sản phải tiến hành có hiệu quả việc giáo dục chủ nghĩa yêu nước chân chính kết hợp với chủ nghĩa quốc tế trong sáng cho giai cấp công nhân và nhân dân lao động nước mình.

Ba là, dựa vào sức mình là chính, tranh thủ sự ủng hộ, giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa, sự ủng hộ của nhân dân tiến bộ trên thế giới

Tư tưởng nhất quán trong hành động cũng như trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam là quan điểm tận lực, tự lực cánh sinh, dựa vào sức mình là chính và muốn người ta giúp cho, thì trước hết mình phải tự giúp lấy mình. Hồ Chí Minh chủ trương phát huy sức mạnh của dân tộc là cơ sở để thực hiện hợp tác quốc tế và tranh thủ sự giúp đỡ bên ngoài. Người đánh giá cao sự ủng hộ vật chất và tinh thần của các nước xã hội chủ nghĩa, sự ủng hộ của nhân dân tiến bộ trên thế giới vì tinh thần quốc tế ấy là một trong những điều kiện giúp ta kháng chiến thắng lợi, kiến quốc thành công, nghĩa vụ và thực hiện nghĩa vụ quốc tế không chỉ trong khu vực mà trên thế giới theo tinh thần quốc tế vô sản chân chính, theo đúng tinh thần giúp bạn tức là tự giúp mình, kiên quyết đấu tranh chống chống lại mọi biểu hiện của chủ nghĩa dân tộc vị kỷ, chủ nghĩa sô vanh và sự kỳ thị, chia rẽ các dân tộc.

Sau khi nước ta giành được độc lập, Hồ Chí Minh với những hoạt động thực tiễn sôi động đã góp phần nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế, tăng cường quan hệ hữu nghị, hợp tác với các nước và các dân tộc yêu chuộng hòa bình trên thế giới. Phương châm đối ngoại của Hồ Chí Minh là sẵn sàng làm bạn với mọi nước dân chủ, không gây thù oán với một ai; chính sách ngoại giao thân thiện, phân biệt rõ ràng đối tượng cần đoàn kết với tất cả các nước dân chủ trên thế giới để giữ gìn hoà bình; sẵn sàng đặt mọi quan hệ thân thiện hợp tác với bất cứ một nước nào trên nguyên tắc: tôn trọng sự hoàn chỉnh về chủ quyền và lãnh thổ của nhau, không xâm phạm lẫn nhau, không can thiệp nội trị của nhau.

Bốn là, "làm bạn với tất cả các nước dân chủ"

Hồ Chí Minh là người đặt cơ sở, là biểu tượng, hiện thân của sự gắn bó đoàn kết giữa nhân dân Việt Nam với nhân dân nhiều quốc gia trên thế giới; là người đặt nền móng cho phương châm đa phương hoá, đa dạng hoá công tác đối ngoại của nước ta hiện nay. Sau khi giành độc lập người đã nhấn mạnh quan điểm "thân thiện" với các nước dân chủ trên thế giới để giữ gìn hoà bình, thái độ của Việt Nam với các nước Châu Á là thái độ anh, em; đối với ngũ cường là thái độ bạn bè. Đối với các nước láng giềng gần gũi, phát huy truyền thống hoà hiếu của dân tộc.

3. Ý nghĩa của việc kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay

Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong tư tưởng Hồ Chí Minh thực chất là kết hợp sức mạnh nội sinh với sức mạnh ngoại sinh. Trong thời đại ngày nay, những tư tưởng của Người vẫn có ý nghĩa và giá trị to lớn về cả lý luận và thực tiễn. Công lao lớn nhất của Người đó là nhận diện và giải quyết chính xác mối quan hệ biện chứng trong việc kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại góp phần định hướng đúng

đẫn cho cuộc cách mạng Việt Nam là tiền đề cho việc giải quyết đúng đắn mối quan hệ biện chứng về kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trên cơ sở thống nhất với nhau sẽ tạo “thế” và “lực” cho sự phát triển. Hồ Chí Minh đã tránh khuynh hướng nhận thức sai lầm, phiến diện như tuyệt đối hoá sức mạnh dân tộc, xem nhẹ sức mạnh thời đại hay tuyệt đối hoá sức mạnh thời đại, xem nhẹ sức mạnh dân tộc, sùng ngoại hay bài ngoại. Đây là bài học đối với nước ta trong bối cảnh toàn cầu hoá, hội nhập kinh tế quốc tế diễn ra mạnh mẽ như ngày nay nếu tuyệt đối hoá sức mạnh thời đại vô hình làm hạn chế việc phát huy nội lực dẫn đến nguy cơ mất ổn định chính trị gây mất độc lập dân tộc, mất bản sắc văn hoá, nghĩa tự đánh mất chính mình. Sức mạnh dân tộc là động lực bên trong trực tiếp quyết định, tuy nhiên nếu tuyệt đối hoá nội lực sẽ rơi vào bảo thủ, trì trệ, nguy cơ tụt hậu về mọi mặt nhất là tụt hậu về kinh tế. Điều đó được Đảng ta khẳng định qua nhiều lần Đại hội, tại Đại hội Đảng lần thứ XI khẳng định: “Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế ... phát huy cao độ nội lực, đồng thời tranh thủ ngoại lực, kết hợp yếu tố truyền thống với yếu tố hiện đại” [1; tr.66].

Bài học rút ra:

Tiếp tục khơi dậy và phát huy sự kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; đặt sự nghiệp CNH, HĐH, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; gắn sự phát triển của đất nước với sự phát triển chung của nhân loại. trên cơ sở đó giải quyết các mâu thuẫn trong quá trình kết hợp để định ra các đường lối chiến lược, sách lược đúng đắn, phấn đấu đến giữa thế kỉ XXI nước ta trở thành nước công nghiệp hiện đại theo định hướng XHCN.

Tiếp tục nêu cao nguyên tắc độc lập, tự chủ, tự lực tự cường trong thời đại cách mạng Công nghiệp lần thứ 4 như: phát huy sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước là động lực quan trọng, phát huy nhân tố con người, nhân tố đại đoàn kết toàn dân tộc là nhân tố quyết định sự thắng lợi của sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước hiện nay. Đồng thời, tiếp tục mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại, vốn, kinh nghiệm quản lý nền kinh tế, áp dụng thành tựu khoa học, công nghệ, chuyển đổi số... trên cơ sở độc lập chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, phát huy nội lực và dựa vào nội lực là chính, quyết định, cơ bản, lâu dài, nguồn lực bên ngoài là quan trọng.

Chuyển hoá linh hoạt giữa nội lực và ngoại lực để hỗ trợ, bổ sung cho nhau, hiện đại hoá nội lực, tận dụng các yếu tố tích cực của ngoại lực nhằm tạo thành sự chuyển hoá thành sức mạnh bên trong.

Tiếp tục thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, vì hoà bình hữu nghị, hợp tác và phát triển đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ đối ngoại, là bạn, là đối

tác tin cậy và là thành viên tích cực, có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế.

KẾT LUẬN

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã để lại cho chúng ta tài sản tinh thần vô giá, việc tiếp tục nghiên cứu, vận dụng sáng tạo những tư tưởng, bài học của Người về kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại là một trong nhân tố quyết định sự nghiệp xây dựng đất nước theo con đường chủ nghĩa xã hội. Làm toả sáng thêm tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề này, chúng ta tiếp tục phát huy nội lực, làm mới nội lực theo chiều hướng đi lên từ thấp đến cao, có sự ra đời của nội lực mới xứng tầm với sự phát triển của đất nước để tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp biến, chuyển hoá những yếu tố sức mạnh của thời đại, góp phần chuyển hoá lẫn nhau nhằm tạo ra khuynh hướng của sự vận động trong sự phát triển mọi mặt của nước ta. Tuyệt đối tránh hai khuynh hướng hữu khuynh như tư tưởng bảo thủ, trì trệ, không dám tạo ra sự biến đổi từ nội lực và ngoại lực và khuynh hướng tả khuynh trong khuynh như tư tưởng chủ quan, nóng vội tạo nên sự tác động từ nội lực và ngoại lực, từ ngoại lực vào nội lực dẫn đến hậu quả khôn lường trong phát triển kinh tế, văn hoá, chính trị, rơi vào nguy cơ mất bản sắc văn hoá, bất ổn về chính trị, lạm phát... vì thế, cần khẳng định mối quan hệ biện chứng giữa kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại, phát huy sức mạnh dân tộc là cơ sở vững chắc, là điều kiện để tiếp nhận sức mạnh thời đại và ngược lại, tích cực chủ động tiếp cận sức mạnh thời đại để chuyển biến chúng thành sức mạnh bên trong để tạo thành sức mạnh tổng hợp trong sự phát triển, trong đó sức mạnh dân tộc là quyết định, sức mạnh thời đại là quan trọng trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, tr 66.

² Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

³ Đảng Cộng sản Việt Nam (1998), Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung Ương khoá VIII, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1998, tr.56.

⁴ Hồ Chí Minh toàn tập (2021), tập 1, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

⁵ Hồ Chí Minh toàn tập (2021), tập 6, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

⁶ Hồ Chí Minh toàn tập (2021), tập 7, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

PHÁT TRIỂN CÂU LẠC BỘ “LÝ LUẬN TRẺ” GIẢI PHÁP HỮU HIỆU ĐỂ TUỔI TRẺ LÀO CAI THAM GIA BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG

THS. NGUYỄN THỊ ÁNH ĐÀO

Phó Trưởng khoa Lý luận cơ sở, Trường Chính trị tỉnh Lào Cai

Ngày nhận: 8/5/2023; Ngày sửa: 17/5/2023; Duyệt
đăng: 25/5/2023.

Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam là việc làm thường xuyên của cả hệ thống chính trị trước sự chống phá của các thế lực thù địch trong và ngoài nước. Công việc này đã thu hút sự quan tâm và tham gia của các tầng lớp nhân dân, trong đó có lực lượng đoàn viên thanh niên - những người chủ tương lai của đất nước. Đã có nhiều cách làm khác nhau đem lại hiệu quả thiết thực đối với công tác này như bồi dưỡng lý tưởng cách mạng cho thế hệ trẻ; đổi mới hình thức sinh hoạt Đoàn; tổ chức các buổi tọa đàm; hội thi báo cáo viên, tuyên truyền viên giỏi... Trong những cách làm đó thì việc xây dựng, duy trì và phát triển mô hình câu lạc bộ “Lý luận trẻ” đã thực sự phát huy mạnh mẽ vai trò của đoàn viên thanh niên (ĐVTN) đối với việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

Đây là mô hình tập hợp các cán bộ đoàn, ĐVTN yêu thích và có khả năng nghiên cứu, trao đổi về lý luận, nghiên cứu về Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, về Đảng Cộng sản Việt Nam và con đường đi lên Chủ nghĩa xã hội trong giai đoạn mới, về tổ chức Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, nhằm nâng cao khả năng hoạt động thực tiễn và khái quát thành lý luận khoa học.

Hiện nay trên địa bàn tỉnh Lào Cai có 204.586 ĐVTN (trong đó 151.488 thanh niên và 53.098 đoàn viên). Đây là một lực lượng có tri thức, sức khỏe, năng động, sáng tạo và là nguồn nhân lực quan trọng đối với sự phát triển kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng của tỉnh. Nhận thức rõ vai trò của lực lượng này và căn cứ vào hướng dẫn của Trung ương Đoàn, từ năm 2019 đến nay, Tỉnh đoàn Lào Cai đã thành lập 01 câu lạc bộ “Lý luận trẻ” cấp tỉnh và 14 câu lạc bộ cấp huyện với sự tham gia của 264 thành viên (trong đó câu lạc bộ cấp tỉnh có số lượng thành viên đông nhất với 30 thành viên), câu lạc bộ cấp huyện trung bình có 15 thành viên. Câu lạc bộ có ít nhất thành viên nhất là 4 đồng chí (ĐTN bộ chỉ huy quân sự tỉnh) và nhiều nhất là 30 thành viên (Huyện đoàn Sa Pa). 15 Câu lạc bộ Lý luận trẻ trên địa bàn tỉnh đều tổ chức sinh hoạt định kỳ 1 quý/lần thông qua các hội nghị (trực tiếp và

trực tuyến) và qua các trang Fanpage của mình. Qua khảo sát cho thấy tất cả chủ nhiệm Câu lạc bộ “Lý luận trẻ” đều có trình độ lý luận chính trị từ trung cấp trở lên, trong đó có 4 đồng chí có trình độ Cao cấp lý luận chính trị. Đây là những cán bộ đoàn có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ công tác đoàn và được bồi dưỡng thế giới quan và phương pháp luận khoa học, có bản lĩnh chính trị vững vàng, nhiệt tình, trách nhiệm cao trong công việc. Nhiều thành viên Câu lạc bộ là phóng viên, biên tập viên Báo Lào Cai hoặc Đài phát thanh truyền hình trên địa bàn tỉnh. Đây cũng là nguồn lực quan trọng để Câu lạc bộ Lý luận trẻ phát huy vai trò của mình.

Xác định câu lạc bộ “Lý luận trẻ” là môi trường để các cán bộ, ĐVTN trao đổi, chia sẻ, nghiên cứu những vấn đề lý luận và tuyên truyền sâu rộng đến lực lượng ĐVTN trong toàn tỉnh. Hằng năm, Tỉnh đoàn Lào Cai đều đưa nội dung này vào chương trình công tác năm với sự chỉ đạo sát sao, kịp thời. Sau 2 năm triển khai đi vào hoạt động, đến nay các cấp bộ Đoàn tỉnh Lào Cai có 3.216 báo cáo viên các cấp (trong đó có 27 báo cáo viên cấp tỉnh; 399 báo cáo viên cấp huyện và 2.789 báo cáo viên cấp cơ sở). Cùng với đội ngũ báo cáo viên hùng hậu, 264 thành viên Câu lạc bộ “Lý luận trẻ” đã thực sự phát huy vai trò của đội ngũ đoàn viên thanh niên trong việc nâng cao thế giới quan duy vật biện chứng và tham gia bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong tình hình hiện nay, đặc biệt trên không gian mạng.

Từ khi thành lập đến nay, Câu lạc bộ Lý luận trẻ tỉnh Lào Cai đã tổ chức được 199 hoạt động (cấp tỉnh 31 hoạt động; cấp huyện 168 hoạt động), trong đó có 5 đợt sinh hoạt với hình thức trực tuyến tại các địa phương bị tác động bởi dịch Covid -19 như Văn Bàn, Bảo Yên. Đặc biệt, năm 2019, 56 đại biểu là thành viên Câu lạc bộ lý luận trẻ các tỉnh thuộc khu vực Tây Bắc đã tham gia tọa đàm với chủ đề “Nâng cao công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho đoàn viên, thanh niên cụm Tây Bắc bộ - Tình hình và giải pháp trong giai đoạn hiện nay” tại Lào Cai.

Qua các hoạt động được tổ chức và 156 bài viết của các thành viên được đăng tải trên các fanpage của của câu lạc bộ, nhiều chủ đề hay đã thu hút các thành viên câu lạc bộ tham gia như: “Mỗi tuần một câu hỏi, một đáp

án” của Đoàn Thanh niên Bộ đội biên phòng tỉnh; “mỗi tuần một tin tốt, mỗi tuần một câu chuyện đẹp” của Đoàn Thanh niên công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam; Diễn đàn “Thanh niên sử dụng mạng xã hội an toàn, chủ động đấu tranh phòng chống tin giả, tin xấu độc trên không gian mạng” của Đoàn Khối cơ quan - doanh nghiệp tỉnh, “giá trị hình mẫu thanh niên thời kỳ mới trong năm 2021” của Huyện đoàn Bắc Hà; diễn đàn “Tăng sức đề kháng cho thanh niên trước thông tin xấu độc” của Huyện đoàn Văn Bàn... Riêng chuyên mục “Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng” trên Fanpage luôn được tất cả các câu lạc bộ này duy trì và thực hiện thường xuyên. Nhiều đơn vị chủ động triển khai viết tin bài tuyên truyền về nghị quyết Đại hội Đảng các cấp; đấu tranh phản biện các quan điểm sai trái, thù địch hoặc những thông tin không đúng về tình hình dịch bệnh Covid - 19, qua đó góp phần định hướng tư tưởng, dư luận xã hội cho cán bộ, đoàn viên, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Bên cạnh những kết quả đã đạt được như trên, hoạt động của Câu lạc bộ vẫn chỉ thu hút những thành viên tham gia. Mặc dù tất cả các câu lạc bộ này đều có trang Fanpage riêng nhưng những bài viết, những hoạt động của câu lạc bộ chưa thực sự thu hút lực lượng đoàn viên thanh niên nhất là những thanh niên ở khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Chính bởi vậy vẫn chưa khai thác hết tiềm năng của lực lượng ĐVTN ở cơ sở. Ngoài ra, trình độ lý luận chính trị của các thành viên câu lạc bộ vẫn còn hạn chế nên việc am hiểu những tri thức lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng vẫn mới dừng trên khía cạnh lý luận. Để luận giải những vấn đề thực tiễn sinh động nhằm thuyết phục lực lượng ĐVTN đồng đảo tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, bảo vệ hệ tư tưởng của giai cấp công nhân mà Đảng và nhân dân đã lựa chọn trong giai đoạn hiện nay là điều không mấy dễ dàng.

Bởi vậy, trong thời gian tới, câu lạc bộ “Lý luận trẻ” tỉnh Lào Cai muốn tiếp tục phát huy vai trò của lực lượng ĐVTN tham gia bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng cần thực hiện tốt một số giải pháp sau:

Một là, các cấp bộ Đoàn trên địa bàn tỉnh tiếp tục chỉ đạo các câu lạc bộ duy trì hoạt động có hiệu quả, có sự định hướng trong từng giai đoạn. Tỉnh đoàn Lào Cai có thể mở các buổi tập huấn kỹ năng điều hành đối với Ban chủ nhiệm câu lạc bộ. Ngoài ra, có thể mở các cuộc thi viết hoặc thi trắc nghiệm về bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng và triển khai sâu rộng đến toàn thể ĐVTN. Điều đó không chỉ giúp nhiều ĐVTN hiểu sâu sắc hơn về nền tảng tư tưởng của Đảng mà còn góp phần bồi dưỡng thế giới quan duy vật biện chứng và phương pháp làm việc khoa học cho đội ngũ này.

Hai là, nâng cao trình độ lý luận chính trị cho đội ngũ này thông qua đào tạo trung cấp lý luận chính trị, bồi dưỡng đảng viên mới, tìm hiểu về Đảng, giáo dục 6 bài lý luận phổ thông... Trong thời gian qua, Tỉnh đoàn Lào Cai

đã phối hợp với Trường Chính trị tỉnh mở lớp Trung cấp lý luận chính trị - hành chính dành riêng cho cán bộ đoàn các cấp và đã tạo điều kiện cho nhiều đoàn viên thanh niên tham gia khóa học này ở các địa phương khác nhau trên địa bàn tỉnh. Qua đó trình độ lý luận chính trị của đội ngũ này đã được nâng lên, góp phần quan trọng vào việc tổ chức thực hiện có hiệu quả câu lạc bộ “Lý luận trẻ”. Qua khảo sát cho thấy hiện nay, ngoài 30 thành viên Câu lạc bộ cấp tỉnh đều có trình độ trung cấp lý luận chính trị trở lên thì còn khoảng 30% thành viên câu lạc bộ cấp huyện chưa được đào tạo trung cấp lý luận chính trị. Bởi vậy, muốn nâng cao hơn nữa hoạt động của câu lạc bộ này thì việc nâng cao trình độ lý luận chính trị cho đối tượng này là cần thiết.

Ba là, đổi mới hình thức hoạt động của Câu lạc bộ “Lý luận trẻ”. Qua thực tế, các câu lạc bộ này sinh hoạt đều đặn 1 quý/lần. Tuy nhiên chủ yếu dừng lại ở hình thức hội nghị, diễn đàn hoặc viết bài trên các fanpage. Điều đó cho thấy, nhiều khi, hoạt động của câu lạc bộ cũng mới chỉ dừng lại ở phạm vi các thành viên câu lạc bộ. Để đổi mới hình thức hoạt động này, thiết nghĩ các câu lạc bộ có thể mở rộng đối tượng sinh hoạt để đem lại hiệu quả cao hơn. Tổ chức những hoạt động thu hút sự quan tâm của đông đảo lực lượng ĐVTN ở các địa phương như tổ chức những buổi sinh hoạt chuyên đề, hoạt động ngoại khóa ở những chi đoàn cụ thể để tuyên truyền sâu rộng hơn nữa nền tảng tư tưởng của Đảng với những ĐVTN khu vực nông thôn hoặc vùng sâu vùng xa.

Bốn là, nêu gương điển hình tiên tiến và nhân rộng những mô hình, cách làm hay đến với các ĐVTN. Có thể nói, ĐVTN là những người nhạy bén với thời cuộc, có khả năng sáng tạo, có tư duy tốt. Tuy nhiên lại chưa có nhiều kiến thức thực tế và kinh nghiệm sống nên dễ bị lôi kéo, kích động. Chính vì vậy, việc nêu gương những điển hình tiên tiến và nhân rộng những mô hình, những cách làm hay của ĐVTN ở các địa phương khác nhau thông qua những câu chuyện, những hình ảnh đẹp, những việc làm tốt sẽ góp phần lan tỏa, tạo hiệu ứng mạnh mẽ để lực lượng này phát huy vai trò và khả năng của mình đem lại hiệu quả cao hơn.

“Câu lạc bộ Lý luận trẻ” đã tập trung vào nội dung chính là đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, thông tin xấu độc và sinh hoạt lý luận chính trị tư tưởng. Đây là những hoạt động ý nghĩa, sát thực, góp phần nâng cao nhận thức về chủ các chủ trương, chính sách của Đảng, nhà nước và tổ chức Đoàn; tập hợp và phát huy sức mạnh của lực lượng ĐVTN tham gia đấu tranh, phản bác các luận điệu sai trái của các thế lực thù địch; đồng thời tuyên truyền, lan tỏa các thông tin tốt, hành động đẹp trong xã hội. Qua đó, giáo dục nâng cao nhận thức, bồi dưỡng kỹ năng nhận diện, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, góp phần bảo vệ vững chắc nền tảng lý luận của Đảng trong xu hướng phát triển của xã hội hiện nay.

NÂNG CAO Ý THỨC TỰ BẢO VỆ CỦA HỌC VIÊN, CÁC NHÀ TRƯỞNG QUÂN ĐỘI TRƯỚC ÂM MƯU, THỦ ĐOẠN “PHI CHÍNH TRỊ HÓA” QUÂN ĐỘI CỦA CÁC THỂ LỰC THÙ ĐỊCH HIỆN NAY

Thượng sĩ TÔN ĐỨC HOÀNG - Thượng sĩ VÕ LÝ ĐẠT THÀNH

Trường Sĩ quan Chính trị

Tóm tắt: “Phi chính trị hóa” Quân đội trở thành mũi tiến công trực diện của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch đến Quân đội ta. Việc nâng cao ý thức tự bảo vệ của học viên các Nhà trường Quân đội trước âm mưu, thủ đoạn “phi chính trị hóa” Quân đội của các thế lực thù địch trở thành một trong những nhiệm vụ quan trọng, tạo nên “hệ miễn dịch”, khả năng đề kháng cho bản thân mỗi học viên, đồng thời phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của họ trong thực tiễn đấu tranh phòng, chống âm mưu, thủ đoạn này. Bài viết trình bày thực trạng hoạt động nâng cao ý thức tự bảo vệ của học viên các Nhà trường Quân đội trước âm mưu, thủ đoạn “phi chính trị hóa” Quân đội và đưa ra một số giải pháp cơ bản nhằm nâng cao chất lượng hoạt động này.

Từ khóa: phi chính trị hóa, tự bảo vệ, học viên, nhà trường quân đội, các thế lực thù địch.

Ngày nhận: 19/5/2023; Ngày sửa: 22/5/2023;
Duyệt đăng: 25/5/2023.

“Phi chính trị hóa” Quân đội thực chất là âm mưu, thủ đoạn chính trị nằm trong chiến lược “diễn biến hòa bình” của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch nhằm lôi kéo Quân đội xa rời hệ tư tưởng xã hội chủ nghĩa, tách Quân đội nhân dân Việt Nam ra khỏi sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam; làm cho Quân đội bị tha hóa, biến chất về chính trị và bị vô hiệu hóa. Đồng thời làm cho Đảng Cộng sản, Nhà nước và nhân dân mất chỗ dựa vững chắc để bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa. Chúng cho rằng: Lực lượng vũ trang chỉ cần trung thành với Tổ quốc và nhân dân, hoặc là Quân đội chỉ có chức năng bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ nhân dân, chứ không có chức năng bảo vệ Đảng, Nhà nước hay bất cứ tổ chức chính trị nào; nguy hiểm hơn, chúng còn cho rằng “Quân đội không chịu sự lãnh đạo của Đảng”... Thực chất đây là những luận điểm hết sức phản động, phủ nhận bản chất giai cấp công nhân, tính nhân dân, và tính dân tộc của Quân đội ta, trái với bản chất, truyền

thống và chức năng, nhiệm vụ của Quân đội nhân dân Việt Nam.

Học viên các Nhà trường Quân đội là những người có đủ điều kiện về phẩm chất, năng lực, đạo đức, sức khỏe để phục vụ lâu dài trong Quân đội. Phần lớn học viên có động cơ học tập, rèn luyện đúng đắn và có xu hướng nghề nghiệp rõ ràng. Học viên có tuổi đời còn rất trẻ (từ 18 đến 25 tuổi), đây là lứa tuổi thanh niên nhanh nhẹn, thể lực tốt, ham học hỏi có khả năng nhận thức tốt, hiểu động, thích khám phá những cái mới, khát khao lý tưởng và hành động thực hiện lý tưởng, hướng tới các giá trị tốt đẹp và có nguyện vọng trở thành người sĩ quan trong Quân đội nhân dân Việt Nam. Do vậy, khi đứng trước âm mưu, thủ đoạn “phi chính trị hóa” Quân đội hết sức thâm độc, xảo quyệt của các thế lực thù địch, họ rất dễ bị tác động, lôi kéo nếu như không hiểu thực chất về âm mưu, thủ đoạn này cũng như không xây dựng cho bản thân bản lĩnh chính trị vững vàng và nhân quan chính trị đúng đắn.

Những năm qua, Đảng ủy, Ban Giám hiệu, các cơ quan chức năng, cấp ủy, chỉ huy các cấp ở các Nhà trường Quân đội đã nhận thức đúng vị trí, tầm quan trọng và sự cần thiết của hoạt động nâng cao ý thức tự bảo vệ của học viên các Nhà trường Quân đội trước âm mưu, thủ đoạn “phi chính trị hóa” Quân đội của các thế lực thù địch và coi đây là nhiệm vụ chính trị quan trọng cần phải thường xuyên lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai tổ chức thực hiện ở các cấp.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, thực tiễn cho thấy, học viên ở một số đơn vị còn biểu hiện mơ hồ, xem nhẹ, mất cảnh giác trước âm mưu, thủ đoạn phá hoại của các thế lực thù địch; sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của một số cấp ủy đảng, chỉ huy đơn vị chưa sâu sát; nội dung, hình thức, biện pháp nâng cao ý thức tự bảo vệ của học viên còn thiếu hoặc chưa đi vào thực chất, còn tồn tại một số hạn chế, vướng mắc ở một số khâu, một số thời điểm nhất định. Do đó, chưa đạt được những chất lượng, hiệu quả tối đa trong hoạt động đấu tranh phòng, chống âm mưu, thủ đoạn “phi chính trị hóa”

Quân đội của các thế lực thù địch.

Trước tình hình các thế lực thù địch đẩy mạnh thực hiện âm mưu, thủ đoạn “phi chính trị hóa” Quân đội với các hình thức chống phá không ngừng gia tăng và “hở lộ”, thì việc tiến hành đồng bộ, hiệu quả các giải pháp nâng cao ý thức tự bảo vệ của học viên các Nhà trường Quân đội hiện nay trước âm mưu, thủ đoạn này là vấn đề cấp thiết, đặc biệt quan trọng. Do đó, cần chú trọng thực hiện tốt một số nội dung, giải pháp sau:

Một là, tiếp tục làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các chủ thể trong nâng cao ý thức tự bảo vệ của học viên các Nhà trường Quân đội trước âm mưu, thủ đoạn “phi chính trị hóa” Quân đội của các thế lực thù địch.

Đảng ủy, Ban Giám hiệu các Nhà trường Quân đội cần kịp thời chỉ đạo các cơ quan, phòng, ban ban hành các văn bản, chỉ thị, quy định, hướng dẫn về hoạt động nâng cao ý thức tự bảo vệ của học viên đào tạo giáo viên KHXX&NV trước âm mưu, thủ đoạn “phi chính trị hóa” Quân đội của các thế lực thù địch và hướng dẫn tổ chức thực hiện trong toàn Trường, đặc biệt coi trọng phát huy vai trò chủ động, tích cực, quyết định của các cấp ủy Đảng, chỉ huy các cấp trong mọi khâu, mọi quy trình đào tạo.

Các cơ quan, phòng, ban tham mưu giúp Đảng ủy, Ban giám hiệu các Nhà trường Quân đội xây dựng, ban hành các văn bản chỉ đạo hoạt động nâng cao ý thức tự bảo vệ của học viên trước âm mưu, thủ đoạn “phi chính trị hóa” Quân đội của các thế lực thù địch phù hợp với chức năng, quyền hạn của các tổ chức, lực lượng.

Cấp ủy đảng, chỉ huy các cấp cần nhận thức đầy đủ, sâu sắc việc tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện các nội dung, yêu cầu, nhiệm vụ của hoạt động này, nhất là sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên trong phạm vi quyền hạn, trách nhiệm của mình. Trên cơ sở đó, xác định rõ quyết tâm chính trị, ý thức trách nhiệm cá nhân trong hoạt động trên, coi đó là nhiệm vụ chính trị quan trọng cần phải làm ngay. Nghiên cứu, lựa chọn, kiện toàn đội ngũ trực tiếp làm công tác GD - ĐT, bồi dưỡng nâng cao ý thức tự bảo vệ của học viên các Nhà trường Quân đội, đáp ứng được yêu cầu cả về kiến thức, kỹ năng và thái độ công tác, tiến hành song song với việc thường xuyên tăng cường công tác kiểm tra, giám sát chặt chẽ các khâu, các bước, các nội dung bảo đảm thực hiện tốt ngay từ đầu và xuyên suốt trong công tác GD - ĐT, bồi dưỡng học viên. Cấp ủy đảng, chỉ huy các cấp cần kịp thời bổ sung chủ trương, biện pháp lãnh đạo và định kỳ sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm hoạt động nâng cao ý thức tự bảo vệ của học viên các Nhà trường Quân đội trước âm mưu, thủ đoạn “phi chính trị hóa” Quân đội của các

thế lực thù địch, thường xuyên báo cáo, xin ý kiến lãnh đạo, chỉ đạo cấp trên và chủ động phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, phòng, ban trong giải quyết những vấn đề khi có nảy sinh.

Phối hợp giữa các khoa giáo viên với đơn vị quản lý học viên, nhất là giữa đội ngũ giảng viên với học viên trong nâng cao ý thức tự bảo vệ trước âm mưu, thủ đoạn “phi chính trị hóa” Quân đội của các thế lực thù địch. Giảng viên phải thực sự mô phạm về lời nói và việc làm, gương mẫu chấp hành các quy chế đào tạo, rèn luyện phương pháp tác phong, tính kỷ luật nghiêm túc, duy trì chặt chẽ nguyên tắc, quy trình tổ chức dạy học, xen kẽ với quá trình ấy là giáo dục nâng cao ý thức tự bảo vệ của học viên các Nhà trường Quân đội trước âm mưu, thủ đoạn “phi chính trị hóa” Quân đội của các thế lực thù địch khi thực hiện nhiệm vụ giảng dạy trên giảng đường, thao trường, bãi tập...

Hai là, đổi mới nội dung, đa dạng hóa các hình thức nâng cao ý thức tự bảo vệ của học viên các Nhà trường Quân đội trước âm mưu, thủ đoạn “phi chính trị hóa” Quân đội của các thế lực thù địch.

Cần tập trung vào giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; các Nghị quyết, chỉ thị, định hướng của Đảng, Nhà nước, Chính phủ, Ban Bí thư, Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng và Nhà trường, nhất là Nghị quyết số 35 - NQ/TW ngày 22/10/2018 về “Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới”, Chỉ thị số 47/CT-CT ngày 08/01/2016 của Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị về “Tổ chức lực lượng đấu tranh chống quan điểm sai trái, thù địch, cơ hội chính trị trên không gian mạng trong Quân đội”, Nghị quyết Trung ương 4 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XII) về “Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ”, Nghị quyết số 21-NQ/TW Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về “Tăng cường củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên trong giai đoạn mới”, Kết luận số 01-KL/TW ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị khóa XII “Về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, kết hợp cùng cuộc vận động “Phát huy truyền thống, cống hiến tài năng, xứng danh Bộ đội Cụ Hồ thời kỳ mới”...; giáo dục nâng cao nhận thức về âm mưu, thủ đoạn, phương thức hoạt động của âm mưu, thủ đoạn “phi chính trị hóa” Quân đội của các thế lực thù địch; bồi dưỡng, nâng cao trình độ nhận thức về mục tiêu, lý tưởng, chức năng, nhiệm vụ, bản chất, truyền thống của Quân đội nhân dân Việt Nam.

Các chủ thể cần phải linh hoạt, sáng tạo trong việc sử dụng các hình thức bồi dưỡng, giáo dục nâng cao như: tổ chức các lớp tập huấn, hội thảo khoa học với sự tham gia của các nhà khoa học có uy tín, giảng viên giỏi để tạo cơ hội cho học viên các Nhà trường Quân đội giao lưu, học hỏi, mở mang tri thức; tổ chức tốt các hình thức nghiên cứu chuyên đề, giáo dục lý luận chính trị hằng năm, kết hợp với các buổi thông tin thời sự đột xuất, tăng cường tổ chức viết bài đấu tranh trực diện, tham gia các diễn đàn, tọa đàm, hội thảo khoa học, trao đổi, rút kinh nghiệm trong hoạt động đấu tranh trên lĩnh vực tư tưởng, lý luận. Trong từng nội dung bài giảng, từng vấn đề khoa học cần có sự trao đổi, thảo luận để thống nhất, tránh những sai lầm, vấp vấp đáng tiếc; thực hiện tốt cấp trên bồi dưỡng cho cấp dưới. Các chủ thể cần căn cứ vào kế hoạch đào tạo của Nhà trường, nhiệm vụ, trình độ nhận thức của từng bộ phận từ đó đề cao tính chủ động, sáng tạo, chỉ đạo và lập kế hoạch, tổ chức các hoạt động giáo dục, nâng cao năng lực đấu tranh chống âm mưu, thủ đoạn “phi chính trị hóa” Quân đội của các thế lực thù địch cho học viên các Nhà trường Quân đội.

Ba là, phát huy nhân tố chủ quan của học viên các Nhà trường Quân đội trong đấu tranh chống âm mưu, thủ đoạn “phi chính trị hóa” Quân đội của các thế lực thù địch.

Với vai trò là chủ thể quyết định trực tiếp chất lượng, hiệu quả của hoạt động nâng cao ý thức tự bảo vệ của mình, mỗi học viên các Nhà trường Quân đội phải thấu suốt nghĩa vụ, trách nhiệm quyền lợi của cá nhân đối với nhiệm vụ trọng yếu này. Do đó, mọi học viên cần chủ động, tích cực, tự giác tiếp nhận, nghiên cứu phương thức, thủ đoạn mà các thế lực thù địch sử dụng để thực hiện âm mưu, thủ đoạn “phi chính trị hóa” Quân đội, xác định đúng động cơ, bồi đắp, hoàn thiện kỹ năng, phương pháp nhìn nhận, đánh giá chính xác về tính chất phi lý của những luận điểm mà các thế lực thù địch đã nêu ra. cần kiên định nền tảng tư tưởng của Đảng là chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên trì nguyên tắc ở Việt Nam Đảng Cộng sản là đáng cầm quyền lãnh đạo Nhà nước và toàn xã hội, không chấp nhận đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập; kiên quyết đấu tranh, phê phán, bác bỏ các âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, nhất là âm mưu, thủ đoạn “phi chính trị hóa” Quân đội.

Mỗi học viên các Nhà trường Quân đội cần phải khoa học hóa quá trình tự học tập, tự rèn luyện nâng cao ý thức tự bảo vệ bản thân.

Theo đó, hoạt động tự học tập, tự rèn luyện của chủ thể tiếp nhận phải đặt dưới sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, sự kiểm tra, giám sát của lãnh đạo, chỉ huy các cấp. Trên cơ sở kế hoạch của từng cá nhân, các chủ thể cần tạo điều kiện thuận lợi, động

viên, khuyến khích phong trào tự học tập, tự rèn luyện của đội ngũ học viên các Nhà trường Quân đội để tạo niềm tin tích cực, chủ động, sáng tạo, phấn đấu vươn lên, góp phần nâng cao ý thức tự bảo vệ cá nhân trước âm mưu, thủ đoạn “phi chính trị hóa” Quân đội của các thế lực thù địch. Theo sát kết quả tự học tập, tự rèn luyện của học viên để định kỳ tổ chức đánh giá về mức độ trưởng thành của họ. Trong đánh giá cần chỉ ra cụ thể về trình độ tri thức, thái độ, tình cảm, ý chí quyết tâm, khả năng tiến hành đấu tranh tư tưởng trong thực tiễn. Kịp thời biểu dương, khen thưởng những cá nhân đã chủ động, tích cực, tự giác phấn đấu trong tu dưỡng rèn luyện. Đồng thời, cũng có những biện pháp kiến quyết đối với những cá nhân có những biểu hiện thiếu phấn đấu tu dưỡng, học tập và rèn luyện làm ảnh hưởng trực tiếp đến bản thân và phong trào tự học tập, tự rèn luyện của đơn vị.

Bốn là, đấu tranh chống âm mưu, thủ đoạn “phi chính trị hóa” Quân đội của các thế lực thù địch cho học viên các Nhà trường Quân đội phải kết hợp chặt chẽ giữa “xây” và “chống”, giữa “chống” và “xây”.

Thực hiện tốt việc “xây” để việc “chống” đạt hiệu quả cao hơn; đồng thời tiến hành tốt việc “chống” để việc “xây” đạt hiệu quả tốt hơn.

“Xây” được hiểu là tổng hòa các giải pháp tập trung cơ bản vào bên trong, còn “chống” là tập trung hướng vào ngăn ngừa, phát hiện, đấu tranh, đẩy lùi những mầm mống về nhận thức lệch lạc nảy sinh, đặc biệt là những tác động xấu từ bên ngoài vào, có nguy cơ phá vỡ sự ổn định về bản lĩnh chính trị tư tưởng của sĩ học viên các Nhà trường Quân đội. Trên cơ sở đó, các nhà trường quân đội luôn phải triệt tình thần lấy xây dựng, tăng cường, củng cố tư tưởng, bản lĩnh chính trị cho học viên là nhiệm vụ trọng tâm, lâu dài; chống các biểu hiện nhận thức lệch lạc, hành động sai trái, tác động tiêu cực là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục.

Trong giải quyết mối quan hệ này, “xây” mang tính quyết định, song nhiệm vụ “chống” cũng hết sức quan trọng; nếu “xây” không bền chặt, vững chắc thì “chống” cũng cũng khó phát huy hết khả năng. Do đó các nhà trường quân đội cần xác định “xây” phải mang tính toàn diện, còn “chống” cần chọn lọc, cụ thể. Tính toàn diện của việc “xây” được biểu hiện qua sự bao phủ ở tất cả các nhóm đối tượng, từng cá nhân học viên ở các Nhà trường Quân đội, trên tất cả các ngành học, cấp học, các mối quan hệ của họ cũng như trong mọi điều kiện hoàn cảnh, thời gian, không gian..., mặt khác việc “chống” phải được tính toán căn cứ, có chọn lọc, làm từng bước cần trọng, có biện pháp, cách thức đấu tranh phù hợp, tránh đấu tranh, phê bình chung chung, không đúng,

không trùng. Quá trình thực hiện cần quán triệt tốt phương châm “bảo vệ” gắn liền với “đấu tranh”, lấy “tích cực” đẩy lùi “tiêu cực”, lấy “cái đẹp” dẹp “cái xấu”, qua đó làm cho những tư tưởng đúng đắn, tích cực không ngừng sinh sôi, nảy nở, dần thấm sâu vào nhận thức, hành động của mỗi học viên ở các Nhà trường Quân đội; đồng thời còn có tác dụng uốn nắn những cá nhân, tổ chức có nhận thức và hành động lệch chuẩn trước âm mưu, thủ đoạn “phi chính trị hóa” Quân đội của các thế lực thù địch.

Năm là, tiếp tục xây dựng môi trường thuận lợi để nâng cao ý thức tự bảo vệ của học viên các Nhà trường Quân đội trước âm mưu, thủ đoạn “phi chính trị hóa” Quân đội của các thế lực thù địch.

Các tổ chức, lực lượng phải bảo đảm phát huy dân chủ, trí tuệ, đồng thời quán triệt và thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị, xây dựng đời sống văn hóa tinh thần lành mạnh ở đơn vị. Tiếp tục quán triệt và thực hiện tốt đường lối, chủ trương, chính sách về văn hóa của Đảng, Nhà nước, đặc biệt là Nghị quyết Trung ương 5 (Khóa VIII) về “*Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*”; Nghị quyết Trung ương 9 (Khóa XI) về “*Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước*”; bồi dưỡng tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc, đạo đức, lối sống, nhân cách con người Việt Nam trong thời kỳ mới.

Bên cạnh đó, cần phát huy tốt vai trò, trách nhiệm, xây dựng các cơ quan, khoa, đơn vị thành nền nếp, có chất lượng, hiệu quả, luôn gắn kết chặt chẽ với phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*”, thực hiện tốt cuộc vận động “*Xây dựng môi trường văn hóa tốt đẹp, phong phú trong các đơn vị Quân đội*”, “*Phát huy truyền thống cống hiến tài năng, xứng danh Bộ đội Cụ Hồ*” thời kỳ mới, “*Đẩy mạnh học tập và làm theo tấm gương, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*” và các phong trào thi đua, cuộc vận động khác. Thực hiện nhiệm vụ xây dựng môi trường văn hóa bám sát yêu cầu xây dựng tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh, đơn vị vững mạnh toàn diện, nâng cao nhận thức chính trị, bồi dưỡng phẩm chất đạo đức, lối sống văn hóa cho cán bộ, học viên; cổ vũ, biểu dương cái tốt, cái đẹp, đấu tranh, phê phán và lên án, loại trừ cái xấu, cái lạc hậu, trong từng cơ quan, khoa, đơn vị ở các Nhà trường Quân đội. Xây dựng nhiều phong trào và mô hình văn hóa điển hình như: “*Dạy tốt, học tốt, phục vụ tốt*”, “*Đẹp người, đẹp doanh trại, đẹp tình quân dân*”. Tạo dựng môi trường văn hóa lành mạnh, giàu tính nhân văn, nhân ái vì mục tiêu xây dựng con người mới, đẩy mạnh phong trào cán bộ, học viên tu dưỡng, rèn luyện, nâng cao phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, thực hiện nếp sống chính quy, văn minh, hiện đại, góp phần xây dựng môi trường văn hóa - quân

sự trong sạch, lành mạnh, chính quy, mẫu mực, đồng thời, tích cực đấu tranh có hiệu quả với âm mưu, thủ đoạn “phi chính trị hóa” Quân đội.

Chú trọng xây dựng cơ chế, chính sách ở từng cơ quan, khoa, đơn vị nhằm phát huy cao nhất những lợi thế của các chủ thể nâng cao và mỗi học viên các Nhà trường Quân đội đối với công tác nâng cao ý thức tự bảo vệ trước âm mưu, thủ đoạn “phi chính trị hóa” Quân đội của các thế lực thù địch. Đồng thời, bảo đảm những thuận lợi cơ bản trong hoạt động nâng cao đi đôi với đưa ra những đòi hỏi bồi dưỡng phương pháp, kỹ năng nhìn nhận, đánh giá để nhận diện đúng về âm mưu, thủ đoạn “phi chính trị hóa” Quân đội. Cần kết hợp khai thác khả năng của các tổ chức, lực lượng trong công tác bảo đảm cơ sở vật chất, kỹ thuật bồi dưỡng phương pháp nhận diện cũng như nâng cao hiệu quả đấu tranh với âm mưu, thủ đoạn này. Có các hình thức, biện pháp khuyến khích, động viên học viên các Nhà trường Quân đội hăng hái, tích cực trong đấu tranh phòng, chống âm mưu, thủ đoạn “phi chính trị hóa” Quân đội của các thế lực thù địch. Chú trọng đầu tư cơ sở hạ tầng internet thích hợp với yêu cầu, nhiệm vụ bồi dưỡng phương pháp nhận diện và hoạt động đấu tranh chống âm mưu, thủ đoạn “phi chính trị hóa” Quân đội của các thế lực thù địch trước tác động của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Cấp ủy, chỉ huy các cơ quan, đơn vị cần thường xuyên lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, tổ chức tốt việc bảo đảm đúng, đủ, kịp thời mọi chế độ, tiêu chuẩn theo quy định về đời sống vật chất, tinh thần của bộ đội. Tích cực xây dựng môi trường tập thể quân nhân lành mạnh, đảm bảo mỗi cơ quan, đơn vị thực sự là một điểm sáng văn hoá, nơi giáo dục, rèn luyện cán bộ, chiến sĩ thành con người mới, cùng chung lý tưởng cách mạng, mục tiêu phấn đấu và hiệu quả công tác. Động viên học viên các Nhà trường Quân đội tích cực tăng gia sản xuất, cải thiện đời sống; tổ chức tốt các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, giao lưu, kết nghĩa, làm công tác dân vận, quan tâm đúng mức đến gia đình học viên các Nhà trường Quân đội và giải quyết tốt chính sách hậu phương Quân đội.

Như vậy, nâng cao ý thức tự bảo vệ của học viên các Nhà trường Quân đội hiện nay trước âm mưu, thủ đoạn “phi chính trị hóa” Quân đội của các thế lực thù địch là một nhiệm vụ rất quan trọng, góp phần xây dựng Quân đội vững mạnh toàn diện, đặc biệt là vững mạnh về chính trị, đáp ứng mục tiêu, yêu cầu xây dựng Quân đội cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại trong thời kỳ mới. Do vậy, cần thực hiện đồng bộ, phối hợp chặt chẽ các giải pháp nêu trên nhằm nâng cao chất lượng đấu tranh chống âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch hiện nay.

GIẢI PHÁP NGĂN CHẶN TÌNH TRẠNG “TỰ DIỄN BIẾN”, “TỰ CHUYỂN HÓA” TRONG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN Ở TỈNH TRÀ VINH THEO NGHỊ QUYẾT TRUNG ƯƠNG 4 (KHÓA XI VÀ KHÓA XII)

TS. LÊ THÚY HẰNG

Khoa Lý luận Chính trị, Trường Đại học Trà Vinh

Tóm tắt: Bài viết tập trung làm rõ khái niệm và đối tượng của “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”; Một số lĩnh vực, nguyên nhân, biểu hiện của “Tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” chủ yếu; Liên hệ tình hình thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (Khóa XI và Khóa XII) ở tỉnh Trà Vinh thời gian qua, từ đó đề xuất một số giải pháp ngăn chặn tình trạng “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong đội ngũ cán bộ, đảng viên ở địa phương này trong thời gian tới.

Từ khóa: tự diễn biến, tự chuyển hóa, Nghị quyết Trung ương tư, tỉnh Trà Vinh

Ngày nhận: 17/5/2023; Ngày sửa: 22/5/2023; Duyệt đăng: 23/5/2023

I. Mở đầu

“Tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ là thuật ngữ xuất hiện nhiều trong thời gian gần đây. Trên các diễn đàn chính thức, những thuật ngữ này được nhắc đến trong Nghị quyết Đại hội XI, Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 (khóa XI) và gần đây là Nghị quyết Đại hội XII của Đảng. Nhưng từ lâu, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” không hề là câu chuyện xa lạ với mỗi chúng ta. Trong lịch sử hàng nghìn năm qua, nhân loại đã chứng kiến biết bao thể chế, vương triều, quốc gia, dân tộc tự tan rã, biến mất trên bản đồ thế giới vì hiểm họa “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”. Thời gian gần đây, giặc “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ đã và đang diễn ra trong một bộ phận cán bộ, đảng viên gây ra những nguy hại rất lớn cho nước Việt Nam nói chung, tỉnh Trà Vinh nói riêng. Do đó, việc làm rõ cơ sở lý luận nhằm đưa ra một số giải pháp ngăn chặn quá trình “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong đội ngũ cán bộ, đảng viên ở tỉnh Trà Vinh hiện nay có ý nghĩa thiết thực.

II. Nội dung nghiên cứu

2.1. Một số vấn đề lý luận về “Tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”

2.1.2. Khái niệm và đối tượng của “Tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”

“Tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, là thuật ngữ có nhiều tranh luận và cách tiếp cận khác nhau, nhưng “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” nói chung chỉ sự vận động bên

trong của mọi sự vật, hiện tượng. Quá trình “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” chịu sự tác động và chi phối của cả nhân tố khách quan và chủ quan, trong đó nhân tố chủ quan là quan trọng. Thông thường, khi nói đến “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, người ta thường đề cập đến cả hai khuynh hướng của quá trình vận động, theo xu hướng tiến bộ và tích cực, hoặc theo xu hướng tiêu cực, tan rã và thoái trào. “Tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong trường hợp này là nói lên với ý nghĩa tiêu cực.

“Tự diễn biến là quá trình đấu tranh giữa các mặt tích cực và tiêu cực, giữa tư tưởng xã hội chủ nghĩa và tư tưởng tư bản chủ nghĩa trong nội tâm người cán bộ, đảng viên trước những tác động phức tạp của tình hình trong nước và quốc tế. Trong đó, yếu tố tiêu cực và tư tưởng tư bản chủ nghĩa dần dần tăng lên; yếu tố tích cực, cách mạng, tư tưởng xã hội chủ nghĩa phai nhạt dần. Đây là quá trình biến đổi từ bên trong chủ thể, đến một thời điểm nhất định, đến “độ” nhất định, sự biến đổi này sẽ chuyển sang hành động của chủ thể” [2, tr.167].

“Tự chuyển hóa là sự nối tiếp của quá trình “tự diễn biến”, nhưng ở cấp độ cao hơn. Đó là sự thay đổi về chất của quan điểm chính trị lẫn đạo đức, lối sống, khiến cho cán bộ, đảng viên không còn là chính mình, không những đánh mất vai trò tiên phong, gương mẫu mà có khi còn trở thành kẻ phản bội, chống lại Đảng và Nhà nước, thậm chí chuyển sang hàng ngũ kẻ thù” [2, tr.167].

Đối tượng của “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” mà các thế lực thù địch nhằm tới là các tổ chức, cá nhân trong hệ thống chính trị và mọi tầng lớp nhân dân trong xã hội, trong đó tập trung vào hệ thống tổ chức của Đảng, chính quyền, đoàn thể và đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức nhà nước và lực lượng vũ trang.

2.1.2. Một số lĩnh vực “Tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” chủ yếu

“Tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” có thể diễn ra trên tất cả các lĩnh vực từ tư tưởng, chính trị, đến kinh tế, văn hóa, đạo đức, lối sống. “Tự diễn biến” trên lĩnh vực tư tưởng là sự hoài nghi chủ nghĩa Mác-Lênin; thiếu niềm

tin, hoài nghi vai trò lãnh đạo của Đảng, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội; xa rời các nguyên lý xây dựng Đảng, phê phán lịch sử thiếu khách quan, bôi nhọ hình ảnh lãnh tụ và các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước... “Tự chuyển hóa” trên lĩnh vực tư tưởng là sự nối tiếp của quá trình “tự diễn biến” trên lĩnh vực tư tưởng. Khi sự biến đổi về chất đã làm thay đổi quan điểm tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên, sẽ dẫn đến hành động chống lại chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước. “Tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” về kinh tế là sự phủ nhận nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Trên lĩnh vực văn hóa, xã hội, đạo đức, lối sống, là sự đề cao, sùng bái, chạy theo văn hóa, lối sống tư sản; từ bỏ các giá trị văn hóa, đạo đức truyền thống, các giá trị văn hóa, đạo đức xã hội chủ nghĩa; xuyên tạc lịch sử, phủ nhận nền văn hóa cách mạng; đánh mất bản sắc văn hóa dân tộc; đề cao chủ nghĩa cá nhân, lối sống thực dụng... “Tự diễn biến” về văn hóa, xã hội, đạo đức, lối sống thường là sự khởi đầu cho “tự diễn biến” về tư tưởng. Trên lĩnh vực quốc phòng, an ninh, biểu hiện của “tự diễn biến” “tự chuyển hóa” là thay đổi bản chất nền quốc phòng, thay đổi bản chất cách mạng của lực lượng vũ trang...

2.1.3. Nguyên nhân của “Tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”

“Tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” ở Việt Nam hiện nay đang diễn ra hết sức phức tạp, với nhiều nguyên nhân:

Một là, sự tác động của các thế lực thù địch trên các lĩnh vực tư tưởng, kinh tế, chính trị, văn hóa... Sự tác động của các thế lực thù địch có nhiều phương thức, thủ đoạn thâm độc nhằm làm suy thoái, biến chất đội ngũ cán bộ, đảng viên cả về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống.

Hai là, những diễn biến phức tạp của tình hình thế giới (sự sụp đổ chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và các nước Đông Âu, các cuộc “Cách mạng màu”, “Mùa xuân Ả Rập”...).

Ba là, sự tác động từ mặt trái của cơ chế thị trường, hội nhập quốc tế.

Bốn là, sự khó khăn trong đời sống của nhân dân nói chung và của bộ phận không nhỏ đội ngũ cán bộ, đảng viên không giữ được bản lĩnh chính trị, tư tưởng, đạo đức.

Năm là, phương pháp lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước trên một số lĩnh vực, địa phương chưa khoa học, việc giáo dục đạo đức cách mạng bị buông lỏng, tình trạng tham ô, tham nhũng trong bộ máy chính quyền các cấp chưa ngăn chặn được mà có xu hướng gia tăng.

Những nguyên nhân này dẫn đến sự dao động, hoài nghi, giảm niềm tin vào vai trò lãnh đạo của Đảng và con đường cách mạng Việt Nam đang đi.

Đặc biệt, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong cán bộ, đảng viên có nguyên nhân quan trọng, trực tiếp từ chủ nghĩa cá nhân về kinh tế. Đó là:

Từ lợi ích bất chính về kinh tế của các cá nhân. Vì lợi ích cá nhân bất chính mà con người có thể làm bằng hoại các giá trị đạo đức truyền thống. Vị kỷ và thực dụng làm cho nhiều cán bộ, đảng viên tha hóa, mất kiểm soát, dẫn đến “chuyển hóa” lúc nào không hay, ngày càng xa rời lý tưởng cộng sản. Như trong trường hợp ông Trịnh Xuân Thanh - cựu Phó chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang, Nguyễn Thành Tài - cựu Phó chủ tịch UBND TP. HCM, Tất Thành Cang - cựu Phó bí thư Thành ủy TP. HCM.

Từ lợi ích nhóm, đó chính là một hình thức tham nhũng tập thể, được biểu hiện dưới các hình thức như báo cáo không trung thực, chạy dự án, chạy chức, chạy quyền, chạy chính sách... Lợi ích nhóm không những làm rối loạn, gây thất thoát nền kinh tế quốc gia, mà còn là nguy cơ thúc đẩy nhanh tiến trình “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ;

Từ tư duy mang tính nhiệm kỳ. Đây là lối suy nghĩ và cách thức hành xử công việc theo nhiệm kỳ bầu cử với mong muốn thu lợi cao nhất cho mình và nhóm lợi ích của mình trong thời gian tại vị;

Từ sự yếu kém trong quản lý nhà nước về kinh tế. Sự yếu kém này là lỗi hổng tạo điều kiện cho những cán bộ, đảng viên thoái hóa, biến chất lợi dụng, câu kết tham ô, bòn rút ngân sách của công làm của tư...

Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ đã nhận diện 27 biểu hiện suy thoái thuộc 3 nhóm tư tưởng - chính trị, đạo đức - lối sống, và những biểu hiện gồm: 9 biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, 9 biểu hiện suy thoái về đạo đức, lối sống, 9 biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ [1, tr.217]. Đại hội XII của Đảng đã dự báo: “Bốn nguy cơ mà Đảng ta đã chỉ ra tiếp tục tồn tại, trong đó có tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong một bộ phận cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức rất đáng lo ngại, làm giảm lòng tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân vào Đảng và Nhà nước” [1, tr.210].

2.2. Liên hệ tình hình thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (Khóa XI và Khóa XII) ở tỉnh Trà Vinh hiện nay

2.2.1. Khái quát về tỉnh Trà Vinh và thực trạng thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (Khóa XI và Khóa XII) ở tỉnh Trà Vinh thời gian qua

Trà Vinh là 01 trong 13 tỉnh, thành của đồng bằng sông Cửu Long, nằm về phía hạ lưu giữa sông Tiền - sông Hậu và giáp với biển Đông. Địa giới hành chính của tỉnh Trà Vinh ngày nay được chia thành: thành phố Trà Vinh, thị xã Duyên Hải, thị trấn Càng Long, huyện Châu Thành, huyện Tiểu Cần, huyện Cầu Kè, huyện Cầu Ngang, huyện Trà Cú; có 104 đơn vị hành chính cấp xã (gồm 85 xã, 9 phường và 10 thị trấn). Dân số của Trà Vinh hơn 1 triệu người; chủ yếu gồm 3 dân tộc Kinh, Khmer, Hoa sinh sống thành cộng đồng mật thiết từ lâu đời. Trong thời gian qua, thực hiện nghị quyết TW4 khóa XI và khóa XII, Cấp ủy, tổ chức đảng, ủy ban kiểm tra các cấp đã nâng cao trách nhiệm, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, ban hành chương trình, kế hoạch và thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát toàn diện các lĩnh vực; tập trung những lĩnh vực khó khăn, phức tạp, dễ phát sinh vi phạm và kiểm tra, giám sát những nội dung qua kiểm tra giám sát đã có kết luận chú trọng kiểm tra, giám sát tổ chức Đảng và người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu. Quan tâm giải quyết đơn, thư tố cáo, khiếu nại kỷ luật đảng đúng quy định. Xem xét, xử lý kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên vi phạm. Phối hợp công tác kiểm tra, giám sát của Đảng với công tác thanh tra của các cơ quan Nhà nước. Công khai kết quả kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng trên các phương tiện thông tin đại chúng của tỉnh, được cán bộ, đảng viên và nhân dân đồng tình, góp phần cảnh báo, phòng ngừa vi phạm. Đáng chú ý có thể kể một số vụ việc như:

Thứ nhất, Ngày 26/7/2018, tại Hà Nội, Ủy ban Kiểm tra Trung ương đã họp kỳ 28 xem xét, kết luận về kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm đối với Ban Thường vụ Thành ủy Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh về việc Ban Thường vụ Thành ủy Trà Vinh đã thiếu trách nhiệm, buông lỏng lãnh đạo, chỉ đạo, thiếu kiểm tra, giám sát, để xảy ra nhiều vi phạm rất nghiêm trọng trong thực hiện chính sách của Đảng, Nhà nước về hỗ trợ người có công với cách mạng cải thiện nhà ở; quyết định miễn, giảm tiền sử dụng đất trái quy định trong thời gian dài, gây thất thu lớn ngân sách nhà nước.

Thứ hai, Ngày 01/12/2021, Ủy ban Kiểm tra Trung ương cho hay từ ngày 29-11 đến 1-12, Ủy ban Kiểm tra Trung ương đã họp xem xét kết quả kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm đối với Ban thường vụ Đảng ủy Bộ đội biên phòng (BĐBP) tỉnh Trà Vinh và một số cán bộ, đảng viên. Theo Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ban thường vụ Đảng ủy BĐBP tỉnh Trà Vinh đã vi phạm các nguyên tắc, quy chế làm việc; thiếu

trách nhiệm, buông lỏng lãnh đạo, chỉ đạo, thiếu kiểm tra, giám sát, để Bộ chỉ huy BĐBP tỉnh và nhiều cán bộ, đảng viên liên quan, trong đó có cán bộ lãnh đạo chủ chốt và chỉ huy các đơn vị trực thuộc thiếu tu dưỡng, rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống; vi phạm các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước và quy định của Bộ Quốc phòng trong công tác đấu tranh phòng, chống buôn lậu, trong quản lý, sử dụng tài chính, tài sản. Những vi phạm nêu trên đã gây hậu quả nghiêm trọng, thiệt hại lớn tiền và tài sản của Nhà nước, ảnh hưởng xấu đến uy tín của tổ chức đảng và lực lượng BĐBP, gây bức xúc trong xã hội.

Đặc biệt hiện nay các chi bộ ở tỉnh Trà Vinh đều theo dõi quản lý đảng viên về nhận diện 27 biểu hiện suy thoái thuộc 3 nhóm tư tưởng - chính trị, đạo đức - lối sống, và những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ theo nghị quyết TW4 khóa XII, qua đó hàng tháng sinh hoạt chi bộ Bí thư chi bộ nhận xét cho từng đảng viên, nếu phát hiện đảng viên nào lệch lạc về tư tưởng chính trị sẽ tổ chức góp ý sửa chữa và chấn chỉnh ngay, nếu còn biểu hiện báo cáo về cấp ủy cấp trên có hướng xử lý theo quy định.

2.2.2. Một số giải pháp ngăn chặn tình trạng “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong đội ngũ cán bộ, đảng viên ở tỉnh Trà Vinh hiện nay

Trước tình hình thế giới và trong nước có nhiều diễn biến phức tạp và khó lường, xuất phát từ tình hình thực tiễn tại tỉnh Trà Vinh trong thời gian qua, để tiếp tục ngăn chặn và phòng ngừa sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” của một số cán bộ đảng viên tỉnh Trà Vinh trong thời gian tới, cần tập trung thực hiện một số giải pháp sau:

Một là, Tiếp tục củng cố, xây dựng các tổ chức Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng tổ chức. Chủ động ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống; những biểu hiện mất đoàn kết, bè phái, cục bộ, kiên quyết ngăn chặn những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ. Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ, đẩy mạnh học tập và thực hiện tốt Nghị quyết số 35-NQ/TW ngày 22-10-2018, về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới. Không chấp nhận đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập, không để ra đời đảng chính trị đối lập dưới bất cứ hình thức gì. Đảm bảo Đảng Cộng sản Việt Nam là

chính đảng duy nhất lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

Hai là, Đối với mỗi cán bộ, đảng viên cần nêu cao vai trò gương mẫu, đấu tranh ngăn chặn tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ gắn với đẩy mạnh học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy: “Cán bộ là cái gốc của công việc”, “Muôn việc thành công hoặc thất bại, đều do cán bộ tốt hoặc kém”, do đó, mỗi cán bộ, đảng viên trước hết và trên hết phải thực sự là tấm gương sáng để mỗi người dân học tập và làm theo. Cán bộ Đảng viên phải là người đi đầu trong việc đấu tranh phòng, chống có hiệu quả chủ nghĩa cơ hội, xét lại, giáo điều, bảo thủ, bè phái, những biểu hiện suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”. Tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu trong việc để xảy ra sai phạm và tăng hình phạt xử lý kẻ tham nhũng một cách thích đáng, đủ sức răn đe và làm gương cho tập thể.

Ba là, Đề cao tinh thần tự phê bình và phê bình trong các tổ chức đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI) “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay” gắn với thực hiện Chỉ thị 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị (khóa XII) về “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”.

Bốn là, Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền kịp thời, có tính định hướng đúng đắn nhằm cung cấp thông tin chính thống cho đội ngũ cán bộ, đảng viên và nhân dân về những vấn đề kinh tế, chính trị, đối ngoại... quan trọng của đất nước; chú trọng giáo dục, rèn luyện đạo đức cách mạng đối với mọi cán bộ, đảng viên để ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái trong đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên cần đến những chủ trương, giải pháp hành động mạnh mẽ, đồng bộ. Cần kết hợp chặt chẽ giữa tăng cường giáo dục đạo đức trong Đảng và trong xã hội với tinh thần tự tu dưỡng, rèn luyện của mỗi cán bộ, đảng viên.

Năm là, Cán bộ chủ chốt và cán bộ dân cử các cấp phải thường xuyên tiếp xúc, đối thoại trực tiếp với nhân dân, chủ động nắm bắt tâm tư, đánh giá, dự báo diễn biến tư tưởng của cán bộ, đảng viên và có biện pháp giải quyết kịp thời. Đồng thời, tăng cường công tác dân vận của Đảng và của chính quyền; phát huy vai trò giám sát của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội, của Nhân dân, báo chí và công luận trong đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong cán bộ, đảng viên. Xây dựng và thực hiện Quy định về việc lấy ý kiến đánh giá sự hài lòng của người dân đối với cơ quan, cán bộ, công chức trực tiếp giải quyết công việc của người dân và doanh nghiệp; có hình thức xử lý đối

với những tổ chức, cá nhân có chỉ số hài lòng thấp. Xây dựng và thực hiện cơ chế bảo vệ, khuyến khích người dân phản ánh, tố giác và tích cực đấu tranh phòng, chống suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” của cán bộ, đảng viên hiện nay.

Sáu là, Kết hợp chặt chẽ giữa “xây” và “chống”, lấy xây dựng cho ta mạnh lên về mọi mặt là chính, nhất là giữ vững ổn định chính trị và định hướng xã hội chủ nghĩa; xây dựng và phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội; tăng cường quốc phòng, an ninh; mở rộng quan hệ đối ngoại. Chăm lo xây dựng nhân tố con người, nâng cao khả năng “tự bảo vệ” trước những âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch; nâng cao “sức đề kháng” của mọi cán bộ, đảng viên trước tác động tiêu cực của cơ chế thị trường, hội nhập. Đây là biện pháp tốt nhất, tích cực chủ động nhất để phòng, chống “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong cán bộ, đảng viên hiện nay.

III. Kết luận

Nghị quyết TW 4 khóa XI và khóa XII về phòng chống “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” ở nước ta hiện nay là tấm gương soi rọi cho từng đảng viên góp phần cùng toàn đảng thực hiện thắng lợi công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhân tố nào tích cực thì biểu dương nhân rộng, nhân tố nào thoái hóa, biến chất, biểu hiện tiêu cực, đi ngược lại thành quả phải đánh đổi biết bao xương máu của ông cha ta thì đào thải, thậm chí loại ra khỏi đời sống xã hội, có như vậy Đảng ta mới thật sự là liêm chính, nghiêm minh, sáng suốt vững bước tiến về phía con đường xã hội chủ nghĩa mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta đã lựa chọn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- [1] Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016
- [2] Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, *Giáo trình Giáo dục quốc phòng và an ninh*, Nxb. Lý luận chính trị, 2021
- [3] Tỉnh ủy Trà Vinh, *Báo cáo chính trị của ban chấp hành đảng bộ tỉnh khoá X tại đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh lần thứ XI*, ngày 20 tháng 10 năm 2020
- [4] Tỉnh ủy Trà Vinh, *Văn kiện đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh Trà Vinh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020-2025*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021
- [5] <https://vtc.vn/de-nghi-ky-luat-chu-tich-ubnd-tp-tra-vinh-ar416218.html>
- [6] <https://nhandan.vn/ky-luat-ban-thuong-vu-dang-uy-bo-doi-bien-phong-tinh-tra-vinh-va-mot-so-can-bo-dang-vien-post676365.html>

MỘT VÀI NHẬN ĐỊNH VỀ CHỦ NGHĨA FREUD TỪ LẬP TRƯỜNG PHÉP BIỆN CHỨNG DUY VẬT MÁC-XÍT

TS. NGUYỄN THỊ BÍCH HẰNG

Trường Đại học Hà Tĩnh

Tóm tắt:

Học thuyết của Freud đã ảnh hưởng lớn đối với tư duy hiện đại, ngay cả Einstein cũng không kích thích trí tưởng tượng hay thâm nhập vào đời sống của con người đồng thời như Freud. Nhờ tìm tòi nghiên cứu những thứ chưa ai bao giờ hiểu biết về trí não con người mà Freud đã đưa ra được những ý tưởng và những từ ngữ mà ngày nay đã hoà vào cuộc sống thường nhật của chúng ta.

Từ Khóa: Chủ nghĩa Freud, phân tâm học học, phép biện chứng duy vật Mác-xít

1. Đặt vấn đề

Nhiều nhà nghiên cứu đã nhận thấy rằng không phải y học đã cuốn hút Freud lúc còn trẻ, mà ngược lại chính ông lại quan tâm và chú ý đến nhiều lĩnh vực khoa học mới mẻ này. Tất cả mọi lĩnh vực tri thức của con người như văn chương, nghệ thuật, tôn giáo, nhân chủng học, giáo dục, pháp luật, xã hội học, sử học và những môn học về xã hội hay cá nhân khác đều chịu ảnh hưởng của học thuyết Freud.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Một số giá trị trong học thuyết Freud

Đánh giá về học thuyết Freud là một vấn đề phức tạp, phạm vi ảnh hưởng của nó cũng như lệch lạc của nó ở mỗi lĩnh vực là khác nhau, thậm chí là trái ngược nhau hoàn toàn. Có xu hướng quá đề cao học thuyết Freud xem đây là một phát kiến vĩ đại của loài người về mặt vô thức, có xu hướng thì lại phủ định học thuyết này vì cho rằng, chỉ dựa vào bản năng tính dục để giải quyết hiện tượng tâm lý con người là chưa thoả đáng. Chính vì thế, mà cần có sự phân biệt khi nhận xét từng mặt để tìm ra hướng khắc phục tốt nhất.

Từ góc độ triết học, học thuyết Freud hoàn toàn đối lập với quan điểm của triết học Mác: chỉ có ở con người mới có ý thức. Ý thức do tồn tại xã hội quyết định và nó cũng tác động trở lại đến sự tồn tại xã hội. Song, bên cạnh đó ý thức cũng tác động đến môi trường xã hội để hình thành nhân cách của con người. Việc tách rời cá nhân với xã hội, tập trung lấy vô thức để giải thích mọi hiện tượng về con người và xã hội loài người là hoàn toàn xa lạ với phương pháp luận mác-xít. Điều này, nhiều nhà tư tưởng trong đó có các học trò của Freud đã nhận thấy và tìm cách bổ sung và hoàn thiện.

Đối với sự phạm và giáo dục học, những khám phá quan trọng của Freud về thời kỳ thơ ấu, với ảnh hưởng quyết định của thời kỳ này đến cuộc đời con người, như là tiếng chuông cảnh báo đến mọi người rằng phải chú trọng ngay từ đầu đến việc giáo dục trẻ em, quan tâm tìm hiểu sâu hơn tới tâm hồn trẻ em. Freud đã nêu ra mối quan hệ giữa người mẹ với trẻ thơ ở thời kỳ đầu đời, từ đó xác định được vai trò *tình cảm và sự giáo dục của người mẹ, của người cha và của gia đình tới trẻ thơ* là vô cùng quan trọng trong quá trình hình thành nhân cách của trẻ và cả khi trưởng thành sau này.

Những nghiên cứu về sinh lý và các giai đoạn phát triển sinh lý của trẻ em đã làm thay đổi hẳn quan niệm của thế

kỷ XX và hiện nay về giáo dục sinh lý, giáo dục giới tính cho độ tuổi học đường của nhà trường và phụ huynh học sinh. Từ khi bắt đầu có học thuyết Freud và cho tới hôm nay ngày càng có nhiều sách về giáo dục sinh lý, giáo dục giới tính cho học sinh.

Freud đã nêu lên các vấn đề về sự dậy thì của trẻ vị thành niên. Từ đây đã cảnh thức cho tất cả mọi người, đặc biệt là các nhà giáo dục và phụ huynh học sinh, cần lưu ý tới những khó khăn của thiếu niên khi phải qua giai đoạn dậy thì. Việc quan tâm, chú ý và sự can thiệp kịp thời trong giai đoạn quan trọng này sẽ giúp cho thiếu niên phát triển tốt đẹp cả về tinh thần, trí lực và thể chất.

Giáo dục giới tính ở độ tuổi học đường, nhất là ở giai đoạn dậy thì, của học sinh, được quan tâm đặc biệt ở các nước phát triển. Ở Việt Nam, trong những năm gần đây, giáo dục giới tính trong nhà trường và cả trên các phương tiện truyền thông đã được chú trọng và cởi mở hơn trước đây rất nhiều. Mặc dù ít người được biết về sự khởi thủy của môn khoa học này bắt đầu từ các luận điểm của học thuyết Freud, song mọi người đều thừa nhận rằng hiệu quả của giáo dục giới tính là rất to lớn. Nó đã góp vào hạn chế một phần những tiêu cực trong giới trẻ do kém hiểu biết về sinh lý và giới tính ở độ tuổi học đường hiện nay, trước các thách thức to lớn, mạnh mẽ và đa dạng của truyền thông “đen”.

Học thuyết Freud với xã hội học, mặc dù Freud không nêu rõ vai trò của đời sống xã hội đối với đời sống con người, song chính Freud đã phát hiện ra tính xã hội trong con người từ thừa sơ sinh. Đó là mối quan hệ tương giao với cha mẹ, với gia đình như những tế bào của xã hội. Ông cho rằng, muốn hiểu biết con người, không những phải nhìn con người như là một cá thể đơn nhất và đặc thù, mà còn phải nhìn con người như một thành phần của xã hội, là một con người xã hội. Trong một con người xã hội, xương cốt mang ý nghĩa vật chất và vô thức mang ý nghĩa tinh thần. Tính xã hội mà trung tâm là tính cách con người đã được Freud xác định như là cái nhân trong trái cây. Cái nhân đó chính là *cái tôi và cái siêu tôi* trong mỗi con người. Tuy nhiên, do Freud phân tích chưa được sâu và chưa được rộng vai trò của xã hội đã tác động ảnh hưởng thế nào tới bộ máy tâm lý con người nên vai trò này, có vẻ như còn mờ nhạt. Đi sâu vấn đề này, có nhiều nhà phân tâm học khác sau này như G. Jung, A. Adler, E. Fromm đã bổ sung vào học thuyết cơ bản của Freud để hoàn thiện hơn các lý luận của phân tâm học đối với xã hội học.

Về mặt tâm lý học, nhờ Freud mà ngày nay người ta có cơ sở để hiểu mình hơn và hiểu các giá trị của cuộc sống. Trong chừng mực nào đó họ đã nhận ra những giá trị tư tưởng của Freud như ảnh hưởng của tiềm thức, vô thức đối với ý thức, nguồn gốc tính dục của bệnh tinh thần, sự hiện hữu và tầm quan trọng của tính dục trẻ thơ; tác dụng của mặc cảm Oedipus vào các giấc mộng, tình trạng ẩn ức, dồn nén... Ngoài khái niệm đã có là ý thức, ông đã bổ sung hoàn

thiện, làm sáng rõ thêm khái niệm tiềm thức và vô thức, đây là những mặt quan trọng trong đời sống tinh thần con người. Điều này, cho thấy sự đối lập của Freud và triết học mác-xít trong quan niệm về vô thức. Freud đã khẳng định vô thức là phần mềm mại uyển chuyển của đời sống tâm linh con người. Ông viết: “Vô ý thức là cơ sở mang tính chung chung của sinh hoạt tinh thần. Vô ý thức là một vòng tròn tương đối lớn, nó bao gồm vòng tròn nhỏ “ý thức”, mỗi ý thức đều có một giai đoạn nguyên thủy của một loại vô ý thức; tuy nhiên vô ý thức có thể dừng ở giai đoạn nguyên thủy ấy, nhưng lại có công năng tinh thần hoàn toàn” [2, tr.14].

Công lao lớn nhất của Freud là tìm ra được nguồn gốc của vô thức. Một vấn đề to lớn mà hiện nay các khoa học về con người đang đi sâu nghiên cứu, khám phá, làm sáng tỏ. Học thuyết Phân tâm học về vô thức là viên gạch đặt nền móng cho việc nghiên cứu tâm lý học trong tương lai. Mặt khác, đóng góp của Freud còn ở chỗ đưa ra một cơ chế tâm lý như cơ chế tự vệ, dồn nén, các mặc cảm, các giai đoạn phát triển nhân cách. Những khái niệm này đã góp phần làm phong phú thêm trong tâm lý học. Như vậy, Freud đã khám phá một thế giới vô thức mà trước đây chưa được khám phá. Tâm lý học trước đây vốn chỉ nghiên cứu những hiện tượng ý thức, thì nay đã được sáng rõ thêm những vấn đề vô thức, làm phong phú thêm về thế giới tâm hồn của chúng ta.

Nhà văn Anh, Robert Hamilton đã đánh giá như sau: “Freud đã vẽ bản đồ khoa tâm lý học. Ông là một nhà tiên phong vĩ đại bởi ông, đã buộc thế giới phải suy tư theo kiểu tâm lý học, đó là một nhu cầu thiết yếu của thời đại chúng ta. Ông cũng đã buộc con người phải tự đặt cho mình những câu hỏi liên quan đến hạnh phúc của loài người. Đánh đổ luận thuyết tâm lý khô khan, cầu kỳ của thế kỷ XIX, Freud đã đưa ra phản luận “tâm phân” chứa đầy rối ren”[4, tr.349].

2.2. Một số hạn chế trong học thuyết Freud

Bên cạnh, những đánh giá cao về Freud và học thuyết của ông, có nhiều nhà nghiên cứu cũng đưa ra những ý kiến về mặt hạn chế. Một nhà phê bình từng nhận xét, đối với người đời thì do sự phổ biến của học thuyết này, Freud đã nổi lên như một kẻ phá bĩnh vĩ đại nhất trong lịch sử tư tưởng nhân loại. Ông đã biến đổi sự giễu cợt thành niềm vui nhẹ nhàng của con người, tìm thấy sự hằn thù trong nguồn gốc của yêu thương, ác ý ngay trong lòng sự âu yếm, loạn luân trong tình yêu thương của cha mẹ và con cái, tội lỗi trong thái độ đại lượng và trạng thái sự cảm uất bị “dồn nén” của mọi người cha như là một thứ được lưu truyền của nhân loại.

Điều này cho thấy rằng, chủ nghĩa Freud tuy không là chủ nghĩa duy tâm, nhưng nó là một loại chủ nghĩa duy vật máy móc về sinh vật. Thế giới tâm linh, thế giới tinh thần phong phú, phức tạp của con người được qui chiếu từ Libido, đây thực sự là một sự phán xét rất phiến diện. Freud quan niệm về con người phiến diện như thế thì quan niệm về văn hoá nghệ thuật cũng không tránh khỏi cục đơ. Ông cho rằng, những người mất khả năng hoặc quá thoải mãn về phương diện tính dục sẽ không thành đạt trong sáng tạo nghệ thuật. Xuất phát từ mối quan hệ tính dục với hoạt động thẩm mỹ, Freud có cách nhìn về cái đẹp là do sự khuếch tán tinh lực, sự giải phóng tình dục, cái đẹp mới có được sức nóng của nó. Sức mạnh của tình yêu sẽ đem lại một thứ ánh sáng cho cảm quan con người, nếu không có thứ ánh sáng này thì cảm quan không thể biểu lộ cái đẹp. Mọi phương diện tình cảm của sự nhạy cảm thẩm mỹ đều bắt nguồn từ độ hưng phấn trong cơ năng tính dục. Chính vì thế, mà ông không tán thành xem hình thức nghệ thuật là nguồn gốc của

cái đẹp. Đi xa hơn, ông còn cho tác phẩm nghệ thuật thường mang nội dung của mặc cảm Oedipus. Trái với quan niệm mác-xít: “Nghệ thuật là hoạt động có tính chất thẩm mỹ sâu rộng. Nó mang trong bản thân mình hoạt động có tính ý thức xã hội. Nghệ thuật dù ở đâu và ở thời gian nào cũng chịu sự qui định của thực tại” [3, tr.258].

Freud đã áp dụng lý thuyết của ông vào việc nghiên cứu bản chất con người, ông cho rằng có một số điểm giống nhau về người nguyên thủy với người nhiều tâm. Rõ ràng quan điểm này phủ nhận qui luật đấu tranh và sinh tồn của Darwin, là hoàn toàn đối lập với triết học mác-xít bởi nó tách rời điều kiện xã hội với việc hình thành nhân cách con người, cho rằng cái sinh vật và vô thức là yếu tố quyết định của việc hình thành nhân cách. Đối tượng của tâm lý học không phải là ý thức mà là vô thức. Coi sự thoải mãn tính dục là động lực thúc đẩy mọi hoạt động khác. Ông giải thích mọi hiện tượng xã hội, tệ nạn, chiến tranh... đều do bản năng tính dục gây nên. Cũng có những người không đồng ý với Freud cho rằng “*tự do liên tưởng*” là một kỹ thuật không thể sai lầm khi khám phá vô thức của con người; họ đặc biệt nêu ra những khó khăn trong việc giải thích những dữ kiện do phương pháp ấy đưa lại.

Trong *Vật tổ và cấm kỵ*, ông kết luận rằng, bản tính và huyền thoại tôn giáo của con người cổ xưa là sản phẩm của các mặc cảm, ông cho rằng tôn giáo cũng chỉ là mặc cảm tính dục. Sau khi phân tích kỹ từng chi tiết của bệnh nhân, ông đã nâng bản năng tính dục thành yếu tố đầu tiên và mạnh mẽ nhất trong việc hình thành và phát triển nhân cách con người, đồng thời cũng cho đó là nguyên nhân sâu xa của mọi bệnh tâm thần. Đây là, một vấn đề mà ngay chính những học trò của ông cũng không thể chấp nhận đó là Adler và Jung.

Freud đã xem cá nhân con người như là một thực thể tự trị, tách rời với xã hội. Cá nhân được tạo nên bởi những sức mạnh xung động có tính nội tại, thậm chí còn đối lập với xã hội, coi xã hội như một rào cản, một tổ chức cưỡng chế cản trở những xung động cá nhân. Nghĩa là, ông luôn luôn đề cao vai trò cá nhân, không có vai trò gia đình và xã hội trong con người. Điều này, hoàn toàn trái ngược quan điểm của chủ nghĩa Mác là “Trong tình hiện thực của nó, bản chất con người là tổng hoà những quan hệ xã hội”[1, t3, tr.11].

3. Kết luận

Chủ nghĩa Freud đã ảnh hưởng đến nhiều lĩnh vực trong đời sống tinh thần con người. Song ý nghĩa thực tiễn, những tác động và ảnh hưởng vô cùng to lớn của học thuyết tới mọi mặt đời sống xã hội và khoa học về con người là không thể phủ nhận. Bên cạnh đó, cũng có nhiều hạn chế vì quá đề cao vai trò của Libido, vô thức; chú ý nhiều đến vai trò cá nhân, mà ít chú ý đến vai trò xã hội đối với con người.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. C. Mác và Ph. Ăngghen (1995), *Toàn tập*, Tập 1, 2, 3, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
2. Lưu Phóng Đông (1994), *Triết học phương Tây hiện đại (tập 4)*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
3. Đỗ Huy - Vũ Trọng Dung (2001), *Giáo trình Mỹ học Mác-Lênin*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
4. Vũ Đình Phòng - Lê Huy Hoà (1999), *Những luận thuyết nổi tiếng thế giới*, Nxb Văn hoá - Thông tin.

NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN TRONG TỔ CHỨC PHONG TRÀO “SINH VIÊN 5 TỐT” GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

PHẠM THU THỦY* - TRẦN THỊ PHI HẰNG**

*Phó Trưởng khoa Công tác Thanh thiếu niên, Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam**
*Trưởng Bộ môn Lý luận và Nghiệp vụ Công tác thanh thiếu nhi, Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam***

Ngày nhận: 17/5/2023; Ngày sửa: 19/5/2023; Duyệt đăng: 25/5/2023

Đặt vấn đề

Trong những năm qua, cùng với sự phát triển giáo dục, đào tạo của đất nước, Hội Sinh viên Việt Nam luôn coi trọng tạo lập các môi trường giáo dục toàn diện cho sinh viên, trong đó có giáo dục đạo đức tốt, học tập tốt, thể lực tốt, tình nguyện tốt và hội nhập tốt nhằm tạo ra nguồn nhân lực có chất lượng cao, đáp ứng sự phát triển kinh tế, xã hội của đất nước. Chính vì vậy, Hội đã phát động phong trào “Sinh viên 5 tốt” tại Đại hội đại biểu toàn quốc Hội Sinh viên Việt Nam lần thứ IX” với các tiêu chí: đạo đức tốt, học tập tốt, thể lực tốt, tình nguyện tốt và hội nhập tốt. Từ cách thức tổ chức phong trào của Hội, đến nay, phong trào Sinh viên 5 tốt đã được triển khai rộng rãi tới tất cả các trường đại học, cao đẳng trên khắp cả nước, thu hút sự quan tâm, tham gia của đông đảo đoàn viên, sinh viên.

1. Nội dung

1.1. Mục đích Phong trào Sinh viên 5 tốt

Phong trào “Sinh viên 5 tốt” là mô hình tối ưu nhất để xây dựng hình ảnh người trí thức trẻ vừa “nhiệt” vừa “chuyên” là vấn đề mà nhà trường và Đoàn - Hội trường luôn quan tâm hướng đến. Phong trào vừa hướng đến yếu tố tự rèn luyện của sinh viên, vừa hướng đến sự phát triển của tập thể sinh viên. Thông qua phong trào xây dựng hình mẫu sinh viên trong thời kỳ mới, góp phần nâng cao chất lượng học tập, rèn luyện, đẩy lùi sự suy thoái về đạo đức, lối sống, tệ nạn xã hội; khắc phục những hạn chế, yếu kém trong sinh viên.”

Với tinh thần “Sinh viên Việt Nam học tập - sáng tạo - tình nguyện - hội nhập”, qua một chặng đường dài xây dựng và phát triển, phong trào Sinh viên 5 Tốt trên cả nước góp phần “Xây dựng lớp sinh viên thời kỳ mới có lý tưởng cao đẹp, đạo đức cách mạng trong sáng, lối sống lành mạnh, luôn đi đầu trong học tập, nghiên cứu khoa học, nắm bắt công nghệ mới; có kiến thức chuyên môn, lịch sử, xã hội phong phú; hiểu biết, tôn trọng và chấp hành luật pháp” như mục tiêu Nghị quyết Đại hội IX Hội Sinh viên Việt Nam đã đề ra nhằm tạo lập các môi trường giáo dục toàn diện cho sinh viên, trong đó có giáo dục đạo đức tốt, học tập tốt, thể lực tốt, tình nguyện tốt và hội nhập tốt nhằm tạo ra nguồn nhân lực có chất lượng cao, đáp ứng sự phát triển kinh tế, xã hội của đất nước.

2.2. Tổ chức thực hiện phong trào “Sinh viên 5 tốt”

2.2.1. Công tác chỉ đạo phong trào

Công tác chỉ đạo phong trào Sinh viên 5 tốt nhằm kịp thời định hướng chủ trương, cách thức, giải pháp triển khai

phong trào một cách đồng bộ ở các cấp bộ Hội, tạo sự chuyển biến tích cực và tính lan tỏa rộng rãi của phong trào trong hội viên, sinh viên; đồng thời nâng cao vai trò, trách nhiệm của các tổ chức Hội, cán bộ Hội, hội viên trong việc phát huy ý nghĩa, giá trị của phong trào Sinh viên 5 tốt đối với việc xây dựng thể hệ sinh viên Việt Nam thời đại mới năng động, sáng tạo, có lý tưởng, hoài bão, tri thức, tầm nhìn, sức khỏe tốt, xung kích tình nguyện, chủ động hội nhập quốc tế.

Công tác chỉ đạo phong trào Sinh viên 5 tốt được thực hiện thông qua: Chỉ đạo thông qua Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc Hội Sinh viên Việt Nam. Văn kiện Đại hội lần thứ X, nhiệm kỳ 2018 - 2023; Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc Hội Sinh viên Việt Nam, thông qua các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn; chỉ đạo thông qua công văn, thông báo, kế hoạch theo hệ thống Hội Sinh viên các cấp.

2.2.2. Tuyên truyền và triển khai phong trào

Một là, thông qua sinh hoạt của chi hội, CLB, tổ, đội, nhóm công tác của sinh viên. Đây là phương thức tuyên truyền và triển khai phong trào thông qua tổ chức cơ sở của Hội Sinh viên Việt Nam, là một tập hợp những sinh viên có cùng chung nhu cầu, sở thích nhằm thực hiện mục tiêu chung.

Hai là, thông qua các phương tiện truyền thông hiện đại. Sử dụng hiệu quả hệ thống báo chí, truyền hình, bảng tin, tờ gấp, website và mạng xã hội của các cấp bộ Hội, hội viên, sinh viên nhằm tuyên truyền về các hoạt động trong phong “Sinh viên 5 tốt”, các gương điển hình, mô hình tiêu biểu và tiêu chí đạt danh hiệu “Sinh viên 5 tốt” các cấp.

Ba là, thông qua hội thi và các sự kiện văn hoá của sinh viên. Tổ chức đa dạng các cuộc thi thiết kế, sản xuất ấn phẩm tuyên truyền, giới thiệu về phong trào “Sinh viên 5 tốt”. Bên cạnh đó, giới thiệu về phong trào thông qua các hoạt động, chương trình, sự kiện của tổ chức Hội, chú trọng triển khai trong các sự kiện chào tân sinh viên, các hoạt động tham quan nhà trường, trải nghiệm phong trào của sinh viên mới nhập trường.

2.2.3. Tạo môi trường cho sinh viên thực hiện phong trào

Thứ nhất, tạo môi trường cho sinh viên vun đắp lý tưởng, rèn luyện đạo đức, tác phong. Các hoạt động tạo môi trường cho sinh viên được tiến hành thông qua tổ chức các đợt sinh hoạt chính trị, tuyên truyền, giới thiệu các nội dung cốt lõi tư tưởng đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, triển khai việc thực hành làm theo lời Bác bằng các giải pháp, việc làm cụ thể.

Thứ hai, tạo môi trường cho sinh viên học tập, sáng tạo, nghiên cứu khoa học. Các hoạt động tiêu biểu như thi đua trong học tập, các cuộc thi kiến thức, cuộc thi sáng tạo và xét giải thưởng khoa học công nghệ dành cho sinh viên, phối hợp giữa Đoàn, Hội với các cơ sở giáo dục, đào tạo.

Thứ ba, tạo môi trường cho sinh viên rèn luyện thể chất. Nội dung này góp phần tạo điều kiện cho sinh viên được nâng cao nhận thức về việc nâng cao sức khỏe, bài trừ các tệ nạn xã hội. Đồng thời, trang bị cho sinh viên những kiến thức và phương pháp tập luyện phát triển thể lực, được tham gia vào các hoạt động thể dục thể thao lành mạnh.

Thứ tư, tạo môi trường cho sinh viên tình nguyện vì cuộc sống cộng đồng. Các loại hình tình nguyện tiêu biểu như: Sinh viên tình nguyện tham gia phát triển kinh tế; Sinh viên tình nguyện tham gia giữ gìn và bảo vệ quốc phòng, an ninh; Sinh viên tình nguyện tham gia các hoạt động xã hội, từ thiện, nhân đạo; Ngày tình nguyện; Đội trí thức trẻ tình nguyện; Sinh viên tình nguyện tiếp sức mùa thi...

Thứ năm, tạo môi trường cho sinh viên chủ động hội nhập quốc tế. Đó là động viên, khích lệ, tổ chức cuộc thi, các hoạt động giao lưu văn hoá cho sinh viên trau dồi ngoại ngữ, hiểu biết đa văn hoá, rèn luyện kỹ năng hội nhập quốc tế, trở thành công dân toàn cầu, sẵn sàng tham gia thị trường lao động quốc tế.

2.2.4. Xét danh hiệu phong trào “Sinh viên 5 tốt”

Xét danh hiệu phong trào là hoạt động ghi nhận sự cố gắng, phấn đấu trong học tập và rèn luyện của sinh viên. Việc xét danh hiệu được thực hiện ở cấp trường, cấp tỉnh và cấp Trung ương. Ở mỗi trường, các tiêu chí có điều kiện bình xét khác nhau, xong đều phải đảm bảo 05 nhóm tiêu chí về: Đạo đức tốt, học tập tốt, thể lực tốt, tình nguyện tốt, hội nhập tốt.

Tiêu chuẩn xét danh hiệu Sinh viên 5 tốt cấp Trung ương được căn cứ theo Quyết định số 64-QĐ/TWHSV ngày 25/3/2022 về việc ban hành Quy định về tiêu chuẩn xét chọn danh hiệu “Sinh viên 5 tốt” và “Tập thể sinh viên 5 tốt” cấp Trung ương giai đoạn 2019 - 2023 (sửa đổi, bổ sung).

2.2.5. Công tác hỗ trợ sinh viên sau tuyên dương

Một là, hỗ trợ kết nối sinh viên tiêu biểu, phát huy vai trò trong các chi hội, CLB, tổ đội nhóm. Mỗi sinh viên đạt danh hiệu phải là nòng cốt trong các loại hình tổ chức, trở thành hội viên tích cực trong công tác tuyên truyền và triển khai phong trào. Đồng thời, cùng tổ chức Hội phát hiện nhân tố để bồi dưỡng, định hướng, giúp đỡ các sinh viên khác phấn đấu đạt danh hiệu Sinh viên 5 tốt các cấp thông qua sinh hoạt của chi hội, CLB, tổ đội nhóm sinh viên.

Hai là, hỗ trợ sinh viên hiện thực hoá các ý tưởng sáng tạo, nghiên cứu khoa học. Để đạt được danh hiệu các cấp, mỗi sinh viên đều đảm bảo tiêu chí về nghiên cứu khoa học, được ghi nhận thông qua các cuộc thi sáng tạo, giải thưởng khoa học - công nghệ. Chính vì vậy, sau khi đạt danh hiệu, việc hỗ trợ sinh viên triển khai, ứng dụng các đề tài, dự án là cơ hội để sinh viên tiếp tục phát triển với đam mê, đem những ý tưởng của mình ra đời sống, tạo ra những giá trị có ý nghĩa.

Ba là, hỗ trợ sinh viên kết nối đơn vị thực tập, thực tế.

Hoạt động này gắn với nhu cầu của mỗi sinh viên, là cơ hội để sinh viên được trao đổi kinh nghiệm, thực hành nghề nghiệp trước khi tốt nghiệp.

Bốn là, hỗ trợ sinh viên tìm kiếm các gói học bổng, các chương trình đào tạo nâng cao trình độ, kỹ năng, nghiệp vụ trong và ngoài nước. Hội Sinh viên Việt Nam thực hiện được hoạt động hỗ trợ này sẽ góp phần thúc đẩy nguồn nhân lực chất lượng cao cho xã hội. Đồng thời, cũng là hoạt động tạo nguồn cán bộ cho tổ chức Đoàn, Hội các cấp.

Năm là, hỗ trợ sinh viên tìm kiếm các cơ hội việc làm sau tốt nghiệp. Sự phấn đấu toàn diện của mỗi sinh viên đạt danh hiệu gắn với xu hướng nghề nghiệp và khát vọng về cơ hội việc làm.

3. Kết luận

Như vậy, với các phương thức tổ chức thực hiện phong trào sinh viên 5 tốt, trải qua 2 nhiệm kỳ đại hội: Đại hội đại biểu toàn quốc Hội Sinh viên Việt Nam lần thứ IX và Đại hội đại biểu toàn quốc Hội Sinh viên Việt Nam lần thứ X, phong trào “Sinh viên 5 tốt” được các trường đại học, cao đẳng và sinh viên đón nhận rộng rãi hơn, tham gia tích cực hơn; doanh nghiệp, đơn vị tuyển dụng lao động biết đến và ghi nhận giá trị danh hiệu sinh viên 5 tốt. Hội Sinh viên Việt Nam đã luôn đổi mới nội dung, phương thức hoạt động để ngày càng gần gũi với sinh viên, hỗ trợ tích cực cho sinh viên trong học tập và cuộc sống góp phần tạo nguồn nhân lực chất lượng cao tham gia tích cực vào công cuộc phát triển và bảo vệ Tổ quốc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- Ban Chấp hành Trung ương (2013), Nghị quyết 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.
- Ban Chấp hành Trung ương Hội Sinh viên Việt Nam (2019), Chương trình số 01/TWHSV ngày 11/4/2019 về công tác kiểm tra của Hội Sinh viên Việt Nam khóa X, nhiệm kỳ 2018 - 2023.
- Ban Chấp hành Trung ương Hội Sinh viên Việt Nam (2019), Hướng dẫn số 02-HD/TWHSV ngày 11/4/2019 về việc “Thực hiện phong trào “Sinh viên 5 tốt” nhiệm kỳ 2018 - 2023.
- Ban Thư ký Trung ương Hội Sinh viên Việt Nam (2018), Kế hoạch số 12-KH/TWHSV ngày 05/10/2018 về việc “Tổ chức Chương trình gặp gỡ “Sinh viên 5 tốt” cấp Trung ương giai đoạn 2013 - 2018”.
- Hội Sinh viên Việt Nam (2022), Quyết định số 64-QĐ/TWHSV ngày 25/3/2022 về việc ban hành Quy định về tiêu chuẩn xét chọn danh hiệu “Sinh viên 5 tốt” và “Tập thể sinh viên 5 tốt” cấp Trung ương giai đoạn 2019 - 2023 (sửa đổi, bổ sung), Hà Nội.
- Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh (2015), Kỷ yếu 15 năm phong trào thanh niên tình nguyện (2000 - 2014), Nxb Thanh niên, Hà Nội.

NÂNG CAO VAI TRÒ CỦA TỔ CHỨC ĐOÀN TNCS HỒ CHÍ MINH TRONG PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT ĐỐI VỚI THANH NIÊN TỈNH TRÀ VINH

ThS. NGUYỄN PHƯỚC HÒA

Trường Chính trị tỉnh Trà Vinh

Ngày nhận: 4/5/2023; Ngày sửa 7/5/2023; Duyệt đăng: 25/5/2023

Thanh niên Việt Nam là lực lượng xã hội to lớn, có mặt trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, là nguồn nhân lực lớn, dồi dào cho sự phát triển đất nước; thanh niên chính là sức sống hiện tại và tương lai của mỗi quốc gia, dân tộc. Thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước, thời gian qua, tổ chức Đoàn Thanh niên các cấp trong tỉnh Trà Vinh đã tích cực triển khai công tác phổ biến, giáo dục pháp luật đối với thanh niên bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú, bước đầu đem lại những kết quả tích cực, góp phần giúp thanh niên nâng cao hiểu biết về pháp luật, từ đó nghiêm chỉnh chấp hành tốt và hạn chế các hành vi vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, bên cạnh đó, công tác phổ biến, giáo dục pháp luật của tỉnh Đoàn đối với thanh niên còn tồn tại một số hạn chế nhất định. Bài viết tập trung đánh giá thực trạng của Đoàn Thanh niên tỉnh Trà Vinh trong phổ biến, giáo dục pháp luật đối với thanh niên tỉnh nhà giai đoạn từ năm 2017 - 2022. Trên cơ sở đó, tác giả bài viết đề xuất một số giải pháp nhằm thực hiện tốt hơn nữa công tác phổ biến, giáo dục pháp luật của tỉnh Đoàn đối với thanh niên trong những năm tiếp theo.

Luật Thanh niên năm 2020 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua vào ngày 19/6/2020, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2020 và thay thế Luật Thanh niên số 53/2005/QH11, Luật quy định: “Thanh niên là công dân Việt Nam từ đủ mười sáu tuổi đến ba mươi tuổi” [1; 2]. Đây là thời kỳ sung sức nhất của mỗi con người về thể chất, có sự phát triển mạnh về trí tuệ, nhạy bén, năng động, sáng tạo, có nhiều ước mơ, hoài bão. Thanh niên là lực lượng xã hội to lớn, xung kích, sáng tạo, đi đầu trong công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; có vai trò quan trọng trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, hội nhập quốc tế và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Đoàn TNCS Hồ Chí Minh là tổ chức chính trị - xã hội của thanh niên Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện. Đoàn bao gồm những thanh niên tiên tiến, phấn đấu vì mục tiêu, lý tưởng của Đảng là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Được xây dựng, rèn luyện và trưởng thành qua các thời kỳ đấu tranh cách mạng, Đoàn đã tập hợp đông đảo

thanh niên phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng, cống hiến xuất sắc cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Đoàn viên, thanh niên là một bộ phận rất quan trọng của xã hội, giữ vị trí và vai trò hàng đầu trong dựng nước và giữ nước. Thực tiễn hiện nay, trong quá trình lãnh đạo Đảng ta luôn đánh giá đúng vị trí, vai trò quan trọng của đoàn viên, thanh niên trong sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc. Để phát huy vai trò của đoàn viên, thanh niên, chúng ta không chỉ thực hiện tốt việc nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài trong thời kì công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước mà đoàn viên, thanh niên còn phải cần có cả năng lực về pháp luật. Vì vậy, đoàn viên, thanh niên cần phải được giáo dục pháp luật một cách thường xuyên, liên tục, vững chắc tạo điều kiện cho họ nắm vững và tự giác chấp hành pháp luật trong đời sống hàng ngày và khi tham gia các hoạt động xã hội. Giáo dục thanh niên là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị, trong đó Đoàn TNCS Hồ Chí Minh có vai trò quan trọng. Đoàn TNCS Hồ Chí Minh được Đảng tin cậy giao nhiệm vụ là “trường học xã hội chủ nghĩa của thanh niên”, thực hiện tốt công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho đoàn viên, thanh thiếu nhi.

Trong những năm qua, các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, được Đoàn Thanh niên tỉnh Trà Vinh quan tâm thực hiện bằng nhiều phương thức sáng tạo, góp phần hình thành thói quen “Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật” trong đoàn viên, thanh thiếu niên.

Tỉnh đoàn đã xây dựng trang thông tin điện tử <http://tinhdolan.travinh.gov.vn> trong đó thường xuyên đăng tải các văn bản pháp luật mới có liên quan đến thanh niên. Bên cạnh đó, phối hợp Báo Trà Vinh biên tập và phát hành định kỳ chuyên trang của tuổi trẻ, đồng thời phát hành đến các chi đoàn để phục vụ sinh hoạt lệ định kỳ. Hệ thống báo chí của Đoàn trong thời gian qua có nhiều hoạt động tích cực trong tuyên truyền, phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, tích cực nêu gương người tốt, việc tốt trong chấp hành pháp luật. Đồng thời chỉ đạo các cấp bộ đoàn đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật thông qua các hoạt động truyền thông như mít tinh, ra quân, diễu hành cổ động, phát tài liệu tuyên truyền, tổ chức lồng ghép tuyên truyền pháp luật trong đoàn viên thanh niên thông qua các

buổi sinh hoạt chi đoàn, chi hội; phối hợp với nhà trường đưa nội dung giáo dục pháp luật vào hoạt động ngoại khóa, chào cờ đầu tuần, sinh hoạt lớp, sinh hoạt chi đoàn...

Đoàn các cấp từ tỉnh đến cơ sở quan tâm lựa chọn nội dung, đổi mới các hình thức tuyên truyền về pháp luật, đặc biệt là Luật Thanh niên (sửa đổi), các hoạt động hưởng ứng Ngày pháp luật 09/11 hàng năm, các chính sách liên quan đến thanh niên và công tác thanh niên; chú trọng tuyên truyền, phổ biến kiến thức quốc phòng an ninh, nâng cao trách nhiệm, ý thức bảo vệ chủ quyền đất nước, lợi ích quốc gia, dân tộc và ứng dụng công nghệ thông tin trong triển khai các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật. Tỉnh đoàn tổ chức thi trực tuyến “Tuổi trẻ với pháp luật” thu hút 26.930 cán bộ, đoàn viên thanh niên tham gia; phối hợp với Sở Tư pháp tổ chức 05 hội thi “Tuổi trẻ với pháp luật” cấp tỉnh thu hút hơn 1.000 đoàn viên thanh niên tham gia; cấp huyện tổ chức 340 cuộc thi tìm hiểu pháp luật thu hút 41.643 lượt đoàn viên thanh niên tham gia. Các cấp bộ Đoàn thực hiện nhiều mô hình, cách làm hiệu quả như: các Câu lạc bộ tư vấn pháp lý, câu lạc bộ “Thấp sáng niềm tin”, xây dựng các mô hình điểm về chấp hành pháp luật, các phiên tòa giả định, tổ chức diễn đàn, hội thi... Kết quả tổ chức 9.131 hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho 535.352 lượt đoàn viên thanh niên. Toàn tỉnh có 138 câu lạc bộ tư vấn pháp luật với 1.901 thành viên; 115 Đội hình thanh niên tình nguyện giữ gìn trật tự an toàn giao thông với 1.880 thành viên, thành lập và duy trì 14 câu lạc bộ “Tuổi trẻ với pháp luật” với tổng số 145 thành viên, thành lập 09 mô hình “Khu dân cư không có thanh thiếu niên mắc tệ nạn xã hội” tại các huyện, thị, thành phố. Tỉnh đoàn, Hội Liên hiệp thanh niên Việt Nam tỉnh phối hợp với Trại giam Bến Giá tổ chức 04 chương trình “Thấp sáng ước mơ hoàn lương”. [2;4]

Ngoài ra, tỉnh đoàn còn phối hợp hiệu quả với các ngành trong tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, phòng chống tội phạm, phòng chống ma túy, bạo lực học đường trong thanh niên. Ban Thường vụ Tỉnh đoàn ký kết chương trình phối hợp với các 12 Sở, Ban, Ngành và các đơn vị có liên quan thực hiện công tác tuyên truyền, giáo dục thanh thiếu nhi. [2; 6]

Bên cạnh đó, Tỉnh đoàn còn triển khai có hiệu quả các hoạt động phòng ngừa thanh thiếu niên vi phạm pháp luật, giúp đỡ, cảm hóa thanh thiếu niên chậm tiến. Đoàn cấp xã, phường, thị trấn phối hợp giáo dục, cảm hóa, giúp đỡ 1.188 thanh thiếu niên chậm tiến trở nên tiến bộ. [2; 8]

Song song đó, Đoàn các cấp thường xuyên cập nhật kiến thức mới, bồi dưỡng, đào tạo, nâng cao năng lực cho đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên của Đoàn nhằm nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền miệng của Đoàn. Tỉnh đoàn tổ chức 08 cuộc hội nghị, tập huấn có 1.740 lượt báo cáo viên của Đoàn cấp tỉnh, cấp huyện tham gia. [2; 9]

Một điều dễ nhận thấy là trong nhiệm kỳ từ năm 2017 - 2022, công tác tuyên truyền, giáo dục của Đoàn có sự phát triển vượt bậc, đặc biệt là đạt được nhiều kết quả quan trọng trong việc đổi mới toàn diện từ nội dung đến phương thức tuyên truyền. Mặc dù, 02 năm cuối nhiệm kỳ công tác đoàn gặp không ít khó khăn do tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, tỉnh đoàn đã kịp thời triển khai có hiệu quả việc chuyển đổi hình thức tuyên truyền từ trực tiếp sang trực tuyến để tuyên truyền, phòng, chống dịch Covid-19. Đoàn các cấp nắm vững đặc điểm đối tượng tuyên truyền, giáo dục, từ đó có nhiều biện pháp tuyên truyền phù hợp, đáp ứng đúng tâm lý của từng nhóm đối tượng thanh thiếu nhi theo ngành nghề, lĩnh vực, năng khiếu, sở thích... đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, thanh thiếu nhi. Công tác tuyên truyền, giáo dục của tổ chức Đoàn ngày càng có chiều sâu đã góp phần xây dựng môi trường cho thanh thiếu nhi phấn đấu, rèn luyện và trưởng thành, nâng cao nhận thức về trách nhiệm, vai trò của mình trong tình hình mới. Nổi bật nhất là việc chú trọng sử dụng internet, các trang thông tin điện tử của các cấp bộ Đoàn, phát huy tính tích cực của mạng xã hội, ứng dụng công nghệ số trong công tác tuyên truyền.

Tuy nhiên, công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật của Đoàn chưa tác động đến tất cả đối tượng thanh niên, vẫn còn tình trạng thanh niên vi phạm pháp luật và tiếp cận, chia sẻ các nguồn thông tin chưa chính thống trên mạng xã hội. Công tác định hướng tư tưởng và dư luận trong thanh niên ở một số thời điểm còn chưa kịp thời. Chưa có nhiều sản phẩm và tài liệu tuyên truyền dành riêng cho từng đối tượng thanh niên cụ thể. Điều đó cho thấy ý thức của một bộ phận đoàn viên, thanh niên chưa cao, chưa quan tâm đến các hoạt động chính trị - xã hội, thiếu ý thức chấp hành pháp luật. Mặt khác, hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật của một số cơ sở Đoàn chưa lan tỏa rộng rãi đến tất cả các đối tượng thanh niên.

Để giải quyết những tồn tại nêu trên, trong nhiệm kỳ 2022 - 2027, tổ chức Đoàn các cấp tỉnh Trà Vinh cần tập trung thực hiện tốt những giải pháp sau:

Một là, tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với thực hiện các nhiệm vụ chính trị. Đổi mới, nâng cao tính hiệu quả, thực chất, tính giáo dục của các nội dung, hình thức học tập và làm theo Bác. Đề cao trách nhiệm nêu gương của cán bộ Đoàn chủ chốt các cấp. Tiếp tục triển khai sâu rộng chương trình “Thấp sáng ước mơ tuổi trẻ Trà Vinh”, xây dựng tủ sách, chuyên trang online “Bác Hồ với thanh thiếu nhi”. Định kỳ hàng năm tổ chức Hội thi tìm hiểu chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh cấp tỉnh; 5 năm/02 lần tổ chức tuyên dương thanh niên tiên tiến làm theo lời Bác, khen thưởng các mô hình làm theo lời Bác tiêu biểu, Hội thi báo cáo viên giỏi, Liên hoan tuyên truyền ca khúc cách

mạng. Phấn đấu 100% cán bộ, đoàn viên học tập chuyên đề, đăng ký và hoàn thành các nội dung học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

Hai là, đổi mới công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho đoàn viên, thanh niên: Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng cách thức tuyên truyền, học tập, triển khai và vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng, của Đoàn vào thực tiễn công tác và đời sống của đoàn viên, thanh niên. Tổ chức trong toàn Đoàn đợt sinh hoạt chính trị với chủ đề “*Khát vọng cống hiến - Lẽ sống thanh niên*”. Tổ chức cho 100% đoàn viên mới kết nạp học tập các bài học lý luận chính trị, có kiểm tra, đánh giá nhận thức. Nhân rộng các hình thức thi, tìm hiểu về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, về Đảng Cộng sản Việt Nam, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh trên mạng internet. Tăng cường đối thoại, kết nối với thanh niên; đa dạng hóa các hình thức giáo dục, nắm bắt tình hình thanh niên, định hướng tư tưởng, dư luận thanh niên nhất là trên không gian mạng.

Ba là, đa dạng hóa các giải pháp giáo dục truyền thống cách mạng, lòng yêu nước, tinh thần tự hào, tự tôn dân tộc cho thanh thiếu nhi: Tập trung tổ chức các chương trình, hoạt động có tính giáo dục đồng loạt, rộng khắp nhân dịp các sự kiện chính trị, các ngày lễ lớn của Đảng, của dân tộc, của tỉnh Trà Vinh và của Đoàn, Hội, Đội theo hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến. Thường xuyên tổ chức các hoạt động về nguồn, hành trình đến địa chỉ đỏ, giới thiệu các khu di tích lịch sử, di tích văn hóa cho đoàn viên, thanh niên gắn với các hoạt động “*Đền ơn đáp nghĩa*”, “*Uống nước nhớ nguồn*”. Định kỳ tổ chức lễ “*Thắp nến tri ân*” các anh hùng liệt sỹ, các cuộc thi tìm hiểu lịch sử Việt Nam, lịch sử tỉnh Trà Vinh; các hội thi, liên hoan, tuyên truyền ca khúc cách mạng trong các cấp Đoàn, Hội, Đội.

Bốn là, chú trọng công tác giáo dục đạo đức, lối sống văn hóa cho thanh thiếu nhi: Nêu cao tinh thần tự giác và ý thức tu dưỡng, rèn luyện, thực hành đạo đức cách mạng của cán bộ, đoàn viên và trách nhiệm nêu gương của cán bộ Đoàn, Hội, phụ trách Đội. Nghiên cứu, bổ sung, hoàn thiện hệ giá trị và xác lập các tiêu chí cụ thể của hình mẫu thanh niên Trà Vinh thời kỳ mới. Tiếp tục duy trì và đẩy mạnh thực hiện cuộc vận động “*Mỗi ngày một tin tốt, mỗi tuần một câu chuyện đẹp*”, tổ chức các trào lưu, xu hướng tích cực trên không gian mạng thu hút đoàn viên, thanh niên hưởng ứng, làm theo. Tăng cường đấu tranh chống các quan điểm, hành vi phản đạo đức, phi đạo đức, phản văn hóa. Phát triển văn hóa đọc trong thanh thiếu nhi. Làm tốt công tác phát hiện, tôn vinh, nhân rộng, và phát huy các điển hình thanh thiếu nhi tiêu biểu ở các lĩnh vực.

Năm là, nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, hình thành thói quen “Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật” trong đoàn viên, thanh niên: Lựa chọn nội dung, đổi mới, phong phú hình thức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật liên quan

đến thanh niên và chính sách, pháp luật về thanh niên. Chủ động phối hợp với các ngành trong công tác phòng ngừa thanh thiếu niên vi phạm pháp luật, hỗ trợ, giáo dục, cảm hóa thanh thiếu niên chậm tiến, tham gia phòng chống ma túy, tệ nạn xã hội. Duy trì và phát triển các mô hình tư vấn pháp lý trẻ và các mô hình hay trong công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật của Đoàn các cấp.

Sáu là, tiếp tục đổi mới và đa dạng hóa phương thức tuyên truyền, giáo dục: Chú trọng các hoạt động, phương thức tuyên truyền, xây dựng sản phẩm truyền thông phù hợp với từng đối tượng đoàn viên, thanh thiếu nhi. Phát huy tiện ích của trang thông tin điện tử của Đoàn các cấp, tính tích cực của các trang mạng xã hội và công nghệ số trong công tác tuyên truyền giáo dục. Xây dựng các bộ công cụ tuyên truyền, các sản phẩm truyền thông trên internet, mạng xã hội có nội dung tuyên truyền, giáo dục theo hướng trẻ trung, sinh động, phù hợp với thị hiếu của thanh thiếu nhi. Phát huy vai trò của các tổ chức, cá nhân có uy tín, có ảnh hưởng xã hội trong định hướng, giáo dục đạo đức, lối sống, giá trị thẩm mỹ cho đoàn viên, thanh niên. Chú trọng tinh nêu gương, trước hết là của cán bộ đoàn. Tiếp tục củng cố, kiện toàn và phát huy đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên, cộng tác viên dư luận xã hội, câu lạc bộ lý luận trẻ các cấp.

Tóm lại, nâng cao vai trò của tổ chức Đoàn trong phổ biến, giáo dục pháp luật đối với thanh niên là yêu cầu quan trọng, cấp thiết, đòi hỏi phải có những đổi mới sâu sắc về nhận thức và thực hiện nhiều giải pháp khác nhau. Các cấp bộ Đoàn phải nghiên cứu, đánh giá được nhu cầu tìm hiểu pháp luật của thanh niên, để từ đó có kế hoạch trang bị cho thanh niên những kiến thức pháp luật cần thiết; mở rộng các kênh thông tin pháp luật để thanh niên có thể tiếp cận dễ dàng, tiện lợi. Kết hợp rộng rãi các phong trào Đoàn với việc lồng ghép các hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật; hình thức tuyên truyền phải đa dạng, đảm bảo thu hút được đông đảo thanh niên tham gia. Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho thanh niên phải được thực hiện đồng bộ bằng nhiều giải pháp, có sự kết hợp chặt chẽ giữa tổ chức Đoàn với gia đình, nhà trường và xã hội. Đây là một nhiệm vụ mang tính lâu dài, đòi hỏi tổ chức Đoàn phải kiên trì, không ngừng bồi đắp những kiến thức và kỹ năng cần thiết làm nền tảng. Đồng thời, thường xuyên tổ chức các hoạt động thực tiễn, các phong trào hành động cách mạng để thanh niên trải nghiệm thực hiện và áp dụng pháp luật, rèn luyện các kỹ năng chấp hành pháp luật, có ý thức cộng đồng; tham gia xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Luật Thanh niên, Nxb. Chính trị Quốc gia, H.2020.
2. Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Tỉnh đoàn khóa X trình tại Đại hội đại biểu Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh Trà Vinh lần thứ XI.

TỈNH ĐOÀN KON TUM THAM GIA GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM CHO THANH NIÊN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

TS. NGÔ HOÀNG ANH

Trường Chính trị Tỉnh Kon Tum

Tóm tắt: Dân số tỉnh Kon Tum tính đến nay có 580.000 người (4/2023) trong đó 190.000 người trong độ tuổi thanh niên chiếm 32% dân số và trên 50% lực lượng lao động của toàn tỉnh; tuy nhiên, tế thực hiện nay tỷ lệ thanh niên còn thiếu việc làm, nhất là thanh niên nông thôn, thanh niên ở vùng sâu, vùng xa còn chiếm khá cao. Đa số thanh niên đều đang thiếu các kiến thức về định hướng nghề nghiệp, chưa tiếp cận với các cơ hội đào tạo nghề và việc làm, thiếu vốn... Trước thực tế đó, với vai trò đồng hành cùng thanh niên lập thân, lập nghiệp, phối hợp các ngành thực hiện đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn” nhằm đánh giá những việc đã làm được và tìm ra giải pháp tiếp tục giải quyết việc làm cho thanh niên tỉnh Kon Tum là việc làm khẩn thiết

Từ khóa: Thanh niên, giải quyết việc làm, đề án, Kon Tum...

Ngày nhận: 15/5/2023; Ngày sửa: 17/5/2023; Duyệt đăng: 25/5/2023

Thực hiện Đề án về “Hỗ trợ thanh niên học nghề và đào tạo việc làm” trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2015 - 2020, định hướng đến 2030. Theo đó, các tổ chức Đoàn trong tỉnh đã phối hợp với các ban ngành, đơn vị triển khai nhiều chương trình tư vấn, định hướng nghề nghiệp và giới thiệu, đào tạo nghề cho thanh niên gắn liền với việc thực hiện phong trào “4 đồng hành với thanh niên lập thân, lập nghiệp” và mới đây nhất ngày 24/3/2023 Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh đã tổ chức Hội nghị gặp mặt trao đổi và trả lời những vấn đề đoàn viên thanh niên quan tâm

Trước hết, các cấp bộ Đoàn đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền về các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong lĩnh vực nghề nghiệp, việc làm để thanh niên có nhận thức đúng đắn về vai trò, ý nghĩa của việc làm trong cuộc sống của mỗi người, tiếp cận những thông tin, cơ hội việc làm, học nghề. Thông qua qua các buổi sinh hoạt Chi đoàn, gắn với các hoạt động Hành quân xây dựng cơ sở, Chiến dịch mùa hè xanh... các cấp bộ đoàn đã tổ chức được 249 buổi tuyên truyền thu hút được hơn 12.500 lượt đoàn viên, thanh niên tham gia.

Tỉnh đoàn, các Huyện đoàn, Thành đoàn phối hợp với trường Cao đẳng Cộng đồng và Phân hiệu Đại học Đà Nẵng tại Kon Tum, Trung tâm tư vấn và giới thiệu việc làm, Trường Chính trị tỉnh Kon Tum khảo sát nhu cầu việc làm của thanh niên nông thôn, nhu cầu vay vốn, học nghề... để tổ chức tư vấn, định hướng và giới thiệu việc làm phù hợp với trình độ, khả năng của mỗi thanh niên cũng như nhu cầu của xã hội, doanh nghiệp.

Trên cơ sở đó, từ năm 2020 đến nay, cùng với các ngành chức năng, Tỉnh đoàn đã tổ chức nhiều đợt tập huấn nhiều chiến dịch tư vấn định hướng nghề nghiệp và giới thiệu việc làm cho 9.825 lượt đoàn viên, thanh niên; giới thiệu việc làm cho gần 1.000 lao động làm việc tại các công ty, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh, đưa 104 lao động đi xuất khẩu tại Malaysia, Hàn Quốc, Đài Loan. Đặc biệt, ba năm qua Tỉnh đoàn đã tổ chức thành công “Ngày hội việc làm” thu hút hơn 2.000 đoàn viên tham gia và huy động sự tham gia, đồng hành của 18 doanh nghiệp, đơn vị sản xuất đóng chân trên địa bàn tỉnh. 319 đoàn viên, thanh niên đã được phỏng vấn tại các doanh nghiệp, đơn vị và có 229 lao động phù hợp với các yêu cầu tuyển dụng... Tỉnh đoàn còn tổ chức được 3 chiến dịch tư vấn mùa thi cho 7563 lượt học sinh khối 11, 12 của các trường THPT trên địa bàn toàn tỉnh nhằm giúp cho các đoàn viên, thanh niên nhận thức được đúng nhu cầu việc làm, định hướng việc chọn nghề, chọn trường phù hợp bản thân, gia đình và xã hội.

Song song với các hoạt động tư vấn, định hướng, giới thiệu việc làm, Trung tâm hỗ trợ thanh niên (trực thuộc Tỉnh đoàn) còn mở các lớp đào tạo nghề cho thanh niên như: nghề may dân dụng; nghề xây; tập huấn khởi nghiệp cho 800 đoàn viên, thanh niên của huyện Sa Thầy, Đăk Hà, Kon Plong và Đăk Glei. Tham gia lớp học, các học viên được hỗ trợ toàn bộ kinh phí đào tạo, 1 phần chi phí sinh hoạt, tạo điều kiện chỗ ở trong suốt thời gian đào tạo. Hiện nay, tất cả các thanh niên được học nghề đều đã có việc làm.

Bên cạnh đó, nhằm giúp thanh niên được tiếp cận với các nguồn vốn vay ưu đãi, Tỉnh đoàn còn ký kết chương trình hợp tác với Ngân hàng chính sách xã hội nhận ủy thác cho vay vốn đối với thanh niên. Đến nay, các tổ chức Đoàn đã tín chấp hơn 44,702 tỷ đồng tạo điều kiện cho 3.000 đoàn viên, thanh niên vay vốn giải quyết việc làm, phát triển kinh tế, tổ chức được 7 lớp tập huấn về nghiệp vụ vay vốn cho hơn 600 đoàn viên, thanh niên.

Tuy những kết quả trên còn khá khiêm tốn so với nhu cầu nghề nghiệp, việc làm của thanh niên hiện nay, nhưng đây là sự nỗ lực, cố gắng rất lớn của các cấp bộ đoàn và cũng là tiền đề, bước khởi đầu cho việc triển khai thực hiện các chương trình hỗ trợ nghề nghiệp cho thanh niên trong những năm tiếp theo. Theo đó, Tỉnh đoàn đã đề ra mục tiêu, phấn đấu đến năm 2025 có 95% thanh niên nông thôn, 100% bộ đội xuất ngũ được tiếp cận với các thông tin đào tạo nghề và việc làm; tư vấn và định hướng nghề nghiệp cho hơn 7.000 lượt học sinh khối THPT, hơn 46.000 học sinh khối lớp 9; 6000 - 8000 lượt thanh niên được tham gia các

lớp đào tạo nghề ngắn hạn, giải quyết việc làm trong, ngoài tỉnh và đưa đi xuất khẩu lao động... Tỉnh đoàn Kon Tum đã nhận ủy thác cho đoàn viên, thanh niên vay vốn Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) để sản xuất, kinh doanh. Tín dụng chính sách đồng hành cùng các bạn trẻ góp phần nâng cao hiệu quả tập hợp, đoàn kết thanh niên và gắn kết đoàn viên, thanh niên với tổ chức Đoàn, Hội.

Đến nay, các tổ chức Đoàn trong tỉnh đã nhận ủy thác từ Chi nhánh NHCSXH tỉnh cho đoàn viên, thanh niên vay vốn trên 350 tỷ đồng. Vốn vay của đoàn viên, thanh niên được thực hiện ở hầu hết các chương trình tín dụng ưu đãi của Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH), song tập trung nhiều ở chương trình cho vay hộ nghèo với gần 129 tỷ đồng, cho vay hộ cận nghèo 56 tỷ đồng, cho vay hộ mới thoát nghèo 25,6 tỷ đồng, cho vay nước sạch vệ sinh môi trường hơn 36 tỷ đồng, cho vay giải quyết việc làm hơn 11,3 tỷ đồng...

Từ đầu năm 2022 đến nay, các cấp bộ đoàn trên địa bàn tỉnh đã giới thiệu việc làm cho 6.400 đoàn viên thanh niên (ĐVTN). Trong đó, có hơn 1.300 ĐVTN được giải quyết việc làm. Riêng “trong quý 1 năm 2023 các ngành chức năng tỉnh Kon Tum đã giải quyết việc làm cho 633 thanh niên”¹

Dự kiến năm 2023 Trung tâm hỗ trợ thanh niên của Tỉnh Đoàn Kon Tum sẽ tổ chức 20 lớp tập huấn, đào tạo cho từ 1.250 đoàn viên thanh niên (trong đó: 06 lớp Khởi nghiệp 400 ĐVTN; 08 lớp chuyển giao KHKT 500 ĐVTN, 06 lớp tư vấn giới thiệu việc làm cho 350 ĐVTN)

Thời gian tới, Ban Thường vụ Tỉnh đoàn, các Huyện đoàn, Thành đoàn triển khai tốt các phong trào hành động cách mạng với phương châm: rộng khắp, định hướng, hiệu quả, bền vững, sáng tạo. Lựa chọn những mô hình hay, cách làm hiệu quả để nhân rộng theo hướng có chiều sâu, bền vững trong toàn Đoàn, tạo dấu ấn xã hội tích cực, tạo môi trường và điều kiện thuận lợi cho thanh niên rèn luyện, cống hiến và trưởng thành. Trong đó, tập trung vào vấn đề: xây dựng các mô hình liên kết, hợp tác phát triển kinh tế của thanh niên; hỗ trợ thanh niên nông thôn trong học nghề, giới thiệu việc làm. Điều này đã và đang đặt ra cho Đoàn Thanh niên tỉnh Kon Tum nhiệm vụ làm thế nào để trở thành người bạn “đồng hành với thanh niên trong nghề nghiệp và việc làm”, qua đó thu hút thanh niên đến với tổ chức Đoàn. Theo đó thời gian tới cần triển khai thực hiện các giải pháp sau:

Một là, nâng cao nhận thức vai trò, trách nhiệm trong tham gia phát triển kinh tế - xã hội, đóng góp rất to lớn trong việc đảm nhận triển khai các công trình hạ tầng nông thôn, tham gia tích cực trong việc sản xuất, kinh doanh tăng thêm thu nhập, góp sức và chung tay giúp chính quyền địa phương hoàn thành mục tiêu để xây dựng nông thôn mới, đặc biệt góp phần thực hiện tốt Cuộc vận động “Làm thay đổi nếp nghĩ, cách làm của đồng bào DTTS, làm cho đồng bào DTTS vươn lên thoát nghèo bền vững”.

Các cấp ủy đảng, chính quyền, ngành chức năng các tổ chức cơ sở Đoàn cần tạo điều kiện và bố trí đủ nguồn lực

để các cấp bộ đoàn triển khai thực hiện có hiệu quả đề án giải quyết việc làm cho thanh niên và chính sách cho vay vốn lãi suất ưu đãi đối với học sinh, sinh viên các trường đại học, cao đẳng, THCN và dạy nghề. Quan tâm, tạo điều kiện cho thanh niên phát triển một cách toàn diện, xứng đáng là lực lượng xung kích trên mặt trận kinh tế, xóa đói, giảm nghèo, đồng hành cùng thanh niên trên con đường lập thân, lập nghiệp. Phối hợp giữa Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) Kon Tum và Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh.

Nguồn vốn chính sách được quản lý, sử dụng đúng mục đích, phát huy hiệu quả đầu tư đã góp phần chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi hợp lý, bền vững, tăng thu nhập giảm nghèo và phát triển kinh tế, cải thiện đời sống gia đình đoàn viên, thanh niên.

Tổ chức Đoàn thường xuyên nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của đoàn viên, thanh niên để giải quyết cho vay vốn đúng mục đích; kịp thời phát hiện sai sót, tồn tại để xử lý dứt điểm, để phát huy hiệu quả quản lý nguồn vốn nhận ủy thác, gắn với vay vốn, đoàn viên, thanh niên còn được tạo điều kiện tham gia các lớp tập huấn nâng cao trình độ kỹ thuật, kinh nghiệm sản xuất để áp dụng vào thực tế. Tổ chức Đoàn các cấp trong tỉnh cũng đã phối hợp mở các lớp tập huấn nghiệp vụ nâng cao năng lực quản lý, giám sát cho cán bộ đoàn cơ sở, ban quản lý các tổ tiết kiệm và vay vốn; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hoạt động nhận ủy thác tại cơ sở; đôn đốc, hướng dẫn các cơ sở đoàn làm tốt công tác nhận ủy thác và nâng cao chất lượng tín dụng.

Hai là, nâng cao hiệu quả hoạt động tư vấn, hướng nghiệp, giới thiệu việc làm cho thanh niên

Trong những năm qua, công tác hướng nghiệp, giải quyết việc làm cho thanh niên được các cấp, ngành quan tâm và đạt nhiều kết quả tích cực. Công tác tuyên truyền về nghề nghiệp, việc làm đối với thanh niên được các cấp bộ Đoàn trong tỉnh Kon Tum triển khai với nhiều hình thức phong phú, thiết thực

Tỉnh đoàn phối hợp các trường đại học, cao đẳng, THCN, Sở LĐ, TB và XH tổ chức tư vấn nghề, việc làm cho học sinh các trường THPT ở các huyện, thành phố; phối hợp Ngân hàng Chính sách xã hội hỗ trợ vốn vay giúp thanh niên lập thân, lập nghiệp, thông qua đó, lồng ghép công tác vay vốn với xây dựng mô hình, thành lập các loại hình Câu lạc bộ thanh niên phát triển kinh tế, gắn với việc tập huấn chuyển giao tiến bộ KHKT, hướng dẫn cách thức làm ăn cho thanh niên

Để triển khai đồng bộ và có hiệu quả việc đào tạo, tư vấn và giải quyết việc làm cho thanh niên đạt mục tiêu đề ra, Tỉnh đoàn Kon Tum chỉ đạo các Huyện đoàn và các tổ chức Đoàn trực thuộc, phối hợp chặt chẽ với đoàn thể, các cấp, các ngành, đặc biệt là tranh thủ sự chỉ đạo của các cấp ủy đảng trước hết là làm tốt công tác tuyên truyền vận động, định hướng, tư vấn cho thế hệ trẻ, giúp họ đánh giá, lựa chọn đúng ngành nghề phù hợp năng lực của bản thân và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Đẩy mạnh công

tác xuất khẩu lao động, dịch vụ giới thiệu việc làm trong và ngoài nước, trong đó chú trọng đào tạo nghề, giáo dục pháp luật cho người lao động. Tổ chức ngày hội việc làm, hội chợ việc làm, sàn giao dịch việc làm, nhằm tạo điều kiện cho lực lượng lao động trẻ và người sử dụng lao động hiểu biết lẫn nhau, có cơ hội tìm việc làm và tuyển dụng lao động.

Ba là, liên kết đẩy mạnh các hình thức xuất khẩu lao động

Thời gian qua Đoàn Thanh niên tỉnh Kon Tum đã phối hợp các tổ chức thực hiện đạt hiệu quả thiết thực. Từ đầu năm 2021 đến nay, Tỉnh đoàn đã giới thiệu 59 đoàn viên, thanh niên đi xuất khẩu lao động có thời hạn tại các nước Hàn Quốc, Nhật Bản, Ma-lai-xi-a..., trong đó có 45 đoàn viên, thanh niên là người dân tộc thiểu số, một con số quá ít. Đây là một chủ trương đang được Tỉnh đoàn Kon Tum chú trọng, để vừa giải quyết việc làm trước mắt, vừa có cơ hội đào tạo nghề, rèn luyện tác phong lao động công nghiệp, tạo thu nhập cho ĐVTN góp phần xóa đói, giảm nghèo, đầu tư phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

Bốn là, tạo môi trường, điều kiện cho thanh niên tham gia khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo

Đào tạo nghề cho ĐVTN và lao động nông thôn theo Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững. Qua đó, cần nhân rộng nhiều mô hình kinh tế hiệu quả như trồng dược liệu (huyện Kon Plong), trồng sâm dây, sâm Ngọc Linh (huyện Đăk Glei, huyện Tu Mơ Rông) làm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, kinh doanh. Tỉnh đoàn Kon Tum cần hỗ trợ nhiều dự án và đang tiếp tục hỗ trợ dự án khởi nghiệp sáng tạo của thanh niên. Đồng thời, kết nối giúp thanh niên tiếp cận các nguồn vốn vay ưu đãi.

Với sự hỗ trợ của tổ chức Đoàn và cấp uỷ, chính quyền địa phương, thanh niên, nhất là thanh niên người DTTS đã có ý chí vượt khó vươn lên thoát nghèo, có công việc ổn định. Từ đây, góp phần xây dựng nông thôn mới cũng như tạo ra bước đột phá trong Cuộc vận động "Làm thay đổi nếp nghĩ, cách làm của ĐB DTTS, làm cho đồng bào DTTS vươn lên thoát nghèo bền vững".

Tỉnh đoàn Kon Tum đã ban hành Đề án "Thanh niên khởi nghiệp tỉnh giai đoạn 2020 - 2025" định hướng 2025-2030, qua đó tổ chức nhiều chương trình tập huấn trực tiếp, trực tuyến về khởi nghiệp cho cán bộ Đoàn, Hội cấp tỉnh, cấp huyện, đoàn viên thanh niên (ĐVTN) quan tâm đến khởi nghiệp trong toàn tỉnh.

Năm là, phát triển nông nghiệp hàng hóa, nhằm tạo việc làm, thu nhập cho một số lao động trẻ ở địa phương

Với sức trẻ, trí tuệ và tinh thần xung kích, ĐVTN là lực lượng lao động chính của xã hội. Thời gian qua, giải quyết việc làm cho thanh niên luôn là được các cấp bộ đoàn trong tỉnh đặc biệt quan tâm, nhưng lao động của thanh niên nông thôn tỉnh Kon Tum chủ yếu là nông sản thô, chưa vươn tầm sản xuất chế biến kiểu hàng hóa chất lượng, giá trị cao.

Đoàn Thanh niên các cấp cần vận động các đoàn viên tham gia chuyển đổi các diện tích cây trồng kém hiệu quả sang trồng các loại cây có lợi thế của địa phương hướng đến phát triển nông nghiệp hàng hóa, để giải quyết việc làm cho người lao động nói chung, thanh niên, sinh viên nói riêng góp phần đẩy mạnh phát triển kinh tế-xã hội, đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng tại địa phương

Sáu là, nâng cao năng lực dự báo nhu cầu lao động theo ngành, nghề làm cơ sở, định hướng đào tạo cho thanh niên; hoàn thiện hệ thống thông tin thị trường lao động, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong thu thập, cập nhật và phổ biến thông tin thị trường lao động.

Chỉ đạo đẩy mạnh đào tạo nghề nghiệp đáp ứng nhu cầu xã hội, gắn đào tạo nghề nghiệp với việc làm; chú trọng xã hội hóa công tác dạy nghề, khuyến khích doanh nghiệp tham gia đào tạo nghề; đổi mới nội dung, chương trình đào tạo và phương pháp giảng dạy nhằm đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp. Tăng cường tư vấn, giới thiệu việc làm, định hướng nghề nghiệp cho học sinh, sinh viên, thanh niên thông qua hệ thống Trung tâm dịch vụ việc làm công; đa dạng hóa các hoạt động giao dịch việc làm; nâng tần suất, phạm vi các hoạt động các sàn giao dịch việc làm; xây dựng cơ sở dữ liệu việc tìm người - người tìm việc ứng dụng công nghệ thông tin. Tăng cường thông tin, tuyên truyền về các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về các chính sách hỗ trợ đào tạo nghề nghiệp, hỗ trợ tạo việc làm cho thanh niên.

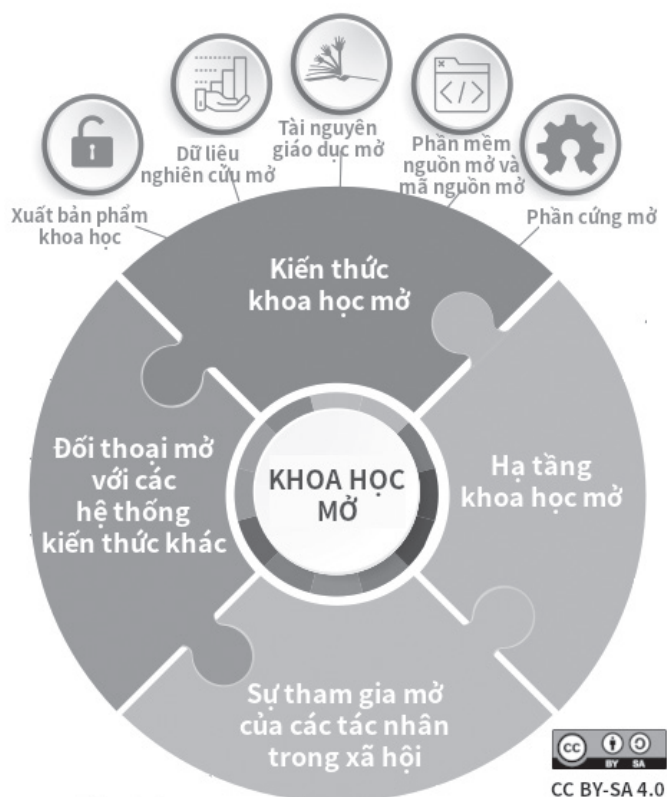
Để góp phần giảm thiểu tỷ lệ thanh niên không có việc làm hoặc thiếu việc làm, thời gian tới, các cấp bộ Đoàn trong tỉnh Kon Tum cần tiếp tục đẩy mạnh phong trào "đồng hành với thanh niên lập thân, lập nghiệp" thì sáu giải pháp trên là rất quan trọng để thanh niên tỉnh Kon Tum có nhận thức đầy đủ về các chủ trương, chính sách của Nhà nước về dạy nghề và giải quyết việc làm. Tiếp tục tham mưu với các cấp uỷ Đảng, chính quyền tăng cường chỉ đạo các hoạt động hỗ trợ, trực tiếp giải quyết việc làm cho thanh niên. Tiếp tục mở rộng và nâng cao hiệu quả cho vay từ Quỹ quốc gia giải quyết việc làm, từ Ngân hàng Chính sách Xã hội đối với các doanh nghiệp, các trang trại, các làng nghề có khả năng tạo việc làm. Thực hiện có hiệu quả các dự án hỗ trợ doanh nghiệp để tạo việc làm cho lao động nói chung và thanh niên nông thôn nói riêng. Tiếp tục nhân rộng các mô hình, điển hình thanh niên làm kinh tế giỏi, thanh niên sản xuất - kinh doanh giỏi để giải quyết được nhiều việc làm cho thanh niên ngay tại cơ sở, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội ở tỉnh Kon Tum như chuyên đề năm 2023 của Tỉnh ủy Kon Tum ban hành theo Kế hoạch số 81-KH/TU ngày 06/02/2023 về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh năm 2023 là "Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về tận tâm, tận tụy, góp phần xây dựng tỉnh Kon Tum phát triển nhanh và bền vững".

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN:

¹ Báo Kon Tum số 4086 ra ngày thứ tư 05/4/2023

VIỆC XÂY DỰNG TÀI NGUYÊN GIÁO DỤC MỞ TRONG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC LÀ MỘT XU THẾ TẤT YẾU

LÊ THANH



Hình do Lê Trung Nghĩa tùy chỉnh từ tài liệu Khuyến nghị Khoa học Mở của UNESCO

TNGDM là 1 trong 5 thành phần cơ bản của Kiến thức Khoa học Mở.

Ngày 25/11/2019, Việt Nam đã cùng 192 quốc gia thành viên của UNESCO cùng thông qua Khuyến nghị Tài nguyên Giáo dục Mở (TNGDM) của UNESCO, điều này đã khẳng định TNGDM là một xu thế không thể đảo ngược của thế giới ngày nay, nhất là trong thời kỳ hậu COVID-19.

Để đi tới được sự đồng thuận thông qua Khuyến nghị TNGDM của thế giới, phong trào TNGDM đã trải qua một bước chuẩn bị khá dài gần 20 năm, khi UNESCO lần đầu tiên đưa ra khái niệm TNGDM tại Diễn đàn TNGDM toàn cầu lần thứ nhất vào năm 2002.

TNGDM rất cần thiết trong giáo dục đại học

Theo định nghĩa của UNESCO, TNGDM là các tài liệu học, dạy và nghiên cứu ở bất kỳ định dạng và

phương tiện nào mà nằm trong phạm vi công cộng hoặc theo bản quyền mà đã được phát hành với một giấy phép mở, cho phép những người khác không mất chi phí để truy cập, sử dụng lại, tái mục đích, tùy biến thích nghi và phân phối lại các tư liệu giáo dục.

Khuyến nghị của UNESCO đã chỉ ra, việc lồng ghép TNGDM vào để giúp cho tất cả các quốc gia thành viên tạo ra các xã hội tri thức bao hàm toàn diện và đạt được Chương trình nghị sự Phát triển Bền vững 2030, đó là Giáo dục chất lượng; Bình đẳng giới; Công nghiệp, đổi mới sáng tạo và hạ tầng; Giảm bất bình đẳng bên trong và xuyên khắp các quốc gia; Hòa bình, các thể chế công bằng và mạnh mẽ; Quan hệ đối tác vì các mục tiêu.

Bên cạnh đó, UNESCO cũng khẳng định Khoa học Mở cũng là xu thế không thể đảo ngược của thế giới ngày nay, với TNGDM là 1 trong 5 thành phần không thể thiếu của kiến thức Khoa học Mở; đồng thời, khuyến nghị các quốc gia tiếp tục ứng dụng và phát triển TNGDM để đạt được nhiều lợi ích tiềm tàng như giúp gia tăng sự truy cập tới các tài nguyên nghiên cứu và giáo dục khoa học mở, cải thiện các kết quả đầu ra học tập, tối đa hóa tác động của việc cấp vốn nhà nước và trao quyền cho các nhà giáo dục, những người học để trở thành các nhà đồng sáng tạo kiến thức...

Mặt khác, sự xuất hiện của đại dịch COVID-19 vào đầu năm 2020 đã làm thay đổi mọi mặt trong đời sống kinh tế và xã hội, trong đó, giáo dục là một trong các lĩnh vực bị ảnh hưởng nặng nề nhất tại Việt Nam nói riêng và toàn thế giới nói chung. Và một lần nữa, TNGDM, nhất là ở dạng kỹ thuật số và kiến thức Khoa học Mở cùng với tiếp cận hướng tới học tập suốt đời, đã trở thành một định hướng tương lai đúng đắn của nền giáo dục đến năm 2050.

Vẫn còn nhiều khó khăn, vướng mắc

Hiện trạng ứng dụng và phát triển TNGDM ở Việt Nam cho tới nay vẫn còn nhiều khó khăn, vướng mắc, rất cần sự vào cuộc của toàn thể hệ thống chính trị, các ngành, các cấp.

Một là, hầu hết các tài nguyên giáo dục của Việt Nam có sẵn trên trực tuyến, hiện đều không phải là TNGDM theo định nghĩa của UNESCO được nêu trong Khuyến nghị TNGDM năm 2019.

Hai là, rất ít hoặc chưa có hoạt động nào được triển khai theo 5 lĩnh vực hành động được nêu trong Khuyến



Thứ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Hoàng Minh Sơn chủ trì cuộc họp với các bộ, ngành có liên quan nhằm làm rõ cơ sở pháp lý liên quan đến một số nội dung quan trọng trong Đề án Xây dựng mô hình nguồn tài nguyên giáo dục mở trong giáo dục đại học.

Thứ tư, thông qua việc xây dựng nguồn TNGDM, cần thực hiện đồng bộ với việc xác định các khung năng lực số, để mọi công dân, mọi doanh nghiệp, mọi tổ chức và cá nhân thuộc mọi thành phần trong xã hội đều có đủ các năng lực số cần thiết.

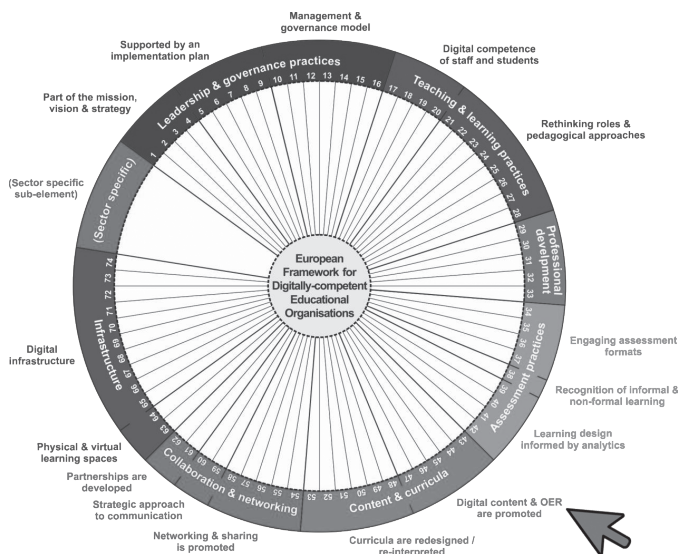
Thứ năm, tiếp tục tổ chức các hoạt động nhằm nâng cao nhận thức về những lợi ích của Giáo dục Mở và Cấp phép Mở, với nền tảng cơ bản là TNGDM, để gia tăng sử dụng lại, sao cho truy cập tới giáo dục công bằng xã hội sớm trở thành hiện thực.

Thứ sáu, xây dựng cơ chế riêng nhằm khuyến khích phát triển chính sách Giáo dục Mở và TNGDM ở mức quốc tế và xây dựng các chiến lược triển khai hiệu quả ở các mức địa phương, quốc gia, quốc tế để hỗ trợ phù hợp với đặc thù của từng cơ sở.

Thứ bảy, hỗ trợ cho việc nâng cao chất lượng các tài nguyên học tập là tùy chỉnh được và dễ dàng kết nối, thích nghi, truy cập và được hỗ trợ với nhiều ngôn ngữ khác nhau.

Thứ tám, tiếp tục làm việc, hợp tác, học hỏi kinh nghiệm với các cơ sở châu Âu và các tổ chức khác để triển khai việc xây dựng nguồn TNGDM ở Việt Nam được nhanh chóng và đạt chất lượng cao.

Tuy việc xây dựng mô hình nguồn TNGDM là vấn đề rất mới ở Việt Nam, nhưng đây là xu thế không thể đảo ngược của thế giới ngày nay, đặc biệt, thường được tích hợp trong các khung năng lực số, nhất là cho các thư viện, các cán bộ thư viện, các thủ thư, bên cạnh các năng lực và các kỹ năng khác, nhằm thực hiện thành công mục tiêu để nhiều người tiếp cận, sử dụng những học liệu, tài nguyên có chất lượng, với chi phí thấp nhất, góp phần hình thành nên một xã hội học tập, tiến tới xây dựng thành công chính phủ số, nền kinh tế số và xã hội số.



Tích hợp TNGDM trong Khung năng lực số cho các tổ chức giáo dục.

ngệ TNGDM của UNESCO năm 2019.

Ba là, số lượng cán bộ, giảng viên của một số trường đại học, cao đẳng cả nước được tham gia các khóa thực hành khai thác TNGDM còn khá khiêm tốn.

Bốn là, hiện chưa có một khung pháp lý vững chắc để có thể thực hiện đồng bộ, hiệu quả việc phát triển nguồn TNGDM trong giáo dục đại học ở nước ta.

Năm là, nhận thức về những lợi ích của việc xây dựng nguồn TNGDM có lúc, có nơi chưa được đầy đủ và đồng bộ.

Sáu là, nước ta hiện chưa có hệ thống chính sách riêng nhằm khuyến khích phát triển Giáo dục Mở và TNGDM, đặc biệt là ở mức quốc tế.

Giải pháp phát triển TNGDM tại Việt Nam

Để chủ trương xây dựng TNGDM trong giáo dục đại học được triển khai thuận lợi và hiệu quả, cần thực hiện các nhóm giải pháp tổng hợp, có thể kể đến như sau:

Thứ nhất, từ những kinh nghiệm thế giới, Việt Nam cần nhanh chóng triển khai mô hình xây dựng TNGDM, tuy nhiên, cần xây dựng một khung pháp lý vững chắc để có thể thực hiện đồng bộ, hiệu quả, trong bối cảnh thế giới đang hướng tới Giáo dục Mở và Khoa học Mở.

Thứ hai, cần khoanh vùng phạm vi TNGDM trong giáo dục đại học, để quy trình đưa tài nguyên lên đơn giản, ít thủ tục nhưng phải đảm bảo chất lượng về mặt chuyên môn, đảm bảo yêu cầu của ngành Giáo dục, đáp ứng nhu cầu người học và có sự kiểm soát quản lý của Nhà nước.

Thứ ba, Chính phủ cần sớm ban hành Nghị định nhằm chi tiết hóa phạm vi, quy trình, tiêu chuẩn, quy chuẩn... của mô hình nguồn TNGDM trong giáo dục đại học.

THỰC TRẠNG CĂNG THẲNG (STRESS) CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG TRONG NĂM HỌC 2022 - 2023

NGUYỄN THÙY LINH

Giảng viên, Trường Đại học Ngoại thương

TÓM TẮT: Nghiên cứu có mục tiêu là xác định thực trạng tình hình căng thẳng (stress) của sinh viên Trường Đại học Ngoại thương trong năm học 2022-2023. Nhà nghiên cứu tiến hành khảo sát với 511 sinh viên chính quy tại hai cơ sở - Cơ sở 1 Hà Nội và Cơ sở 3 Quảng Ninh. Kết quả nghiên cứu cho thấy: 95,5% sinh viên đang gặp stress. Trong số này, 5,7% số sinh viên gặp stress ở mức độ nhẹ, 58,3% số sinh viên gặp stress ở mức độ vừa, 24,7% số sinh viên gặp stress ở mức độ nặng, và 6,9% số sinh viên gặp stress ở mức độ rất nặng. Nguyên nhân gây stress được xác định chủ yếu là từ áp lực học tập, áp lực phát triển bản thân, áp lực đồng trang lứa. Kết luận của nghiên cứu là tỷ lệ stress của sinh viên tại Trường Đại học Ngoại thương là rất cao, và cần có sự quan tâm hỗ trợ từ Nhà trường để giúp sinh viên xử lý tình trạng này.

Từ khóa: sinh viên, căng thẳng, stress,

Ngày nhận: 19/5/2023; Ngày sửa: 22/5/2023; Duyệt đăng: 25/5/2023

1. Đặt vấn đề

Đối với đối tượng sinh viên đại học, nhiều nghiên cứu chỉ ra rằng mức độ stress gia tăng đi đôi với thành tích học tập giảm sút (Bennett, 2003; Elias, Ping, & Abdullah, 2011). Rất nhiều nghiên cứu gần đây đã cho thấy mức độ stress của sinh viên đại học trên thế giới đang ở mức rất cao. Một nghiên cứu tại Australia cho thấy 53% số sinh viên tại nước này gặp stress (Stallman, 2008). Tại Canada, một nghiên cứu đã cho thấy tỉ lệ này là 30% (Adlaf và cộng sự, 1998). Tại Việt Nam, nhiều nghiên cứu gần đây cho thấy những con số đáng lưu tâm về tình trạng này. Nghiên cứu tại Trường Đại học Y - dược Thái Nguyên năm 2020 cho biết tỷ lệ sinh viên gặp stress là 38,5% (Trần Thị Ly và cộng sự, 2021). Tại Trường Đại học Công nghệ thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội, tỉ lệ sinh viên năm thứ ba bị stress là 68,29% (Đặng Đức Nhu, 2016). Tại Trường Đại học Ngoại thương, tính đến tháng 05/2023, chưa có một nghiên cứu chính thức nào về tình trạng căng thẳng

(stress) của sinh viên. Điều này dẫn đến việc thiếu cơ sở để lãnh đạo Nhà trường đưa ra những chính sách hỗ trợ sinh viên hiệu quả. Vì vậy, tác giả đã tiến hành nghiên cứu này nhằm xác định thực trạng căng thẳng (stress) của sinh viên Trường Đại học Ngoại thương trong năm học 2022-2023.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Đối tượng nghiên cứu, địa điểm nghiên cứu, và thời gian nghiên cứu:

Các sinh viên được lựa chọn tham gia nghiên cứu là sinh viên thuộc hệ chính quy, bậc đại học, từ năm thứ nhất tới năm thứ tư, đang học tại hai cơ sở của Trường: Cơ sở 1 (Hà Nội) và Cơ sở 3 (Quảng Ninh).

Tiêu chuẩn loại trừ đối tượng là các sinh viên chính quy thuộc bậc Sau đại học, các sinh viên thuộc các chương trình liên thông vừa học vừa làm, các sinh viên thuộc các chương trình đào tạo trực tuyến, các sinh viên thuộc các chương trình đào tạo bồi dưỡng ngắn hạn, các sinh viên đang tham gia các chương trình trao đổi tại nước ngoài. Nghiên cứu được tiến hành từ tháng 9 năm 2022 đến tháng 5 năm 2023.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích và tổng hợp. Kích cỡ thực tế của mẫu nghiên cứu là 511 sinh viên.

Đối tượng nghiên cứu được mời trả lời phiếu thu thập thông tin trực tiếp và trực tuyến. Nghiên cứu sử dụng công cụ thu thập dữ liệu là bảng câu hỏi đã soạn sẵn được điều chỉnh phù hợp với đối tượng nghiên cứu. Bảng câu hỏi này có sử dụng bộ câu hỏi DASS 21 đánh giá thực trạng stress.

Sau khi thu thập, dữ liệu được làm sạch và nhập vào máy tính theo phần mềm Microsoft Excel 2016. Dữ liệu sau đó được phân tích bằng phần mềm SPSS Statistics 20. Trong đó, thống kê mô tả được thực hiện để tính toán tần suất, số lượng, tỷ lệ phần trăm. Ngoài ra, nghiên cứu thực hiện phân tích đơn biến bằng cách tính tỷ suất Odds Ratio (OR) để kiểm định mối liên quan giữa một số yếu tố với thực trạng stress của sinh

viên. Sự khác biệt được coi là có ý nghĩa thống kê khi có giá trị lớn hơn 1, có giá trị p nhỏ hơn 0,05, và khoảng tin cậy Confidence Intervals (CI) 95%.

2.3. Kết quả nghiên cứu

2.3.1. Thực trạng chung về tình hình căng thẳng (stress) của sinh viên Trường Đại học Ngoại thương

Nghiên cứu tìm ra tỷ lệ sinh viên tại Trường Đại học Ngoại thương gặp phải stress là 95,5%. Các mức độ stress cụ thể được thể hiện trong **Bảng 2.3.1** dưới đây. Như vậy, tỷ lệ sinh viên gặp stress ở mức độ vừa là cao nhất (58,3%), và tỷ lệ sinh viên gặp stress ở mức độ nhẹ là thấp nhất (5,7%).

Mức độ stress	Số lượng (n=511)	Tỷ lệ
Không stress	23	4,5%
Stress nhẹ	29	5,7%
Stress vừa	298	58,3%
Stress nặng	126	24,7%
Stress rất nặng	35	6,9%

Bảng 2.3.1: Mức độ stress của sinh viên Trường Đại học Ngoại thương năm học 2022 - 2023

2.3.2. Thực trạng về tình hình căng thẳng (stress) của sinh viên theo từng năm

Nghiên cứu cho thấy tổng tỷ lệ sinh viên năm nhất gặp stress là 98,2%, tổng tỷ lệ sinh viên năm

hai gặp stress là 95,8%, tổng tỷ lệ sinh viên năm ba gặp stress là 94,8%, tổng tỷ lệ sinh viên năm tư gặp stress là 93,9%. Như vậy, tỷ lệ stress giảm dần theo các năm.

2.3.3. Một số yếu tố khác liên quan tới tình hình căng thẳng (stress) của sinh viên tại Trường Đại học Ngoại thương

Yếu tố		Tình trạng stress				OR (CI 95%)	P value
		Không stress		Có stress			
		Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ		
Cơ sở đào tạo	Hà Nội	16	4,6%	333	95,4%	1,064 (0,429 – 2,639)	1,0
	Quảng Ninh	7	4,3%	155	95,7%		
Giới tính	Nam	7	5,2%	127	94,8%	1,244 (0,5000 – 3,092)	0,632
	Nữ	16	4,2%	361	95,8%		
Tình trạng sống	Sống cùng gia đình	12	5,2%	219	94,8%	1,340 (0,580 – 3,096)	0,526
	Không sống cùng gia đình	11	3,9%	269	96,1%		
Tình hình học và tham gia hoạt động ngoại khóa, làm thêm	Chỉ tập trung học	14	6,2%	211	93,8%	2,042 (0,867 – 4,808)	0,131
	Vừa học vừa tham gia hoạt động ngoại khóa và làm thêm	9	3,1%	277	96,9%		

Bảng 2.3.2: Một số yếu tố cụ thể khác liên quan tới tình hình căng thẳng (stress) của sinh viên tại Trường Đại học Ngoại thương

Kết quả phân tích theo Bảng 2.3.2 cho thấy dù có sự chênh lệch về cơ sở đào tạo, tình hình học và tham gia các hoạt động ngoại khóa và làm thêm (do $OR > 1$), những sự chênh lệch này lại không có ý nghĩa thống kê (do các giá trị $p > 0,05$). Như vậy không có sự liên quan giữa từng yếu tố về cơ sở đào tạo, tình hình học và tham gia hoạt động ngoại khóa và làm thêm với khả năng gặp stress của sinh viên tại Trường Đại học Ngoại thương.

2.3.4. Thực trạng về nguyên nhân gây stress

Khi phỏng vấn những sinh viên đang gặp stress để tìm hiểu sâu hơn, nguyên nhân được nhắc tới nhiều nhất là áp lực từ việc học hành (xuất hiện trong 85,5% đáp án), tiếp theo, là áp lực về phát triển bản thân (xuất hiện trong 67,2% các đáp án), cuối cùng là áp lực từ việc cho rằng bản thân kém cỏi hơn những người xung quanh (xuất hiện trong 66,8% các đáp án).

2.3.5. Thực trạng về trạng thái tâm lý và hành vi của sinh viên khi gặp stress và thực trạng nhận được sự hỗ trợ của nhà trường

95,5% số sinh viên đang gặp stress đã đưa ra nhiều đáp án về trạng thái tâm lý và hành vi của mình. Trong đó, trạng thái mất động lực chiếm 56,1 %, trạng thái tự ti và thu mình chiếm 49%, và trạng thái tức giận, mất kiểm soát cảm xúc cũng xuất hiện trong 49% đáp án. Như vậy, stress có tác hại tiêu cực tới tâm lý và hành vi của sinh viên.

Trong số 488 sinh viên xác nhận bản thân đang gặp stress, chỉ có 35 sinh viên (7,2%) xác nhận đã nhận được sự hỗ trợ của nhà trường dưới các hình thức như hỗ trợ học phí, hỗ trợ tư vấn tâm lý, được động viên chia sẻ từ cán bộ giảng viên...v.v...Như vậy, 92,8% số lượng sinh viên chưa nhận được sự hỗ trợ từ Nhà trường.

3. Kết luận

Nghiên cứu đã tìm ra tỷ lệ sinh viên đang gặp stress tại Trường Đại học Ngoại thương trong năm học 2022-2023 là 95,5%. Tỷ lệ này cao hơn rất nhiều so với tỷ lệ stress của sinh viên tại nhiều trường đại học khác tại Việt Nam đã từng được công bố. Tại Đại học Quốc Gia Hà Nội, tỉ lệ sinh viên bị stress là 82,12 % (Nguyễn Hữu Thụ, 2009). Tại Đại học Y Hà Nội, tỷ lệ này vào năm 2013 là 63,6% (Vũ Khắc Lương, Phạm Thị Huyền Trang, 2013). Tại Trường Đại học Công nghệ thuộc Đại học Quốc Gia Hà Nội, tỉ lệ sinh viên năm thứ ba bị stress là 68,29% (Đặng Đức Nhu, 2016). Sự vượt trội trong tỷ lệ sinh viên gặp stress tại Trường Đại học Ngoại thương có thể được lý giải bởi thời điểm tiến hành nghiên cứu, và đặc trưng của môi trường học tập. Về thời điểm, nghiên cứu này được tiến hành không lâu sau khi sinh viên đi học trở lại sau thời gian bùng phát dịch bệnh Covid-19. Bản thân tình hình đại dịch và việc giãn cách xã hội kéo dài cũng đã để lại nhiều ảnh hưởng tiêu cực đến tâm lý của sinh viên, chưa kể đến việc thay đổi hình thức học tập liên tục đã gây thêm áp lực cho người học. Về đặc trưng của môi trường học tập, Trường Đại học Ngoại thương vốn luôn được biết đến là nơi tập trung nhiều sinh viên có thành tích học tập cao. Điều này dẫn đến một môi trường luôn đề cao tinh thần cầu tiến, và sự ganh đua giữa những người học, gây nên áp lực lớn đến sinh viên.

Yếu tố về đặc trưng của môi trường học tập cũng được thể hiện rõ hơn trong phần điều tra về nguyên nhân gây stress. Ngoài nguyên nhân giống như nguyên nhân ở nhiều trường đại học khác là áp lực từ việc học tập (85,5%), có hai nguyên nhân rất đặc trưng cho Trường Đại học Ngoại thương, là áp lực đồng trang lứa và áp lực từ việc phát triển bản thân (tỷ lệ lần lượt là 66,8% và 67,2%).

Trong số 95,5% sinh viên bị stress, tỷ lệ sinh viên bị stress nặng và rất nặng là 31,6%. Đây là con số rất đáng lo ngại bởi đã nghiên cứu của Bennett (2003) và nghiên cứu của Elias, Ping, và Abdullah (2011) xác nhận rằng mức độ stress có mối tương quan ngược chiều với kết quả học tập. Điều này có nghĩa rằng một số lượng lớn sinh viên tại Trường Đại học Ngoại thương đã và đang có nguy cơ giảm sút chất lượng học tập của mình vì stress.

Nghiên cứu cũng cho thấy còn rất ít sinh viên tiếp nhận được sự hỗ trợ từ phía Nhà trường (7,2%). Vì vậy, hi vọng Nhà trường sẽ chú trọng nhiều hơn tới vấn đề này để gia tăng số lượng và chất lượng các hoạt động hỗ trợ sinh viên giảm stress, từ đó nâng cao chất lượng học tập nói riêng và chất lượng đời sống nói chung cho sinh viên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Đặng Đức Nhu. Thực trạng và các yếu tố liên quan đến stress của sinh viên năm thứ 3 Đại học Công nghệ - Đại học Quốc gia Hà Nội. Tạp chí Y học Dự phòng, 1 (174). 2016, tr.149
2. Nguyễn Hữu Thụ. Nguyên nhân stress của sinh viên Đại học Quốc gia Hà Nội. Tạp chí Tâm lý học, 120 (3). 2009, tr. 1.
3. Trần Thị Ly, Phạm Thị Hoa, Lê Hoài Thu. Thực trạng stress của sinh viên chính quy năm cuối thuộc các chuyên ngành tại Trường Đại học Y - Dược Thái Nguyên năm 2020 và một số yếu tố liên quan. Tạp chí Y học Việt Nam, 501(2). 2021, tr. 147.
4. Vũ Khắc Lương, Phạm Thị Huyền Trang. Thực trạng Stress ở sinh viên đại học Y Hà Nội. Tạp chí Y học Dự phòng, 23 (8). 2013, tr.112.
5. Adlaf EM, Gliksman L, Demers A, Newton-Taylor B. The prevalence of elevated psychological distress among Canadian undergraduates: Findings from the 1998 Canadian Campus Survey. JAm Coll Health. 50(2). 2001,67-72. doi:10.1080/07448480109596009.
6. Bennett Roger. Determinants of undergraduate student drop out rates in a university business studies department. Journal of Further and Higher Education, 27(2). 2003, 123-141.
7. Elias Habibah, Ping Wong Siew, Abdullah Maria Chong. Stress and Academic Achievement among Undergraduate Students in Universiti Putra Malaysia. Procedia - Social and Behavioral Sciences, 29. 2011, 646-655. 10.1016/j.sbspro.2011.11.288.
8. Stallman HM. Prevalence of psychological distress in university students' implications for service delivery. Aust Fam Physician. 37(8). 2008, 673-677.

LUẬN ĐIỂM “THỰC TIỄN CAO HƠN LÝ LUẬN” TRONG TÁC PHẨM BÚT KÝ TRIẾT HỌC CỦA V. I. LÊNIN

NGUYỄN PHAN VŨ

Giảng viên khoa Lý luận Chính trị - Luật, Trường Đại học Hồng Đức

TÓM TẮT

“Bút ký triết học” là tác phẩm có ý nghĩa lý luận quan trọng là cơ sở cho sự phát triển Triết học mácxít ở giai đoạn Lênin. Trong tác phẩm này, trên cơ sở kế thừa tư tưởng của C.Mác và Ph.Ăngghen, Lênin đã nêu lên một luận điểm nổi tiếng, tiếp tục phát triển lý luận nhận thức duy vật biện chứng là “Thực tiễn cao hơn lý luận”. Trong “Bút ký triết học”, Lênin đưa ra quan điểm về thực tiễn, về lý luận và tính phổ biến của lý luận, làm rõ luận điểm thực tiễn cao hơn lý luận. “Thực tiễn cao hơn lý luận” vì, thực tiễn có tính hiện thực trực tiếp, thực tiễn là quá trình hiện thực hóa lý luận, là nhân tố duy nhất có quyền phán xét tính đúng đắn của lý luận là tiêu chuẩn khách quan duy nhất của chân lý.

Từ khóa: Bút ký triết học, lý luận nhận thức duy vật biện chứng, thực tiễn cao hơn lý luận.

Ngày nhận: 15/5/2023; Ngày sửa: 17/5/2023;
Duyệt đăng: 22/5/2023

THESIS "PRACTICE IS BETTER THAN THEORY" IN V.I.LENIN'S PHILOSOPHICAL NOTEBOOKS

ABSTRACT

"Philosophical Notebooks" is a work of important theoretical significance as the basis for the development of Marxist philosophy in the Lenin period. In this work, on the basis of inheriting the ideas of Marx and Engels, Lenin raised a famous thesis that continues to develop dialectical materialist cognitive theory as "Practice is better than theory". It is in "Philosophical Notebooks" that Lenin shows a view on practice, theory, the universality of theory and clarifies the point that practice is better than theory. Because practice has direct reality. It is the process of realizing theory. Practice also is the only factor that has the right to judge the correctness of theory. It is the only objective criterion of truth.

Keywords: Philosophical notebooks, Dialectical materialist cognitive theory, Practice is superior to theory.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

“Bút ký triết học” bao gồm những bản tóm tắt, đoạn trích, những ghi chú về các cuốn sách và các bài khác

nhau viết về Triết học, và cả những ý kiến và bút tích của Lênin ghi bên lề và trong văn bản các cuốn sách triết học trong tủ sách riêng của Người, được viết trong khoảng thời gian từ 1895 đến 1916. Tập Bút ký này, sau khi Lênin mất được tập hợp lại và xuất bản lần đầu tiên vào năm 1929 - 1930. “Bút ký triết học” là tác phẩm có ý nghĩa lý luận và chính trị quan trọng. Đúng trên lập trường triết học mácxít, Lênin phê phán chủ nghĩa duy tâm đương thời và chống lại thuyết nguy hiểm, chủ nghĩa chiết trung của những lãnh tụ quốc tế II như: Cauxky, Becstanh, Plekhanop. Trong tác phẩm này, Lênin tiếp tục phát triển lý luận nhận thức duy vật biện chứng của C.Mác và Ph.Ăngghen, đưa ra một luận điểm nổi tiếng là “Thực tiễn cao hơn lý luận”.

Việc tiếp tục nghiên cứu các tác phẩm kinh điển là vấn đề cần thiết và có ý nghĩa quan trọng trong việc nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập khoa học Mác - Lênin. Trong nghiên cứu này tác giả muốn tìm hiểu rõ hơn luận điểm “Thực tiễn cao hơn lý luận” trong tác phẩm “Bút ký triết học” để làm sáng tỏ hơn vai trò của thực tiễn đối với nhận thức và ý nghĩa của luận điểm này. Từ đó, làm cơ sở cho việc nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập phần lý luận nhận thức duy vật biện chứng trong triết học Mác - Lênin.

II. NỘI DUNG

Trong “Bút ký triết học” Lênin tiếp tục phát triển quan điểm của Mác về vai trò quyết định của thực tiễn đối với nhận thức qua luận điểm “Thực tiễn cao hơn lý luận”. Trong tác phẩm, Lênin đã làm rõ cơ sở của luận điểm “thực tiễn cao hơn lý luận” trên cơ sở xem xét cấu trúc nội tại của hoạt động thực tiễn cũng như nhận thức, Lênin viết: “Thực tiễn cao hơn nhận thức vì nó có ưu điểm không những của tính phổ biến mà cả của tính hiện thực trực tiếp” [5, tr 330]. Nếu Mác từng khẳng định thực tiễn là cơ sở, mục đích trực tiếp của nhận thức và là tiêu chuẩn để kiểm tra chân lý “Vấn đề tìm hiểu xem tư duy con người có thể đạt tới chân lý hay không hoàn toàn không phải là vấn đề lý luận mà là vấn đề thực tiễn... Đời sống xã hội, về thực chất là có tính chất thực tiễn, tất cả những sự thần bí đang đưa lý luận đến chủ nghĩa thần bí, đều được giải đáp một cách hợp lý trong thực tiễn của con người và trong sự hiểu biết thực tiễn ấy” [2; tr9 -12], thì trong

tác phẩm này khi bàn đến vai trò của thực tiễn đối với nhận thức, Lênin đã khẳng định thực tiễn cao hơn lý luận (nhận thức) xét từ mối quan hệ nội tại, từ tính phổ biến của chúng.

1. Quan niệm về thực tiễn:

Trong quan niệm về thực tiễn, Mác khẳng định thực tiễn là toàn bộ hoạt động vật chất có mục đích, mang tính lịch sử - xã hội của con người nhằm cải biến tự nhiên và xã hội. Kế thừa và tiếp tục phát triển quan niệm của Mác về thực tiễn, trong “*Bút ký triết học*” Lênin khẳng định phương thức tồn tại đặc trưng của con người là hoạt động thực tiễn, và chỉ ra hoạt động thực tiễn có tính 2 mặt, đó là mặt tự nhiên và mặt xã hội. Bởi con người bao giờ cũng tồn tại trong mối quan hệ song trùng với tự nhiên và với người khác trong xã hội.

Mặt tự nhiên của thực tiễn được thể hiện ở quan hệ con người với giới tự nhiên bao quanh con người. Với tự nhiên con người như mọi loài khác chỉ là bộ phận, một sản phẩm của tự nhiên, cho dù là sản phẩm tinh tú nhất thì nó cũng chỉ là kết quả tiến hóa lâu dài của tự nhiên và xét về mặt sinh học con người chỉ là một loài động vật bậc cao. Cái khác của con người so với các loài vật khác là hoạt động cơ bản, bản chất của con người là hoạt động thực tiễn, là lao động. Trong hoạt động thực tiễn con người đã dựa vào các bản chất và quy luật mà con người đã nắm được từ giới tự nhiên để làm cho các đối tượng trong tự nhiên biến đổi theo ý muốn, mục đích của mình. Mọi hoạt động của con người được coi là thực tiễn thì bao giờ cũng phải đồng thời mang hai thuộc tính: nó vừa là hoạt động hiện thực trực tiếp - hoạt động có thật và có thể cảm giác được và phải có tính phổ biến - tức là phù hợp với quy luật vận động phát triển của thế giới khách quan.

Mặt xã hội của thực tiễn chính là mối quan hệ giữa con người với con người. Trong giai đoạn công xã nguyên thủy thực tiễn xã hội tương đối đơn giản. Thực tiễn xã hội chỉ trở nên phong phú và phức tạp khi có xuất hiện tư hữu, trước hết là giai cấp sau là nhà nước ra đời. Với sự phân công lao động xã hội làm hình thành một lớp lao động tinh thần chuyên nghiệp, bị tách khỏi lao động trực tiếp và hoạt động ở lĩnh vực gián tiếp. Xã hội phát triển nhanh chóng đến mức bản thân con người sau đó trong hàng nghìn năm cũng không còn nhận ra chính hoạt động thực tiễn mà trước hết là hoạt động sản xuất vật chất là cơ sở cho sự tồn tại và phát triển của đời sống xã hội. Bản chất thật sự bị che khuất bởi tầng lớp các mối quan hệ xã hội phức tạp. Lao động vốn có ý nghĩa nhân bản, sâu sắc nhất lại bị giai cấp thống trị coi là hoạt động thấp hèn, không có ý nghĩa.

2. Quan điểm về lý luận và tính phổ biến của lý luận:

Về mặt bản chất lý luận là quá trình trong đó ý thức con người nắm lấy những thuộc tính phổ biến mà thế giới khách quan bộc lộ ra trong hoạt động thực tiễn của mình. Trong “*Bút ký triết học*” Lênin viết “Đặc tính đầu tiên của khái niệm (nhận thức): phổ biến” [5; tr185], có nghĩa nhận thức là quá trình trong đó ý thức con người nắm lấy những thuộc tính phổ biến mà thế giới khách quan bộc lộ trong và thông qua hoạt động thực tiễn của con người, rồi qua hoạt động sản xuất tinh thần mà tạo ra các mối liên hệ phổ biến dưới dạng hình ảnh chủ quan và cuối cùng khảo nghiệm nó trong hoạt động thực tiễn.

Nhưng nhận thức không chỉ dừng lại ở đó, nó không phải là sự phản ánh thuần túy: “ý thức con người không chỉ phản ánh thế giới khách quan mà còn tạo ra thế giới khách quan” [5; tr288]. Đương nhiên nhận thức không thể tạo ra thế giới khách quan, trong quan niệm của Lênin nhận thức không có tính quy định, bản thân nó không tạo ra thế giới, không tạo ra bất cứ cái gì. Nhận thức sẽ góp phần vào việc cải tạo thế giới, nếu như nó thâm nhập vào hoạt động thực tiễn, định hướng hoạt động thực tiễn đúng như những quy luật và lý luận đã khái quát được. Do đó, chức năng quan trọng hơn của nhận thức thể hiện ở chỗ, nó đã biết kết hợp tính phổ biến mà nó thu được từ thế giới khách quan, để tạo ra hình ảnh lý tưởng của một tồn tại mới. Với việc tạo ra những hình ảnh của tồn tại mới, hoàn thiện hơn, cao hơn và trở thành mô hình lý tưởng, nhận thức sẽ chỉ đạo, định hướng hoạt động nhận thức - hiện thực hóa hình ảnh lý tưởng đó. Đây mới chính là chức năng quan trọng nhất của nhận thức.

3. Luận điểm “thực tiễn cao hơn lý luận”:

Các nhà triết học duy tâm rất quan tâm đến lý luận nhận thức, trong mối quan hệ thực tiễn và nhận thức họ luôn đề cao nhận thức hạ thấp vai trò của thực tiễn, “*Hêghen đề cao tri thức, quả quyết rằng tri thức thực là tri thức về thượng đế*” [5; tr 179], và thực tiễn không có vai trò gì với nhận thức của con người. Lênin phản bác những luận điểm của chủ nghĩa duy tâm, chứng minh vai trò quyết định của thực tiễn đối với nhận thức, “*thực tiễn cao hơn lý luận*” vì trong khi lý luận (nhận thức) chỉ có tính phổ biến thì ngoài tính phổ biến thực tiễn còn có tính hiện thực trực tiếp. Thực tiễn cao hơn lý luận vì thực tiễn là quá trình hiện thực hóa lý luận, nhưng quan trọng hơn thực tiễn cao hơn lý luận còn thể hiện ở chỗ nó là nhân tố duy nhất có quyền phán xét tính đúng đắn của lý luận là tiêu chuẩn khách quan duy nhất của chân lý.

Thực tiễn hiện thực hóa lý luận: Theo Lênin bất cứ hoạt động nào của con người được coi là hoạt động thực tiễn, hay có tính thực tiễn phải gồm 2 đặc trưng đó là tính phổ biến và tính hiện thực trực tiếp. Trong khi đó hoạt động nhận thức chỉ có ưu điểm của tính phổ biến, nghĩa là hoạt động nhận thức chỉ dựa trên các thuộc tính - tức là những đặc điểm chung tồn tại ở nhiều sự vật, hiện tượng cụ thể. Hình ảnh sáng tạo - kết quả mà lý luận tạo ra cũng chỉ bao gồm các thuộc tính chỉ có tính phổ biến tức chỉ tồn tại trong đầu óc con người, nó có thể đúng, có thể sai, nhưng hình ảnh tư tưởng đó chỉ có thể được hiện thực hóa thông qua hoạt động thực tiễn. Thực tiễn bao giờ cũng là sự vật chất hóa các ý niệm, là phương thức chuyển hóa ý niệm thành cái vật chất, ngoài thực tiễn con người không còn phương thức nào khác để chuyển hóa bức tranh lý tưởng về thế giới sang việc thực hiện trong thế giới. Trong khi kết quả của quá trình nhận thức là tái hiện đối tượng trong ý thức, thì kết quả của hoạt động thực tiễn là sự cải tạo vật chất đối với đối tượng.

Khi nói vai trò của thực tiễn với quá trình nhận thức, Lênin cho rằng thực tiễn vừa là nguồn gốc, vừa là con đường hiện thực duy nhất của nhận thức “*từ trực quan sinh động tới tư duy trừu tượng, và từ tư duy trừu tượng đến thực tế đó là con đường biện chứng của sự nhận thức chân lý, của sự nhận thức thực tại khách quan*” [5; tr179] và “*nhận thức của con người không phải là một đường thẳng, mà là một đường cong đi gần vô hạn đến một loạt những đường vòng tròn, đến một vòng xoáy ốc*” [5; tr385], trong đó thực tiễn vừa là điểm kết thúc của một vòng xoáy ốc cũ vừa là điểm khởi đầu của một vòng xoáy ốc mới trong quá trình vô hạn của những vòng xoáy ốc. Nhưng vấn đề cơ bản được đặt ra là tại sao quá trình nhận thức lại phải quay về với thực tiễn? Theo Lênin nhận thức của con người đạt tới bản chất, quy luật của sự vật, hiện tượng không phải mục đích tự thân, mà là nhằm phục vụ thực tiễn cải tạo thế giới, có nghĩa “*thế giới không thỏa mãn con người và con người quyết định biến đổi thế giới, bằng hành động của mình*” [5; tr129]. Điều đó đòi hỏi con người không chỉ dừng lại ở nhận thức mà còn cần phải đi sâu vào thực tiễn, thông qua thực tiễn chuyển những nhận thức thành sức mạnh vật chất cải tạo thế giới.

Thực tiễn là tiêu chuẩn khách quan của chân lý: Chủ nghĩa duy vật biện chứng khẳng định tính khách quan của tri thức con người được luận chứng bằng cách đem kiểm nghiệm trong thực tiễn. Tri thức nào được thực tiễn kiểm chứng, xác nhận, tức là tri thức đó phù hợp với thực tế khách quan thì nó là chân lý. Trong thời đại của mình, Lênin đã đấu tranh gay gắt, không khoan nhượng với chủ nghĩa thực dụng và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán, đặc biệt là phái Makhơ

vớ âm mưu tách rời nhận thức với thực tiễn. Lênin khẳng định ý nghĩa quan trọng của quan điểm thực tiễn với chủ nghĩa duy vật “*quan điểm về đời sống, về thực tiễn phải là quan điểm thứ nhất và cơ bản của lý luận nhận thức*” [4; tr167]. Quan điểm thực tiễn ở đây chính là quan điểm cho rằng thực tiễn là tiêu chuẩn quan trọng nhất để kiểm tra chân lý.

Xét theo các thang bậc của nhận thức thì thực tiễn với tư cách là cái vật chất, là thứ nhất còn nhận thức là cái thứ hai, không thể có cái thứ hai: nhận thức định sẵn cho sự vận động của thế giới khách quan. Thực tiễn là tiêu chuẩn của chân lý còn thể hiện ở chỗ lý luận đóng vai trò là sự phản ánh của chủ thể với khách thể, chỉ có thông qua khách thể trong thực tiễn mới có thể chứng minh được chân lý, tính hiện thực của nó. Trong phạm vi của mình, cho dù lý luận được luận chứng đầy đủ thế nào chăng nữa thì cuối cùng lý luận vẫn phải thông qua thực tiễn để kiểm nghiệm mới có thể khẳng định là chân lý hay sai lầm.

III. KẾT LUẬN

Bút ký triết học của Lênin chưa phải là một tác phẩm hoàn chỉnh và chỉ được tập hợp, xuất bản sau khi Lênin mất, nhưng đây là một tác phẩm có ý nghĩa to lớn về mặt triết học. Trong tác phẩm này Lênin kế thừa và phát triển quan niệm của Mác và Ăngghen về vai trò quyết định của thực tiễn đối với nhận thức, tiếp tục phát triển lý luận nhận thức duy vật biện chứng. Bằng luận điểm “*thực tiễn cao hơn lý luận*” Lênin khẳng định vai trò quyết định của hoạt động thực tiễn đối với nhận thức, vì lý luận (nhận thức) chỉ có tính phổ biến thì ngoài tính phổ biến, thực tiễn còn có tính hiện thực trực tiếp. Thực tiễn cao hơn lý luận còn bởi thực tiễn là quá trình hiện thực hóa lý luận, thực tiễn cao hơn lý luận còn thể hiện ở chỗ nó là nhân tố duy nhất có quyền phán xét tính đúng đắn của lý luận là tiêu chuẩn khách quan duy nhất của chân lý.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- [1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Giáo trình triết học Mác - Lênin*, Nxb Chính trị quốc gia Sự Thật, Hà Nội.
- [2] C.Mác và Ph.Ăngghen, *Toàn tập* (2004), tập 3, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [3] I.D. Ăngđơrep (1963), *Phép biện chứng duy vật với tính cách là lý luận nhận thức và logic biện chứng*. Nxb Sự thật, Hà Nội.
- [4] V.I. Lênin, *Toàn tập* (2005), tập 18, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [5] V.I. Lênin, *Toàn tập* (2005), tập 29, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

HẬU GIANG VƯƠN TẦM PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP

CN. NGUYỄN THỊ CHÚC HUYỀN

Trường Chính trị tỉnh Hậu Giang

Ngay từ khi thành lập, tỉnh Hậu Giang đã chú phát triển công nghiệp phù hợp với điều kiện từng giai đoạn cụ thể và xác định đây là đòn bẩy để phát triển kinh tế - xã hội nhằm đưa tỉnh Hậu Giang từng bước phát triển toàn diện.

Ngày nhận: 10/5/2023; Ngày sửa: 15/5/2023; Duyệt đăng: 23/5/2023

1. Đặt vấn đề

Công nghiệp là một bộ phận cấu thành của nền kinh tế, là lĩnh vực sản xuất vật chất, chế tạo, chế biến ra sản phẩm phục vụ cho sản xuất hoặc tiêu dùng xã hội. Công nghiệp là lĩnh vực sản xuất có quy mô lớn, sử dụng máy móc, thiết bị được hỗ trợ, thúc đẩy bởi tiến bộ khoa học - công nghệ. Riêng ở Hậu Giang, công nghiệp giữ vai trò quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội nói chung của tỉnh. Từ những cơ chế, chính sách phù hợp, tỉnh đã huy động và phát huy hiệu quả các nguồn lực, không chỉ giúp gia tăng giá trị công nghiệp, góp phần tăng trưởng kinh tế của tỉnh, mà còn tạo nền tảng giải quyết căn cơ bài toán việc làm cho người lao động ở nông thôn.

2. Thực trạng công nghiệp ở tỉnh Hậu Giang

Thời gian qua, ngành công nghiệp của tỉnh Hậu Giang có sự phát triển rất nhanh chóng, quy mô sản xuất ngày càng lớn thể hiện sự tăng trưởng nhanh giá trị sản xuất công nghiệp theo giá trị thực tế qua các năm, từ 3.523 tỷ đồng vào năm 2004, đến năm 2020 đạt 38.300 tỷ đồng, tăng gấp 10.87 lần so với năm 2004, sau đại dịch Covid-19 toàn cầu, giá trị sản xuất công nghiệp của tỉnh năm 2022 cũng khá cao, đạt 34.611 tỷ đồng.

Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) lĩnh vực công nghiệp tăng trưởng khá, đạt 12,22%/năm, giá trị sản xuất công nghiệp tính theo giá so sánh 2010 tăng bình quân 9,5%/năm.

Cơ cấu ngành công nghiệp đã tăng từ 10,7% năm 2004 lên 20,24% năm 2020. Trong đó: năm 2004, ngành chế biến 97%, ngành phân phối điện, khí đốt 1,7%, cung cấp nước 1,3%; năm 2020, ngành chế biến 96%, ngành phân phối điện, khí đốt 2,15%; cung cấp nước 1,85%.

Những năm qua, Hậu Giang rất coi trọng phát triển công nghiệp, thu hút đầu tư, xem đây là một trong những giải pháp then chốt, là đòn bẩy để thúc đẩy

phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương. Nhờ tận dụng các nguồn lực đầu tư trong và ngoài nước để tập trung phát triển mạnh công nghiệp chế biến nông sản, thủy sản và phát triển công nghiệp hàng tiêu dùng có khả năng xuất khẩu và có lợi thế cạnh tranh của tỉnh, công nghiệp Hậu Giang đã có những bước tiến khá đáng kể. Việc ứng dụng những tiến bộ khoa học công nghệ trong quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh và quảng bá sản phẩm của các doanh nghiệp cũng góp phần phát triển công nghiệp, tiết kiệm nguyên liệu, phát triển các ngành chế biến. Tỉnh đã tập trung phát triển công nghiệp đa dạng ngành nghề và sản phẩm như: may, giày da, nhựa, sản xuất, chế biến thực phẩm, đồ uống... trong đó, công nghiệp chế biến chiếm hơn 96% giá trị sản xuất công nghiệp của tỉnh. Bên cạnh đó, sản xuất điện là một lĩnh vực phát triển khá năng động; sản phẩm công nghiệp xuất khẩu của tỉnh chủ yếu là thủy sản đông lạnh, dệt may, giày da, giấy.

Năm 2004, sau khi được chia tách từ tỉnh Cần Thơ, Hậu Giang chỉ có hơn 3.000 cơ sở sản xuất công nghiệp và một cụm công nghiệp được thành lập. Trình độ công nghệ và thiết bị của các doanh nghiệp vẫn còn lạc hậu, năng lực sản xuất thấp, lực lượng lao động còn thiếu, kết cấu hạ tầng chưa được đồng bộ. Hiện nay, toàn tỉnh đã có 235 doanh nghiệp công nghiệp, với gần 5.000 cơ sở sản xuất công nghiệp; có 2 khu công nghiệp (KCN) với tổng diện tích là 490,85ha tỷ lệ lấp đầy 81,7%; 4 cụm công nghiệp (CCN) tập trung và 6 CCN, với tổng diện tích là 744,94ha, tỷ lệ lấp đầy khoảng 70%, thu hút được 110 dự án, đã có 69 dự án đi vào hoạt động, với tổng mức thu hút đầu tư là 77.531 tỷ đồng và 3.802,5 triệu USD.

Hoạt động khuyến khích phát triển công nghiệp nông thôn (gọi tắt là hoạt động khuyến công) trên địa bàn tỉnh Hậu Giang trong thời gian qua có bước phát triển khá, thu hút được nhiều thành phần kinh tế đầu tư phát triển sản xuất công nghiệp nông thôn. Các cơ sở sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp (CN-TTCN) trên địa bàn tỉnh tăng nhanh về số lượng, chất lượng và quy mô sản xuất. Sản phẩm CN-TTCN ngày càng phong phú đa dạng, mẫu mã và chất lượng sản phẩm được quan tâm cải thiện, một số sản phẩm đã khẳng định được chỗ đứng trên thị trường, đang từng



Khu công nghiệp Sông Hậu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang

bước xây dựng và bảo vệ thương hiệu sản phẩm. Công nghiệp nông thôn phát triển đã tạo thêm việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế - lao động theo hướng công nghiệp hóa, góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Hậu Giang nói riêng của cả nước nói chung.

Xác định tầm quan trọng của phát triển công nghiệp trong cơ cấu phát triển kinh tế, thể hiện vai trò đầu tàu của lĩnh vực này trong phát triển tổng thể kinh tế xã hội, giữ vững và đảm bảo an ninh quốc phòng của tỉnh, Tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân tỉnh Hậu Giang đã có sự lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời, mang tính định đột phá, cụ thể Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV đưa ra mục tiêu: Cơ cấu kinh tế của Tỉnh trong nhiệm kỳ 2020 - 2025 sẽ tiếp tục chuyển dịch theo hướng giảm tỷ trọng khu vực I, tăng tỷ trọng khu vực II và III, đến năm 2025 khu vực I còn dưới 22%; Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 04-NQ/TU về phát triển công nghiệp, nông nghiệp, đô thị và du lịch tỉnh Hậu Giang, giai đoạn 2021-2025 và các năm tiếp theo; Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành Chương trình thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Uỷ ban nhân dân tỉnh ban hành Chương trình số 03/CTr-UBND về phát triển công nghiệp và logistics tỉnh Hậu Giang 5 năm 2021-2025 và Kế hoạch số 213/KH-UBND về việc thực hiện Nghị quyết số 04-

NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh; các chính sách thu hút đầu tư, xúc tiến thương mại...

Theo báo cáo thường niên của Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) về "Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh" (Provincial Competitiveness Index) gọi tắt là PCI - Chỉ số đo lường và đánh giá chất lượng điều hành kinh tế, mức độ thuận lợi, thân thiện của môi trường kinh doanh và nỗ lực cải cách hành chính của chính quyền các tỉnh, thành phố tại Việt Nam, qua đó thúc đẩy sự phát triển của khu vực kinh tế tư nhân năm 2022, chỉ số PCI Hậu Giang đạt 68,12 điểm, tăng 26 bậc, xếp thứ 12/63 tỉnh thành trên cả nước¹. Đây là kết quả của sự phấn đấu không ngừng để cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và cũng là điều kiện thuận lợi cho sự phát triển công nghiệp trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới.

Năm 2022, tình hình kinh tế của tỉnh có bước phát triển vượt bậc so với năm trước, tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) tăng 13,94%, xếp thứ nhất vùng đồng bằng sông Cửu Long và thứ tư cả nước. Các khu vực kinh tế đều có mức tăng trưởng cao so với cùng kỳ, trong đó ngành công nghiệp đóng góp cao nhất với mức tăng trưởng 43,86%. GRDP bình quân đầu người cả năm 2022 ước đạt 65,89 triệu đồng/người/năm, tăng 11,63 triệu đồng/người so với năm 2021². Đặc biệt, năm 2013, lần đầu tiên tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) quý I của tỉnh được xếp đạt mức cao nhất cả nước, tăng 12,67%, cụ thể hoạt động sản xuất, kinh doanh của hầu hết các lĩnh vực tiếp tục tăng trưởng, riêng giá trị sản xuất công

nghiệp tăng 26,19% so với cùng kỳ³.

Mặc dù đạt được những thành tựu khá đáng kể, nhưng công nghiệp của tỉnh vẫn còn một số hạn chế như: Giá trị xuất nhập khẩu mặc dù hiện nay đã vượt mục tiêu so với Kế hoạch nhưng hiện nay tình hình doanh nghiệp xuất khẩu còn gặp nhiều khó khăn, nhất là về xuất khẩu hàng thủy sản chế biến. Công tác thu hút đầu tư và xúc tiến thương mại ở nước ngoài còn hạn chế.

Tỷ trọng công nghiệp của tỉnh cũng còn thấp, tiềm năng phát triển công nghiệp vẫn chưa được khai thác tốt, chưa có ngành công nghiệp chủ lực, chủ yếu là thực phẩm và đồ uống. Phát triển doanh nghiệp còn gặp nhiều khó khăn, trung bình 253 người dân/doanh nghiệp, thấp hơn nhiều so với bình quân chung cả nước là 112 người dân/doanh nghiệp⁴.

3. Giải pháp phát triển công nghiệp ở tỉnh Hậu Giang thời gian tới

Để phát huy những thành tựu đạt được, khắc phục những hạn chế, khó khăn cũng như đưa ngành công nghiệp Hậu Giang phát triển trong thời gian tới, cần thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các giải pháp sau đây:

Thứ nhất, phát huy những tiềm năng, lợi thế của tỉnh trong phát triển công nghiệp.

Tận dụng lợi thế nằm ở vị trí trung tâm của Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) và là cửa ngõ kết nối giữa các tỉnh Nam sông Hậu bao gồm Kiên Giang, Cà Mau, Bạc Liêu, Sóc Trăng với phần còn lại của ĐBSCL và các vùng kinh tế khác của cả nước, Hậu Giang đã tạo điều kiện để các doanh nghiệp có thể lựa chọn đặt các nhà máy sản xuất chế biến nông sản, thực phẩm, trung tâm logistics từ vùng nguyên liệu ĐBSCL. Vị trí cũng hấp dẫn với các doanh nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng hoặc các tổng kho phân phối phục vụ thị trường ĐBSCL.

Thứ hai, thực hiện có hiệu quả quy hoạch phát triển các khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

Thời gian tới, tỉnh Hậu Giang thực hiện có hiệu quả các chiến lược tập trung quy hoạch, phát triển các KCN, CCN để cụ thể hóa mục tiêu phát triển công nghiệp theo hướng hiện đại, phục vụ chế biến nông sản, logistics và xuất khẩu, đặc biệt là các KCN quy hoạch gần tuyến cao tốc Cần Thơ - Cà Mau (cao tốc Bắc Nam) và cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng đi qua địa bàn như KCN Tân Hòa, KCN Tân Bình, KCN Long Thạnh...

Thứ ba, tăng cường hơn nữa thu hút đầu tư hướng đến phát triển công nghiệp Hậu Giang.

Để thu hút đầu tư, phát triển công nghiệp trên địa bàn tỉnh, cần tiếp tục thực hiện các chính sách, ưu đãi mang lại hiệu quả cao, luôn quan tâm và huy động mọi nguồn lực để phát triển công nghiệp với phương châm "Doanh nghiệp đến, Hậu Giang vui". Song song đó, cần rà soát, ban hành nhiều chính sách ưu đãi, như miễn và giảm thuế thu nhập doanh nghiệp, miễn,

giảm tiền thuê đất, miễn giảm thuế suất, hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật... Ngoài ra, cần thực hiện nhiều chủ trương, giải pháp để huy động, thu hút nguồn lực đầu tư; phát huy trách nhiệm, nâng cao năng lực quản lý, điều hành của chính quyền các cấp; xây dựng nhiều kênh đối thoại với doanh nghiệp, nhà đầu tư và người dân. Trong đó cần chú trọng đảm bảo Quy định tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư vào khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh, đó là: Năng lực tài chính; nộp ngân sách; suất đầu tư của dự án; quản lý, bảo vệ môi trường; lao động và công nghệ. Đồng thời, thành lập và nâng cao hiệu quả hoạt động các tổ chuyên môn để giải quyết và hỗ trợ các vấn đề liên quan doanh nghiệp như: Tổ xúc tiến đầu tư, tổ xúc tiến thương mại - xuất khẩu hàng hóa, tổ đầu tư vùng nguyên liệu...

Thứ tư, đẩy mạnh cải cách hành chính.

Hậu Giang cần đẩy mạnh việc tổ chức rà soát, đơn giản hóa các thủ tục hành chính, nâng cao hiệu quả hoạt động trung tâm hành chính công, tăng cường áp dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4; ban hành công khai danh mục các dự án thu hút đầu tư... Tiếp tục đơn giản hóa, giảm thủ tục hành chính, cải thiện chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX); chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI).

Thứ năm, đẩy mạnh ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ trong phát triển công nghiệp.

Hậu Giang cần đẩy mạnh ứng dụng, chuyển giao khoa học và công nghệ trong phát triển công nghiệp thúc đẩy phát triển các ngành, lĩnh vực công nghiệp chủ lực, nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm của tỉnh Hậu Giang nói riêng và Việt Nam nói chung. Bên cạnh đó, việc ứng dụng những tiến bộ khoa học công nghệ trong quản lý và quảng bá sản phẩm của các doanh nghiệp cũng góp phần tiết kiệm nguyên liệu, phát triển các ngành chế biến từ nông sản chủ lực. Ngoài ra, cần tăng cường công tác ứng dụng chuyển đổi số, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu trong hoạt động sản xuất công nghiệp.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN:

1. <https://baomoi.com/bang-xep-hang-pci-2022/c/45526181.epi>
2. Cục Thống kê tỉnh Hậu Giang: Thông cáo báo chí về tình hình kinh tế - xã hội tỉnh Hậu Giang năm 2022.
3. <https://bnews.vn/kinh-te-quy-i-cua-hau-giang-tang-truong-cao->
4. https://haugiang.gov.vn/chi-tiet1/-/tin-tuc/Hau-Giang-tap-trung-thao-go-nut-thatve-ha-tang-va-nhan-luc--bien-khat-vong-thanh-hanh-ong--bien-tiem-luc-thanh-nguon-luc-phat-trien95787.nhat-ca-nuoc/285747.html?zarsrc=31&utm_source=zalo&utm_medium=zalo&utm_campaign=zalo

THỰC TRẠNG CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT LIÊN QUAN ĐẾN PHÁT TRIỂN CÁC LÀNG NGHỀ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG THÁP

ThS. NCS. NGUYỄN QUANG THÀNH

Trường ĐH Kinh tế - Luật, ĐHQG TP. HCM

Ngày nhận: 18/5/2023; Ngày sửa: 21/5/2023; Duyệt đăng: 25/5/2023.

1. Đặt vấn đề

Làng nghề và làng nghề truyền thống Việt Nam gắn liền với chiều dài và những thăng trầm của đất nước. Đây không chỉ là nơi lưu giữ những giá trị về lịch sử, văn hóa mang bản sắc dân tộc mà còn là nơi ngưng tụ các sản phẩm đặc trưng gắn liền với đời sống sinh hoạt, sản xuất, nghệ thuật, tâm linh của người Việt từ bao đời nay. Trong tiến trình hội nhập và phát triển của đất nước, nếu chỉ cố gắng lưu giữ sự nguyên bản, chân phương và một “chuẩn mực” duy nhất của các làng nghề đôi khi lại trở thành công việc không khả thi. Thiết nghĩ, việc bảo tồn, phát huy những giá trị bền vững làng nghề cần có sự dung hòa của nhiều yếu tố một cách hợp lý, trong đó có sự quản lý của nhà nước bằng công cụ pháp luật. Để làm được điều đó, điều kiện tiên quyết là Trung ương và mỗi địa phương cần hoàn thiện hệ thống văn bản, chính sách phù hợp với điều kiện thực tế và nhu cầu của các làng nghề truyền thống ở địa phương mình.

2. Thực trạng hệ thống chính sách, pháp luật hiện hành liên quan đến làng nghề

Tương tự như nhiều quốc gia trên thế giới, phát triển bền vững đã trở thành một trong những mục tiêu phấn đấu quan trọng ở tất cả các lĩnh vực, ngành nghề, trong đó có làng nghề và làng nghề truyền thống. Hình ảnh làng nghề Việt Nam gắn liền với nếp nghĩ, cách làm hồn hậu, nghĩa tình, gắn bó với tự nhiên từ ngàn đời nay để phục vụ cho sinh hoạt, đời sống, sản xuất như nghề đóng xuồng, ghe; nghề dệt chiếu; nghề trồng hoa, kiểng; nghề đan lát; nghề dệt choàng... Trong điều kiện hiện nay, việc phát triển các làng nghề cần có sự định hướng và quản lý nhất định trên cơ sở các văn bản pháp lý từ Trung ương đến địa phương. Cụ thể như sau:

Ở cấp độ Trung ương, sự phát triển của các làng nghề ở nước ta đã chuyển từ tự phát sang có sự định hướng của cơ quan nhà nước có thẩm quyền với Quyết định số 132/2000/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách khuyến khích phát triển ngành nghề nông thôn. Tại văn bản này, ngoài quy định về chủ trương phát triển ngành nghề nông thôn, hàng loạt các nội dung cụ thể có liên quan để thúc đẩy các ngành nghề cũng được đề cập đến như: đất đai, nguyên liệu, đầu tư, tín dụng,

thuế, lệ phí, thông tin, thị trường tiêu thụ sản phẩm, lao động và đào tạo... Có thể nói, Quyết định số 132/2000/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ là văn bản có tính chất bước ngoặt, tạo cơ sở và nền tảng quan trọng trong quản lý nhà nước đối với ngành nghề nông thôn nói chung và làng nghề nói riêng.

Tiếp nối Quyết định số 132/2000/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, hàng loạt các văn bản quy định cụ thể, chi tiết những vấn đề có liên quan được ban hành. Chẳng hạn, Thông tư liên tịch số 65/2004/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 02/7/2004 hướng dẫn kinh phí hỗ trợ dạy nghề ngắn hạn cho lao động nông thôn do Bộ Tài chính và Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội ban hành quy định về nguồn kinh phí hỗ trợ dạy nghề ngắn hạn cho lao động nông thôn được bố trí trong dự toán hàng năm của các địa phương nhằm góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động, giảm tỷ trọng lao động trong nông nghiệp, giải quyết việc làm cho nông dân, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; Quyết định số 184/2004/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 22/10/2004 về việc sử dụng vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước để tiếp tục thực hiện các chương trình kiên cố hoá kênh mương, phát triển đường giao thông nông thôn, cơ sở hạ tầng nuôi trồng thủy sản và cơ sở hạ tầng làng nghề ở nông thôn giai đoạn 2006 - 2010 quy định tiếp tục sử dụng vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước để hỗ trợ địa phương thực hiện các chương trình kiên cố hoá kênh mương, phát triển đường giao thông nông thôn, cơ sở hạ tầng nuôi trồng thủy sản và cơ sở hạ tầng làng nghề ở nông thôn đến hết năm 2007. Riêng các tỉnh miền núi, Tây Nguyên và khu vực miền núi phía Tây các tỉnh duyên hải miền Trung được thực hiện đến hết năm 2010.

Đặc biệt, đến năm 2006, Chính phủ ban hành Nghị định số 66/2006/NĐ-CP ngày 07/7/2006 về phát triển ngành nghề nông thôn. Đây được xem là văn bản quy định khá rõ nét về các mặt quản lý đối với ngành nghề nông thôn nói chung và các làng nghề nói riêng. Điều 4 Nghị định này nêu rõ trách nhiệm của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong vấn đề quy định nội dung và tiêu chuẩn công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn. Bên cạnh đó, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh còn đóng vai trò tổ chức thực hiện việc đăng ký và giám sát chất lượng sản phẩm ngành nghề nông thôn

trên địa bàn theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng sản phẩm.

Sau khoảng 12 năm thi hành, vấn đề quản lý đối với ngành nghề nông thôn ngày càng mở rộng và phát triển, đòi hỏi cần có những sửa đổi, bổ sung để phù hợp với tình hình thực tiễn cũng như yêu cầu quản lý nhà nước chặt chẽ và chuyên sâu hơn. Chính vì vậy, ngày 12/4/2018, Nghị định số 52/2018/NĐ-CP của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn ra đời, thay thế cho Nghị định số 66/2006/NĐ-CP. Trong văn bản mới này, cơ quan ban hành đã bổ sung phần giải thích từ ngữ, từ đó làm rõ nội hàm của một số thuật ngữ quan trọng như: nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống tại Điều 3. Đồng thời, Nghị định này còn quy định cụ thể tiêu chí và trình tự, hồ sơ công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống; các nội dung liên quan đến quản lý và phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống như: mặt bằng sản xuất, đầu tư, tín dụng, xúc tiến thương mại, khoa học công nghệ, chương trình bảo tồn và phát triển làng nghề...

Ở cấp độ địa phương, trên cơ sở các quy định của cơ quan cấp trên, tỉnh Đồng Tháp cũng đã chủ động xây dựng nhiều văn bản quan trọng làm tiền đề để quản lý các làng nghề trên địa bàn Tỉnh. Chẳng hạn, Quyết định số 29/2001/QĐ-UB ngày 30/05/2001 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc ban hành quy định một số chính sách khuyến khích và ưu đãi đầu tư phát triển sản xuất công nghiệp- tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn Tỉnh; Quyết định số 19/2003/QĐ.UB ngày 12/05/2003 quy định một số chính sách khuyến khích ưu đãi đầu tư hàng xuất khẩu trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp; Quyết định 37/2005/QĐ-UB ngày 18/03/2005 của Ủy ban nhân dân Tỉnh về việc ban hành Quy định tiêu chí làng nghề tiểu thủ công nghiệp; Quyết định số 37/2005/QĐ-UB ngày 18/03/2005 của về việc ban hành Quy định tiêu chí làng nghề tiểu thủ công nghiệp; Quyết định số 1577/QĐ-UBND.HC ngày 19/9/2005 về phê duyệt Quy hoạch phát triển nghề và làng nghề tiểu thủ công nghiệp tỉnh Đồng Tháp đến năm 2010...

Trên cơ sở Nghị định số 66/2006/NĐ-CP ngày 07/7/2006 về phát triển ngành nghề nông thôn do Chính phủ ban hành, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã cụ thể hóa thành Quyết định số 60/2016/QĐ-UBND ngày 13/12/2016 quy định về công nhận và quản lý nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp. Tại văn bản này, cơ quan ban hành đã nêu rõ mục đích công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống. Theo đó, việc công nhận này nhằm ghi nhận những đóng góp và tôn vinh những sản phẩm đặc trưng của nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống; khuyến khích, động viên nhân dân địa phương tích cực tham gia hoạt động sản xuất, nâng cao ý thức, trách nhiệm xây dựng, phát triển nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống; góp

phần giải quyết việc làm, tăng thu nhập, xóa đói giảm nghèo cho lao động địa phương; đồng thời, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước lĩnh vực ngành nghề nông thôn, góp phần thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng Nông thôn mới.

Gần đây nhất, để triển khai thực hiện Quyết định số 801/QĐ-TTg ngày 07/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Bảo tồn và Phát triển làng nghề Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030; Quyết định số 3671/QĐ-BNN-KTHT ngày 28/9/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về ban hành Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ tại Quyết định số 801/QĐ-TTg ngày 07/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Bảo tồn và Phát triển làng nghề Việt Nam giai đoạn 2021- 2030, Ủy ban nhân dân tỉnh cũng đã ban hành Kế hoạch số 350/KH-UBND ngày 19/10/2022 về triển khai thực hiện chương trình bảo tồn và phát triển làng nghề trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2021 - 2030. Theo đó, mục tiêu chung của kế hoạch là bảo tồn và phát triển nghề, làng nghề nhằm giữ gìn và phát huy các giá trị, bản sắc văn hoá truyền thống của các làng nghề. Khuyến khích, hỗ trợ các chủ thể sản xuất tại các làng nghề tích cực tham gia Chương trình OCOP, từng bước thúc đẩy phát triển sản xuất, nâng cao năng lực cạnh tranh, gia tăng giá trị sản phẩm làng nghề; tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân, góp phần bảo tồn giá trị văn hóa, truyền thống, phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và xây dựng nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu.

3. Đánh giá chung về hệ thống pháp luật, chính sách hiện hành liên quan đến làng nghề

Nhìn chung, công tác quản lý nhà nước đối với ngành nghề nông thôn nói chung và các làng nghề, làng nghề truyền thống nói riêng đã trở nên thuận lợi hơn nhờ vào hệ thống chính sách, pháp luật tương đối đầy đủ ở Trung ương nói chung và tỉnh Đồng Tháp nói riêng. Cụ thể như sau:

Một là, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến làng nghề được ban hành sớm, tương đối hệ thống và đồng bộ. Tỉnh Đồng Tháp đã xây dựng và quyết định ban hành Quy định về công nhận làng nghề, về sử dụng kinh phí khuyến công, quy định về khen thưởng, phong tặng các danh hiệu để khuyến khích, động viên người nghề nhân, thợ giỏi hăng say và đóng góp tích cực hơn nữa trong việc phát triển các làng nghề trong tỉnh. Đặc biệt, hệ thống văn bản tập trung vào hai vấn đề cơ bản, trọng tâm là (i) quy định về tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục để được công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống và (ii) chính sách liên quan đến các lĩnh vực nhằm hỗ trợ nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống có điều kiện phát triển như tài chính, tín dụng, đất đai, mặt bằng sản xuất, chương trình phát triển...

Hai là, dưới sự lãnh đạo của các cấp chính quyền, vai trò của làng nghề được nâng cao và phát triển phù hợp với

sự phát triển của nền kinh tế thị trường trên cơ sở thực thi có hiệu quả các chính sách, pháp luật có liên quan. Cùng với nhận thức sâu sắc cần phải khôi phục và phát triển làng nghề là một trong những giải pháp tối ưu để phát huy những tiềm năng của vùng nông thôn là động lực để quản lý nhà nước về phát triển làng nghề hiệu quả hơn.

Ba là, mục đích, nội dung của chính sách, pháp luật hiện hành đều nhằm mục tiêu bảo đảm hành lang pháp lý cho việc bảo tồn, phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống, hạn chế đến mức thấp nhất tình trạng thất truyền hoặc mai một những nghề truyền thống có giá trị cao về văn hóa, lịch sử của dân tộc, địa phương; từ đó, thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nông thôn, khai thác lợi thế so sánh và những tiềm năng sẵn có của tỉnh.

Bốn là, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp cũng đã quan tâm đến việc cụ thể hóa kịp thời các quy định của cơ quan cấp trên, từng bước sửa đổi, bổ sung để hoàn thiện các chính sách hỗ trợ nhằm bảo tồn, phát huy các làng nghề, làng nghề. Đồng thời, tích cực tổ chức tuyên truyền, giới thiệu về ý nghĩa, giá trị văn hóa và sự cần thiết bảo tồn, gìn giữ các nghề, làng nghề, làng nghề truyền thống của địa phương thông qua các phương tiện thông tin đại chúng như: Báo Đồng Tháp, Đài Phát thanh và Truyền hình Đồng Tháp, Cổng Thông tin điện tử Tỉnh, trang thông tin của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Đài Phát thanh cấp huyện, Đài Truyền thanh cấp xã.

Năm là, chính sách liên quan đến đất đai, đầu tư xây dựng hạ tầng tại các làng nghề được chú trọng triển khai thực hiện. Các cụm công nghiệp, làng nghề được giải phóng mặt bằng tích cực triển khai đầu tư hạ tầng. Việc phát triển cụm công nghiệp, làng nghề góp phần thu hút đầu tư phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, di dời các cơ sở gây ô nhiễm ra khỏi khu dân cư, thuận tiện cho việc cho việc xử lý ô nhiễm môi trường.

Bên cạnh những mặt tích cực nêu trên, công tác ban hành và thực thi chính sách, pháp luật đối với làng nghề vẫn còn tồn tại một số hạn chế nhất định. Công tác quy hoạch làng nghề vẫn chưa thực sự đồng bộ. Làng nghề sản xuất vẫn còn tình trạng xen kẽ với khu dân cư để tận dụng vừa sản xuất vừa sinh sống dẫn tới khó khăn trong việc quy hoạch các cụm làng nghề tách sản xuất ra khỏi khu dân cư.

4. Kết luận và kiến nghị

Xây dựng và phát triển nghề truyền thống, làng nghề và làng nghề truyền thống là một việc làm cần thiết nhằm góp phần lưu giữ những giá trị tinh thần đã tồn tại hàng trăm năm nay của người dân đất Việt cũng như góp phần tạo ra nguồn thu nhập cho người dân và đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội ở mỗi địa phương. Vì vậy, việc xây dựng, ban hành các quy định pháp luật cần tập trung vào một số vấn đề sau đây:

Một là, chính sách, pháp luật về bảo tồn và phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống cần tiếp tục gắn chặt

với tổng thể chương trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, liên kết hữu cơ với các ngành sản xuất khác trong tỉnh, huyện, xã nhằm tạo điều kiện để khơi dậy tiềm năng và thế mạnh nguồn tài nguyên bản địa.

Hai là, hệ thống chính sách, pháp luật cần tạo hành lang để khơi thông dòng chảy tiêu thụ sản phẩm từ các nghề truyền thống, làng nghề và làng nghề truyền thống. Bởi lẽ, nếu chỉ chú trọng công tác bảo tồn về mặt giá trị lịch sử, văn hóa mà không có chính sách để phát huy yếu tố kinh tế sẽ khiến cho việc giữ gìn và phát huy hiệu quả ở các làng nghề thiếu tính bền vững.

Ba là, cần gắn việc xây dựng chính sách, pháp luật về làng nghề với thúc đẩy công tác xoá đói, giảm nghèo và phát triển công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông thôn. Từ đó, sẽ giúp cho người dân ở các làng nghề vừa có được sinh kế, vừa “mặn mà” hơn với công tác bảo tồn, phát huy các giá trị tinh thần của làng nghề.

Bốn là, cần tiếp tục mở rộng và đa dạng các hình thức tuyên truyền về chính sách, pháp luật có liên quan đến làng nghề, làng nghề truyền thống cho phù hợp với từng đối tượng, địa bàn góp phần tạo nên sự nhất trí trong nhận thức và hành động của cán bộ quản lý và quần chúng nhân dân.

Năm là, xây dựng và phát triển hệ thống thương hiệu và nhận diện thương hiệu đối với các sản phẩm làng nghề. Để phát triển bền vững và nâng cao khả năng cạnh tranh trong bối cảnh toàn cầu hóa, việc xây dựng thương hiệu là điều thực sự cần thiết như phát triển website, quảng bá sản phẩm làng nghề, khuyến khích ứng dụng khoa học và công nghệ vào hoạt động quản lý, kinh doanh...

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

Nghị định số 66/2006/NĐ-CP ngày 07/7/2006 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn

Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn

Quyết định số 132/2000/QĐ-TTg ngày 24/11/2000 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách khuyến khích phát triển ngành nghề nông thôn

Quyết định số 184/2004/QĐ-TTg ngày 22/10/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc sử dụng vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước để tiếp tục thực hiện các chương trình kiên cố hoá kênh mương, phát triển đường giao thông nông thôn, cơ sở hạ tầng nuôi trồng thủy sản và cơ sở hạ tầng làng nghề ở nông thôn giai đoạn 2006 - 2010

Quyết định số 801/QĐ-TTg ngày 07/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình bảo tồn và phát triển làng nghề Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030

Thông tư liên tịch số 65/2004/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 02/7/2004 của Bộ Tài chính và Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội hướng dẫn kinh phí hỗ trợ dạy nghề ngắn hạn cho lao động nông thôn

DI TÍCH HÁN NÔM TẠI CHÙA HANG (KIM SƠN TỰ) - THÁI NGUYÊN

TS. PHẠM THỊ QUỲNH

Khoa Triết học - Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

1. Mở đầu

Tỉnh Thái Nguyên tuy mới thành lập khoảng gần 200 năm, song với vị trí địa - chính trị vô cùng đặc biệt, không những là địa bàn chiến lược về quốc phòng, mà còn là trung tâm kinh tế, văn hóa, giáo dục của vùng Đông Bắc. Tỉnh Thái Nguyên có tổng số dân 1.286.751 người¹ (đông dân thứ 25/63 tỉnh thành) với nhiều dân tộc cùng sinh sống (51/54 dân tộc)². Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi tìm hiểu về di tích Hán Nôm tại chùa Hang (Kim Sơn Tự) trong lịch sử hơn một ngàn năm tại vùng đất Thái Nguyên.

2. Nội dung

2.1. Khái quát về vùng đất Thái Nguyên

Lịch sử vùng đất Thái Nguyên: từ thời Hùng Vương là bộ Vũ Định; đến đời Đường là đất châu Long và châu Võ Nga; thời nhà Lý là châu Thái Nguyên và châu Vũ Lặc; đời Trần là trấn Thái Nguyên; thời thuộc Minh là phủ Phú Bình; đời Lê thì Thái Nguyên cùng với Bắc Giang và Lạng Sơn thuộc Bắc Đạo; đến đời Hồng Đức gọi là xứ Thái Nguyên; đời Lê Trung Hưng gọi là trấn; đời Quang Hưng nhà Mạc chiếm cứ gần 70 năm; cho đến năm Minh Mệnh 12 (1831) chia tỉnh hạt, gọi là tỉnh Thái Nguyên³.

Từ khi hành lập tỉnh đến nay, trải gần 200 năm, với vị trí đặc biệt, là địa bàn chiến lược về quốc phòng, Thái Nguyên trong lịch sử

đã từng là “phên dậu” của kinh thành Thăng Long, trung tâm căn cứ địa cách mạng Việt Bắc, thủ đô kháng chiến chống thực dân Pháp. Thái Nguyên tái lập tỉnh từ ngày 01/01/1997, đến nay có ba thành phố (Thái Nguyên, Sông Công, Phổ Yên) và sáu huyện (Đại Từ, Định Hóa, Đồng Hỷ, Phú Bình, Phú Lương, Võ Nhai).

Thái Nguyên nằm ở vị trí tiếp giáp với Thủ đô Hà Nội (cách trung tâm thủ đô Hà Nội 75 km), và các tỉnh Vĩnh Phúc, Tuyên Quang, Lạng Sơn, Bắc Giang. Ngày nay, tỉnh Thái Nguyên đã trở thành vùng kinh tế trọng điểm Bắc Thủ đô Hà Nội, là trung tâm kinh tế, văn hóa, giáo dục của vùng Đông Bắc.

2.2. Khái quát lịch sử chùa Hang (Kim Sơn tự)

Toàn tỉnh Thái Nguyên có khoảng 100 ngôi chùa. Chùa Hang là ngôi chùa cổ kính nổi tiếng, còn được gọi là “Tiên Lữ Phật Động”, tên chữ là “Kim Sơn Tự”. Chùa Hang (Kim Sơn Tự) nằm ở trung tâm phường Chùa Hang, thành phố Thái Nguyên ngày nay.

Trong lịch sử, chùa Hang (Kim Sơn Tự) là ngôi chùa cổ linh thiêng thờ Phật, thờ Trời và chư vị thần tiên, là nơi tu hành của nhiều bậc chân tu, đồng thời là nơi sinh hoạt tâm linh, tín ngưỡng của nhân dân suốt hơn 10 thế kỷ. Đặc biệt, chùa Hang ở thế kỷ XX, còn từng là căn cứ địa cách mạng vững chắc cho tỉnh Thái Nguyên trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Nơi đây đã

từng là chốn đi về an toàn cho cán bộ cách mạng, là nơi che giấu bộ đội, là kho vũ khí, đạn dược, thậm chí còn từng là bệnh viện dã chiến. Chùa Hang (Kim Sơn Tự) là một danh thắng đặc biệt của tỉnh Thái Nguyên. Chính vì vậy, ngày 26/02/1999 chùa Hang (Kim Sơn Tự) đã được Nhà nước xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa, Danh lam thắng cảnh cấp Quốc gia. Lễ hội chùa Hang được mở hằng năm vào ngày 20 tháng giêng và thường kéo dài khoảng ba ngày. Trong lễ hội, phần lễ có lễ tắm Phật, có rước kiệu đức Phật, chúng sinh dâng hương cầu kinh niệm Phật trong chùa; phần hội có đấu vật, bắn cung, kéo co, ẩm thực trà, leo núi ngắm phong cảnh... thu hút đông đảo du khách thập phương về dự lễ.

2.3. Di tích Hán Nôm tại chùa Hang (Kim Sơn tự)

Chùa Hang (Kim Sơn Tự) hiện nay vẫn còn lưu giữ một số di tích Hán Nôm cổ. Tên chữ của chùa khắc trên tấm bia “Tiên lữ động”, khắc từ năm Hồng Đức 28 (Đinh Tỵ - 1497). Ngay trên vách đá cửa động/chùa có câu đối cổ bằng chữ Hán:

“Phong cảnh thiên nhiên duy đệ nhất

Danh lam nhân tạo thị vô song”

(Phong cảnh thiên nhiên thì đẹp vào bậc nhất

Danh lam do con người tạo ra cũng không gì sánh được/đẹp không kém)

Hai bên cửa hang có đôi liễn:

“*Phong cảnh/ Cảnh sắc quang thiên địa*”

Cương thường tại cổ kim”

(Cảnh sắc sáng một vùng trời đất (cũng như) cương thường đạo lý vẫn sáng cả xưa nay).

Trong vách động, còn khắc những vần thơ chữ Hán trác tuyệt của các danh sỹ Vũ Quỳnh, Đặng Nghiệm (thế kỷ XV), Cao Bá Quát (thế kỷ XIX). Năm Đinh Tỵ (1497) niên hiệu Hồng Đức, thi sĩ Đặng Nghiệm - tên hiệu là An Việt Trúc Khê (lúc đó đang giữ chức Đồng tổng tri) khi đến chiêm bái cảnh chùa, cảm kích vẻ đẹp phong cảnh sơn thủy hữu tình nơi đây đã viết hai bài thơ (một bài chữ Hán và một bài chữ Nôm). Bài thơ chữ Hán *Tiên Lữ động lưu đề* của Đặng Nghiệm được làm theo thể thơ ngũ ngôn tứ tuyệt, ca ngợi cảnh đẹp chốn linh thiêng:

仙侶洞留題
認著天門窄
看來鬼鑿奇
壺藏仙世界
遊客具偏宜

Phiên âm: **Tiên Lữ động lưu đề**

Nhận trú thiên môn trách

Khán lai quỷ tạc kỳ

Hồ tàng tiên thế giới

Du khách cụ thiên nghi.

Dịch nghĩa: **Đề thơ tại động Tiên Lữ**

Nhận ra cửa trời hẹp

Nhìn vào hiếm lạ kỳ

Bầu dựng giới thần tiên

Du khách đi chơi khắp.

Bên cạnh bài thơ chữ Hán nói trên, là bài thơ bằng chữ Nôm (bài thơ thứ 2) được làm theo thể thơ thất ngôn tứ tuyệt của tác giả Đặng Nghiệm như sau:

Hữu quốc ngữ

Đỉnh cao ngàn trượng cơ sơn lừng

Có vị tinh thần bắt đến chẳng?

Vạn quăng ta hay tìm tới được

Đưa về tiếng vỗ mấy trăm tầng.

(Hữu Bình bí du Đồng tổng tri An Việt Trúc Khê

Đặng Nghiệm Hồng Đức Đinh Tỵ niên).

Bên cạnh hai bài thơ của tác giả Đặng Nghiệm, có bài thơ chữ Hán **Du Tiên Lữ động tác** của tác giả Vũ Quỳnh. Vũ Quỳnh (1453 - 1516), tự là Thủ Phác và Yến Ôn, hiệu là Đốc Trai và Thạch Ổ. Ông đỗ Đệ nhị giáp Tiến sĩ xuất thân (Hoàng giáp), khoa Mậu Tuất, niên hiệu Hồng Đức thứ 15 (1478), làm quan đến chức Lễ bộ Thượng thư, Nhập thị kinh diên, kiêm Quốc tử giám Tư nghiệp, Sứ quán tổng tài. Ông là một học giả có uy tín, một thầy giáo đạo cao đức trọng đương thời. Vũ Quỳnh còn có nhiều đóng góp với học thuật nước nhà. Ông cũng là soạn giả bộ sử *Việt giám thông khảo (Đại Việt thông giám)*. Bài thơ chữ Hán *Du Tiên Lữ động tác* của tác giả Vũ Quỳnh như sau:

遊仙侶洞作
洞裏有天皆化日
壺中無地不春風
仙家世界欣奇遇
宜我道心閑保沖

Phiên âm: **Du Tiên Lữ động tác**

Động lý hữu thiên giai hóa nhật

Hồ trung vô địa bất xuân phong

Tiên gia thế giới hân kỳ ngộ

Nghi ngã đạo tâm nhàn bảo xung

(Hữu Đốc Trai, Vũ Quỳnh Yến Ôn).

Động lý hữu thiên giai hóa nhật

Hồ trung vô địa bất xuân phong
Tiên gia thế giới hân kỳ ngộ
Nghi ngã đạo tâm nhàn bảo xung

Dịch nghĩa:

SÁNG TÁC KHI ĐẾN ĐỘNG TIÊN LỮ

Trong động trời riêng ngày ngày đổi

Bầu không có đất chẳng gió xuân

Thế giới tiên hân hoan kỳ ngộ

Thả tâm tĩnh lặng hưởng thú nhàn.

(Vũ Quỳnh, hiệu Đốc Trai, Yến Ôn).

Năm 1859, danh sỹ Cao Bá Quát khi qua đất Thái Nguyên có du ngoạn đến chùa Hang và sáng tác bài thơ nổi tiếng: *Du Tiên Lữ động văn nhân đàm Thái Nguyên sơn thủy chi thắng, túy hậu thành ngâm* (chơi động Tiên Lữ nghe nói về cảnh non nước Thái Nguyên, say rồi làm).

遊仙侶洞聞人談太原山水之勝醉後成吟

天公亦何事?

位置太原山。

只此一拳小，

神鑿鬼復剜。

【合咸】【合牙】見古峒，

詰曲藏峰巒。

孤經入危磴，

路若通天壇。

壽藤與怪石，

傲兀勢絕攀。

惟有眾猿鳥，

嘯呼相往還。

不知古何人，

茲焉闢禪關。

至今岩谷中，

金碧一改觀。

此邦積瘴疫，

況乃風雨慳。
 名山難遍遊，
 舉酒意已闌。
 霍山三海雲漫漫，
 我欲從之之路難。
 誰能為我抽此一顛洞，
 措之西湖之上，珠龍鳳嘴之間？
 Phiên âm:

Thiên công diệc hà sự?
 Vị trí Thái Nguyên san
 Chỉ thử nhất quyền tiểu
 Thần tạc quỹ phục ngoan
 Hàm nha hiện cổ động
 Cật khúc tàng phong loan
 Cô kinh nhập nguy đặng
 Lộ nhược thông thiên đàn
 Thọ đặng dữ quái thạch
 Ngạo ngọt thể tuyệt phan
 Duy hữu trúng viên điểu
 Khiếu hô tương vãng hoàn
 Bất tri cổ hà nhân

Tư yên tịch thiên quan
 Chí kim nham cốc trung
 Kim bích nhất cải quan
 Thử ban tích chương dịch
 Huống nãi phong vũ khan
 Danh sơn nan biến du
 Cử tửu ý dĩ lan

Hoắc Sơn, Tam Hải vân mạn mạn

Ngã dục tông chi hành lộ nan

Thùy năng vị ngã trừu thử nhất
 ngưng động

Thô chi Tây Hồ chi thượng,
 Châu Long, Phượng Chủy chi
 gian?

Dịch nghĩa:

Ông xanh sao khéo vẽ vờ
 Thái Nguyên núi ấy bày chơi làm
 gì?
 Bằng nắm tay hòn núi kia
 Rìu thần, búa quỷ lý kỳ chuốt
 trau
 Mở toang cái động ngàn đầu

Ngoằn ngoè thạch nhũ muôn
 màu lạ sao
 Hút heo bạc đá bước vào
 Đường đi như lối cheo leo lên trời
 Mây già đá quái chơi vơi
 Gồ ghề ngạo nghệ, đố ai dám
 trèo
 Chỉ còn vượn hót chim kêu
 Riu ran đàn lũ gọi nhau đi về
 Cửa thiên sừng sững đây kia
 Ấy ai từ bước bồ đề phát tâm?
 Mà nay trong động u thâm
 Vàng cài, biếc giắt mười phân ưa
 nhìn
 Đây nhiều chướng khí lam yên
 Lại thêm mưa gió ghét ghen phủ
 phàng
 Danh sơn chơi khắp khôn màng
 Vừa nâng chén rượu ý tràn ngập
 say
 Hoắc Sơn, Ba Bể mờ mây
 Muốn đi, phải nổi đường này khó
 đi
 Ước ao quả động to kia
 Có ai chịu khó khênh về cho ta
 Để bày những chỗ lại qua
 Hồ Tây, Phượng Chủy cùng là
 Châu Long.

(Bản dịch của Hoa Bằng)

Ngoài ra, trong động còn có
 tấm bia niên đại Khải Định 10
 (1925).

3. Kết luận

Di tích Chùa Hang (Kim Sơn Tự) là một danh thắng đặc biệt của tỉnh Thái Nguyên. Đây không chỉ là ngôi chùa cổ linh thiêng thờ Phật, thờ Trời và chư vị thần tiên, mà còn từng là căn cứ địa cách mạng vững chắc cho tỉnh Thái Nguyên trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ. Chùa Hang (Kim Sơn Tự) còn là nơi lưu giữ được những di tích Hán Nôm - Tác phẩm của những danh sĩ trong lịch sử từng đến chiêm bái cảnh chùa, cảm kích vẻ đẹp phong cảnh sơn thủy hữu tình. Những di tích Hán Nôm còn lưu giữ trên vách động chùa Hang trong lịch sử đã góp phần khẳng định đây là một di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh

nổi tiếng của tỉnh Thái Nguyên từ ngàn xưa.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN:

¹ Tổng cục thống kê (2020), *Kết quả toàn bộ tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019*, Nxb Thống kê, tr.15

² Tổng cục thống kê (2020), *Kết quả toàn bộ tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019*, Nxb Thống kê, tr.86-88.

³ Quốc sử quán triều Nguyễn (Phạm Trọng Điềm dịch, Đào Duy Anh hiệu đính), (Viện Sử học - Viện KHXH Việt Nam) (2006), *Đại Nam nhất thống chí*, tập 4, Nxb Thuận Hóa, Huế, tr.177-178.

⁴ Quốc sử quán triều Nguyễn (Phạm Trọng Điềm dịch, Đào Duy Anh hiệu đính), (Viện Sử học - Viện KHXH Việt Nam) (2006), *Đại Nam nhất thống chí*, tập 4, Nxb Thuận Hóa, Huế, tr. 192-193.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Nguyễn Đình Hưng (2006), *Ba bài thơ cổ khắc trên vách đá chùa Hang*, Tạp chí Hán Nôm số 1 (74), tr.76-78.

2. Cao Bá Quát *toàn tập* (2004), tập 1, Trung tâm nghiên cứu quốc học, NXB Văn học.

3. Quốc sử quán triều Nguyễn (Phạm Trọng Điềm dịch, Đào Duy Anh hiệu đính), (Viện Sử học - Viện KHXH Việt Nam) (2006), *Đại Nam nhất thống chí*, tập 4, Nxb Thuận Hóa, Huế.

4. Đại đức Thích Nguyên Thanh (chủ biên) (2012), *Chùa Hang (Kim Sơn Tự)*, Nxb Thế giới, Hà Nội.

5. Tổng cục thống kê (2020), *Kết quả toàn bộ tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019*, Nxb Thống kê.

MẤT CÂN BẰNG GIỚI TÍNH KHI SINH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CHÍNH SÁCH Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

THS. PHAN THỊ THU HẰNG

Khoa Nhà nước và Pháp luật - Trường Chính trị tỉnh Nghệ An

Ngày nhận: 15/5/2023; Ngày sửa: 17/5/2023; Duyệt
đăng: 20/5/2023

1. Cơ cấu dân số theo giới tính

Trên một phạm vi lãnh thổ, bao giờ cũng có dân số nam và dân số nữ cùng chung sống và số lượng nam, nữ thường có mối tương quan với nhau; từ đó hình thành nên Cơ cấu dân số theo giới tính (hay cơ cấu nam nữ). Cơ cấu dân số này có sự khác nhau tùy theo lứa tuổi và có thể diễn đạt theo nhiều cách: số lượng nam trên 100 nữ, số lượng nữ trên 100 nam hoặc số lượng nam (hoặc nữ) so với tổng số dân (tính bằng %). Nhìn chung trên thế giới, trong tổng số trẻ mới sinh thì thường có số nam nhiều hơn số nữ (tỉ số nam so với nữ thường dao động từ 103 đến 106 tùy theo từng châu lục, từng nước).

Tỷ số giới tính là số nam trên 100 nữ trong tập hợp dân số. Tỷ số này thông thường là từ 104-106 trẻ em trai trên 100 trẻ em gái và giá trị của tỷ số này thường ổn định qua thời gian. Tỷ số giới tính khi sinh là chỉ số cơ bản làm thước đo phản ánh cơ cấu dân số về giới tính và phản ánh mức độ cân bằng giới tính của số bé trai và bé gái khi được sinh ra. Tỷ số này ở mức cân bằng sinh học tự nhiên dao động từ 103-106 bé trai/100 bé gái sinh ra sống tùy theo từng quốc gia/vùng lãnh thổ. Ở Việt Nam, tỷ số giới tính khi sinh ở mức cân bằng tự nhiên là 105. Nếu không có sự can thiệp một cách có chủ đích của con người thì tỷ số giới tính tự nhiên sẽ thường trong khoảng từ 103-106 bé trai/100 bé gái và khi bước vào độ tuổi hôn nhân tỷ số giới tính tự cân bằng.

2. Thực trạng mất cân bằng giới tính khi sinh ở Việt Nam hiện nay

Theo kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019, tổng số dân của Việt Nam vào thời điểm 0 giờ ngày 01/4/2019 là 96.208.984 người, trong đó dân số nam là 47.881.061 người, chiếm 49,8% và dân số nữ là 48.327.923 người, chiếm 50,2%. Sau 10 năm, quy mô dân số Việt Nam tăng thêm 10,4 triệu người. Tỷ lệ tăng dân số bình quân năm giai đoạn 2009 - 2019 là 1,14%/năm, giảm nhẹ so với 10 năm trước (giai đoạn 1999 - 2009 là 1,18%/năm). Đây là kết quả tích cực của chính sách kế hoạch hóa gia đình hay chính sách sinh "có kế hoạch" được ban hành và thực hiện từ năm 1961. Tuy nhiên, sau gần 50 năm thực hiện chính sách này đã phát

sinh những vấn đề đòi hỏi cần có sự thay đổi, một trong những vấn đề cấp thiết hiện nay là tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh.

Theo Tổng cục Thống kê năm 2019, tỷ số giới tính khi sinh là chỉ số xác định phân bố mức sinh theo giới tính (SRB) phản ánh cân bằng giới tính của số bé trai và bé gái khi được sinh ra. Kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 cho thấy: SRB của Việt Nam có xu hướng tăng hơn so với mức sinh học tự nhiên từ năm 2006 đến nay là bằng chứng về mất cân bằng giới tính khi sinh tại nước ta. Các con số trong những năm gần đây thể hiện điều này, cụ thể, năm 2018, tỷ số giới tính khi sinh là 117,4 nam/100 nữ; năm 2019 lên mức 120 nam/100 nữ; năm 2020 giảm còn 118 nam/100 nữ; năm 2021, là khoảng 111,5 bé trai/100 bé gái; năm 2022 ở mức cao, khoảng 113,7 trẻ trai trên 100 bé gái, được Tổng Cục Dân số đánh giá là "nghiêm trọng".

SRB của khu vực thành thị là 110,8 bé trai/100 bé gái thấp hơn so với nông thôn là 111,8 bé trai/100 bé gái. Một số nghiên cứu cho thấy sự khác biệt lớn về SRB giữa 6 vùng miền của Việt Nam. SRB cao nhất là ở đồng bằng sông Hồng với 115,5 bé trai/100 bé gái và thấp nhất ở Đồng bằng sông Cửu Long với 106,9 bé trai/100 bé gái. Sự chênh lệch của SRB giữa khu vực thành thị và nông thôn thuộc Đồng bằng sông Hồng cũng cao nhất cả nước. SRB của Trung du và miền núi phía Bắc năm 2019 là 114,2 bé trai/100 bé gái, cao hơn so với năm 2009 (108,5 bé trai/100 bé gái). SRB của đồng bằng sông Hồng năm 2009 là 115,3 bé trai/100 bé gái, tăng nhẹ lên 115,5 bé trai/100 bé gái năm 2019¹. Ở Việt Nam, tỷ số giới tính mất cân bằng ngay ở lần sinh đầu tiên của các cặp vợ chồng. Năm 2009, tỷ số này là 110,2 ở lần sinh đầu; 109,0 ở lần sinh thứ hai và 115,5 ở lần sinh thứ ba (và thậm chí lên tới 132 nếu hai con đầu là gái). Việc lựa chọn giới tính thai nhi ngay ở lần sinh đầu tiên hầu hết chỉ xảy ra ở khu vực đô thị.

Ngày 2-8-2021 Bộ Y tế đã ban hành Quyết định số 3671/QĐ-BYT về danh sách tỉnh, thành phố thuộc các vùng theo tỷ số giới tính khi sinh sử dụng để xây dựng đề án kiểm soát MCBGTKS giai đoạn 2021-2025. Theo đó, SRB năm 2020 của Việt Nam cũng rất cao, được chia thành 3 nhóm: nhóm 1 có SRB lớn hơn 112 bé trai/100 bé gái, gồm 21 tỉnh, thành phố; Nhóm 2 có SRB 109-112 bé

trai/100 bé gái, gồm 18 tỉnh, thành phố; Nhóm 3 có SRB dưới 109 bé trai/100 bé gái, gồm 24 tỉnh, thành phố.

Có ba nguyên nhân cơ bản về tình trạng MCBGTKS hiện nay ở nước ta, đó là:

- (1) Văn hóa truyền thống về ưa thích con trai;
- (2) Mức sinh giảm thấp xuống mức sinh thay thế;
- (3) Phát triển công nghệ siêu âm xác định giới tính thai nhi.

Nguyên nhân cốt lõi chính là định kiến giới, tâm lý ưa thích con trai hơn con gái vẫn luôn tồn tại trong mỗi cá nhân, mỗi cặp vợ chồng, mỗi gia đình và dòng họ. Tâm lý đó liên quan đến những phong tục tập quán, truyền thống ưa thích con trai để nối dõi tông đường, thờ phụng tổ tiên, phụng dưỡng cha mẹ. Thêm nữa, áp lực giảm sinh với khuyến cáo mỗi cặp vợ chồng chỉ sinh 1-2 con cũng là nguyên nhân gián tiếp tác động đến thực trạng này. Để sinh ít con mà vẫn đảm bảo có con trai, các cặp vợ chồng đã sử dụng các dịch vụ lựa chọn giới tính trước và trong quá trình mang thai nhằm đáp ứng được cả hai mục tiêu nói trên. Bên cạnh các chính sách ưu tiên đối với nữ giới chưa thật thỏa đáng thì chế độ an sinh xã hội hiện nay chưa bảo đảm, 70% dân số nước ta còn sống ở nông thôn, hầu hết không có lương hưu khi về già, rất cần sự chăm sóc, phụng dưỡng của con cái mà theo quan niệm của xã hội hiện nay, trách nhiệm đó chủ yếu thuộc về con trai, vì thế họ sẽ cảm thấy bất an khi chưa có con trai. Ngoài ra, các yếu tố trực tiếp tác động, hỗ trợ cho định kiến giới là việc lạm dụng những tiến bộ khoa học công nghệ để thực hiện lựa chọn giới tính trước sinh, trong lúc thụ thai hoặc khi đã có thai để chẩn đoán giới tính.

3. Hệ lụy từ tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh

Theo các nhà khoa học xã hội, tác động chính của hiện tượng MCBGTKS sẽ liên quan tới quá trình hình thành và cấu trúc gia đình, đặc biệt là hệ thống hôn nhân. Kinh nghiệm từ các nước trong khu vực cho thấy MCBGTKS sẽ gây ra những tác động xấu đối với gia đình và xã hội.

* Đối với gia đình:

Người vợ phải cố sinh thêm con trai do bị ép từ nhiều phía, hoặc phải nạo phá, hút thai vì lý do lựa chọn giới tính thai nhi sẽ ảnh hưởng xấu đến sức khỏe của người phụ nữ và sự phát triển bền vững kinh tế gia đình do phải tăng thêm chi phí để chăm sóc sức khỏe cho người phụ nữ, giảm thu nhập của các thành viên trong gia đình và phải dành nhiều thời gian để chăm sóc sức khỏe cho người phụ nữ. Ngoài ra, mỗi lần sinh đẻ có thể gây ra những rủi ro khó lường đối với sức khỏe của cả mẹ và con.

Theo dự báo của Tổng cục Thống kê, nước ta sẽ dư thừa khoảng 1,38 triệu nam giới vào năm 2026. Đến năm 2035, khoảng 1,6 triệu nam giới có nguy cơ không lấy được vợ. Theo các ước tính nhân khẩu học, nếu tỷ số giới tính vẫn mất cân bằng như những năm vừa qua, đến năm 2050, trong cơ cấu dân số Việt Nam sẽ thừa 12% nam giới ở độ tuổi dưới 50. Ước tính đến năm 2050, Việt

Nam sẽ thừa từ 2,3 đến 4,3 triệu nam giới². Tình trạng thiếu phụ nữ trẻ khiến hàng triệu nam giới khó tìm bạn đời dẫn đến “khủng hoảng về hôn nhân” - tri hoãn hôn nhân trong nam giới hoặc gia tăng tỷ lệ sống độc thân là khả năng có thể xảy ra do tình trạng thiếu phụ nữ trong độ tuổi kết hôn. Điều này sẽ tác động ngược lại hệ thống gia đình trong tương lai kéo theo hàng loạt các hệ lụy xã hội nghiêm trọng.

* Đối với xã hội:

Tình trạng thiếu phụ nữ ở tất cả các lứa tuổi sẽ gây ra những hậu quả trầm trọng cho phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, cụ thể:

- Nam giới khó kết hôn, kết hôn muộn, thậm chí là không thể kết hôn do không tìm được bạn đời dẫn đến phải tìm giải pháp tình thế là kết hôn với người nước ngoài. Hôn nhân với người nước ngoài làm gia tăng những gia đình đa văn hoá, có thể dẫn đến những xung đột do sự khác biệt về văn hoá, do ngôn ngữ bất đồng, xa lạ về phong tục, tập quán, lối sống. Điều này có thể làm tăng nguy cơ bất hoà, mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng, giữa các thành viên gia đình, dẫn đến bạo lực gia đình, ly hôn... Thực tiễn phụ nữ và trẻ em gái ở Việt Nam đã từng là nạn nhân của tình trạng này khi họ kết hôn với công dân Trung Quốc, Hàn Quốc...

- Một vấn đề xã hội nhức nhối khác do MCBGTKS đem lại, đó là nam giới đến tuổi kết hôn nhưng không lấy được vợ, dẫn đến gia tăng tội phạm về tình dục, lừa đảo, bắt cóc, buôn bán phụ nữ; tăng tệ nạn mại dâm, hiếp dâm phụ nữ, nguy cơ bất ổn xã hội do sự bất mãn về xã hội và tình dục của nam giới... tăng nguy cơ lây nhiễm HIV và bệnh xã hội, gây bất ổn về chính trị, kinh tế và xã hội. Tình trạng phụ nữ và trẻ em của nhiều nước, trong đó có Việt Nam bị bán sang Trung Quốc cho những cuộc hôn nhân gượng ép hay các mục đích khác, hay những các vụ tấn công, hãm hiếp phụ nữ, trẻ em gái điển hình ở Ấn Độ trong nhiều năm trở lại đây chính là một phần hệ lụy của MCBGTKS.

4. Định hướng chính sách đối với cân bằng giới tính khi sinh hiện nay ở Việt Nam

Sự gia tăng bất thường về SRB của Việt Nam trong những năm gần đây đang là mối quan tâm hàng đầu của các nhà hoạch định chính sách. Theo đó, những cảnh báo về hệ lụy của sự MCBGTKS và sự quyết liệt thực hiện các chính sách nhằm xóa bỏ sự can thiệp có chủ đích trong lựa chọn giới tính khi mang thai ở Việt Nam trong thời gian qua chưa đem lại hiệu quả; tình trạng MCBGTKS chưa được khắc phục.

Pháp lệnh dân số 2003 và Nghị định 104/2003/NĐ-CP Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Dân số nghiêm cấm xác định giới tính thai nhi và lựa chọn giới tính thai nhi dưới mọi hình thức. Nghị định 114/2006/NĐ-CP ngày 03/10/2006 của Chính phủ về việc quy định xử phạt vi phạm hành chính về dân số và trẻ em quy định chi tiết xử lý các hành vi lựa chọn giới tính thai nhi. Luật Bình đẳng giới (Điều 40) quy định lựa chọn

giới tính là vi phạm pháp luật về bình đẳng giới. Chiến lược quốc gia về dân số và sức khỏe sinh sản giai đoạn 2011-2020 nhằm đưa tỉ số cân bằng giới tính khi sinh về mức sinh học, cân bằng vào năm 2025.

Từ năm 2011, Bộ Y tế đã xây dựng và trình Chính phủ đề án “Kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh giai đoạn 2012- 2020”, trong đó có mục tiêu “Giảm mạnh tốc độ gia tăng tỷ số giới tính khi sinh, tạo cơ sở thuận lợi để đưa tỷ số này trở lại mức bình thường 105-106/100 chậm nhất vào năm 2025”.

Trước tình hình MCBGTKS ở Việt Nam xảy ra ngày càng nhanh và nghiêm trọng, ngày 23/3/2016, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 468/QĐ-TTg phê duyệt Đề án Kiểm soát MCBGTKS giai đoạn 2016-2025.

Hội nghị lần thứ sáu, Khóa XII, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã ban hành Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 về công tác dân số trong tình hình mới. Nghị quyết nêu rõ “MCBGTKS tăng nhanh, đã ở mức nghiêm trọng” và đặt mục tiêu “đưa tỷ số giới tính khi sinh về mức cân bằng tự nhiên”, “Đến năm 2030: Tỷ số giới tính khi sinh dưới 109 bé trai/100 bé gái sinh ra sống”.

Quan điểm và các mục tiêu chỉ đạo của Đảng đưa tỷ số giới tính khi sinh về mức cân bằng tự nhiên đã được cụ thể hóa và tổ chức thực hiện thông qua Quyết định số 1679/QĐ-TTg ngày 22/11/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt *Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030*: Tỉ số giới tính khi sinh dưới 109 bé trai/100 bé gái sinh ra sống³. Nội dung này tiếp tục được định hướng trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng⁴.

Cần quán triệt những giải pháp chính sách về cân bằng giới tính khi sinh tại Việt Nam hiện nay như sau:

Thứ nhất, định nghĩa lại “những truyền thống văn hóa tốt đẹp” theo cách giúp củng cố vị thế cho phụ nữ và trẻ em gái trong gia đình và dòng tộc. Cần thiết phải có các can thiệp làm thay đổi quan niệm truyền thống về giới và các hình thức bất bình đẳng giới. Cụ thể, cần tập trung các nỗ lực để giải quyết tình trạng phân biệt đối xử dựa trên cơ sở giới trong gia đình cũng như tiếp tục thúc đẩy bình đẳng giới trong các lĩnh vực như giáo dục, việc làm và chính trị. Đẩy mạnh công tác truyền thông nâng cao nhận thức của mọi người về hậu quả của mất cân bằng giới tính khi sinh. Truyền thông cho các cặp vợ chồng, những người đứng đầu dòng họ và gia đình, nam nữ thanh niên chuẩn bị kết hôn và những người cung cấp dịch vụ có liên quan; Thực hiện giáo dục về giới, bình đẳng giới với nội dung, hình thức thích hợp cho từng cấp học; Nghiên cứu, thiết kế, xây dựng, sản xuất các tài liệu truyền thông; tổ chức các hội nghị, hội thảo, chuyên đề, các chiến dịch, sự kiện truyền thông về mất cân bằng giới tính khi sinh.

Thứ hai, thúc đẩy mô hình gia đình lưỡng hệ. Ở Việt Nam, chế độ phụ hệ và phong tục cư trú bên nội thường dẫn đến sự phân biệt đối xử dựa trên cơ sở giới trong gia đình, trong đó bao gồm tâm lý ưa thích con trai. Theo chế độ phụ hệ/phong tục cư trú bên nội, những người con trai

lớn trong gia đình thường có trách nhiệm chăm sóc cha mẹ khi về già, thường ở cùng nhà với cha mẹ ruột, và con trai thường thừa kế từ cha mẹ nhiều hơn so với con gái. Trái lại, trong hệ thống lưỡng hệ, con trai và con gái trong gia đình được đối xử bình đẳng hơn. Sự khác biệt về SRB giữa các vùng cho thấy rằng: Để nâng cao bình đẳng giới và đưa SRB trở lại mức bình thường, cần phải có các tác động tới các thực hành về hệ thống gia đình.

Thứ ba, kiểm soát tình trạng lạm dụng công nghệ y học. Thực hành lựa chọn giới tính phụ thuộc vào việc xác định giới tính trước khi sinh bằng siêu âm hoặc các biện pháp công nghệ khác. Triển khai nhiều biện pháp hơn để ngăn ngừa việc xác định giới tính trước khi sinh nhưng cần phải đảm bảo phụ nữ được tiếp cận các dịch vụ phá thai an toàn. Việc thanh kiểm tra các cơ sở y tế công và tư nhân chặt chẽ hơn kèm theo các khoản tiền phạt đáng kể hoặc các hình thức xử phạt khác đối với các vi phạm quy định về xác định giới tính trước khi sinh sẽ làm cho việc tiếp cận thông tin về giới tính thai nhi trở nên khó khăn hơn và do đó thực hành lựa chọn giới tính trước sinh cũng khó khăn hơn.

Thứ tư, củng cố việc thực thi chính sách và pháp luật. Việc thi hành nghiêm pháp luật và các quy định hiện hành cũng sẽ chứng minh cho người dân thấy sự nghiêm túc của nhà nước trong việc thực thi pháp luật hiện hành về lĩnh vực này. Thực hiện các điều luật nghiêm cấm sử dụng công nghệ trong xác định giới tính thai nhi và đình chỉ thai nghén. Bên cạnh đó, chú trọng phổ biến, giáo dục những quy định pháp luật; hoàn thiện các thể chế, chính sách; tăng cường thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm; tăng cường các hoạt động đào tạo tập huấn.

Thứ năm, xây dựng và ban hành các hệ thống an sinh xã hội, đề án phúc lợi kinh tế có chú trọng đến đối tượng là phụ nữ và trẻ em gái. Đẩy nhanh phát triển kinh tế - xã hội, hoàn thiện chính sách an sinh xã hội như: chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho người cao tuổi; hỗ trợ chăm sóc người cao tuổi tại cộng đồng; đẩy mạnh truyền thông, giáo dục về trách nhiệm đối với cha mẹ... Tiếp tục thúc đẩy tiến bộ xã hội, nhất là thúc đẩy bình đẳng giới, nâng cao quyền năng của phụ nữ, tạo điều kiện và cơ hội cho phụ nữ và bé gái được tiếp cận các cơ hội, nguồn lực để có thể không chỉ thụ hưởng một cuộc sống khỏe mạnh mà còn có cơ hội phát triển, đóng góp cho gia đình và xã hội; nhấn mạnh vai trò của nam giới trong việc chấp hành các chính sách dân số và thực hiện kế hoạch hoá gia đình.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN:

¹ <https://danso.org>

² Tổng cục Dân số kế hoạch hoá gia đình, 2013.

³ Mục tiêu 3.

⁴ Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, H.2021, t.II, tr.135-136.

ẢNH HƯỞNG CỦA VIỆC ĐỌC BÁO ĐIỆN TỬ ĐỐI VỚI NHẬN THỨC CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY

THS. NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG

Trường Đại học Phòng Cháy Chữa Cháy

Tóm tắt: Văn hóa đọc góp phần xây dựng nền tảng vững chắc cho phát triển nền giáo dục và đào tạo của một quốc gia, dân tộc. Nâng cao văn hóa đọc không chỉ có ý nghĩa đối với phát triển trí tuệ, tư duy mà còn là phương pháp rèn luyện những phẩm chất nhân cách con người tốt nhất. Ngày nay, với sự bùng nổ mạnh mẽ của công nghệ thông tin, văn hóa nghe nhìn lấn át văn hóa đọc làm cho giới trẻ mà cụ thể là sinh viên xa dần thói quen đọc sách và họ chọn cho mình thói quen đọc sách báo điện tử thay vì đọc sách truyền thống.

Từ khóa: Báo chí, báo điện tử, ảnh hưởng, sinh viên, Đại học Phòng Cháy Chữa Cháy

Ngày nhận: 12/5/2023; Ngày sửa: 14/5/2023; Duyệt đăng: 20/5/2023

1. Đặt vấn đề

Ngày nay, với sự phát triển như vũ bão của các phương tiện truyền thông đại chúng và những tiện ích xã hội do sự phát triển của khoa học kỹ thuật mang lại đã làm thay đổi phương thức đọc truyền thống (sách in, báo giấy...) sang phương thức đọc trực tuyến (sách điện tử, báo điện tử, mạng xã hội, ...). Sự thay đổi tất yếu đem lại nhiều thuận tiện và lợi ích nhưng kéo theo đó là tác động không nhỏ đến hành vi, lối sống của một bộ phận sinh viên Việt Nam nói chung và sinh viên Trường Đại học Phòng Cháy Chữa Cháy (PCCC) nói riêng.

2. Nội dung

2.1. Lịch sử ra đời và phát triển của báo điện tử

Báo chí là sản phẩm thông tin về các sự kiện, vấn đề trong đời sống xã hội thể hiện bằng chữ viết, hình ảnh, âm thanh, được sáng tạo, xuất bản định kỳ và phát hành, truyền dẫn tới đông đảo công chúng thông qua các loại hình báo in, báo nói, báo hình, báo điện tử.

Báo điện tử là loại hình báo chí sử dụng chữ viết, hình ảnh, âm thanh, được truyền dẫn trên môi trường mạng, gồm báo điện tử và tạp chí điện tử. Báo điện tử ra đời và phát triển dựa trên tiền đề "kỷ nguyên số". Tờ báo điện tử đầu tiên được biết đến trên thế giới là tờ Chicago Tribune, ra đời vào tháng 5 năm 1992, có máy chủ đặt tại nhà cung cấp dịch

vụ American Online (cũng có tài liệu cho rằng tờ báo điện tử đầu tiên ra đời vào tháng 10 năm 1993 tại Khoa Báo chí thuộc Đại học Florida). Năm 1994, phiên bản điện tử đầu tiên của tạp chí Hotwired chạy những banner quảng cáo đầu tiên, tiếp đến là hàng loạt các cơ quan báo chí nổi tiếng ở Mỹ lần lượt cho ra đời phiên bản điện tử như Los Angeles Times, USA Today, New York Newsday,... Năm 1995, nhiều tờ báo ở Châu Á cũng xuất hiện trên mạng Internet như China Daily, Utusan (Malaysia), Kompas (Indonesia), Asahi Simbun (Nhật Bản). Việt Nam chính thức kết nối internet toàn cầu vào ngày 19/11/1997, đến ngày 31/1/2000 Tạp chí Quê Hương (Tạp chí của Ủy ban người Việt Nam ở nước ngoài trực thuộc Bộ Ngoại giao Việt Nam) có địa chỉ là "quehuongonline.vn" đã trở thành tờ báo mạng điện tử đầu tiên của nước ta. Đối tượng phục vụ chủ yếu của tạp chí là cộng đồng người Việt Nam định cư, sinh sống ở nước ngoài cũng như nhân thân của họ ở trong nước, và những độc giả quan tâm tìm hiểu về các vấn đề liên quan đến người Việt Nam ở nước ngoài. Sự kiện có ý nghĩa mở đường này đã ghi một dấu ấn quan trọng trong lịch sử báo chí Việt Nam. Từ đây, hệ thống các phương tiện truyền thông đại chúng Việt Nam đã có thêm một thành viên mới, một loại hình báo chí mới vừa hiện đại vừa đặc biệt hữu dụng.

Báo điện tử ra đời và phát triển mang lại nhiều lợi ích cho người đọc. Dù ở bất kỳ nơi đâu, trong khoảng thời gian nào, chỉ với một thiết bị điện tử như máy tính, máy tính bảng hay điện thoại có kết nối internet là người dùng có thể tìm kiếm và truy cập tất cả các trang báo điện tử trong nước và ngoài nước, không giới hạn về nội dung từ kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội... Đặc biệt khả năng tích hợp giữa văn bản, hình ảnh, âm thanh và video giúp báo điện tử sinh động và hấp dẫn hơn, dễ dàng thu hút độc giả. Mặt khác, do không trải qua quá trình in ấn, phát hành như báo giấy nên tin tức trên báo điện tử có tính thời sự cao.

Tuy nhiên, Báo điện tử cũng có những hạn chế nhất định như thông tin không được kiểm duyệt chặt

chế vì quan điểm của báo điện tử là nhanh nên thời gian dành cho kiểm duyệt rất ngắn, dễ gây nhiều sai sót. Hoặc nhiều trang tin có máy chủ ở nước ngoài nên các cơ quan chức năng khó có thể nắm bắt, kiểm soát dễ dẫn đến giật tít, thông tin sai sự thật. Hơn nữa, nhiều thông tin trên báo điện tử còn mang tính một chiều, quy chụp, thiếu sự khách quan và độ nhạy bén chính trị. Ngoài ra, mạng lưới thông tin rộng, lượng thông tin khổng lồ khiến người đọc bị phân tán, mất tập trung. Điều này dễ dẫn đến việc lựa chọn sai nguồn thông tin, tin vào những điều bịa đặt, tuyên truyền sai sự thật. Không những thế, tình trạng “xào bài”, “copy-paste” còn diễn ra khá phổ biến và ngày càng tinh vi, làm cho các cơ quan quản lý và bản thân các tờ báo gặp khó khăn rất nhiều trong cuộc chiến đảm bảo tính bản quyền cho tác phẩm báo chí. Mặt khác, do quá phụ thuộc vào thiết bị công nghệ nên những đối tượng ở vùng sâu vùng xa hay người già khó có thể tiếp cận. Mọi hoạt động sản xuất đều diễn ra trên không gian mạng nên không an toàn nếu bị hacker, virus tấn công... Thậm chí, sử dụng báo điện tử nhiều cũng gây ảnh hưởng rất lớn đối với thị lực của người đọc. Như vậy, dù “sinh sau đẻ muộn” và còn tồn tại nhiều hạn chế nhưng chỉ cần khắc phục được những điểm tồn tại đó, báo điện tử sẽ là xu hướng của thời đại mới và có khả năng thay thế hoàn toàn báo in.

2.2. Ảnh hưởng của báo điện tử đối với nhận thức của sinh viên trường Đại học PCCC

2.2.1. Thực trạng đọc báo điện tử của sinh viên trường Đại học PCCC

Trường Đại học PCCC là cơ sở giáo dục duy nhất trong cả nước đào tạo và cung cấp cho xã hội nguồn lực PCCC chất lượng cao. Để đưa ra số liệu chính xác nhất về tình hình đọc báo điện tử của giới trẻ hiện nay nói chung và sinh viên trường Đại học PCCC nói riêng, chúng tôi đã tiến hành phỏng vấn và phát phiếu khảo sát trên 134 bạn sinh viên trường Đại học PCCC. Từ kết quả khảo sát, chúng tôi đã tổng kết và đưa ra thực trạng đọc sách của sinh viên trường Đại học PCCC hiện nay, cụ thể:

Đầu tiên, khi được hỏi bạn có thường xuyên đọc báo điện tử không, có đến 82.2 % sinh viên được hỏi lựa chọn thường xuyên đọc báo điện tử. Một kết quả không quá ngạc nhiên khi báo điện tử đang dần trở nên gần gũi hơn với sinh viên thay vì các loại báo in báo giấy. Thời gian các bạn sử dụng để đọc báo điện tử đa phần chỉ chiếm dưới 1 tiếng (58.7%), từ 1-2 tiếng đứng thứ hai với 26.7%, từ 2 tiếng trở lên chỉ chiếm 15.6%. Đây là con số hợp lý khi việc đọc báo điện tử không nên chiếm quá nhiều thời gian.

Trong 12 trang báo điện tử tiêu biểu của Việt Nam

(VnExpress, VTV News, Kênh 14, VOV (Đài tiếng nói Việt Nam), Dân Trí, Báo Mới, Nhân Dân, Vietnamnet, Tuổi Trẻ Online,

Lao động, Thanh niên, Báo điện tử Chính Phủ) được nêu trong khảo sát thì có năm trang được các bạn sinh viên đón đọc nhiều nhất lần lượt là Kênh 14 (40%), VnExpress (38.9%), Dân trí (38.9%), VTV News (37.8%) và VOV (37.8%). Có một điều đáng lưu ý ở đây là Kênh 14 thường đăng tin kiểu giật tít, nhiều bài viết đưa tin lại không trích dẫn nguồn, nhiều thông tin chưa được kiểm chứng nội dung nhưng lại có số lượt đọc nhiều nhất (40%).

Khi được hỏi về mục đích chính khi đọc báo điện tử, sinh viên trường PCCC trả lời mục đích đọc là để hiểu biết vấn đề xã hội (50/90), giải trí (47/90), chia sẻ và bình luận (26/90), phục vụ học tập và công việc (20/90), mục đích khác (9/90). Có thể thấy các bạn sinh viên rất quan tâm và muốn tìm hiểu sự kiện xảy ra trong xã hội, ngoài ra cũng muốn dành nhiều thời gian để thư giãn giải trí. Những trang thông tin chính thống, đưa tin chính xác vẫn được nhiều bạn lựa chọn như VnExpress, Dân Trí, VTV News,... là một tín hiệu đáng mừng. Khi được hỏi có cảm thấy việc đọc báo điện tử lãng phí thời gian không chỉ có 15.6% trả lời có, còn lại 84.4% trả lời là không.

Sinh viên lựa chọn cách đọc tin tức theo kiểu chỉ đọc những phần bản thân quan tâm xếp thứ nhất (50%), sau đó đến đọc lướt toàn bộ (27.8%) và cuối cùng là đọc kĩ từ đầu đến cuối (21.1%). Có 31.1% các bạn đều cho rằng báo điện tử chỉ phản ánh chung chung các vấn đề của đời sống xã hội, chiếm đa số, còn lại 24,4 % lựa chọn phản ánh bề nổi của vấn đề được nêu, 21.1% chọn phản ánh thiết thực, 20% cho rằng đi sâu và thực tế vấn đề và 3.3% chọn phản ánh không thiết thực. Có nhiều sự phân kỳ như vậy là do đa số sinh viên đều chưa có đầy đủ kinh nghiệm sống và đủ trải nghiệm để đánh giá được hết vấn đề. Cũng do nguyên nhân đó nên khi hỏi bạn có thường xuyên suy ngẫm về các bài báo đã đọc không thì chỉ có 8.9% trả lời luôn luôn và 15.6% là thường xuyên.

Đa phần, các bạn sinh viên chưa hiểu biết hết việc đọc báo điện tử ảnh hưởng đến tư duy hành vi của bản thân không, 20% trả lời không và còn lại (30%) trả lời có. Theo đó thì có 73.3% người tham gia khảo sát đánh giá rằng báo điện tử ảnh hưởng đến họ cả về tích cực lẫn tiêu cực, 50% chọn là tích cực và 23,3 % cho rằng đó là tiêu cực. Thực chất rằng các bài báo đều ảnh hưởng đến các bạn sinh viên dù ít hay nhiều, vấn đề ở chỗ sinh viên có thực sự hiểu rõ, chất lọc thông tin để đem lại những ảnh hưởng tích cực hay không.

2.2.2. Ảnh hưởng của báo điện tử đến sinh viên trường Đại học PCCC

Kết quả cuộc khảo sát chính là cơ sở quan trọng để đi sâu vào tìm hiểu ảnh hưởng của báo điện tử đối với nhận thức của sinh viên Trường Đại học PCCC. Ảnh hưởng của báo điện tử đối với sinh viên trường Đại học PCCC thể hiện ở hai mặt, tích cực và hạn chế.

Về mặt tích cực:

Thứ nhất, tăng vốn hiểu biết xã hội. Sống trong một thế giới luôn biến động, không ngừng thay đổi và phát triển như hiện nay thì sinh viên phải trang bị đầy đủ hành trang tri thức mới có thể hội nhập. Tri thức ở đây không chỉ giới hạn trong kiến thức lý thuyết sách vở mà còn qua thông tin được cập nhật từng ngày qua những bài báo. Thiếu hụt thông tin, không hiểu biết về những vấn đề xảy ra trong nước và thế giới thì khó có thể trở thành một công dân toàn cầu. Đặc biệt hiện nay không ít các doanh nghiệp, các công ty đa quốc gia đưa kiến thức xã hội vào trong câu hỏi phỏng vấn xin việc, rồi không ít các cuộc thi, đề thi chúng chỉ quốc tế yêu cầu phần vận dụng kiến thức xã hội, nên việc thường xuyên đọc tin tức rất có lợi cho sinh viên. Nhiều khi những tin tức cập nhật nhanh từ báo điện tử còn giúp sinh viên phòng tránh những hiểm họa như thiên tai, dịch bệnh, hay đề phòng chiêu thức lừa đảo của những đối tượng xấu, những tên tội phạm đang bị truy nã... vừa để bảo vệ mình và giúp đỡ mọi người xung quanh.

Thứ hai, báo điện tử cũng là nguồn tài liệu phong phú phục vụ cho nhu cầu học tập và nghiên cứu khoa học. Đa phần các bạn sinh viên ở Trường Đại học PCCC đọc báo điện tử để tìm tư liệu cho quá trình học tập. Đối với những sinh viên tham gia viết đề tài nghiên cứu khoa học, viết luận văn tốt nghiệp thì đây chính là nguồn cung cấp thông tin, kiến thức tuyệt vời bởi tính thuận tiện, khả năng tra cứu nhanh của báo điện tử, hơn thế nữa tất cả những tờ báo chính thống đều đã có trang tin điện tử riêng nên không cần lo về chất lượng nguồn tài liệu.

Thứ ba, tăng khả năng tư duy phản biện, cải thiện kỹ năng viết. Bởi hàm lượng phản biện, đào sâu phân tích và đa chiều trong thông tin báo chí giúp sinh viên có cái nhìn sâu sắc hơn, tư duy cũng nhạy bén hơn. Đọc nhiều những bài báo chất lượng, khả năng lập luận, kỹ năng xử lý thông tin, cách diễn đạt dùng từ trong bài viết của sinh viên sẽ được nâng cao, từ đó nâng cao chất lượng điểm số, cải thiện hơn kết quả học tập. Kỹ năng viết tốt cũng là tiền đề để nâng cao kỹ năng hùng biện, thuyết trình. Một phần, báo chí là nguồn giải trí lành mạnh của sinh viên, đây cũng là lí do khiến cho 52.2% các bạn tham gia khảo sát lựa

chọn đọc báo điện tử. Các tin tức về thời trang, giới giải trí, sức khỏe làm đẹp và thể thao vừa cung cấp kiến thức nhiều mặt vừa giúp sinh viên thoải mái, giải tỏa áp lực tinh thần.

Khác với những bài học giáo dục định hướng giá trị đạo đức khá khô khan và mang nặng tính lý thuyết trong trường học thì những bài báo, tin tức có nội dung trong sáng, tích cực sát với thực tế cuộc sống dễ dàng được giới trẻ đón nhận hơn. Ảnh hưởng tích cực của báo điện tử tác giả đã nêu ở trên góp phần không nhỏ trong việc định hướng hành vi và văn hóa ứng xử của các bạn sinh viên trường Đại học PCCC.

Song song với mặt tích cực, báo điện tử vẫn tồn tại những mặt trái có ảnh hưởng tiêu cực đến một bộ phận các bạn sinh viên trường Đại học PCCC.

Thứ nhất, ảnh hưởng đến sức khỏe. Muốn đọc báo điện tử phải thông qua việc sử dụng các thiết bị điện tử có truy cập internet. Ánh sáng xanh phát ra từ các thiết bị này ngăn chặn việc giải phóng melatonin trong não, khiến cơ thể mất nhiều thời gian hơn để có thể chìm vào giấc ngủ làm rối loạn đồng hồ sinh học. Ánh sáng xanh cũng là nguyên nhân gây suy giảm thị lực, dẫn đến các bệnh lý về mắt như cận thị, loạn thị, thậm chí nguy hiểm hơn là dẫn đến mù lòa. Bức xạ từ các thiết bị điện tử còn là nguyên nhân tăng gốc tự do, liên quan đến ung thư và các bệnh về tim mạch, ảnh hưởng không tốt đến sức khỏe con người

Thứ hai, đọc báo điện tử không hợp lý gây lãng phí thời gian. Báo điện tử phát triển mạnh mẽ, thông tin luôn được cập nhật nhanh nhất và liên tục, nhưng chính bởi điều này dễ khiến sinh viên “lạc trôi” giữa bạt ngàn của “biển” thông tin, khó tìm được những bài báo chất lượng phù hợp nhất và cần thiết nhất với bản thân. Đa số các bạn sinh viên viên rất hợp lí khi chỉ dành dưới 1 tiếng đồng hồ cho việc đọc tin tức, tuy nhiên vẫn còn 42.2% sinh viên tham gia khảo sát dành hơn 1 giờ mỗi ngày cho báo điện tử. Thay vào đó sinh viên nên dành thời gian còn lại cho các hoạt động thể chất để tăng cường sức khỏe.

Thứ ba, đọc báo nhiều gây xao nhãng công việc học tập. Với sự thâm nhập ngày càng sâu rộng vào đời sống, ngày càng được đầu tư kỹ lưỡng về cả mặt văn bản, âm thanh, hình ảnh thì báo điện tử càng trở nên thu hút được nhiều độc giả. Những bạn trẻ với sự năng nổ, yêu khám phá, khao khát thông tin dễ bị những nội dung này lôi cuốn. Bên cạnh bài báo chuẩn mực thì không ít những tờ báo giật tít, khai thác đề tài giật gân, đánh trực tiếp vào tính tò mò của giới trẻ. Nếu nhận thức hạn chế, chưa biết khống chế thời gian thì một bộ phận không nhỏ sinh viên sẽ dễ

dàng bị xao nhãng, ảnh hưởng trực tiếp đến học tập, công việc.

Thứ tư, tiềm ẩn nguy cơ xấu khi những thông tin, nội dung, hình ảnh đưa lên báo chưa được kiểm duyệt gây ảnh hưởng không tốt đến suy nghĩ của sinh viên. Hiện nay do khả năng kiểm soát thông tin trên không gian mạng còn nhiều hạn chế nên nổi lên hiện tượng tin giả (fake news). Rồi một số trang tin lá cải, thu hút đọc giả bằng cách giật tít, khai thác các đề tài gây kích thích trí tò mò, thị hiếu tầm thường, ngôn từ sử dụng thiếu chuẩn văn hóa. Nếu các bạn sinh viên không biết phân biệt, chọn nguồn báo chính thống, tin tưởng vào tin giả mình đọc được sẽ tăng nhận thức lỗi, suy nghĩ lệch lạc, dễ dẫn đến những hành vi lệch chuẩn.

2.3. Giải pháp nâng cao nhận thức của sinh viên Trường Đại học PCCC trong việc tiếp nhận thông tin từ báo điện tử

Xuất phát từ những nguyên nhân chủ quan và khách quan dẫn đến tình trạng nảy sinh những vấn đề tiêu cực trong việc tiếp nhận thông tin từ báo điện tử đối với sinh viên như: công tác kiểm duyệt thiếu chặt chẽ, đạo đức của người làm báo, Tác giả xin đưa ra một vài giải pháp nhằm nâng cao nhận thức của sinh viên trong vấn đề này.

2.3.1. Đối với Gia đình - Nhà trường

Gia đình: Gia đình là môi trường giáo dục quan trọng trong việc định hướng hành vi, phát triển cũng như hình thành nhân cách của giới trẻ. Vì vậy mỗi bậc phụ huynh với trải nghiệm và kiến thức của mình cần là một tấm gương trong việc sử dụng có hiệu quả báo điện tử. Bởi độc giả của các trang báo mạng điện tử không chỉ là học sinh sinh viên mà là mọi tầng lớp mọi độ tuổi trong xã hội. Thay vì ngăn cấm hoặc có thái độ thờ ơ phó mặc cho nhà trường, phụ huynh hãy dành thời gian quan tâm hơn đến con cái để kịp thời phát hiện và ngăn chặn các dấu hiệu bất thường có thể xảy ra; sẵn sàng giúp đỡ, hỗ trợ giải quyết các vấn đề liên quan đến thông tin trên mạng. Gia đình hãy thực sự là chỗ dựa tinh thần vững chắc để con cái có thể dựa vào.

Nhà trường: Đi kèm với những hoạt động hướng dẫn và khuyến khích sinh viên đọc sách thì Nhà trường cũng nên hướng dẫn sinh viên lựa chọn, tìm đọc những bài báo chất lượng, có ích phục vụ cho từng mục đích sử dụng của sinh viên. Tin giả, tin không được kiểm chứng là một hiểm họa khôn lường, Nhà trường nên khéo léo lồng ghép các kiến thức căn bản về báo chí và nguồn thông tin vào giảng dạy nhằm nâng cao tinh thần cảnh giác của sinh viên, đồng thời giúp cho sinh viên có cái nhìn đa chiều hơn về báo điện tử. Hiện nay, báo chí nói chung và báo

điện tử nói riêng chưa thật sự được chú trọng trong văn hóa đọc và càng ít những cuộc điều tra sâu rộng về tác động tiêu cực của nó đến tư duy và hành vi của sinh viên. Vì vậy Nhà trường nên có các cuộc điều tra, các cuộc hội thảo chuyên sâu đánh giá một cách chính xác hơn về vấn đề này, cũng như đề ra giải pháp chung cho cả hệ thống.

2.3.2. Đối với mỗi cá nhân sinh viên

Sinh viên đều đã trong độ tuổi thành niên, đã có bước đầu trưởng thành về cả nhận thức và hành vi. Do đó, chính sinh viên phải là những người đi đầu trong việc tiếp thu những lợi ích thiết thực từ báo điện tử, không nên đọc một cách tự phát mà cần có sự chọn lọc kỹ càng về nguồn và chất lượng. Kịp thời phát hiện những thông tin xấu, sai lệch sự thật để ngăn chặn sự phát tán ra xã hội. Có quan điểm, lập trường đúng đắn, không ngừng tư duy để không bị ảnh hưởng bởi những nguồn tin độc hại. Thay vì chỉ đọc báo điện tử thì cũng nên dành thời gian đọc thể loại sách khác, nâng cao văn hóa đọc của chính bản thân từ đó tuyên truyền đến tất cả mọi người. Kết hợp giữa đọc, học và hành để hoàn thiện cả về mặt đạo đức và sự nghiệp.

3. Kết luận

Sự ra đời của báo điện tử là bước tiến vô cùng lớn lao về công nghệ thông tin. Tất nhiên người hưởng lợi đầu chỉ báo chí mà đông đảo hơn chính là độc giả mạng trên khắp hành tinh. Lợi ích, tiện ích thời kỷ nguyên số lớn lao vô kể, nhưng những tai ương, phiền toái cũng không hề nhỏ; lỗi gây nên không do công nghệ mà chính là con người thiếu trách nhiệm xã hội khi tham gia thông tin. Chính vì vậy, sinh viên không thể (và không nên) chống lại sự phát triển của công nghệ internet, mà hãy trở thành một người dùng khôn ngoan để không trở thành “nô lệ” của công nghệ. Sinh viên trường Đại học PCCC hãy lý trí trong việc tiếp thu thông tin để từ đó khắc phục và ngăn chặn những ảnh hưởng tiêu cực của báo điện tử. Chúng ta hãy cùng chung tay xây dựng một cộng đồng đọc thông minh, giữ gìn và phát huy tối đa nét đẹp mà văn hóa đọc đem lại.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Trương Huyền Anh (2017), *Văn hóa đọc của sinh viên Trường đại học Thể dục, thể thao Bắc Ninh*, luận văn Thạc sĩ Quản lý văn hóa, Khóa 3 (2015 - 2017).
2. Vũ Thị Thu Hà (2013), “Văn hoá đọc ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập và phát triển”, *Tạp chí Thư viện Việt Nam*, số 2, tr. 20-27.
3. Bá Hải, “*Giải pháp xây dựng thói quen đọc sách cho học sinh*”, giaoducthoidai.vn, ngày 14/01/2016.

QUAN HỆ NGOẠI GIAO VIỆT NAM - NHẬT BẢN NHỮNG NĂM ĐẦU THẾ KỶ XXI

THS. TRẦN THỊ NGỌC MAI

Trường ĐH KHXH&NV - ĐHQG-HCM

Ngày 21/9/1973 VN và NB đã ký kết Hiệp định thiết lập chính thức quan hệ ngoại giao giữa hai nước. Từ đó sự hợp tác song phương ngày càng được phát triển một cách mạnh mẽ. Trong thế kỷ XXI, mối quan hệ Việt - Nhật là mối quan hệ hợp tác và hữu nghị theo phương châm "đối tác tin cậy, ổn định lâu dài" trên cơ sở sự bình đẳng vì hòa bình, thịnh vượng và phát triển ở Châu Á. Sự phát triển mạnh mẽ và toàn diện của mối quan hệ VN - Nhật Bản trong thời đại mới sẽ tác động tích cực đến xu thế hòa bình, ổn định và sự thịnh vượng của khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, đóng một vai trò quan trọng trong sự phát triển của cộng đồng quốc tế.

Từ khóa: Quan hệ ngoại giao, VN - NB

Ngày nhận: 15/5/2023; Ngày sửa: 17/5/2023; Duyệt đăng: 20/5/2023

THE VIETNAM - JAPAN DIPLOMATIC RELATIONS IN THE 21ST CENTURY

The day of September 21, 1973 witnessed the establishment of Vietnam - Japan diplomatic relations. Since then, the bilateral cooperations have been in rapid developing processes. Facing the 21st century, the Vietnam- Japan ties are set to be cooperative and friendly relationships under the motto "long-term stability and mutual trust" built upon equal partnership for peace, prosperity, and development in Asia. Beside the advantages, there still exist certain challenges needed to be put into considerations. The recent vigorous and comprehensive developments of the Vietnam - Japan relations would actively contribute to the peace, stability and prosperity of the Asia-Pacific region, surely play a proactive role in the development of the international community.

Keyword: Diplomatic relations, Vietnam - Japan

1. Tổng quan về mối quan hệ ngoại giao song phương VN - NB

Kể từ khi VN thực hiện công cuộc đổi mới đến nay, quan hệ VN - NB đã có nhiều bước chuyển biến tốt đẹp, phát triển ngày càng mạnh mẽ hơn trên tất cả mọi lĩnh vực khác nhau.

Trong chuyến thăm VN vào tháng 7/2004 của Ngoại trưởng NB, hai bên đã ký Tuyên bố chung "Vươn tới tầm cao mới của đối tác bền vững". Các chuyến thăm sau đó của các lãnh đạo cấp cao của hai nước đã mở ra thời kỳ mới cho mối quan hệ hữu nghị, hợp tác nhiều mặt, hướng tới việc trở thành đối tác chiến lược lâu dài giữa hai nước.

Cựu Thủ tướng NB Yasuo Fukuda trong một chuyến thăm cấp cao ở VN đã đưa ra thông điệp rằng: "Quan hệ NB - VN đang bước đến giai đoạn tốt đẹp nhất trên mọi mặt. Thời gian tới, NB và VN sẽ tiếp tục tăng cường hơn quan hệ hợp tác về chiều sâu". Điều này cho thấy, lãnh đạo hai nước VN - NB đã luôn tỏ rõ quyết tâm nâng quan hệ hữu nghị, hợp tác lên tầm cao hơn.

Năm nay, tròn 35 năm quan hệ VN - NB, cũng là thời điểm đánh dấu những bước phát triển mới sâu sắc giữa hai nước. Kể từ khi hai nước thiết lập quan hệ ngoại giao vào 21/9/1973 đến nay, quan hệ hai nước luôn luôn phát triển và ngày càng mở rộng trên nhiều lĩnh vực. Đây cũng là thời gian, hai nước đã dành cho nhau nhiều tình cảm và sự quan tâm sâu sắc.

2. Quan hệ về kinh tế

NB được coi là đối tác kinh tế quan trọng hàng đầu của VN, hiện là đối tác thương mại lớn thứ 3 và là một trong bốn nước và vùng lãnh thổ đầu tư trực tiếp lớn nhất vào VN. Trong tuyên bố chung Việt - Nhật 2006, hai nước đã nhất trí phần đầu kim ngạch thương mại hai chiều đạt 15 tỷ USD vào 2010. Kim ngạch mậu dịch song phương không ngừng gia tăng, năm sau cao hơn năm trước. Kim ngạch xuất nhập khẩu giữa hai nước mấy năm qua luôn ở mức 4,7 - 4,9 tỷ USD, chiếm tỷ trọng khoảng 14 - 16% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của VN. Các hoạt động xuất nhập khẩu đã đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội của cả hai nước, đặc biệt là với VN.

Mặt khác nguồn đầu tư của NB cũng có vai trò khá lớn trong nền kinh tế VN. Để đẩy mạnh hơn nữa dòng đầu tư của NB vào VN, 14/11/2003, đại diện của Chính phủ hai nước đã ký kết Hiệp định khuyến khích và bảo hộ đầu tư. Với sự kiện quan trọng này, đã mở ra triển vọng to lớn cho hợp tác đầu tư Nhật - Việt. Làn sóng đầu tư của NB vào nước ta diễn ra khá dồn dập trong thời gian gần đây đã nói lên điều đó. Các nhà lãnh đạo NB đã cam kết sẽ có những động thái tích cực để thúc đẩy đầu tư từ NB vào VN trong thời gian tới. Đa số các công ty NB đều đánh giá VN là địa chỉ đầu tư tốt nhất, đặc biệt trong bối cảnh NB đang tìm cách đa dạng hóa thị trường đầu tư để tránh bị lệ thuộc quá nhiều vào một số quốc gia khác.

Đầu tư của NB vào VN có vị trí hết sức quan trọng, đặc biệt, NB là quốc gia chiếm vị trí số một trong viện trợ ODA cho VN. NB không những tiếp tục, mà còn tăng cường nguồn vốn ODA dành cho VN, đồng thời làn sóng đầu tư của NB sẽ tiếp tục tăng mạnh hơn nữa trong thời gian tới.

Về phương diện đầu tư của NB vào VN phải kể đến vai trò APEC - Diễn đàn có lượng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) lớn nhất cho VN; trong đó NB là nước có số vốn cam kết và giải ngân lớn nhất trong tất cả các nước và các tổ chức trên thế giới. Nguồn vốn này đã góp phần cải thiện đáng kể cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội và cân đối ngân sách của VN.

Từ giữa 1/2007 tiến trình đàm phán chính thức Hiệp định đối tác kinh tế (EPA) giữa VN và NB được triển khai theo đúng thỏa thuận trong Tuyên bố chung "Hướng tới quan hệ đối tác chiến lược vì hòa bình và phồn vinh ở châu Á". Hiệp định EPA cho phép xây dựng một khu vực thương mại tự do song phương toàn diện giữa hai nước trong thời gian 10 năm, bao gồm các nội dung về tự do thương mại hàng hoá, thương mại dịch vụ, đầu tư và hợp tác kinh tế.

Cựu Thủ tướng NB Fukuda ở Tokyo 27/11/2007, hai nhà lãnh đạo đã nhất trí thông qua Chương trình hợp tác hướng tới quan hệ đối tác chiến lược VN - NB [Nciiec.gov.vn: *Nâng tầm quan hệ đối tác VN - NB*] sớm đi đến ký kết Hiệp định Đối tác kinh tế và cải thiện môi trường đầu tư tại VN; khẳng định quyết tâm tiếp tục hợp tác hiệu quả và thúc đẩy các dự án lớn phát triển hạ tầng cơ sở của VN.

NB tích cực ủng hộ VN trong việc kết hợp chặt chẽ giữa tăng trưởng kinh tế, xóa đói giảm nghèo với bảo vệ môi trường để VN phát triển bền vững. Chính phủ NB cũng như phía Chính phủ VN cũng khẳng định sẽ hợp tác để xúc tiến khuôn khổ 3R (tinh giảm, tái sử dụng và tái chế) và giải quyết hợp lý chất thải ở VN, đây cũng là yếu tố cần thiết cho việc bảo đảm môi trường Châu Á và thế giới.

Sự giúp đỡ của chính phủ NB dành cho VN không chỉ dừng lại ở khía cạnh công cuộc xây dựng cơ sở hạ tầng như lĩnh vực điện lực và giao thông mà còn cả ở phần mềm như y tế và phát triển nguồn nhân lực. Vấn đề nan giải hiện nay mà VN đang gặp phải chính là việc vừa phải duy trì sự tăng trưởng về lượng của nền kinh tế, đồng thời vừa phải tiến hành cải thiện về chất đối với cơ chế kinh tế ví dụ như điều chỉnh chênh lệch giữa đô thị và nông thôn, hoàn thiện cơ sở hạ tầng đô thị...

* *Viện trợ ODA của NB vào VN những năm đầu thế kỷ XXI*

Quan hệ tài trợ của NB cho VN trong suốt hơn hai thập niên qua đã trải qua một quá trình với đầy những thăng trầm gắn liền với sự chuyển biến những diện mạo khác nhau của tình hình khu vực, tình hình quốc tế. Bắt đầu từ 1992, sau hơn một thập niên dài viện trợ kinh tế của Nhật vào VN bị "đông cứng", NB đã nối lại viện trợ ODA toàn diện cho VN.

Từ 2000 trở đi nhờ những thành công nhiều mặt trong quá trình đổi mới ở VN cùng với những chiến lược phát triển kinh tế xã hội của nước ta đã tạo ra cơ sở cho những ưu tiên tài trợ ODA của NB vào VN. Hiện nay NB là nước cung cấp viện trợ phát triển ODA lớn nhất cho VN, với tổng số tiền gần 13 tỉ đôla, chiếm 30% tổng số vốn ODA mà cộng đồng quốc tế cam kết dành cho VN. NB còn là một trong những

có vốn đầu tư trực tiếp FDI nhiều nhất và hiệu quả nhất tại VN. Từ năm 2005 đến nay, số dự án đầu tư trực tiếp của NB vào VN tăng nhanh và mạnh mẽ, trên 928 dự án, tạo thành làn sóng đầu tư mới ở VN [www.tapchicongsan.org.vn: *Tạo thêm động lực đưa quan hệ VN - NB lên tầm cao mới*]

Trong chính sách ODA đối với VN, NB tập trung ưu tiên tài trợ trong 5 lĩnh vực: hỗ trợ phát triển cơ sở hạ tầng và nguồn nhân lực; giúp đỡ phát triển ngành giao thông vận tải và điện lực; hỗ trợ phát triển nông nghiệp; ưu tiên cho giáo dục, sức khỏe và dịch vụ y tế; cải thiện môi trường. Trong chuyến thăm NB 12/2007 của Chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết, Chính phủ NB còn quyết định giúp VN thực hiện ba dự án lớn về đường bộ, đường sắt cao tốc Bắc - Nam và khu công nghiệp Hoà Lạc và một số dự án khác có ý nghĩa quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội ở VN trong thời gian tới.

Nhiều nhà phân tích cho rằng việc NB có thiện chí tài trợ cho VN từ 1992 đến nay xuất phát từ những yếu tố trong chính sách ngoại giao Đông Nam Á của NB kể từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, đặc biệt là trong giai đoạn hiện nay khi mà Nhật ngày càng muốn khẳng định vai trò của mình, phát huy ảnh hưởng trong thế giới đa cực, tạo thành thế đối trọng với các cường quốc khác trong khu vực và trên thế giới, đặc biệt là đối với Trung Quốc. Vì thế trong phần mở đầu của Kế hoạch Viện trợ cho VN của chính phủ Nhật được sửa đổi hồi tháng 4/2004, nói rõ như sau: "Trong quan hệ ngoại giao với Trung Quốc của nước ta, VN là một quốc gia quan trọng vì có biên giới tiếp giáp với Trung Quốc" [Thongluan.org: *VN dưới mắt người Nhật*]. VN đóng vai trò làm thế thăng bằng trong quan hệ chính trị, quân sự giữa NB và Trung Quốc hiện nay.

Trong quá trình thực hiện các chính sách viện trợ của NB vào VN phải nhắc đến vai trò không nhỏ của tổ chức ASEAN. Sự cải thiện quan hệ ngoại giao giữa VN và ASEAN là yếu tố có ý nghĩa góp phần thúc đẩy việc nối lại ODA của NB cho VN.

Từ thực tế cho thấy tương lai tài trợ ODA của NB cho VN đầy triển vọng theo thiện chí của hai nước, tuy nhiên cũng còn tùy thuộc vào hiệu quả khai thác ODA của NB từ phía VN. Thu hút ODA từ bên ngoài, đặc biệt là từ NB là một trong những chiến lược quan trọng trong tổng thể các chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của VN.

3. Quan hệ về chính trị

Hàng năm đều có các cuộc gặp cấp cao giữa hai nước. Hai bên cũng đã tạo dựng được cơ chế đối thoại ở nhiều cấp. Ngoài đối thoại chính trị định kỳ ở cấp Thứ trưởng Ngoại giao (từ năm 1993), hai bên cũng đã xây dựng được cơ chế đối thoại kinh tế, an ninh và quốc phòng.

Điểm nổi bật của quan hệ hai nước, đó là NB ủng hộ đường lối Đổi mới, mở cửa của VN, cũng như đã tích cực hỗ trợ VN hội nhập vào khu vực và thế giới như trong tiến trình VN gia nhập vào APEC, WTO, ASEM, ...

Chính phủ NB cũng rất coi trọng quan hệ với VN, lấy lợi ích chung và mục tiêu phát triển lâu dài, bền vững làm nền

tăng. VN cũng tích cực ủng hộ NB làm thành viên thường trực Hội đồng Bảo an Liên Hiệp Quốc mở rộng...

Với sự kiện 16/10/2007 VN chính thức trở thành Thành viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hiệp quốc càng mở ra nhiều cơ hội thuận lợi, nhiều triển vọng hơn trong việc thúc đẩy quan hệ ngoại giao tốt đẹp giữa hai nước, khi mà vị thế VN ngày càng được khẳng định.

Hai bên đã nhất trí rằng việc tăng cường hợp tác chặt chẽ hơn nữa để giải quyết những vấn đề thách thức an ninh truyền thống và phi truyền thống còn tồn đọng mang tính khu vực và thế giới như vấn đề Bán đảo Triều Tiên, vấn đề Eo biển Đài Loan, vấn đề tranh chấp Biển Đông, việc phổ biến vũ khí giết người hàng loạt (WMD)... là quan trọng. 2006 với việc VN phê chuẩn Hiệp ước Cấm thử Vũ khí Hạt nhân Toàn diện (CTBT) đã cho thấy VN sẵn sàng chung tay với NB và các nước khác trong việc duy trì hòa bình thế giới.

Quan hệ Việt - Nhật cũng chịu ảnh hưởng bởi tầm quan trọng của việc tiếp tục hợp tác trong khuôn khổ những mối quan hệ khu vực, trong đó phải kể đến mối quan hệ NB - ASEAN - Mỹ, đặc biệt là Tam giác phát triển VN - Lào - Campuchia. Các Hội nghị cấp cao NB - Campuchia - Lào - Việt trước đây đã đem lại nhiều mặt tích cực trong việc thúc đẩy quan hệ ngoại giao hai nước. Hiện nay nổi lên là mối quan hệ giữa Trung Quốc - ASEAN - NB, quan hệ giữa ba thực thể này chính là những mối quan hệ cơ bản nhất của khu vực, quyết định chiều hướng vận động của quan hệ khu vực hiện nay và trong những năm tới, trong đó VN là nước có vai trò nổi bật trong nhóm cộng đồng ASEAN.

Trong giai đoạn mới hai nước khẳng định lại quyết tâm đẩy mạnh hợp tác và hội nhập kinh tế trên các lĩnh vực ưu tiên cụ thể, hướng tới thiết lập Cộng đồng Đông Á thông qua Hội nghị Cấp cao Đông Á (EAS) và các diễn đàn khác, đồng thời cùng nhau hợp tác trong việc phát triển lưu vực sông Mê Kông. Tiếp tục phối hợp nhằm sớm thực hiện cải tổ Liên hợp quốc, trong đó có Hội đồng Bảo an, đi đôi với việc nâng cao tính hiệu quả và dân chủ hóa trong các hoạt động của tổ chức này trên cơ sở củng cố các nguyên tắc cơ bản của Liên hợp quốc.

Quan hệ hợp tác Việt - Nhật còn được tăng cường đẩy mạnh trong các lĩnh vực khác như lĩnh vực du lịch, lĩnh vực văn hoá, lĩnh vực giáo dục, lĩnh vực y tế, ...

Một hướng đi rõ nét trong hoạt động ngoại giao của VN năm qua là củng cố, hoàn thiện và tạo dựng các khuôn khổ quan hệ đối tác lâu dài, ổn định với các nước, trước hết là với các nước láng giềng khu vực, các đối tác hàng đầu, nhằm tạo điều kiện quốc tế thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Những bước đi liên tục được nâng tầm chiến lược như vậy, đã tạo nền tảng vững chắc, ổn định cho quan hệ giữa hai nước. Những năm gần đây, tuy liên tục có nhiều thay đổi trong Chính phủ NB, nhưng tình hữu nghị giữa hai nước không thay đổi. Chính phủ và nhân dân NB vẫn luôn dành cho VN những tình cảm thân thiện.

4. Kết luận

NB và VN đều là những quốc gia ở khu vực Châu Á, đây là khu vực năng động, nhìn chung mang một đặc điểm nổi bật là đối thoại và hợp tác nhưng vẫn luôn đi liền với cạnh tranh gay gắt và kiểm chế lẫn nhau, trong sâu xa hàm chứa nguy cơ xung đột khá lớn, và điều này không thể không tác động tiêu cực đến an ninh của khu vực, cũng như thế giới nói chung.

Sau khi chiến tranh lạnh kết thúc và nhất là những năm đầu thế kỷ 21 quan hệ quốc tế khu vực có điều kiện mở rộng, xu thế hòa bình, ổn định, hợp tác cùng phát triển hiện nay đã trở thành một xu thế lớn của thời đại, các quan hệ này diễn ra trên nhiều cấp độ và với các hình thức đa dạng khác nhau. Tuy nhiên Đông Á đã đang phải đối mặt với nhiều thách thức an ninh lớn, trong đó có cả vấn đề an ninh truyền thống và an ninh phi truyền thống. Điển hình là những nguy cơ tiềm tàng gây bất ổn, bất an ở Đông Bắc Á và Biển Đông khó mà giải quyết triệt để.

Trong thời đại toàn cầu hoá, quốc tế hoá mạnh mẽ và trở thành xu thế chung không thể đảo ngược, thế giới trở thành "mái nhà chung" của các quốc gia, các nền kinh tế. Vì vậy, dù là siêu cường như Mỹ, các cường quốc như Nhật, Trung Quốc, hay các quốc gia đang phát triển khác, không một quốc gia nào có thể đứng ngoài lề, hoặc đơn phương hành động vì lợi ích riêng của mình.

Thúc đẩy tốt quan hệ VN - NB có ý nghĩa tác động sâu sắc đến việc hoạch định chính sách đối ngoại của hai nước, đặc biệt là trong giai đoạn hiện nay. Đồng thời cũng không thể quên vai trò giữ thăng bằng của yếu tố ASEAN, là động lực của sự hợp tác, liên kết kinh tế, an ninh của khu vực Châu Á, và trong mối quan hệ Việt - Nhật nói riêng. Mấy năm gần đây quan hệ Việt - Nhật được tăng cường mạnh mẽ.

Thời đại mới trong quan hệ Việt - Nhật cũng xuất hiện những mặt thuận lợi và thách thức mới được thể hiện dưới những hình thức đa dạng khác nhau, có thể sẽ tạo ra nhiều diện mạo khác nhau cho cục diện an ninh, ngoại giao giữa hai nước, cũng như toàn khu vực Châu Á nói chung.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- 1) Khoa Đông Phương học 2003: *Kỷ yếu Hội thảo khoa học "NB trong thế giới Đông Á và Đông Nam Á"*. NXB Thành phố Hồ Chí Minh.
- 2) Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế 2008: *Các giá trị NB ở Châu Á*. - Tp.HCM. Trường Đại học KHXH&NV.
- 3) Ngô Xuân Bình (Chủ biên) 2000: *Chính sách đối ngoại của NB thời kỳ sau chiến tranh lạnh*. Hà Nội. NXB Khoa học xã hội.
- 4) Ngô Xuân Bình (Chủ biên) 1999: *Quan hệ NB - ASEAN - Chính sách và tài trợ ODA*. - Hà Nội. NXB Khoa học xã hội.

VAI TRÒ CỦA PHẬT GIÁO NAM TÔNG KHMER TRONG DUY TRÌ VÀ CƯỜNG CỐ TÍNH CỐ KẾT CỘNG ĐỒNG CỦA NGƯỜI KHMER Ở TÂY NAM BỘ

ThS. NGUYỄN THỊ XUÂN

Trường Đại học Ngoại thương, Cơ sở II tại Tp. Hồ Chí Minh

Ngày nhận: 22/5/2023; Ngày sửa: 22/5/2023; Duyệt đăng: 23/5/2023

TÓM TẮT

Phật giáo Nam tông Khmer có mặt ở Tây Nam Bộ từ rất sớm và trở thành tôn giáo chủ lưu của cộng đồng người Khmer từ đó cũng trở thành nhân tố góp phần duy trì và củng cố tính cố kết cộng đồng và thiết lập sự đồng thuận của cộng đồng người Khmer ở Tây Nam Bộ. Bài viết tập trung khái quát về vai trò của Phật giáo Nam tông Khmer trong duy trì và củng cố tính cố kết cộng đồng của người Khmer ở ba khía cạnh: vai trò của ngôi chùa Phật Giáo Nam tông Khmer, vai trò của các sư sãi và những người có uy tín trong cộng đồng, tổ chức xã hội truyền thống của cộng đồng người Khmer.

Từ khóa: Phật giáo Nam tông Khmer, cố kết cộng đồng, Tây Nam Bộ

THE ROLE OF KHMER THERAVADA BUDDHISM IN MAINTAINING AND STRENGTHENING THE COMMUNITY COHESION OF THE KHMER IN THE SOUTH-WESTERN

ABSTRACTS:

Khmer Theravada Buddhism has been present in the Southwestern since a very early age and has become the mainstream religion of the Khmer community. This article focuses briefly on the role of Khmer Theravada Buddhism in maintaining and strengthening the community cohesion of the Khmer people in three aspects: the role of the Khmer Theravada Buddhist temple, the role of monks and prestigious people in the community, and the traditional social organization of the Khmer community

Keywords: Khmer Theravada Buddhism, community cohesion, Southwestern

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đối với cộng đồng xã hội nói chung và cộng đồng các dân tộc nói riêng muốn phát triển ổn định, bền vững cần có những cơ chế cốt lõi nhằm quy tụ, tập trung các thành viên trong cộng đồng. Tôn giáo không chỉ là thực thể xã hội mà tôn giáo còn là hạt nhân của văn hóa cộng đồng, thể hiện tính cộng cảm, tính cộng mệnh giữa cá nhân với cộng đồng đã trở thành chất men cố kết của cộng đồng, đồng thời cũng là nguồn lực lớn đóng góp vào sự ổn định và phát triển của cộng đồng. Đối với cộng đồng người

Khmer ở Tây Nam Bộ thì Phật giáo Nam tông Khmer là tôn giáo có tính biệt truyền và ảnh hưởng đến mọi phương diện của đời sống tinh thần cả cộng đồng. “Thực tế chứng minh, ở đâu tập trung đông người Khmer sinh sống, quần tụ, ở đó có Phật giáo Nam tông, Phật giáo Nam tông không chỉ đáp ứng nhu cầu tâm linh, tinh thần như các tôn giáo khác, mà hơn thế là nhân tố gắn kết, ổn định và phát triển xã hội trong cộng đồng dân tộc Khmer. Ở đây, yếu tố tôn giáo và yếu tố dân tộc hòa quyện chặt chẽ, quan hệ tôn giáo cũng chính là quan hệ tộc người” (Phạm Thanh Hằng, 2022, tr.110). Như vậy, Phật giáo Nam tông Khmer có vai trò rất lớn góp phần củng cố và duy trì tính cố kết cộng đồng của cộng đồng người Khmer ở Tây Nam Bộ.

2. NỘI DUNG

2.1 Vai trò của ngôi chùa Khmer trong duy trì, củng cố tính cộng đồng người Khmer ở Tây Nam Bộ

Trong cộng đồng người Khmer ngôi chùa chính là cầu nối giữa Phật giáo Nam tông Khmer với cá nhân, gia đình và cộng đồng phum, sóc. “Trên cơ sở tính cộng cư có được từ việc tổ chức cuộc sống của các thành viên trong phum sóc, ngôi chùa cùng với các hoạt động của các vị sư và tín đồ đã tạo ra tính cộng mệnh và cộng cảm. Tất cả các yếu tố đó tạo nên tính cố kết cộng đồng bền chặt của phum sóc dân tộc Khmer” (Trang Thiệu Hùng, 2019, tr.180). Ngôi chùa được xem là biểu tượng của cả cộng đồng phum sóc, gắn kết các thành viên của phum sóc trong một số mệnh chung. Tính cộng mệnh và cộng cảm này thể hiện mối quan hệ giữa cá nhân - gia đình - cộng đồng phum sóc tạo nên sức mạnh, sự gắn kết cộng đồng trước những tác động của các yếu tố bên ngoài như thiên tai, dịch họa, văn hóa ngoại lai.

Ngôi chùa Khmer không chỉ là nơi sinh hoạt tôn giáo mà còn là chỗ dựa tinh thần của người Khmer, là nơi “sống gửi thân, chết gửi cốt”. Khi mới chào đời, người Khmer mặc nhiên trở thành Phật tử và ngôi chùa gắn bó với họ trong suốt cuộc đời, lúc sinh ra họ đã được đưa đến chùa để làm lễ cầu an, sau khi chết họ được làm lễ hỏa thiêu, nhập cốt gửi vào chùa. Trong gia đình người Khmer mọi công việc từ to đến nhỏ đều ra chùa xin ý kiến các nhà sư và vào các ngày trai giới, sóc, vọng... đều ra chùa để tụng niệm, cầu bình an.

Ngôi chùa của Phật giáo Nam tông không chỉ là nơi

hành đạo, tu niệm mà còn là trường học dạy chữ cho trẻ em từ lúc các em mới 6,7 tuổi. Song song với hệ thống trường phổ thông các cấp của Nhà nước, "trường chùa" trở thành hệ thống giáo dục thứ hai để dạy chữ, dạy người. Cùng với hệ thống tri thức của giáo dục phổ thông, con em đồng bào Khmer vào chùa còn được học giáo lý, thực hành theo giới luật. Cùng với việc dạy chữ, chùa còn là nơi đào tạo kỹ năng lao động, nhất là kỹ năng xây dựng chùa, sản xuất đồ thủ công mỹ nghệ góp phần đào tạo và duy trì được một đội ngũ có kỹ năng lao động cao không chỉ phục vụ cho xây dựng, tôn tạo chùa mà còn đóng góp cho hoạt động kinh tế của gia đình.

Ngôi chùa của Phật giáo Nam tông là nơi sinh hoạt văn hóa cộng đồng và thư viện để lưu giữ Kinh sách nhà Phật và là bảo tàng của phum, sóc. Mặc dù Phật giáo Nam tông là tôn giáo chủ lưu của người Khmer, song là vùng cư dân nông nghiệp nên người Khmer Tây Nam bộ có một đời sống tâm linh rất phong phú, đa dạng theo tín ngưỡng đa thần với nhiều hình thức tín ngưỡng dân gian chi phối. Vì vậy mà hàng năm vào các ngày lễ, bà con trong phum, sóc tập trung về chùa làm lễ, tổ chức các lễ hội bao gồm cả lễ hội tôn giáo và lễ hội dân tộc như: Lễ Phật Đản, Lễ dâng y, Lễ Chol Chnam Thmay, Lễ Đolta,... Các lễ hội dân tộc và lễ hội văn hóa của đồng bào Khmer không chỉ góp phần bảo tồn bản sắc văn hóa truyền thống mà còn duy trì mối quan hệ tương trợ và tính cố kết cộng đồng góp phần duy trì sự ổn định và phát triển của cộng đồng.

Như vậy, Phật giáo Nam tông đã trở thành một bộ phận hữu cơ góp phần hình thành các giá trị cốt lõi trong văn hóa tinh thần truyền thống của đồng bào Khmer. Mặt khác cũng là yếu tố không chỉ thực hiện chức năng tôn giáo thuần túy mà còn duy trì, bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống và cố kết cộng đồng. Đây chính là cơ sở cho việc xây dựng khối đại đoàn kết trong cộng đồng người Khmer. Tính cố kết cộng đồng ấy có cơ sở là sự cộng cư trong phum sóc với việc xây dựng ngôi chùa là trung tâm của sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo văn hóa của người Khmer ở Tây Nam Bộ. Trải qua những biến động của lịch sử, tính cố kết cộng đồng đã trở thành chất keo kết dính, tạo nên sức mạnh cộng đồng của người Khmer chống lại thiên tai, địch họa đặc biệt là giúp cộng đồng phát huy sức mạnh trong hai cuộc kháng chiến cứu nước.

2.2. Vai trò của chức sắc và những người có uy tín của cộng đồng trong củng cố và duy trì tính cố kết cộng đồng

Trong cộng đồng người Khmer, mọi thành viên trong cộng đồng đều tôn thờ Đức Phật, kính trọng sư sãi. Mỗi khi gia đình gặp hoạn nạn, ốm đau, biến cố trong làm ăn đồng bào Khmer đều cầu mong Đức Phật độ trì. Phật là chỗ dựa tinh thần vững chắc nhất, là đáng thiêng liêng nhất còn các sư sãi là người thay đức Phật để hoàng hóa độ chúng sinh chính và được cả cộng đồng tôn kính. Bên cạnh đó, trong cộng đồng người Khmer còn có những người có uy tín trong cộng đồng người Khmer là những người thầy giáo, nghệ nhân, người thực hiện tốt nghĩa vụ công dân, sống gương mẫu và có đóng góp tích cực với

cộng đồng. Đồng thời, là người có cách ứng xử, giải quyết tốt các mối quan hệ trong gia đình, cộng đồng được người dân trong cộng đồng tin nhiệm và nghe theo. Do đó trong công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước cho đồng bào Khmer cần tranh thủ chức sắc, sư sãi và những người có uy tín trong cộng đồng. Việc giải quyết các công tác tôn giáo nói chung và những vấn đề mới nảy sinh trong đời sống tôn giáo chỉ có thể thành công nếu như chức sắc, sư sãi và người có uy tín trong cộng đồng hiểu biết và chấp hành tốt đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Trong hoạt động giáo dục, đào tạo trong cộng đồng người Khmer, các chức sắc và sư sãi chính là người Thầy hướng đạo vừa là Thầy dạy chữ nghĩa, đạo đức, đào tạo kiến thức, đào tạo nghề, kỹ thuật sản xuất. Các vị chức sắc, sư sãi chính là bậc trí thức trong cộng đồng người Khmer bởi họ nắm những tinh hoa tri thức như chữ viết, nghề thủ công truyền thống, kinh nghiệm sản xuất đã được tích lũy của dân tộc và trong thời gian những thanh niên Khmer tu học trong chùa, những tri thức, hiểu biết này sẽ được truyền dạy. "Bên cạnh tổ chức dạy các nghề truyền thống, những năm gần đây, nhiều sư tăng Khmer đã tích cực học tập, nâng cao trình độ, tiếp thu tiến bộ của khoa học công nghệ và kinh nghiệm sản xuất để truyền đạt, hướng dẫn đồng bào Khmer áp dụng trong thực tiễn đem lại hiệu quả cao trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội" (Hoàng Thị Lan, 2018, tr. 24). Thông qua các hoạt động này giúp họ nâng cao kiến thức và duy trì tiếng nói và ngôn ngữ của dân tộc góp phần bảo tồn và phát huy văn hóa dân tộc.

Các vị chức sắc, sư sãi và những người có uy tín trong cộng đồng đã tích cực vận động đồng bào Khmer cùng với các nhà hảo tâm, các tổ chức xã hội đóng góp tiền cho công tác từ thiện như làm đường giao thông nông thôn, xây cầu, xây dựng lò hỏa táng, mở lớp dạy chữ Pali cho con em đồng bào Khmer. Bên cạnh đó còn tích cực vận động bà con trong phum, sóc tham gia và hưởng ứng các cuộc vận động như: Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư; Thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; Phong trào khuyến học, khuyến tài. Thông qua các phong trào này, Phật giáo Nam tông Khmer nói chung và các chức sắc, sư sãi nói riêng đã đóng góp thiết thực nhằm nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho đồng bào Khmer.

Trong công tác giữ gìn an ninh, trật tự tại địa phương, các vị chức sắc, sư sãi và những người có uy tín trong cộng đồng luôn nắm bắt được tâm tư, nguyện vọng của bà con Khmer, diễn biến tình hình trong phum sóc nhất là những vấn đề bức xúc của địa phương để tham mưu, đề xuất với cấp ủy chính quyền những giải pháp kịp thời, không để nảy sinh phức tạp có tính điểm nóng. Có thể nói, các vị chức sắc, sư sãi và những người có uy tín trong cộng đồng có vai trò rất lớn vào ổn định tình hình an ninh chính trị, xóa dần ý thức hận thù, tư tưởng tự trị, ly khai trong cộng đồng người Khmer thông qua đó góp phần xây dựng niềm tin trong đồng bào Khmer đối với Đảng và Nhà nước.

2.3 Dấu ấn của Phật giáo Nam tông Khmer trong cơ chế quản lý xã hội truyền thống góp phần củng cố tính cố kết cộng đồng người Khmer ở Tây Nam Bộ

Cộng đồng người Khmer vốn là cư dân nông nghiệp lúa nước, để thích ứng với thiên nhiên khắc nghiệt buổi đầu khai phá vùng đất mới họ đã tập hợp thành những khu vực cư trú và tổ chức thành những đơn vị xã hội tự quản truyền thống với hai thiết chế xã hội là phum và sóc. Phum, sóc chính là những đơn vị xã hội tự quản truyền thống được hình thành bởi quan hệ huyết thống, phong tục, nghi lễ của ngôi chùa chi phối. Phum là đơn vị cư trú nhỏ nhất của người Khmer bao gồm 5-7 gia đình cư trú trên dải đất cao, có quan hệ huyết thống, quan hệ hôn nhân với nhau. Người quản lý và chăm lo cho phum là những người có uy tín trong cộng đồng gọi là Mê phum. “Mê phum có trách nhiệm chăm lo công việc nội bộ của phum. Những công việc đó thường nặng về các hoạt động tín ngưỡng tôn giáo, như cúng Nektá, cúng Arák, tổ chức lên chùa trong các ngày lễ, các công việc liên quan đến chu kỳ đời người như cưới hỏi, tang ma, vận động các gia đình giúp đỡ lẫn nhau trong đời sống, sản xuất và sinh hoạt”. (Lâm Văn Rạng, 2014, tr. 75).

Sóc là đơn vị cư trú lớn hơn phum với quy mô giống như làng của người Việt hay Buôn của các dân tộc thiểu số vùng Tây Nguyên. Mỗi sóc sẽ bao gồm nhiều phum và một ngôi chùa, cũng có sóc có hai ngôi chùa được xây dựng khang trang và ở vị trí trung tâm của sóc. Mỗi quan hệ chủ đạo giữa các thành viên trong sóc được thiết lập dựa trên quan hệ mang tính lãnh thổ, láng giềng. Những người đàn ông có uy tín trong cộng đồng, có trình độ học vấn, am hiểu về phong tục tập quán sẽ được bầu vào ban quản trị sóc. Đứng đầu ban quản trị sóc là Mê Sóc do ban quản trị bầu ra. Ban quản trị sóc thực hiện các công việc như giữ gìn trật tự của sóc, phân phối nước làm mùa, thực hiện các nghi lễ vòng đời của các thành viên trong sóc và là cầu nối giữa nhà chùa với con dân của sóc.

Mỗi cá nhân trong cộng đồng chịu sự quản lý của Ban quản trị phum, sóc, họ còn là tín đồ của Phật giáo Nam tông Khmer nên còn chịu sự quản lý của hệ thống tổ chức nhà chùa. Đứng đầu ngôi chùa là Sư Cả cũng là người trụ trì chùa, là người lãnh đạo tôn giáo cao nhất của sóc. Sư cả là người cao tuổi, am hiểu giáo lý, giỏi chữ Phạn và am hiểu văn hóa, truyền thống và phong tục tập quán của người Khmer. “Sư cả được coi là người đại diện cho Đức Phật, nên những lời giáo huấn của họ được nhân dân tôn trọng và thực thi một cách nghiêm túc. Những cuộc tranh chấp, bất hòa của các gia đình Khmer đều được Sư Cả và sư sãi đứng ra giải quyết êm đẹp” (Nguyễn Khắc Cảnh, 2014, tr. 56). Bên cạnh đó, trong mỗi ngôi chùa còn có một hoặc hai sư phó giúp việc cho sư cả, chịu trách nhiệm coi sóc mọi việc trong chùa.

Trong mỗi ngôi chùa Khmer còn có ban quản trị chùa thực hiện nhiệm vụ điều phối mối quan hệ giữa nhà chùa và thành viên của sóc. Ban quản trị chùa thay mặt nhà chùa đứng ra tổ chức, hoạch định các chương trình lễ hội,

giải quyết các vấn đề như chỉnh trang, tu sửa, xây dựng các ngôi chùa. Khi nhà Nguyễn quản lý vùng đồng bằng sông Cửu Long, Bộ máy quản lý hành chính của chính quyền phong kiến ở địa phương như Hương Cả, Hương Chủ, Hương thôn đã thay thế vai trò của các mê phum, mê sóc. “Phật giáo trở thành chỗ dựa chống lại sự đồng hóa của chính quyền phong kiến thực dân. Bộ máy quản lý chùa nổi rộng, ngoài chức năng thuần túy tôn giáo còn đảm nhận chức năng tổ chức và quản lý xã hội” (Nguyễn Khắc Cảnh, 2014, tr.58). Như vậy, tổ chức xã hội truyền thống của người Khmer trước đây là sự kết hợp giữa tổ chức tự quản của cộng đồng cùng với sự tham gia của Ban quản trị chùa. Sự kết hợp giữa hai yếu tố này tạo nên tính đặc thù trong tổ chức xã hội truyền thống của người Khmer. Ngày nay, khi bộ máy hành chính nhà nước có vai trò và ảnh hưởng sâu rộng đến cư dân thì bộ máy quản trị chùa vẫn duy trì và có ảnh hưởng đến thành viên của phum, sóc.

3. KẾT LUẬN

Phật giáo Nam tông Khmer là tôn giáo chủ lưu của cộng đồng người Khmer và mang những nét đặc trưng phản ánh diện mạo văn hóa tinh thần của cộng đồng người Khmer đồng thời chi phối toàn bộ đời sống tinh thần của cả cộng đồng. Đối với cộng đồng người Khmer, ngôi chùa là sợi chỉ đỏ gắn kết tạo nên mối quan hệ bền vững giữa cá nhân - gia đình - phum, sóc góp phần củng cố và duy trì tính cố kết cộng đồng. Bên cạnh đó, tính cố kết cộng đồng còn được thể hiện qua vai trò của chức sắc và những người có uy tín trong cộng đồng Khmer, họ không chỉ thực hiện những hoạt động mang tính tôn giáo mà cả những hoạt động mang tính thế tục như văn hóa, giáo dục và tổ chức các hoạt động chung của cộng đồng. Mặt khác, bộ máy tự quản truyền thống cùng với Ban quản trị chùa đã tạo nên đặc thù trong xã hội của vùng đồng bào Khmer góp phần củng cố, duy trì tính cố kết cộng đồng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- Phạm Thanh Hằng. (2022). *Sự gắn kết dân tộc và tôn giáo của Phật giáo Nam tông Khmer ở Nam Bộ*, Tạp chí Lý luận Chính trị, số 531.
- Trang Thiếu Hùng. (2019). *Phật giáo Nam tông trong văn hóa Khmer Nam Bộ (Trường hợp tỉnh Trà Vinh)*. Hà Nội: Nxb. Khoa học xã hội.
- Nguyễn Khắc Cảnh. (2014). *Yếu tố văn hóa Phật giáo trong cơ chế quản lý xã hội truyền thống phum sóc của người Khmer ở Nam Bộ*. Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo. số 5.
- Lâm Văn Rạng. (2014). *Tổ chức xã hội truyền thống và loại hình cư trú của người Khmer ở Nam Bộ*. Tạp chí Đại học Thủ Dầu Một. số 4.
- Hoàng Thị Lan. (2018). *Chuyển biến của Phật giáo Nam tông Khmer ở khu vực Tây Nam Bộ hiện nay*. Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo. số 9.

XÂY DỰNG PHONG CÁCH LÀM VIỆC TRỌNG DÂN, GẦN DÂN CỦA HỌC VIÊN TRƯỜNG CAO ĐẲNG CẢNH SÁT NHÂN DÂN I TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

ĐẠI ÚY, THS. NGUYỄN THỊ MINH PHƯƠNG

Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân I

Tóm tắt: Xây dựng phong cách làm việc trọng dân, gần dân là một trong những nhiệm vụ quan trọng trong công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho học viên của Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân I. Trong thời gian qua, Đảng ủy, Ban Giám hiệu Nhà trường đã thường xuyên chỉ đạo các đơn vị chức năng, giáo viên khoa giảng dạy cập nhật chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước; đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy lý luận chính trị, nâng cao chất lượng công tác chính trị - xã hội đáp ứng yêu cầu xây dựng đội ngũ học viên khi ra trường thấm nhuần và thực hiện quan điểm trọng dân, gần dân theo lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Từ khóa: Phong cách làm việc, Chủ tịch Hồ Chí Minh, học viên, Công an nhân dân, trọng dân, gần dân.

Ngày nhận: 6/5/2023; Ngày sửa: 10/5/2023; Duyệt đăng: 17/5/2023

1. Phong cách làm việc (hay tác phong công tác) là một bộ phận trong phong cách của con người¹. Phong cách làm việc thể hiện rõ về con người qua mặt cơ bản nhất là hoạt động, qua cách thức làm việc, lao động, công tác hằng ngày. Trong bài thơ Nửa đêm (bài số 100) của tập Nhật ký trong tù, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thể hiện rõ vai trò của hoạt động, làm việc, lao động, công tác trong biểu hiện bản chất của con người. Người viết: “Ngủ thì ai cũng như lương thiện,/ Tỉnh dậy phân ra kẻ dữ, hiền;/ Hiền, dữ phải đâu là tính sẵn, Phần nhiều do giáo dục mà nên”². Qua đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng chỉ rõ vai trò quan trọng, mang tính quyết định của giáo dục (trong đó có tự giáo dục), tức là học tập và rèn luyện qua công tác, qua lao động đối với việc hình thành nên nhân cách con người.

Phong cách làm việc là cách thức làm việc ổn định, mang sắc thái của mỗi người. Phong cách làm việc phụ thuộc vào nhiều yếu tố, như: Phẩm chất chính trị, đạo đức, trình độ, năng lực, khí chất của cá nhân; vị trí, chức năng, nhiệm vụ, điều kiện làm việc, sinh hoạt; sự giáo dục, rèn luyện... Phong cách làm việc của người cán bộ, chiến sĩ công an nhân dân được rèn luyện, hun đúc gần 80 năm qua dưới sự lãnh đạo của Đảng, Bác Hồ hình thành nên những truyền thống vẻ vang của Công an nhân dân, tạo nên hệ giá trị tốt đẹp, nét văn hóa của Công an nhân dân

nói chung và học viên Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân I nói riêng. Trong các nội dung của phong cách làm việc của cán bộ, chiến sĩ công an nhân dân thì nội dung trọng dân, gần dân là quan trọng nhất, đặc sắc nhất. Bởi triết lý hành động, lý tưởng của mỗi người cán bộ, chiến sĩ công an nhân dân là “Vì nước quên thân, vì dân phục vụ”; “Thức cho dân ngủ ngon, gác cho dân vui chơi, lấy hạnh phúc của nhân dân làm niềm vui, lẽ sống của mình”³. Trong giai đoạn hiện nay, sự nghiệp bảo vệ an ninh, trật tự của đất nước chịu tác động của nhiều yếu tố tác động, có tích cực, thuận lợi và cả tiêu cực, khó khăn, đòi hỏi công tác công an cần có nhiều đổi mới về tác phong, cách thức công tác. Trong đó, vấn đề cốt lõi, quan trọng nhất là phải tiếp tục xây dựng, đổi mới phong cách gần dân, trọng dân của cán bộ, chiến sĩ công an nhân dân. Điều này xuất phát từ các lí do cơ bản sau: Trước hết, xuất phát từ truyền thống, hệ giá trị cốt lõi trong văn hóa chính trị của Công an nhân dân. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy: “Công an của ta là Công an nhân dân, vì nhân dân mà phục vụ và dựa vào nhân dân mà làm việc”⁴; Người cũng dạy “Đối với nhân dân, phải kính trọng, lễ phép”. Hai là, từ sự tấn công, chống phá của các thế lực thù địch với âm mưu và hoạt động muốn chia rẽ mối quan hệ gắn bó máu thịt giữa Công an với nhân dân. Các thế lực thù địch và bọn tội phạm với âm mưu, thủ đoạn và phương thức ngày càng tinh vi, xảo quyệt tác động vào nội bộ tổ chức công an, nhằm làm tha hóa đội ngũ cán bộ, chiến sĩ công an nhân dân nhằm phục vụ cho mưu đồ và hoạt động phạm tội của chúng. Ba là, từ tác động mặt trái của kinh tế thị trường, của mở cửa và hội nhập, của tệ quan liêu, tham nhũng, tiêu cực và tệ nạn xã hội do chủ nghĩa cá nhân - “giặc nội xâm” nguy hiểm nhất gây ra, làm cho một bộ phận cán bộ, chiến sĩ công an nhân dân thời gian qua đã không giữ vững bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, mắc vào chủ nghĩa cá nhân ích kỷ, quan liêu, xa dân, vô cảm và nhiều khi xâm phạm đến quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân. Từ đó gây nên sự bức xúc, ảnh hưởng đến niềm tin của nhân dân đối với lực lượng Công an nhân dân. Chính vì những lí do cơ bản nêu trên, ngay từ khi còn ngồi trên ghế Nhà trường, học viên cần nhận thức được tầm quan trọng của việc muốn xây dựng đội ngũ cán bộ, chiến sĩ công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ,

từng bước hiện đại cần thấm nhuần vai trò của nhân dân đối với công tác công an, từ đó xác định xây dựng phong cách trọng dân, gần dân của người cán bộ, chiến sĩ công an nhân dân.

2. Để xây dựng phong cách trọng dân, gần dân của học viên Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân I trong giai đoạn hiện nay cần chú trọng các giải pháp cơ bản sau đây:

Một là, cần tiếp tục chú trọng đến công tác xây dựng bản lĩnh chính trị cho học viên, xây dựng Đảng tại các Chi bộ cơ sở Đảng trong Nhà trường trong tình hình hình mới.

Thực hiện tốt công tác xây dựng bản lĩnh chính trị, xây dựng Đảng trong Nhà trường với các phương hướng cơ bản⁵: (i) Tiếp tục kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng làm “kim chỉ nam” cho công tác xây dựng Đảng trong Công an nhân dân trong mọi điều kiện, hoàn cảnh. (ii) Trong giảng dạy lý luận chính trị cần nghiên cứu, quán triệt, vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào công tác xây dựng Đảng tại các Chi bộ cơ sở Đảng học viên. (iii) Phát huy thành tựu đã đạt được, khắc phục những tồn tại, hạn chế về xây dựng Đảng tại các Chi bộ cơ sở Đảng học viên. (v) Đẩy mạnh xây dựng các tổ chức đảng tại các Chi bộ cơ sở Đảng học viên thực sự trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức, đạo đức, nâng cao chất lượng lãnh đạo, sức chiến đấu của các tổ chức đảng và đảng viên.

Tuyên truyền, vận động học viên tiếp tục thực hiện cuộc vận động “Xây dựng phong cách người Công an nhân dân bản lĩnh, nhân văn, vì nhân dân phục vụ” và thực hiện Chỉ thị số 07/CT-BCA-X11, ngày 26-10-2016, của Bộ trưởng Bộ Công an “Về tăng cường lãnh đạo nâng cao văn hóa ứng xử Công an nhân dân trong tình hình mới” gắn với thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa XII, về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Để thực hiện tốt nội dung này, mỗi tổ chức đảng và lãnh đạo, học viên Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân I cần nhận thức rõ về vai trò, vị trí của việc xây dựng phong cách làm việc trọng dân, gần dân của người cán bộ, chiến sĩ công an nhân dân hiện nay.

Hai là, xây dựng đội ngũ học viên sau khi ra trường thực sự có đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; thực sự gương mẫu, đi đầu trong thực hiện phong cách làm việc gần dân, trọng dân.

Phong cách gần dân, trọng dân của học viên Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân I trước hết cần được thể hiện trong quá trình học tập và rèn luyện trong Nhà trường và sau đó là trong mối quan hệ với nhân dân trong quá trình công tác sau khi ra trường. Các yêu cầu cơ bản cần thực hiện là: (i) Thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, cấp dưới phục tùng cấp trên, đoàn kết, thống nhất nội bộ, tự phê bình và phê bình trên cơ sở tình đồng

chí, đồng đội. (ii) Mỗi chiến sĩ học Công an nhân dân phải gương mẫu, đi đầu, lời nói phải đi đôi với việc làm và luôn là tấm gương sáng về đạo đức, phong cách làm việc phục vụ nhân dân, lối sống tốt đẹp để nhân dân noi theo. (iii) Nghiêm túc kiểm điểm, phòng ngừa, khắc phục sự xuống cấp về đạo đức, phong cách, lối sống của một bộ phận cán bộ, chiến sĩ, kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân, cơ hội, thực dụng, tư tưởng trung bình chủ nghĩa, lợi ích nhóm, xa rời nhân dân, quan liêu và các biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ lớp học. (iv) Lãnh đạo các cấp cần quan tâm đến quản lý đội ngũ cán bộ, chiến sĩ đơn vị; không ngừng giáo dục, rèn luyện phong cách làm việc phục vụ nhân dân, trọng dân, gần dân; kịp thời phát hiện các ưu điểm và chấn chỉnh các biểu hiện tiêu cực trong quá trình tiếp xúc, làm việc với nhân dân của cán bộ, chiến sĩ công an nhân dân. (v) Cần đổi mới trong phong cách lãnh đạo, luôn suy nghĩ và hành động “lấy dân là gốc; dân làm chủ” trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo, chỉ huy thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh, trật tự. Đó là cơ sở để nảy sinh các cách làm hay, hành động đẹp của mỗi tổ chức và mỗi người cán bộ, chiến sĩ công an nhân dân trong mối quan hệ với nhân dân hiện nay.

Ba là, cần tiếp tục đổi mới chương trình, nội dung giáo dục, đào tạo và bồi dưỡng học viên với việc chú trọng đến việc nâng cao năng lực công tác dân vận, hình thành và củng cố phong cách công tác trọng dân, gần dân cho đội ngũ cán bộ, chiến sĩ công an nhân dân.

Giáo dục, đào tạo và bồi dưỡng cho học viên Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân I có vai trò vô cùng quan trọng trong hình thành và phát triển phong cách của cán bộ, chiến sĩ. Trong tình hình hiện nay, giáo dục, đào tạo và bồi dưỡng trong Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân I cần chú ý các vấn đề sau trong xây dựng phong cách làm việc trọng dân, gần dân của cán bộ, chiến sĩ công an nhân dân: (i) Quan tâm nghiên cứu, giảng dạy các kiến thức, kỹ năng cơ bản về công tác dân vận, vận động quần chúng; xử lý các tình huống phức tạp về an ninh, trật tự cơ sở; xây dựng thái độ và phong cách quần chúng, ứng xử lễ phép, tôn trọng nhân dân qua các môn học: giáo dục chính trị, kỹ năng giao tiếp, vận động quần chúng... Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác thực tế chính trị - xã hội, đi dân vận với yêu cầu là nội dung bắt buộc với các chương trình đào tạo, bồi dưỡng và phải được tự đánh giá, kiểm tra như một mục tiêu của chuẩn đầu ra trước khi ra trường, thành phong cách làm việc trọng dân, gần dân, xuất phát từ thực tiễn công tác. Thực tế cho thấy, công tác thực tế chính trị - xã hội luôn được Khoa Lý luận Chính trị, KHXHNV và Tâm lý luôn được chú trọng. Thông qua hoạt động này, học viên vận dụng những kiến thức lý luận vào thực tiễn, thực hành những kiến thức về giáo dục chính trị, kỹ năng giao tiếp, vận động quần chúng một cách sâu sắc nhất. (ii) Các chương trình, môn học cần thiết kể gắn với yêu cầu hình phương pháp giảng dạy, học tập hướng đến việc phát huy năng lực tự giác của bảo vệ an ninh, trật tự và xây dựng lực lượng Công an nhân dân. (iii) Đổi mới người

học, hình thành phương pháp tự học; lấy việc xây dựng phẩm chất đạo đức, phong cách làm việc khoa học, trọng dân, gần dân làm một trong những vấn đề quan trọng cần quan tâm.

Bốn là, quan tâm đổi mới công tác tuyên truyền, xây dựng hình ảnh người cán bộ, chiến sĩ công an nhân dân “vì nước quên thân, vì dân phục vụ”.

Để nâng cao hiệu quả xây dựng phong cách của học viên Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân I trong tình hình hiện nay không thể không quan tâm đến công tác truyền thông, nâng cao hiệu quả của công tác tuyên truyền, xây dựng hình ảnh người cán bộ, chiến sĩ công an nhân dân trong xã hội và trong lòng nhân dân. Trong đó, cần chú ý những nội dung cơ bản sau: (i) Có chiến lược, kế hoạch trong đổi mới nội dung tuyên truyền về hình tượng, hình ảnh người cán bộ, chiến sĩ công an nhân dân hiện nay. Trong đó, nêu bật được vị trí, vai trò và chiến công anh dũng, nhiều khi là thầm lặng của biết bao thế hệ cán bộ, chiến sĩ công an nhân dân vì bình yên của cuộc sống, hạnh phúc của nhân dân. (ii) Phát huy vai trò của các phương tiện truyền thông, nhất là truyền thông hiện đại, trong việc tuyên truyền các gương chiến đấu, hy sinh anh dũng, thầm lặng của các cán bộ, chiến sĩ công an nhân dân trong cuộc đấu tranh bảo vệ an ninh, trật tự. Phân tích làm rõ các vụ việc lợi dụng dân chủ để chia rẽ mối quan hệ gắn bó máu thịt giữa Công an với nhân dân; đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch nhằm bôi nhọ, nói xấu, hạ uy tín của Công an nhân dân. (iii) Xây dựng, đổi mới và nâng cao hiệu quả các diễn đàn, kênh thông tin liên lạc với các tầng lớp nhân dân để lắng nghe nhân dân nói về Công an nhân dân; để nhân dân góp ý, giúp đỡ cho công tác công an; để nhân dân phê bình, sửa chữa đối với những hạn chế, khuyết điểm cũng như nắm bắt dư luận xã hội về đội ngũ cán bộ, chiến sĩ công an.

Năm là, phát huy vai trò, ý thức tự giác, tinh thần trách nhiệm của mỗi học viên trong việc xây dựng phong cách trọng dân, gần dân trong giai đoạn hiện nay.

Để xây dựng được phong cách trọng dân, gần dân đòi hỏi mỗi học viên phải luôn nâng cao ý thức tự giác, trách nhiệm, tự khép mình vào kỷ luật, kỷ cương, pháp luật, có ý thức tự phấn đấu, tự điều chỉnh hành vi, tác phong công tác của mỗi người. Đây là nhân tố chủ quan, có tác động trực tiếp tới sự hình thành phong cách của bản thân họ, không ai có thể làm thay được. Môi trường và hoàn cảnh dù có thuận lợi; người lãnh đạo, chỉ huy dù có quan tâm, gương mẫu bao nhiêu, nhưng nếu từng người không chủ động, nỗ lực tự giáo dục, tự đào tạo chính mình thì cũng không thể hình thành được phong cách làm việc của người công an cách mạng. Để phát huy vai trò, ý thức tự giác, tinh thần trách nhiệm của mỗi học viên trong việc xây dựng phong cách trọng dân, gần dân trong giai đoạn hiện nay cần chú trọng các nội dung sau: (i) Chú trọng xây dựng thể chế, cơ chế, chính sách, kể cả việc hoàn thiện bộ quy tắc ứng xử, các quy định cụ thể, rõ ràng về chế tài, thực hiện chế độ

khen thưởng, kỷ luật đúng đắn, công bằng, nghiêm minh liên quan đến việc xây dựng phong cách trọng dân, gần dân, phục vụ nhân dân, coi đây là những căn cứ, cơ sở quan trọng để xây dựng phong cách người công an nhân dân trong mỗi cơ quan, đơn vị. (ii) Quan tâm đến việc xây dựng văn hóa tổ chức trong mỗi cơ quan, tổ chức Công an nhân dân với nội dung giá trị cốt lõi là Sáu điều Bác Hồ dạy Công an nhân dân, coi đó như cái “cây gậy vô hình” để mỗi học viên tự giác hình thành nên phong cách làm việc trọng dân, gần dân. (iii) Quan tâm khơi dậy tính tự giác, tự trọng và tự tin của mỗi cán bộ, chiến sĩ công an nhân dân trong quá trình công tác, làm việc với nhân dân; hình thành nên ở họ sự tôn trọng, tình cảm, niềm tin vào sức mạnh của nhân dân; sự gắn bó, sẻ chia với nhân dân, để từ đó hình thành, củng cố vững chắc mối liên hệ gắn bó với mật thiết với nhân dân. Từ đó mới xây dựng được phong cách trọng dân, gần dân bền vững.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN:

¹ GS Đặng Xuân Kỳ (Chủ biên), *Phương pháp và phong cách Hồ Chí Minh*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội, 2004, tr. 133.

² Hồ Chí Minh, *Nhật ký trong tù*, Nxb Văn học, Hà Nội, 2004, tr. 170-171.

³ Trần Quốc Hoàn, *Một số vấn đề về đấu tranh chống phản cách mạng*, Viện Nghiên cứu khoa học công an, Hà Nội, 1975, tr. 477.

⁴ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Tập 5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr. 498.

⁵ Đại tướng, GS.TS Tô Lâm (Chủ biên), *Xây dựng Đảng trong Công an nhân dân theo tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2020, tr. 191-192.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. GS Đặng Xuân Kỳ (Chủ biên), *Phương pháp và phong cách Hồ Chí Minh*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội, 2004, tr. 133.

2. Hồ Chí Minh, *Nhật ký trong tù*, Nxb Văn học, Hà Nội, 2004, tr. 170-171.

3. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Tập 5, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, tr. 498.

4. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Tập 6, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, tr. 327.

5. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Tập 6, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, tr. 425.

6. Đại tướng, GS.TS Tô Lâm (Chủ biên), *Xây dựng Đảng trong Công an nhân dân theo tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2020, tr. 191-192.

7. Trần Quốc Hoàn, *Một số vấn đề về đấu tranh chống phản cách mạng*, Viện Nghiên cứu khoa học công an, Hà Nội, 1975, tr. 477.

NÂNG CAO HIỆU QUẢ HUẤN LUYỆN PHẦN CHIẾN THUẬT VÕ CÔNG AN TẠI HỌC VIỆN AN NINH NHÂN DÂN

THS. NGUYỄN TRÁC LINH

Khoa QSVT-TDĐT- Học viện An ninh

Võ thuật Công an nhân dân là nội dung học tập bắt buộc đối với mỗi học viên Học viện An ninh nhân dân, nội dung giảng dạy gồm phần cơ bản và phần chiến thuật. Để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đặt ra hiện nay, việc thực hành thành thạo phần chiến thuật các tình huống đối kháng cho toàn lực lượng Công an nói chung và học viên Học viện An ninh nhân dân nói riêng là rất cần thiết.

Ngày nhận: 4/5/2023; Ngày sửa: 7/5/2023; Duyệt đăng: 10/5/2023

Thực tiễn công tác bảo vệ An ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội của lực lượng Công an hiện nay ngày càng rất phức tạp. Tình hình tội phạm diễn ra căng thẳng, sẵn sàng sử dụng hung khí đánh người, trốn chạy, chống người thi hành công vụ. Trước tình hình đó, lãnh đạo Bộ Công an đã có chỉ thị về việc tăng cường công tác huấn luyện quân sự, võ thuật trong Công an nhân dân đáp ứng yêu cầu tình hình mới. Học viên An ninh nhân dân là nơi đào tạo đầu ngành sĩ quan an ninh cho toàn lực lượng, là nơi bước đầu huấn luyện học viên trở thành người chiến sĩ Công an bảo vệ An ninh quốc gia, giữ gìn an toàn trật tự xã hội. Trước tình hình trên Ban giám đốc học viện đã không ngừng quan tâm, chỉ đạo, đầu tư cho công tác giảng dạy môn võ thuật Công an nhân dân, đặc biệt là nội dung huấn luyện phần chiến thuật võ Công an nhằm nâng cao hiệu quả phán đoán tình huống chiến đấu đối kháng cho học viên, từ đó đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ Công an trong tình hình mới.

Võ thuật Công an nhân dân là môn học đặc thù, chủ yếu là thực hành được chia thành hai học phần, học phần cơ bản và học phần chiến thuật. Đây là nội dung khó, người học cần phải được rèn luyện thường xuyên, có sức khỏe tốt, bản lĩnh và ý chí vững vàng. Học viên học viện An ninh nhân dân được tuyển chọn đầu vào rất kỹ lưỡng, có trình độ học lực khá trở lên, sức khỏe tốt, chấp hành nghiêm điều lệnh đảm bảo cho việc hoàn thành xuất sắc nội dung chiến thuật võ thuật Công an.

Phần chiến thuật võ Công an bao gồm nhiều tình huống diễn biến từ thực tế công tác đấu tranh tội phạm của ngành, các tình huống được phân thể linh hoạt nhằm ngăn chặn, đánh bắt các loại tội phạm, đặc biệt là tội phạm nguy hiểm cho xã hội. Bên cạnh đó, phần chiến

thuật có ứng dụng các các tình huống đánh đối kháng khi đối tượng cầm vũ khí, hung khí chống người thi hành công vụ nhằm bảo vệ cho cán bộ, chiến sĩ Công an. Chính vì vậy, việc giảng dạy môn võ thuật Công an nhân dân nói chung và nội dung chiến thuật nói riêng tại Học viện an ninh nhân dân luôn cần được đầu tư chú trọng. Thời gian qua thực trạng huấn luyện phần chiến thuật võ Công an tại Học viện An ninh nhân dân đã đạt được những thành tựu cụ thể sau:

Trước hết phải khẳng định rằng, Học viện An ninh nhân dân luôn quan tâm tạo những điều kiện tốt nhất cho việc giảng dạy nội dung này đạt hiệu quả cao. Bằng chứng là Trường có đội ngũ giảng viên giảng dạy dày dặn kinh nghiệm và nhiệt huyết, yêu nghề. Đồng thời, đây là một môn học thực hành do vậy luôn tạo được sự hứng thú, niềm say mê cho học viên. Mặc dù nội dung này đòi hỏi sự nỗ lực, ý chí, quyết tâm, sự kiên trì, năng lực cũng như ý thức kỉ luật cao, tuy nhiên 100% học viên luôn hăng hái và nghiêm túc khi tham gia học tập, không có học viên lười biếng, ỉ lại. Bên cạnh đó, việc đánh giá kiểm tra nội dung này luôn được tổ chức một cách nghiêm túc, khách quan. Cùng với sự giảng dạy nhiệt tình của giảng viên và tinh thần hăng hái học tập, học viên Học viện luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ học tập của môn học này.

Tuy nhiên cũng không thể phủ định rằng, việc giảng dạy và học tập nội dung chiến thuật võ Công an tại Học viện An ninh nhân dân còn gặp nhiều khó khăn và hạn chế cần được quan tâm đầu tư khắc phục.

Một là, về điều kiện sân bãi để luyện tập.

Là môn học thực hành, nên đối với nội dung chiến thuật võ Công an thì sân bãi là một điều kiện không thể thiếu để học viên tập luyện. Tuy nhiên, tại Học viện An ninh, sân bãi luyện tập của nội dung này còn chưa đảm bảo về chuyên môn. Nội dung này thường được giảng dạy tại phòng tập và sân vận động C500. Trong đó, phòng tập có diện tích hẹp, thiếu không khí ngoài trời, một lần luyện tập chỉ có thể đảm bảo được 1 lớp; trong khi đó, số lượng học viên của mỗi trung đội là khá đông và có rất nhiều trường hợp nhiều trung đội học viên cùng học tập nội dung này vào 1 buổi. Tại phòng tập, giảng viên chỉ bố trí được 3 hàng ngang nên việc chỉnh sửa trong quá trình tập luyện gây khó khăn. Địa điểm học tập thứ hai là tại sân vận động, đây là nơi có sự tham

gia học tập của nhiều bộ môn khác như quân sự, diễn kinh, thể thao tự chọn,... sân bãi rộng nhưng nền cỏ nhân tạo dễ ảnh hưởng đến chấn thương cho người tập. Do vậy, mặc dù chất lượng sân tập tốt hơn tại phòng tập nhưng cũng không thể tránh được sự đan xen, ảnh hưởng, khó khăn nhất định.

Hai là, về dụng cụ trực quan

Việc giảng dạy và học tập nội dung này từ trước tới nay vẫn thường là dạy truyền thống, học theo hướng dẫn trong khi thực tế phần chiến thuật phải đảm bảo đầy đủ dụng cụ, phương tiện dạy học như dao, gậy, súng cao su, hình ảnh, video minh họa... thậm chí giảng viên cần áp dụng công nghệ thông tin bài giảng, tài liệu cho người học trên trang web cá nhân để học viên nghiên cứu nội dung trước khi lên lớp.

Ba là, về phương pháp giảng dạy

Việc giảng dạy vẫn còn mang nhiều yếu tố truyền thống, chủ yếu kế thừa kinh nghiệm, tài liệu về chiến thuật, tư thế di chuyển, vận động, đánh bắt... Kinh tế, xã hội phát triển kéo theo tình hình tội phạm diễn biến phức tạp, việc đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy đáp ứng yêu cầu bảo vệ An ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội của lực lượng an ninh ngày càng cấp thiết. Giảng viên vẫn chủ yếu dựa vào giáo trình cũ để huấn luyện, có đổi mới nhưng chưa sát với tình hình hình thực tế đặt ra. Bài tập huấn luyện có nâng cao nhưng phương pháp chưa được thống nhất dẫn đến trình độ nhận thức của học viên chưa đồng đều.

Bốn là, về chương trình giảng dạy

Mặc dù là một môn học có tầm quan trọng đặc biệt không thể phủ định nhưng cho đến nay, môn học võ thuật Công an nhân dân nói chung và nội dung chiến thuật võ Công an nói riêng vẫn chưa có một chương trình giảng dạy cụ thể cho phần này, như chưa có giáo trình riêng phần chiến thuật cho học viên nghiên cứu chi tiết và đầy đủ. Điều này gây ảnh hưởng, khó khăn cho học viên trong việc tự nghiên cứu học tập. Nhất là việc luyện tập chủ yếu dựa vào trí nhớ, do vậy những động tác bị quên hay chưa rõ thì không có tài liệu để đọc lại dẫn đến việc mất thời gian để giảng viên hướng dẫn lại và hiệu quả luyện tập cũng như kết quả kiểm tra đều bị ảnh hưởng.

Năm là, về thời lượng giảng dạy

Hiện nay, Học viện An ninh nhân dân thực hiện đào tạo theo hệ thống tín chỉ. Do vậy thời lượng giảng dạy của các môn học đều giảm xuống mà chủ yếu là do học viên tự tìm tòi, nghiên cứu trước khi ra lớp. Môn học võ thuật Công an chia làm 2 học phần, học phần một giảng dạy trong vòng 86 tiết, học phần hai là 75 tiết. Nội dung chiến thuật được phân phối ít thời gian để học tập, do vậy, những động tác tư thế không thể được trình bày một cách cụ thể, tỉ mỉ nhất.

Những hạn chế trong việc dạy và học nội dung này xuất phát từ nhiều nguyên nhân khách quan. Cần thiết hơn nữa sự quan tâm, chỉ đạo của các cấp lãnh đạo Bộ Công an,

Ban giám đốc Học viện An ninh nhân dân để nội dung huấn luyện chiến thuật võ Công an đạt được kết quả tốt nhất đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Đứng trước tình hình thực trạng cũng như những hạn chế của công tác huấn luyện nội dung chiến thuật võ Công an, đề xuất một số giải pháp cụ thể như sau:

Một là, Đảng, Nhà nước, Bộ Công an cần quan tâm đầu tư hơn nữa tới công tác dạy và học nội dung chiến thuật võ Công an bằng cách đề ra các chủ trương, chính sách và có sự đầu tư đối với nội dung này.

Hai là, Học viện thường xuyên quan tâm chăm lo hơn nữa đến việc học tập và giảng dạy chiến thuật võ Công an, cụ thể hóa bằng việc đầu tư sân bãi, không gian luyện tập, dụng cụ trực quan và đội ngũ giảng viên có kinh nghiệm, đủ về số lượng, chất lượng phục vụ tốt công tác giảng dạy này.

Ba là, các giảng viên chủ động nghiên cứu, xây dựng giáo trình, tài liệu riêng cho nội dung này một cách cụ thể, phong phú, đa dạng các tình huống đề xuất cấp trên xét duyệt để đi vào sử dụng. Từ đó, học viên có điều kiện tham khảo, nghiên cứu thêm ngoài giờ học cũng như áp dụng bằng hình thức câu lạc bộ võ thuật.

Bốn là, không ngừng đổi mới nội dung, phương pháp dạy học, kết hợp dụng cụ công nghệ thông tin trong bài giảng để học viên tiếp cận một cách nhanh nhất, vừa đảm bảo được chất lượng, hứng thú vừa đáp ứng được yêu cầu thực tế đặt ra hiện nay. Xây dựng các bài tập từ dễ đến khó và ứng dụng để học viên tiếp thu đầy đủ, tránh được những chấn thương xảy ra.

Năm là, học viên cần nhận thức đúng, có thái độ học tập tốt và rèn luyện đúng đắn, tích cực từ thực hành chậm đến thành thạo mọi tình huống đặt ra.

Sáu là, phối hợp với Phòng Quản lý học viên, Đoàn Thanh niên Học viện để thường xuyên tổ chức các câu lạc bộ, phong trào thanh niên tập luyện ngoài giờ rèn luyện thể lực, cọ sát chuyên môn tránh ỉ lại, thụ động.

Kết luận

Nội dung chiến thuật võ Công an có ý nghĩa rất quan trọng, là kiến thức mà mỗi học viên Học viện An ninh cần phải trang bị. Để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ được giao trong tình hình mới đòi hỏi mỗi học viên phải cố gắng rèn luyện, học tập hơn nữa để bảo vệ An ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội mà Đảng, Nhà nước và Bộ Công an giao cho.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- ¹ Giáo trình Võ thuật Công an Nhân dân xuất bản năm 2008
- ² Tập bài giảng Võ thuật Công an Nhân dân năm 2017.
- ³ Báo cáo tổng kết 15 năm thành lập Câu lạc bộ Võ Công an tại Học viện An ninh Nhân dân

KINH NGHIỆM GIẢNG DẠY CỦA GIẢNG VIÊN KHOA QUÂN SỰ, VÕ THUẬT VÀ THỂ DỤC THỂ THAO CHO HỌC VIÊN HỆ AN TOÀN THÔNG TIN HỌC VIỆN AN NINH NHÂN DÂN

THIẾU TÁ, TS. ĐINH VĂN HẠNH

Giảng viên Khoa QSVT-TDĐT

Ngày nhận: 25/4/2023; Ngày sửa: 7/5/2023; Duyệt đăng: 10/5/2023

Học viện An ninh nhân dân (ANND) là cơ sở giáo dục đại học hàng đầu của ngành Công an đào tạo sĩ quan an ninh, với gần 80 năm xây dựng, phấn đấu và phát triển. Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng ủy Công an Trung ương, lãnh đạo Bộ Công an, Học viện ANND luôn chủ động, sáng tạo vận dụng các quy định của Đảng, Nhà nước, của Ngành Công an trong xây dựng các đề án, chương trình, kế hoạch xây dựng Học viện phát triển toàn diện, trở thành địa chỉ đào tạo tin cậy, có uy tín trong toàn ngành.

Những năm qua, Đảng ủy, Ban Giám đốc Học viện luôn quan tâm chỉ đạo và tổ chức thực hiện đổi mới nội dung, phương pháp dạy và học, cách kiểm tra, đánh giá... đến đa dạng hóa các loại hình đào tạo. Trong đó, đào tạo học viên hệ an toàn thông tin là một trong những ưu tiên hàng đầu, góp phần đào tạo nguồn nhân lực công nghệ thông tin cho lực lượng nói riêng, sự nghiệp bảo vệ an ninh quốc gia nói chung. Chương trình đào tạo đại học an toàn thông tin tại Học viện ANND về cơ bản vẫn theo chương trình đào tạo chung, tuy nhiên, chuẩn đầu ra cao hơn so với đào tạo đại trà, đặc biệt là trình độ ngoại ngữ và tin học. Cho nên, nhà trường luôn chuẩn bị kỹ lưỡng, chu đáo về mọi mặt, từ giảng viên, cán bộ quản lý đến chương trình môn học. Đến nay, học viện đã đào tạo được 5 khóa hệ đào tạo an toàn thông tin, góp phần quan trọng vào công tác xây dựng lực lượng bảo vệ an ninh quốc gia.

Chương trình giảng dạy cho học viên Học viện ANND có nhiều nội dung, trong đó, các môn Quân sự, Võ thuật, Thể dục thể thao (QSVT, TDĐT) là những môn học thuộc khối kiến thức cơ sở của nhóm ngành và ngành trong chương trình khung giáo dục Đại học An ninh và là những môn học có vai trò quan trọng, chiếm thời lượng học tập lớn. Các môn QSVT, TDĐT không chỉ trang bị cho sinh viên kỹ thuật chiến đấu, mà còn nâng cao thể chất, sức khỏe, bản lĩnh chiến đấu, ý thức kỷ luật nhằm góp phần vào rèn luyện nhân cách người chiến sĩ Công an nhân dân. Học tập và rèn luyện QSVT, TDĐT là điều kiện cần thiết để sinh viên Học viện ANND phát triển thể lực, hình thành những kỹ năng, kỹ xảo vận động cần thiết đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ công tác sau này. Vì vậy, việc nâng cao chất lượng giảng dạy môn QSVT, TDĐT trong Học viện ANND là trách nhiệm, nghĩa vụ của

mỗi giảng viên trong Khoa. Được sự quan tâm chỉ đạo kịp thời của cấp Ủy, lãnh đạo khoa cũng như sự cố gắng nỗ lực của đội ngũ giảng viên trong khoa, công tác giảng dạy đã có những bước phát triển rõ rệt, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của công tác giảng dạy cho học viên Học viện ANND nói chung, hệ an toàn thông tin nói riêng.

Quá trình giảng dạy cho đối tượng học viên hệ an toàn thông tin, giảng viên Khoa QSVT, TDĐT đã nỗ lực không ngừng, khắc phục khó khăn, chủ động đề xuất ứng dụng nhiều biện pháp, phương pháp trong giảng dạy mang tính đặc thù như: các phương pháp tập luyện có định mức chặt chẽ lượng vận động, các phương pháp sử dụng lời nói và phương tiện trực quan, các trò chơi và phương pháp thi đấu. Bên cạnh đó, dưới sự chỉ đạo sát sao của Lãnh đạo, Cấp ủy, giảng viên Khoa QSVT, TDĐT đã nghiên cứu, áp dụng nhiều nội dung đổi mới, áp dụng nhiều sáng kiến trong giảng dạy cụ thể:

Đối với nội dung Giáo dục Quốc phòng đã có những sáng kiến như: Áp dụng kỹ thuật vận động trong bắn súng ngắn quân dụng bằng hai tay; áp dụng các bài tập nâng cao khả năng ngắm trúng, ngắm chụm trong bắn súng tiểu liên AK bài 1; sử dụng bia nhỏ, hộp tiếp đạn cải tiến để nâng cao hiệu quả giảng dạy...

Đối với nội dung Võ thuật Công an nhân dân đã có những sáng kiến như: Sử dụng các bài tập với dây cao su để phát triển sức mạnh tốc độ trong tập luyện các bài Kỹ thuật tấn công bằng nắm tay, Kỹ thuật gạt đỡ, Kỹ thuật tấn công bằng chân, Kỹ thuật đánh giằng co; sử dụng các bài tập với lớp cao su, trọng lượng phụ để phát triển sức mạnh trong tập luyện bài Kỹ thuật tấn công bằng nắm tay; sử dụng bài tập với mô hình để nâng cao và hoàn thiện Kỹ thuật tấn công bằng nắm tay, đổi mới nội dung bài Tình huống đối kháng...

Đối với nội dung Giáo dục Thể chất đã có những sáng kiến như: Sử dụng các bài tập để phát triển sức mạnh trong nội dung diễn kinh; sử dụng bài tập với dây cao su để phát triển sức mạnh trong nội dung Bơi ếch; sử dụng bài tập với phao nổi để nâng cao hiệu quả giảng dạy nội dung bơi ếch; đổi mới ứng dụng bơi bao gói trong nội dung Bơi ếch.

Trong quá trình tham gia công tác đào tạo học viên hệ an toàn thông tin, Khoa QSVT, TDĐT đã gặp một số khó khăn như:

Số lượng giảng viên của khoa tương đối nhiều nhưng chủ

yếu ở độ tuổi còn trẻ, có nhiều nỗ lực, nhiệt huyết nhưng còn thiếu kinh nghiệm trong giảng dạy. Đa số các giảng viên tốt nghiệp các trường Đại học khác nhau với các chuyên ngành khác nhau như Thể thao, Quân sự, Võ thuật,... nên cần có sự thống nhất trong phương pháp giảng dạy.

Cơ sở vật chất đã được quan tâm đầu tư, song còn thiếu và chưa đảm bảo chất lượng so với nhu cầu thực tế hiện nay. Hiện nay, khoa đã được trang bị nhà tập, phòng học chuyên dùng có trang bị đầy đủ trang thiết bị phục vụ cho việc giảng dạy. Tuy nhiên, việc giảng dạy các môn học thực hành chủ yếu là ngoài trời nên gặp không ít khó khăn, nhất là những ngày mưa, nắng nóng... ảnh hưởng không nhỏ đến công tác giảng dạy nói chung. Sân tập thể thao ngoại khóa dành cho sinh viên bị hạn chế về thời gian, trang thiết bị...

Để nâng cao hiệu quả công tác giảng dạy môn QSVT, TDTT cho hệ an toàn thông tin tại Học viện ANND, rút ra một số kinh nghiệm như sau:

Một là, Không ngừng nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy của giảng viên. Áp dụng các sáng kiến, cải tiến vào giảng dạy phù hợp với yêu cầu thực tiễn đặt ra

Các giảng viên phải luôn chủ động tìm tòi, nghiên cứu những đổi mới về nội dung và phương pháp giảng dạy, sau đó được đưa ra Tổ chuyên môn khóa nghiệm, đánh giá, thống nhất, đồng thời tham khảo ý kiến của các giảng viên có kinh nghiệm. Trong thực tế, có những nội dung đổi mới khi đưa vào nội dung bài dạy, cần phải tiến hành thực nghiệm trước xem có hiệu quả không, có thể vận dụng được trong thực tiễn hay không, sau đó mới xem xét đưa vào nội dung đổi mới trong bài dạy thực tế.

Biết vận dụng các nguyên tắc mang tính đặc thù phù hợp trong giảng dạy các môn học thực hành như: Nguyên tắc đối xử cá biệt, nguyên tắc trực quan, nguyên tắc tăng tiến... các nguyên tắc trên phải vận dụng phù hợp với khả năng tiếp thu và khả năng phối hợp vận động của sinh viên mới có thể nâng cao chất lượng giảng dạy.

Kết hợp chặt chẽ phương pháp thị phạm với sử dụng phương tiện trực quan trong giảng dạy các môn thực hành tạo cho sinh viên sự hứng thú, dễ tiếp thu các kỹ thuật động tác. Hình thành động cơ học tập đúng đắn, giúp cho học viên hiểu đúng mục đích, ý nghĩa của môn học. Qua đó, giúp các em giảm bớt sự căng thẳng mệt mỏi trong học tập, hiểu và tập luyện đúng phương pháp, đúng kỹ thuật động tác. Trên cơ sở đó, hình thành động cơ học tập đúng đắn và tạo được hứng thú đối với môn học. Với đặc thù là môn học chủ yếu tập trên sân tập, mang tính vận động nên mục đích thực hiện yêu cầu của môn học là rèn luyện và nâng cao sức khỏe, đặc biệt là bồi dưỡng ý thức kỷ luật, tác phong khắt khe, linh hoạt tinh thần dũng cảm, khắc phục khó khăn...

Căn cứ vào đặc điểm phát triển tố chất cơ thể: Sức nhanh, sức mạnh, sức bền, linh hoạt, khéo léo của sinh viên để có những bài tập, lượng vận động phù hợp..., đáp ứng yêu cầu rèn luyện ý chí vượt khó, không ngừng cố gắng vươn lên của học viên hệ đào tạo an toàn thông tin.

Hai là, có kế hoạch phù hợp với tình hình, đặc điểm của

khoa để thực hiện tốt công tác nâng cao trình độ của đội ngũ giảng viên. Tiến hành phân loại đội ngũ giảng viên, dựa vào tiêu chuẩn chức danh, khả năng của từng giảng viên và yêu cầu đào tạo, bồi dưỡng phù hợp để giúp giảng viên xây dựng và hoàn thành lộ trình tham gia các cuộc thi dạy giỏi do Học viện tổ chức hàng năm. Phân công Lãnh đạo chịu trách nhiệm theo dõi, chỉ đạo tổ chức công tác dạy giỏi từ các tổ chuyên môn và phân công giảng viên có kinh nghiệm kèm cặp, giúp đỡ giảng viên trẻ. Bản thân mỗi giảng viên cần xây dựng kế hoạch cụ thể cho công tác dạy giỏi của mình trong năm học; nội dung dạy giỏi phải được giảng viên chuẩn bị kỹ lưỡng, có kịch bản chi tiết, thông qua tổ chuyên môn đóng góp, chỉnh sửa và duyệt về nội dung, sau đó mới thông qua tiểu Ban khoa học Giáo dục của khoa đánh giá. Chú ý bồi dưỡng về trình độ chuyên môn, khả năng sư phạm, kinh nghiệm giảng dạy của giảng viên để từ đó vững tin trong phong trào dạy giỏi nói riêng cũng như trong công tác giảng dạy nói chung, trong đó, chú ý sát sao cùng với giảng viên xây dựng các bài dạy giỏi. Cụ thể là, Tổ chuyên môn cần góp ý cụ thể, chi tiết, không làm qua loa, đại khái về lĩnh vực chuyên môn; Lãnh đạo đơn vị, Tiểu ban khoa học Giáo dục của khoa cần đánh giá chính xác, đóng góp, chỉnh sửa những nội dung còn chưa rõ, cần bổ sung... để giúp giảng viên rút kinh nghiệm, trưởng thành hơn trong phong trào dạy giỏi và công tác giảng dạy nói chung.

Bên cạnh việc tích cực tham gia các cuộc thi dạy giỏi hàng năm do Học viện tổ chức, giảng viên cần chú trọng công tác nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đặc biệt là trình độ Ngoại ngữ, đáp ứng yêu cầu đào tạo mang tính hội nhập quốc tế của hệ đào tạo an toàn thông tin.

Ba là, áp dụng có hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin, cơ sở vật chất của khoa, ưu tiên và tạo điều kiện tốt nhất cho các giảng viên trẻ trong việc tìm tòi, sáng tạo các phương pháp giảng dạy mới mẻ, đáp ứng yêu cầu cao của đào tạo học viên an toàn thông tin. Bên cạnh đó, khích lệ giảng viên sáng tạo ra các phương tiện, thiết bị, dụng cụ phục vụ cho nội dung giảng dạy, như sử dụng cát nhồi bóng, dây cao su, lốp cao su, ống nhựa...

Kết luận

Trên đây là một số kết quả và kinh nghiệm được rút ra trong quá trình tham gia hoạt động giảng dạy hệ đào tạo an toàn thông tin. Để tiếp tục nâng cao hiệu quả giảng dạy môn QSVT, TDTT cho hệ an toàn thông tin tại học viện, rất cần đến sự quan tâm, chỉ đạo của Ban Giám đốc Học viện cũng như lãnh đạo Khoa QSVT, TDTT đối với giảng viên thực hiện công tác giảng dạy này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

Giáo trình Võ thuật Công an Nhân dân xuất bản năm 2008

Tập bài giảng Võ thuật Công an Nhân dân năm 2017

Đề cương chi tiết học phần dành cho hệ an toàn thông tin

Điểm tổng kết các môn Quân sự, Võ thuật, thể dục thể thao hệ an toàn thông tin năm học 2019-2020; 2020-2021; 2021-2022.

CÁC NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ PHỤ NỮ TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ

TS. LÊ VĂN BỬU

Khoa Xã hội học. Trường ĐHKHXH và NV TPHCM

Ngày nhận: 22/5/2023; Ngày sửa: 22/5/2023; Duyệt
đăng: 23/5/2023

Mở đầu

“Hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế” là nhằm tạo điều kiện để phụ nữ khởi nghiệp, vươn lên phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo. Hội Liên hiệp Phụ nữ khảo sát, nắm vững hộ nghèo do phụ nữ làm chủ hộ, xây dựng kế hoạch giúp các hộ nghèo. Trên cơ sở khảo sát, nắm bắt tình hình đời sống, việc làm của phụ nữ và nhu cầu của phụ nữ nghèo, phụ nữ có hoàn cảnh khó khăn, các cấp Hội cần tiến hành phân loại hộ nghèo theo từng nguyên nhân để có các giải pháp tác động phù hợp, thiết thực. Trong đó vừa chú trọng tuyên truyền phụ nữ phát huy nội lực, khắc phục tư tưởng an phận, trông chờ ỷ lại, vừa vận động hội viên, phụ nữ đoàn kết, tương trợ giúp đỡ nhau về vốn, ngày công, khoa học kỹ thuật, kinh nghiệm để phát triển kinh tế gia đình. Bên cạnh đó, các cấp Hội phải thường xuyên cập nhật thông tin, chủ động tiếp cận, khai thác các nguồn vốn để hỗ trợ hội viên, phụ nữ xây dựng các mô hình kinh tế phù hợp với điều kiện thực tế của từng hộ gia đình, địa phương [22]

1. Nhóm nhân tố thuộc về môi trường vĩ mô

1.1. Thực trạng phát triển kinh tế

Sự phát triển ổn định của nền kinh tế sẽ kéo theo sự thay đổi của nhiều nhân tố, trong đó có những nhân tố tác động lên vai trò của phụ nữ trong phát triển kinh tế. Trước tiên, sự phát triển kinh tế và xu hướng hội nhập sẽ dần dần làm thay đổi các quan điểm lạc hậu về giới trong dân cư, vai trò của phụ nữ được nâng lên. Sự phát triển kinh tế đặc biệt là ngành công nghiệp dần dần sẽ khiến cho tư liệu sản xuất về đất đai của người nông dân bị thu hẹp, do đó, Nhà nước cần phải có chính sách tạo công ăn việc làm cho lực lượng lao động nông thôn bị thu hồi đất nông nghiệp.

1.2. Văn hóa - xã hội

Phụ nữ trước hết phải lo việc gia đình, con cái. Dù làm bất kỳ công việc gì, thì việc nội trợ vẫn là trách nhiệm của họ, đây là một quan niệm ngự trị ở nước ta từ nhiều năm nay. Sự tồn tại những hủ tục lạc hậu, trọng nam khinh nữ đã kìm hãm tài năng sáng tạo của phụ nữ, hạn chế sự cống hiến của họ cho xã hội và cho gia đình. Phong tục tập quán là một nguyên nhân cơ bản cản trở phụ nữ tham gia vào quá trình phát triển kinh tế. Tuy nhiên hiện nay quan niệm về giới của nước ta đã có những chuyển biến tích cực, vai trò của phụ nữ trong kinh tế gia đình ngày càng được coi trọng và được khẳng định.

1.3. Nhân tố khoa học, kỹ thuật, công nghệ

Sản xuất của hộ gia đình không thể tách rời những tiến bộ khoa học kỹ thuật. Thực tế cho thấy những hộ nhạy cảm với tiến bộ kỹ thuật về giống, công nghệ sản xuất, hiểu biết thị trường, dám đầu tư lớn và chấp nhận những rủi ro trong sản xuất, họ giàu lên rất nhanh. Nhờ có công nghệ mà các nhân tố sản xuất như lao động, đất đai, sinh vật, máy móc và thời tiết khí hậu được kết hợp với nhau để tạo ra sản phẩm nông nghiệp. Như vậy, việc ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật mới vào sản xuất phát triển, thậm chí những tiến bộ kỹ thuật có thể làm thay đổi hẳn trình độ - sản xuất của một vùng.

1.4. Chính sách của Nhà nước

Chính sách của nhà nước bao gồm chính sách về bình đẳng giới, chính sách về khởi nghiệp và chính sách phát triển kinh tế - xã hội nói chung. Những chính sách ấy thể hiện vai trò của nó đối với hỗ trợ về kinh tế giành cho phụ nữ trên hai góc độ.

Chính sách của nhà nước là điều kiện để tạo ra các cú huych về phát triển kinh tế - xã hội, góp phần gián tiếp và trực tiếp tới số lượng việc làm được tạo ra, thu nhập bình quân trên đầu người, và sự phát triển của các thành phần kinh tế. Nhờ đó mà kinh tế-xã hội được cải thiện và phát triển.

Chính sách của nhà nước đưa ra nền tảng hành động cho các hỗ trợ của từng địa phương giành cho phụ nữ.

2. Nhóm nhân tố thuộc về môi trường vi mô

2.1. Nhóm nhân tố thuộc về Hội Liên hiệp phụ nữ

- Trình độ, năng lực làm việc của đội ngũ cán bộ

Nhân tố căn bản chi phối hiệu quả hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế của Hội LHPN chính là trình độ, năng lực làm việc của đội ngũ cán bộ. Nhân tố này quyết định đến khả năng tổ chức hoạt động của Hội (đối với nhóm cán bộ làm công tác quản lý), khả năng triển khai thực hiện các chương trình, chính sách, các phong trào của Hội LHPN (đối với nhóm cán bộ, nhân viên của Hội).

2.2. Nhóm nhân tố thuộc về người phụ nữ

Trình độ học vấn, chuyên môn, khoa học kỹ thuật của người phụ nữ

Theo đánh giá của hầu hết các nghiên cứu về phụ nữ thì trình độ học vấn của phụ nữ đều thấp hơn nam giới. Thực trạng này khiến cho công tác xã hội hóa hoạt động giáo dục, môi trường, dân số rất khó triển khai ở các vùng nông thôn và kém hiệu quả ở khu vực thành thị. Muốn nâng cao dân trí,

xóa đói giảm nghèo thì phải trang bị những kiến thức cơ bản cho người dân đặc biệt là phụ nữ, để họ thay đổi nếp nghĩ, tiếp thu cái mới, từ đó khẳng định vai trò của mình trong gia đình - xã hội.

Phụ nữ bị hạn chế về trình độ kỹ thuật, chuyên môn và sự hiểu biết nên đã gây cho họ không ít khó khăn cho việc nắm bắt các thể chế pháp luật, tìm nguồn vốn, tìm kiếm thông tin, khó khăn trong việc tiếp cận và áp dụng KHKT mới hay các phương tiện hiện đại vào sản xuất và đời sống, do vậy hiệu quả của công việc và năng suất lao động còn thấp cho nên vai trò đóng góp của phụ nữ cho phát triển kinh tế bị hạn chế.

3. Kinh nghiệm hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế tại các địa phương

Bằng nhiều phong trào thi đua thiết thực, nhiều giải pháp sáng tạo, thời gian qua Hội đã thực hiện có hiệu quả các hoạt động hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế, giảm nghèo bền vững, coi đó là nhiệm vụ hết sức quan trọng nhằm từng bước cải thiện, nâng cao chất lượng cuộc sống của chị em phụ nữ, thông qua đó đã thu hút, tập hợp hội viên, đồng thời nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ chức Hội đáp ứng tốt hơn yêu cầu, nhiệm vụ đặt ra trong giai đoạn mới bằng các việc làm thiết thực như:

Hội phụ nữ huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, thường xuyên vận động chị em hưởng ứng phong trào giúp nhau phát triển kinh tế gia đình bằng nhiều hình thức giúp vốn, giống không lấy lãi và đổi công lao động, thành lập các mô hình tiết kiệm, tương trợ, hùn vốn, tham dự tập huấn các lớp chuyển nông hướng dẫn áp dụng khoa học kỹ thuật mới trong trồng trọt, chăn nuôi nhằm mang lại năng suất cao.

Hoạt động của các nguồn vốn do Hội trực tiếp quản lý như: vốn chị em tham gia đóng góp tiết kiệm, vốn ủy thác ngân hàng chính sách, nguồn vốn nhân rồi... đã góp phần cải thiện điều kiện sống của hội viên, nhất là đối với những hộ thiếu vốn phát triển kinh tế, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân ở nông thôn. Tổng số nguồn vốn Hội huy động, quản lý và hỗ trợ cho hội viên trong 2,5 năm là 396.186.401.000đ, hỗ trợ 32.158 lượt hội viên vay để sản xuất, chăn nuôi, buôn bán.

Chương trình hỗ trợ vốn ngày càng mở rộng đối tượng, không chỉ giúp phụ nữ nghèo mà còn đến với phụ nữ dân tộc, tàn tật có hoàn cảnh khó khăn, những hộ gia đình có nhu cầu vay vốn để phát triển kinh tế... Có 100% phụ nữ nghèo làm chủ hộ được Hội giúp đỡ bằng nhiều hình thức như: hỗ trợ vốn, giới thiệu học nghề, giải quyết việc làm, hỗ trợ học bổng cho con, xây dựng mái ấm tình thương... và đã có nhiều phụ nữ vươn lên làm ăn khá.

Công tác quản lý nguồn vốn được đảm bảo chặt chẽ theo đúng quy chế, cho vay đúng đối tượng, sử dụng vốn đúng mục đích, tỷ lệ thu hồi vốn đạt trên 98%. Bên cạnh đó, Hội luôn duy trì sinh hoạt định kỳ của 607 tổ, nhóm tiết kiệm với 18.332 thành viên, thường xuyên lồng ghép tuyên truyền các nội dung phong trào và hoạt động Hội cũng như tổ chức các chuyên đề về tổ chức cuộc sống gia đình, nuôi dạy con ngoan, xây dựng gia đình hạnh phúc, chăm sóc sức khỏe sinh sản, giáo dục giới tính, phòng chống tệ nạn xã hội... đến các thành viên của nhóm.

Phối hợp tổ chức các lớp tập huấn về chuyển giao khoa học kỹ thuật, kỹ năng quản lý sử dụng vốn, chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi, kỹ năng sản xuất kinh doanh cho các thành viên vay nhằm giúp chị em nâng cao kiến thức, áp dụng vào thực tiễn đạt hiệu quả cao; tăng cường công tác kiểm tra định kỳ, đột xuất việc quản lý sổ sách và các nguồn vốn do Hội quản lý. Hoạt động phát triển mô hình Tổ hợp tác kinh tế, liên kết sản xuất, kinh doanh được Hội quan tâm như: tổ trồng rau sạch, tổ may gia công, tổ gia công kết thạt cườm, xếp ghim, may khăn... đã góp phần phát triển kinh tế - xã hội và giải quyết việc làm cho lao động tại địa phương.

Công tác đào tạo nghề và giới thiệu việc làm ngày càng được Hội chú trọng. Hội phối hợp với Trung tâm dạy nghề, Trung tâm học tập cộng đồng tại địa phương tổ chức đào tạo nghề cho phụ nữ, đồng thời phối hợp với các công ty, xí nghiệp trên địa bàn giới thiệu việc làm cho 790 lao động nữ có việc làm ổn định.

Thực hiện Đề án 939 về "Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017-2025": Hội đã giúp vốn cho hội viên phụ nữ vay để khởi sự kinh doanh như: mở tiệm tạp hóa, bán nước mía, quán ăn... bằng các nguồn do Hội quản lý: vốn tiết kiệm, vốn quỹ tín dụng... Thành lập CLB PN Doanh nghiệp, liên kết với các tổ hợp tác ở địa phương để hỗ trợ, giúp doanh nghiệp nữ đáp ứng kịp thời xu thế Hội nhập, phát triển của huyện, đồng thời tăng tính đoàn kết, tương trợ và trao đổi các kiến thức, các mặt hàng sản xuất giữa các doanh nghiệp và tổ hợp tác.

Hội LHPN huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai đã tập trung thực hiện có hiệu quả phong trào hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế với nhiều hình thức, đã kịp thời phổ biến Đề án 939 về "hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017-2025", các chính sách của Đảng, Nhà nước về hỗ trợ cho vay vốn nhất là đối với những hộ nghèo và những hộ sản xuất kinh doanh nhằm tạo cơ hội cho phụ nữ tham gia phát triển kinh tế, giảm nghèo bền vững; vận động phụ nữ sản xuất kinh doanh thành gia vào các mô hình tổ hợp tác, tổ liên kết sản xuất, hợp tác xã. Vận động phụ nữ có kinh tế khá giúp cho hội viên phụ nữ khó khăn về giống, vốn không lấy lãi, phát triển các tổ nhóm phụ nữ tiết kiệm, phụ nữ hùn vốn, tổ vay vốn ngân hàng CSXH, ngân hàng NN&PTNT để tăng thêm các nguồn vốn giúp đỡ cho hội viên phụ nữ nghèo, phụ nữ khó khăn đầu tư kinh doanh sản xuất. Các cấp Hội đã thực hiện tốt công tác quản lý các nguồn vốn, thường xuyên kiểm tra, giám sát hội cơ sở trong việc quản lý nguồn vốn nhất là vốn của các tổ phụ nữ tiết kiệm và vốn ủy thác với ngân hàng CSXH, và kiểm tra hướng dẫn hội viên vay vốn sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả. Cùng với việc hỗ trợ vốn, các cấp Hội còn quan tâm đến công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn, tập huấn cung cấp kiến thức, kỹ năng trong chăn nuôi trồng trọt và giới thiệu việc làm để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn vay. Nhìn chung, Hội đã có sự chỉ đạo chặt chẽ, các tổ vay vốn đều hoạt động có hiệu quả, chị em vay vốn có ý thức tự giác cao, hơn 90% chị em làm ăn có hiệu quả, đời sống được nâng lên, tỷ lệ hoàn vốn đạt trên 95%, tỷ lệ nợ quá hạn thấp. Hàng năm đã giúp cho 80% cán bộ, hội viên phụ nữ có nhu cầu có đủ điều kiện được vay vốn SXKD và giúp 100% hộ nghèo do phụ nữ làm chủ hộ được

hội giúp bằng nhiều hình thức, cuối năm bình xét có khoảng 40% phụ nữ thoát nghèo và giúp cho 56 hội viên phụ nữ khởi sự kinh doanh.

Kết luận

Từ những phân tích, đánh giá về các nhân tố tác động đến hoạt động hỗ trợ phụ nữ trong phát triển kinh tế, cho thấy Hội Liên hiệp Phụ nữ đã có những tác động tích cực, mạnh mẽ đến nhận thức và tâm huyết đến việc phát triển kinh tế của phụ nữ. Hội luôn quan tâm, tìm giải pháp xây dựng các mô hình hoạt động hiệu quả, giúp chị em tiếp cận các nguồn vốn tín dụng, phát triển sản xuất, cải thiện cuộc sống và giảm nghèo bền vững, đáp ứng được nguyện vọng thiết thực, chính đáng của hội viên phụ nữ. Hoạt động đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho phụ nữ nông thôn cũng được các cấp Hội chú trọng, các cấp Hội Phụ nữ trong huyện đã phối hợp với các ngành liên quan tổ chức tư vấn, đào tạo nghề, giới thiệu việc làm cho lao động nữ, đây chính là đòn bẩy tạo đà cho hội viên phát triển kinh tế, làm giàu chính đáng.

Các hoạt động thành công của Hội trong hỗ trợ phụ nữ xóa đói, giảm nghèo thời gian qua đã khẳng định, Hội đi đúng hướng, đáp ứng được nhu cầu của hội viên, phụ nữ, khơi dậy ý thức trách nhiệm, tinh thần tương thân tương ái, phát huy nội lực và vận động được nguồn lực xã hội trong công tác xóa đói, giảm nghèo.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- [1] Albee A. (1994), "Support to women's productive and income - generating activities", Evaluation and Research Working Paper Series, New York: UNICEF.
- [2] Ban chấp hành Hội liên hiệp phụ nữ huyện Nhơn Trạch (2020),
Chương trình công tác Hội và phong trào phụ nữ huyện Nhơn Trạch 06 tháng cuối năm 2020.
- [3] Bộ Chính trị (2007), *Nghị quyết số 11 - NQ/TW* ban hành ngày 27 tháng 04 năm 2007 về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.
- [4] Chính phủ (1994), *Nghị định số 51 - CP* ban hành ngày 23 tháng 06 năm 1994, Nghị định về việc điều chỉnh địa giới huyện, xã thuộc tỉnh Đồng Nai
- [5] Đại hội đại biểu phụ nữ huyện Nhơn Trạch lần thứ V, nhiệm kỳ 2016 - 2021, *Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết đại hội đại biểu phụ nữ huyện Nhơn Trạch lần thứ IV nhiệm kỳ 2011 - 2016*, phương hướng nhiệm vụ và các giải pháp nhiệm kỳ 2016 - 2021.
- [6] Đảng cộng sản Việt Nam (2007), *Văn kiện Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương khóa X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [7] Đảng cộng sản Việt Nam (2008), *Văn kiện Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa X: "về tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa"* Báo Điện tử Đảng cộng sản Việt Nam, ngày 21/12/2008.

[8] Trần Đức (1995), *Trang trại gia đình ở Việt Nam và trên thế giới*, Nxb Chính trị Quốc gia Hà Nội.

[9] Đoàn Thu Hà & Nguyễn Thị Ngọc Huyền (2012), *Quản lý học*, Nxb Đại học Kinh tế Quốc dân.

[10] Bùi Thị Hiền (2006), *Vai trò của Phụ nữ ở quê trong phát triển kinh tế hội huyện Krông Ana, Đắk Lắk*, Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội.

[11] Lê Thị Hoan (2015), "*Hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế hộ gia đình của Hội liên hiệp phụ nữ Tỉnh Hải Dương*", Luận văn thạc sĩ

[12] Hội LHPN Việt Nam (2017), *Đề án Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017 - 2025*, Truy cập ngày 07 tháng 05 năm 2021,

http://hoilhpn.org.vn/images_upload/files_767.pdf, Hà Nội.

[13] Hội liên hiệp phụ nữ huyện Nhơn Trạch (2019), *Kế hoạch số 19 - KH/PN* ban hành ngày 25 tháng 04 năm 2019, Kế hoạch triển khai thực hiện đề án Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2016 - 2025

[14] Hội liên hiệp phụ nữ tỉnh Đồng Nai - Ban chấp hành hội liên hiệp phụ nữ huyện Nhơn Trạch (2019), *Báo cáo đánh giá giữa nhiệm kỳ thực hiện nghị quyết Đại hội phụ nữ huyện lần thứ V (2016 - 2021) và Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII nhiệm kỳ 2017 - 2022.*

[15] Nguyễn Đình Hương (2004), *Thực trạng và giải pháp phát triển kinh tế trang trại trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam*, Nxb

Chính trị Quốc gia Hà Nội.

[16] Katharie McKee (1989), "*Microlevel strategies for supporting livelihoods, employment, and income generation of poor women in the third world: The challenge of significance*", World Development 17(7):993 - 1006.

[17] Hoàng Lộc (2019), *Nhơn Trạch có nhiều tiềm năng phát triển kinh tế*,

[18] Báo Đồng Nai điện tử, truy cập ngày 18 tháng 09 năm 2020, <http://www.baodongnai.com.vn/tintuc/201912/nhon-trach-co-nhieu-tiem-nang-phat-trien-kinh-te-2980426/>

[19] Vũ Oanh (1998), *Nông nghiệp và nông thôn trên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hợp tác hóa, dân chủ hóa*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[20] Đặng Kim Sơn (2008), *Nông nghiệp, nông dân, nông thôn Việt Nam hôm nay và mai sau*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[21] Đặng Kim Sơn, Hoàng Thu Hòa (2002), *Một số vấn đề về phát triển nông nghiệp và nông thôn*, Nxb Thống kê, Hà Nội.

[22] Lê Thu Thảo (2014), "*Bảo đảm quyền bình đẳng của phụ nữ trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình tại Việt Nam hiện nay*", Luận văn thạc sĩ

[23] Lê Thi (1999), *Việc làm - đời sống của phụ nữ trong chuyển đổi kinh tế ở Việt Nam*, Nxb Khoa học - Xã hội, Hà Nội.

PHÁT TRIỂN KINH TẾ, NÂNG CAO ĐỜI SỐNG CỦA ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ THEO TÔN GIÁO Ở TÂY NGUYÊN

TS. TRẦN THỊ HẰNG

Học viện Chính trị khu vực III

Tóm tắt: Tây Nguyên bao gồm 5 tỉnh Gia Lai, Kon Tum, Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng. Đây là địa bàn chiến lược quan trọng và có đồng đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS) sinh sống. Đặc biệt, đây cũng là khu vực có đồng đồng bào DTTS theo tôn giáo và cũng là điểm nóng trong âm mưu chống phá của các thế lực thù địch. Trong những năm qua, nhiều chính sách quan tâm đến đời sống đồng bào DTTS đã được triển khai. Nhờ đó, đời sống đồng bào DTTS nói chung và đồng bào DTTS theo tôn giáo nói riêng ở Tây Nguyên không ngừng được cải thiện. Tuy vậy, một thực tế cần nhìn nhận là số hộ đồng bào DTTS nghèo vẫn chiếm tỷ lệ cao ở nhiều tỉnh. Do đó, việc tăng cường phát triển kinh tế, nâng cao đời sống cho đồng bào các DTTS theo tôn giáo ở Tây Nguyên vẫn là một việc làm cấp thiết, đòi hỏi phải có những giải pháp mang tính đồng bộ.

Ngày nhận: 15/5/2023; Ngày sửa: 17/5/2023;
Duyệt đăng: 20/5/2023

1. Thực trạng đời sống của đồng bào dân tộc thiểu số nói chung và đồng bào dân tộc thiểu số theo tôn giáo tại Tây Nguyên

Tây Nguyên hiện nay là khu vực có đầy đủ 54 thành phần dân tộc với dân số 5.842.681 người¹. Trong đó đồng bào các dân tộc thiểu số (DTTS) là 2.199.879 người, chiếm 37,7% dân số toàn vùng², người Kinh là 3.642.726 người, chiếm 62,3%³. Do điều kiện tự nhiên và khí hậu mang tính đặc thù, kinh tế của đồng bào DTTS ở Tây Nguyên chủ yếu dựa vào thế mạnh của vùng đất cao nguyên, đó là trồng trọt, chăn nuôi và khai thác tài nguyên rừng.

Trước đây, cuộc sống của đồng bào các DTTS ở Tây Nguyên chủ yếu dựa vào nghề trồng trọt, chăn nuôi. Sản xuất theo lối du canh, đốt rừng làm rẫy, công cụ sản xuất thô sơ, kỹ thuật canh tác lạc hậu, chủ yếu là “phát, đốt, chọc, triá”. Người dân sống trong tình trạng đói nghèo của nền kinh tế mang tính tự cấp, tự túc. Kinh tế hàng hóa mới bắt đầu hình thành và chủ yếu mang tính trao đổi giữa các cư dân với nhau.

Những năm gần đây, được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước nên kinh tế vùng Tây Nguyên đã có những bước phát triển. Thu nhập bình quân đầu người

tăng, đời sống của đại bộ phận dân cư được cải thiện trong đó có đồng đồng bào DTTS.

Tuy vậy, kinh tế Tây Nguyên vẫn còn nhiều hạn chế, khó khăn như phát triển kinh tế nhanh nhưng chưa bền vững, đặc biệt trong sản xuất nông nghiệp, chưa gắn với nhu cầu thị trường nên gặp nhiều khó khăn khi thị trường biến động. Mặt khác, kinh tế lại phát triển chủ yếu ở các khu đô thị, ven các trục giao thông, còn vùng sâu, vùng xa, nơi đồng bào các DTTS sinh sống vẫn còn trong tình trạng chậm phát triển, lao động nông nghiệp còn chiếm tỷ lệ cao, trình độ sản xuất nhiều hạn chế, nhiều nơi đồng bào DTTS chưa thoát ra khỏi tập quán canh tác lạc hậu, thụ động trông chờ vào thiên nhiên.

Theo báo cáo của các tỉnh Tây Nguyên, năm 2019, so sánh thu nhập bình quân đầu người trong một năm của toàn tỉnh với thu nhập bình quân của đồng bào DTTS cho thấy: ở Gia Lai gấp 4,29 lần; Kon Tum 1,95 lần; Đắk Lắk 1,56 lần và Lâm Đồng 1,66 lần. Nếu so sánh với đồng bào các DTTS ở các xã vùng sâu, vùng xa đặc biệt khó khăn thì sự chênh lệch còn lớn hơn rất nhiều lần (tỉnh Gia Lai gấp 10,6 lần).

Hiện nay, Tây Nguyên có hơn 2.252.622 tín đồ tôn giáo⁴, trong đó đông nhất là Công giáo, Tin Lành, Phật giáo. Đặc biệt, đối với đạo Tin Lành, một tôn giáo đang phát triển khá mạnh trong vùng đồng bào các DTTS ở Tây Nguyên thì đến tháng 12/2020, số lượng tín đồ đạo Tin Lành ở 5 tỉnh Tây Nguyên là 529.410 người, trong đó tín đồ là người DTTS khoảng 511.450 người (Đắk Lắk: 186.000 tín đồ DTTS; Gia Lai: 152.690; Lâm Đồng: 88.000; Đắk Nông: 76.050; Kon Tum: 17.710) chiếm 96,6% tổng số tín đồ đạo Tin Lành ở khu vực này. 18 DTTS theo đạo Tin Lành, bao gồm: Ê Đê (133.593 người), Gia Rai (82.604), Bah Nar (35.309), K’Ho (74.864), M’Nông (23.284), Xê Đăng (6.473), Vân Kiều, Mạ, H’Mông, H’Làng, Giẻ Triêng, Dao, Nùng, Tày, Sán Chỉ, Chăm, S’Tiêng, Thái. Hiện tại, có hơn 30 tổ chức, hệ phái đạo Tin Lành cùng tồn tại ở khu vực này⁵.

Trong khi đó, tình trạng đói nghèo và sự phân hóa giàu nghèo đang diễn ra hết sức gay gắt tại khu vực Tây Nguyên, đối tượng đói nghèo chủ yếu vẫn là đồng bào DTTS, khu vực đói nghèo tập trung ở vùng sâu,

vùng xa, vùng căn cứ cách mạng, cơ sở kháng chiến cũ. Tại nhiều địa phương, số hộ DTTS nghèo chiếm phần lớn trong tổng số hộ nghèo của toàn tỉnh, như tại tỉnh Đắk Lắk, tính đến cuối năm 2018, toàn tỉnh có 57.180 hộ nghèo, trong đó hộ nghèo DTTS là 37.067 hộ, chiếm tới 64,82%. Sự phân hóa giàu nghèo mà chủ yếu là sự phân hóa giữa người Kinh và đồng bào DTTS tại chỗ đã làm cho đồng bào các DTTS tại chỗ cảm thấy tự ti khi so sánh sự chênh lệch đời sống vật chất. Đó là điều kiện, là mảnh đất tốt cho các tôn giáo du nhập và phát triển.

2. Phát triển kinh tế, nâng cao đời sống của đồng bào các DTTS, đặc biệt là ở những vùng có đồng bào DTTS theo tôn giáo tại Tây Nguyên

Trước thực trạng trên, để nâng cao đời sống của đồng bào DTTS số theo tôn giáo, chính quyền các tỉnh Tây Nguyên cần thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

Thứ nhất, thực hiện tốt chính sách kinh tế - xã hội. Nhằm phát triển kinh tế của đồng bào cần tiếp tục thực hiện tốt Nghị quyết 22/NQ-TW của Bộ Chính trị, Quyết định số 72/QĐ-TTg của Chính phủ về phát triển kinh tế - xã hội miền núi và vùng DTTS; thực hiện có kết quả Nghị quyết 30 a về hỗ trợ giảm nghèo nhanh, bền vững đối với hộ nghèo; thực hiện tốt hơn nữa Quyết định 167/2008/QĐ-TTg của Chính phủ hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở và các chính sách liên quan đến vùng đồng bào DTTS, ưu tiên phân bổ vốn cho các dự án, chương trình mục tiêu trọng điểm, cấp thiết của các tỉnh Tây Nguyên. Tổ chức khảo sát, đánh giá toàn diện tình hình sản xuất, đời sống ở cộng đồng DTTS đặc biệt khó khăn nhằm tổ chức lại sản xuất, xây dựng các mô hình trồng trọt, chăn nuôi phù hợp với điều kiện đất đai, kết cấu hạ tầng, tập quán của đồng bào.

Bên cạnh đó, cần thực hiện có hiệu quả các chính sách, chương trình, dự án hỗ trợ đồng bào. Thực tế hiện nay, 100% hộ đồng bào DTTS ở Tây Nguyên thuộc diện chính sách đã được nhận hỗ trợ từ các chương trình chính sách; các chính sách này có tác dụng nhất định đến đời sống đồng bào, nhiều hộ gia đình đã tự chủ được cuộc sống của mình và vươn lên làm giàu trên chính quê hương của mình. Tuy nhiên, nhiều chính sách, chương trình còn chồng chéo, chưa đi sâu nghiên cứu nhu cầu của đồng bào, tập quán tâm lý của người DTTS... Vì thế, để phát huy tác dụng của các chính sách thì nhiệm vụ trước mắt cần làm là nghiên cứu kỹ nhu cầu của đồng bào, tập quán tâm lý của người dân. Trong thực hiện phải xác định đầu tư phát triển sản xuất cho đồng bào chứ không dừng lại hỗ trợ.

Hơn nữa, cần phát triển sản xuất hàng hóa đi đôi với việc xóa đói giảm nghèo trong cộng đồng DTTS nói chung và đồng bào các DTTS theo tôn giáo nói

riêng. Trước mắt và lâu dài phải xây dựng chương trình kế hoạch cụ thể, có hướng phát triển thích hợp với tập quán của đồng bào, thế mạnh của địa phương, thực hiện quyền làm chủ thực sự của đồng bào, quan hệ sản xuất phải phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất, hỗ trợ vốn ưu đãi cho đồng bào, cử cán bộ chuyên môn đến tận nơi đồng bào sản xuất hướng dẫn kỹ thuật, tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm của đồng bào sản xuất ra có giá trị kinh tế cao; nhân rộng mô hình sản xuất hiệu quả tới các hộ gia đình khác và các vùng khác trong tỉnh.

Như vậy, cụ thể hóa công việc cần làm và thực hiện chính sách phát triển kinh tế - xã hội trong cộng đồng DTTS, đặc biệt là đồng bào có tôn giáo giúp đồng bào vượt qua những khó khăn, bế tắc trong cuộc sống thực tại, điều đó cũng có nghĩa là các cấp chính quyền địa phương đã góp phần từng bước đẩy lùi những luận điệu xuyên tạc, kích động, lôi kéo của các thế lực thù địch.

Thứ hai, cần giải quyết tốt vấn đề đất đai. Bởi đối với người nông dân miền núi, đất rừng là tư liệu sản xuất, là phương tiện quan trọng nhất để tự tạo việc làm, tìm kiếm thu nhập, nâng cao đời sống của mình và gia đình. Trong những năm gần đây, vấn đề đất đai ở Tây Nguyên diễn biến hết sức phức tạp, đã nảy sinh mâu thuẫn xã hội và để lại những hậu quả lâu dài. Theo số liệu điều tra thực trạng kinh tế - xã hội 53 DTTS, có đến 68,5% hộ DTTS có nhu cầu cần thêm đất để sản xuất. Trong đó có nhiều nhóm dân tộc ở Tây Nguyên có trên 80% số hộ thiếu đất sản xuất⁶. Đây là cái cớ để các thế lực thù địch kích động đồng bào DTTS, đặc biệt là đồng bào theo đạo “đuổi người Kinh, đòi đất của người Tây Nguyên”. Do đó, phải sớm có quy hoạch cụ thể về đất đai, khẩn trương rà soát, thống kê số hộ đồng bào DTTS thiếu đất sản xuất để có biện pháp giải quyết kịp thời, đảm bảo mọi người dân trong cộng đồng DTTS có đất sản xuất để phát triển kinh tế, ổn định cuộc sống định cư. Hạn chế các vụ việc phức tạp nảy sinh như tranh chấp đất đai giữa đồng bào với nông, lâm trường, với cơ quan nhà nước và với dân di cư tự do.

Thứ ba, hoàn thành và ổn định vùng chắc định canh định cư, bố trí lại dân cư, lao động theo quy hoạch đi đôi với xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế- xã hội để khai thác có hiệu quả các nguồn tài nguyên nhằm phát triển toàn diện nông thôn theo hướng quan tâm đến phát triển kinh tế xã hội các vùng sâu, vùng xa, gắn định canh định cư với xóa đói giảm nghèo. Có thể thấy, du canh du cư là sản phẩm của lịch sử, kéo dài tình trạng lạc hậu, nghèo đói của đồng bào, làm tiêu hao vốn rừng quốc gia, phá hoại môi trường sinh thái, vì lẽ đó, định canh định cư là tiền đề để xây dựng đời sống ổn định, đồng thời là chính sách để phát triển kinh tế - xã hội

vùng đồng bào DTTS nói chung và vùng đồng bào có đạo nói riêng.

Có thể thấy, tại Tây Nguyên, số lượng đồng bào DTTS theo tôn giáo rất đông, đặc biệt phần lớn tín đồ đạo Tin Lành là đồng bào DTTS. Trong đó, vẫn còn một bộ phận sống du canh, du cư, hoặc đã định canh định cư nhưng chưa thật sự vững chắc, đời sống còn gặp nhiều khó khăn. Do đó, việc giao đất sản xuất nông nghiệp, giao đất khoán rừng ổn định lâu dài, giúp đồng bào sản xuất và tự vươn lên thoát nghèo là cần thiết.

Thứ tư, quan tâm đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng. Trước hết, cần phát triển mạng lưới giao thông. Tập trung phát triển hệ thống giao thông nông thôn, nhất là hệ thống giao thông tới các trung tâm cụm xã, vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ cách mạng cũ có đông đồng bào DTTS sinh sống, vùng định canh, định cư nhiều khó khăn. Nhà nước đầu tư nâng cấp hệ thống tỉnh lộ, huyện lộ để phục vụ cho phát triển kinh tế. Phát triển giao thông phải gắn với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quốc phòng an ninh. Hệ thống giao thông phải vừa phục vụ cho sản xuất hàng hóa và đời sống dân sinh của đồng bào, nhưng đồng thời phải có tính chiến lược, đảm bảo phục vụ quốc phòng, an ninh.

Phát triển mạng lưới truyền tải điện, mạng bưu chính viễn thông an toàn, thông suốt, tiện lợi. Cần xây dựng mạng lưới chợ kiên cố, cửa hàng, bệnh xá ở nông thôn, khu dân cư mới. Thực tế cho thấy, sản xuất và đời sống thấp kém, chính sách định canh, định cư không đạt kết quả như mong đợi là do không xây dựng được mạng lưới kết cấu hạ tầng đồng bộ. Vì vậy, Nhà nước cần phải quan tâm chỉ đạo ban ngành coi đây là những hạng mục công trình quan trọng cần phải thực hiện có hiệu quả. Mỗi xã có một chợ kiên cố, cửa hàng, đại lý ở các thôn, buôn, đáp ứng nhu cầu trao đổi, mua bán, phục vụ đồng bào.

Nhanh chóng đầu tư phát triển hệ thống thủy lợi đảm bảo đủ nước tưới vào mùa khô, chống lũ lụt vào mùa mưa. Nhà nước đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi lớn bằng vốn ngân sách, trái phiếu chính phủ, tín dụng nhà nước. Những công trình vừa và nhỏ có thể huy động vốn các doanh nghiệp, vốn trong nhân dân.

Thứ năm, tăng cường nâng cao dân trí, đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho đồng bào DTTS nói chung và đồng bào DTTS theo tôn giáo nói riêng.

Trình độ dân trí của đồng bào DTTS nói chung và đồng bào DTTS theo tôn giáo nói riêng còn thấp, điều này ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả của công tác xóa đói giảm nghèo. Do đó, cần tăng quy mô huy động trẻ ra lớp ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào DTTS, cũng như nghiên cứu phát triển mô hình trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú phù

hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội các tỉnh vùng DTTS. Xác định rõ cơ chế trách nhiệm, phối hợp giữa cấp ủy chính quyền địa phương với các cấp quản lý giáo dục.

Đào tạo nghề, giải quyết việc làm là công việc rất bức thiết, nhưng lại hết sức khó khăn, phức tạp; một phần là do chưa có nguồn lực để tạo công ăn việc làm, mặt khác là do lao động người DTTS tay nghề và trình độ chuyên môn thấp, cộng với thói quen, tác phong làm việc không phù hợp với yêu cầu sản xuất của các doanh nghiệp và cũng rất khó để mở mang ngành nghề dịch vụ ở nông thôn.

Do đó, cần tăng cường đào tạo nghề truyền thống phù hợp đặc điểm vùng, như nghề rèn, nghề dệt thổ cẩm, nghề gốm, thủ công mỹ nghệ bán cho khách du lịch hoặc xuất khẩu, vừa giải quyết công ăn việc làm tại chỗ, tăng thu nhập, vừa giữ gìn bản sắc dân tộc. Bên cạnh đó, tạo điều kiện cho đồng bào DTTS đầu tư vào sản xuất tại gia đình hoặc tìm kiếm công ăn việc làm mới tại chỗ ở buôn làng; bố trí việc làm thông qua các dự án của chính quyền, đoàn thể. Thu hút lao động vào các nông lâm trường, doanh nghiệp thuộc các ngành chè, cao su, cà phê.

Có thể thấy, nâng cao đời sống cho đồng bào DTTS nói chung và đồng bào DTTS theo tôn giáo nói riêng là một việc làm cấp thiết, đòi hỏi những giải pháp mang tính đồng bộ.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN:

1. Theo kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019.
2. Theo kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019.
3. Theo kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019.
4. Năng Mai, Bảo đảm quyền tự do tôn giáo - Nhìn từ thực tiễn đời sống tôn giáo ở Tây Nguyên. <http://thinhvuongvietnam.com/Content/bao-dam-quyen-tu-do-ton-giao---nhin-tu-thuc-tien-doi-song-ton-giao-o-tay-nguyen-283123>
5. Nguyễn Khắc Đức, Đạo Tin Lành ở Tây Nguyên và vấn đề đặt ra hiện nay; <http://lyluanchinhtri.vn/home/index.php/thuc-tien/item/3035-dao-tin-lanh-o-tay-nguyen-va-van-de-dat-ra-hien-nay.html>
6. Thực trạng kinh tế xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi, <https://quochoi.vn/UserControls/Publishing/News/BinhLuan/pFormPrint.aspx?UrlListProcess=/content/tintuc/Lists/News&ItemID=44647>, truy cập ngày 10.4.2023

XÂY DỰNG NẾP SỐNG VĂN HÓA VĂN MINH ĐÔ THỊ TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

BUILDING AN URBAN CIVILIZED CULTURAL LIFESTYLE IN HO CHI MINH CITY - SITUATION AND SOLUTIONS

ThS. BÙI VĂN TUYỂN* - ĐIỀU THÙY LINH**

Học viện Thanh Thiếu niên Việt Nam*

SV ngành Công tác Thanh Thiếu niên - Học viện Thanh Thiếu niên Việt Nam**

TÓM TẮT

Xây dựng nếp sống văn hóa văn minh đô thị có vai trò vô cùng quan trọng, được Đảng, Nhà nước, các cấp lãnh đạo quan tâm đặc biệt, được coi như chiến lược phát triển bền vững của quốc gia. Trong những năm qua thành phố Hồ Chí Minh đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng trong công tác xây dựng nếp sống văn hóa, văn minh đô thị. Cùng với đó là một số các giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả công tác xây dựng nếp sống văn hóa, văn minh đô thị tại thành phố, bao gồm: Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với lĩnh vực văn hóa; Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về văn hóa; Xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa; Tăng cường nguồn lực cho lĩnh vực văn hóa; Tăng cường nâng cao các hoạt động văn hóa, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa.

Từ khóa: Nếp sống văn hóa; văn minh đô thị; thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày nhận: 23/5/2023; Ngày sửa: 23/5/2023;

Duyệt đăng: 25/5/2023

ABSTRACT

Building an urban cultural and civilized lifestyle plays a very important role, is paid special attention by the Party, State and leaders at all levels, and is considered as a sustainable development strategy of the country. Over the years, Ho Chi Minh City has achieved many important achievements in building a cultural lifestyle and urban civilization. Along with that, there are a number of solutions contributing to improving the efficiency of building an urban cultural and civilized lifestyle in the city, including: Continuing to innovate the Party's leadership method in the cultural field; To raise the effectiveness

and effectiveness of the State management of culture; Building a contingent of cultural workers; Strengthening resources for the cultural sector; Enhance cultural activities, preserve and promote cultural values.

Keywords: Cultural lifestyle; urban civilization; Ho Chi Minh City.

1. GIỚI THIỆU

“Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ, chi bộ; phát huy đoàn kết, chủ động, sáng tạo, xây dựng Ngành Văn hóa và Thể thao Thành phố phát triển bền vững” [1, tr.1]. Cùng với sự nghiệp phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của Thành phố, sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa đã có nhiều chuyển biến tích cực, đạt kết quả quan trọng. Đời sống văn hóa của Nhân dân ngày càng phong phú, nhiều giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc được gìn giữ và phát huy. Di sản văn hóa vật thể và phi vật thể được bảo tồn, tôn tạo. Sản phẩm văn hóa, văn học nghệ thuật ngày càng phong phú, đa dạng. Tăng cường công tác xã hội hóa xây dựng và nâng cấp hệ thống cơ sở vật chất của thành phố. Công tác quản lý nhà nước về văn hóa được các cấp lãnh đạo quan tâm chỉ đạo kịp thời. Các hoạt động giao lưu và hợp tác quốc tế về nghệ thuật, triển lãm, văn hóa, thể thao... có nhiều khởi sắc, được đẩy mạnh, tạo được ấn tượng tốt đẹp trong lòng bạn bè quốc tế, góp phần xây dựng quan hệ hợp tác hữu nghị giữa Việt Nam và các nước trên thế giới.

2. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Tầm quan trọng của chiến lược xây dựng

nếp sống văn hóa, văn minh đô thị hiện nay

Lịch sử và văn hoá của nước ta không chỉ được lưu lại trong sử sách, mà còn hiện diện trên mọi miền đất nước bởi hàng vạn di tích lịch sử - văn hoá, và cùng với nó là một kho tàng đồ sộ về di sản văn hoá phi vật thể với những giá trị vật chất, tinh thần, văn hoá - nghệ thuật, khoa học to lớn. Văn hoá văn minh đô thị hiện diện trước chúng ta như là một dấu mốc, ẩn chứa dưới cái vỏ vật chất là giá trị tinh thần to lớn mà ở đó, thế hệ ngày hôm nay có thể nhận biết và học hỏi được từ trong đó những chỉ dẫn về chặng đường phát triển của lịch sử, của đất nước, những truyền thống quý báu, những kinh nghiệm thành công và hạn chế của lịch sử, sự hy sinh, những tấm gương về lòng yêu nước, chống ngoại xâm, giàu nghĩa khí, tận trung với nước với dân, những bậc hiền tài...

Chúng ta có thể học hỏi được từ trong kho tàng di sản văn hoá phi vật thể đồ sộ những giá trị về lịch sử, những bài học quý giá về cách ứng xử, những truyền thống tốt đẹp (truyền thống yêu quê hương, đất nước, “uống nước nhớ nguồn”, chống áp bức, chống ngoại xâm, giàu nghĩa khí, tôn vinh việc học hành, truyền thống khéo tay hay nghề, nếp sống thanh lịch...); những tri thức sâu sắc và phong phú về chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá nghệ thuật; những tập tục, sự phong phú về đời sống tâm linh đậm tính nhân văn và bản sắc dân tộc... Đó chính là những chất liệu sống động, có tính kết dính ở tầm sâu, có tính lan tỏa và hội tụ để tạo thành một nguồn lực cho mỗi người, cho phát triển bền vững. Như Luật Di sản văn hoá đã xác định: Di sản văn hoá Việt Nam là tài sản quý giá của cộng đồng các dân tộc Việt Nam và là một bộ phận của di sản văn hoá nhân loại, có vai trò to lớn trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước của nhân dân ta. Nghị quyết Trung ương 5 (khoá VIII) đã chỉ rõ: Di sản văn hoá là tài sản vô giá, gắn kết cộng đồng dân tộc, là cốt lõi của bản sắc dân tộc, cơ sở để sáng tạo những giá trị mới và giao lưu văn hoá. Tại Hướng dẫn thực hiện Công ước Di sản thế giới, UNESCO cũng xác định: Di sản văn hoá và thiên nhiên là những tài sản vô giá và không thể thay thế được, không chỉ của một dân tộc, mà còn là của nhân loại nói chung. Bất kỳ di sản nào trong số đó nếu biến mất, do xuống cấp hoặc bị huỷ hoại, cũng sẽ làm nghèo đi kho tàng di sản của tất cả các dân tộc trên thế giới [2].

Nhận thức rõ ý nghĩa và tầm quan trọng của Chiến lược đối với sự nghiệp xây dựng và phát triển của thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố đã tổ chức triển khai, quán triệt, chỉ đạo các sở, ngành, địa phương chủ động xây dựng và triển khai kế hoạch, chương trình hành động thực hiện Chiến lược, đồng thời đưa việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của

Chiến lược vào các Nghị quyết, chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của thành phố; các Nghị quyết, quy hoạch chuyên ngành; các chương trình công tác của các cấp ủy Đảng, chính quyền, kết quả thực hiện là một trong những tiêu chí đánh giá thi đua của các đơn vị.

Qua 10 năm triển khai thực hiện Chiến lược phát triển văn hóa, các sở, ngành, địa phương luôn bám sát Chiến lược và các văn bản triển khai thực hiện Chiến lược của Ủy ban nhân dân thành phố nhằm thực hiện các yêu cầu, nhiệm vụ, mục tiêu, phát triển văn hóa gắn với phát triển kinh tế xã hội của thành phố theo từng giai đoạn. Bên cạnh đó công tác tổ chức kiểm tra, đánh giá tình hình, kết quả thực hiện được thực hiện thường xuyên nhằm kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, những bất cập trong quá trình triển khai, rút ra bài học kinh nghiệm, thực hiện hiệu quả các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ của Chiến lược phát triển văn hóa.

Sở Văn hóa và Thể thao - cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” cũng đã ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện phong trào ở cơ sở theo từng giai đoạn, từng năm, hướng dẫn quy trình xét tặng các danh hiệu văn hóa cho các gia đình, ấp - khu phố, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và các phường, xã, thị trấn để tổ chức thực hiện phong trào hằng năm. Gắn thực hiện Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” với việc “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, thực hiện Chương trình hành động số 45-Ctr/TU ngày 21/6/2015 của Thành ủy về thực hiện Nghị quyết 33-NQ/TW Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”, xem đây là nội dung quan trọng để xây dựng con người có văn hoá, làm nhân tố để hình thành gia đình văn hóa và cộng đồng văn hoá một cách bền vững [3, tr.2].

2.2. Một số thành tựu đạt được trong công tác xây dựng nếp sống văn hóa, văn minh đô thị tại thành phố Hồ Chí Minh hiện nay

Trong 10 năm qua, thành phố Hồ Chí Minh triển khai Chiến lược phát triển văn hóa Việt Nam đến năm 2020 trong bối cảnh vừa có thuận lợi, đan xen với các khó khăn thách thức, Đảng bộ, chính quyền, nhân dân thành phố đã nhận thức sâu sắc vai trò của văn hoá cũng như mối quan hệ hữu cơ giữa văn hoá và con người, khẳng định sứ mệnh cao quý nhất của văn hoá là góp phần trực tiếp xây dựng con người và nguồn nhân lực có chất lượng cao đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Văn

hoá và con người được xác định vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội.

Thành phố Hồ Chí Minh là một đô thị đặc biệt, một trung tâm lớn về kinh tế, văn hóa, giáo dục, khoa học công nghệ, là đầu mối giao lưu và hội nhập quốc tế. Thành phố có diện tích 2.095,1 km² với 24 quận, huyện (gồm 19 quận và 5 huyện) và 322 phường, xã, thị trấn với dân số trên tám triệu người. Trong quá trình đổi mới, thành phố luôn đặt ra yêu cầu cao đối với xây dựng, phát triển văn hóa và con người nhằm xây dựng thành phố văn minh, hiện đại, nghĩa tình, mang nét đặc trưng của văn hóa Nam Bộ [3, tr.1].

Tư duy lý luận và nhận thức của các cấp ủy Đảng, chính quyền và nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ngày càng được xác định rõ hơn về vai trò của văn hóa với con người, an ninh xã hội và sự phát triển của xã hội; phát triển văn hóa theo định hướng phát triển Đảng và nhà nước, phù hợp với xu hướng phát triển chung của quốc gia và quốc tế, đó là vai trò quan trọng của văn hóa trong chính trị, trong kinh tế và xây dựng chuẩn giá trị con người và xây dựng con người Việt Nam nói chung và con người thành phố nói riêng. Coi trọng văn hóa và gắn văn hóa với phát triển, coi văn hóa là nhân tố đảm bảo cho sự phát triển kinh tế - xã hội bền vững; đề cao tính đặc thù, bản sắc văn hóa dân tộc, coi trọng việc giữ gìn và phát huy giá trị di sản văn hóa, đấu tranh chống khuynh hướng đồng hóa về văn hóa; đồng hóa chọn lọc tiếp thu các giá trị tinh hoa văn hóa của nhân loại nhằm làm phong phú cho văn hóa đất nước, thúc đẩy văn hóa phát triển; ứng dụng thành tựu cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 trong hoạt động quản lý và phát triển văn hóa, thông tin; gắn kết, sử dụng hữu ích thì giờ nhàn rỗi của cá nhân và cộng đồng; sự phát triển công nghiệp văn hóa và quan hệ hợp tác quốc tế về văn hóa. Khi xây dựng quy hoạch, chương trình hành động, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của thành phố nói chung và phát triển sự nghiệp văn hóa nói riêng, các cấp, ủy đảng, chính quyền luôn xác định các quan điểm, nhiệm vụ, giải pháp phát triển văn hóa phù hợp với quan điểm, mục tiêu và nhiệm vụ phát triển văn hóa đến năm 2020 của Chiến lược và phù hợp với tình hình thực tế của thành phố Hồ Chí Minh.

2.3. Giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả công tác xây dựng nếp sống văn hóa, văn minh đô thị tại thành phố Hồ Chí Minh hiện nay

2.3.1. Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với lĩnh vực văn hóa

Quản trị và tổ chức triển khai thực hiện Nghị

quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc, Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ Thành phố lần thứ XI nhiệm kỳ 2020-2025; Chương trình hành động số 45-CTrHĐ/TU ngày 21/6/2015 của Thành ủy thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW của Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước.

Đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý điều hành, công tác lưu trữ văn bản, hồ sơ. Tổ chức thực hiện kế hoạch cải cách hành chính, kế hoạch tuyên truyền giai đoạn 2021 - 2030; tăng cường rà soát, đề xuất các sáng kiến, giải pháp nhằm đẩy mạnh cải cách hành chính, cải cách thủ tục hành chính; hoàn thành có chất lượng nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính. Chủ động triển khai nhiệm vụ xây dựng chính quyền điện tử theo lĩnh vực, phạm vi quản lý ngành; nâng cấp phần mềm, kết nối hệ thống đánh giá sự hài lòng của người dân; tiếp tục triển khai dịch vụ công trực tuyến.

Tham mưu góp ý xây dựng và hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực nghệ thuật, điện ảnh tạo điều kiện thuận lợi cho các đơn vị, doanh nghiệp hoạt động hiệu quả; tham mưu chính sách cho các văn nghệ sĩ đảm bảo đời sống, yên tâm cống hiến, sáng tạo góp phần phát triển văn hóa nghệ thuật.

Nâng cao nhận thức, tư tưởng, vị trí, vai trò văn hóa, văn minh đô thị đối với sự phát triển của nền kinh tế - xã hội và xây dựng con người phát triển toàn diện.

2.3.2. Xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa

Triển khai Đề án nâng cao chất lượng, phát hiện, bồi dưỡng năng khiếu, nhân tài lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao của Thành phố Hồ Chí Minh. Thực hiện sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy tinh gọn, hiệu quả theo Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW [1, tr.15].

Quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nhận xét, đánh giá, bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật đối với công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý. Tăng cường phối hợp, hướng dẫn hoạt động các hội, liên đoàn thực hiện đúng quy định.

Tôn vinh các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của gia đình Việt Nam; chương trình hành động quốc

gia về phòng, chống bạo lực gia đình, chương trình giáo dục đời sống gia đình, đề án phát huy giá trị tốt đẹp các mối quan hệ trong gia đình và hỗ trợ xây dựng gia đình hạnh phúc, bền vững; đề án tuyên truyền, giáo dục đạo đức, lối sống trong gia đình.

2.3.3. Tăng cường nâng cao các hoạt động văn hóa, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa

Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác lễ hội và sự kiện chính trị quan trọng của đất nước, sự kiện tiêu biểu của Thành phố; hoạt động đối ngoại, ngoại giao nhân kỷ niệm thiết lập mối quan hệ đối tác chiến lược, quan hệ truyền thống, quan hệ hữu nghị hợp tác; tăng cường xã hội hóa các hoạt động sự kiện; tập trung triển khai thực hiện hiệu quả Đề án tổ chức lễ hội, sự kiện văn hóa tiêu biểu Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn từ 2020 - 2030.

Thực hiện bảo tồn di sản và cảnh quan kiến trúc trên địa bàn Thành phố, xây dựng và triển khai thực hiện Quy chế bảo vệ và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa, lập hồ sơ đề nghị xếp hạng, tu bổ, tôn tạo và tu sửa cấp thiết di tích lịch sử - văn hóa.

Bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa phi vật thể, hoàn thành công tác kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể, nghiên cứu giải pháp bảo tồn các loại hình di sản văn hóa phi vật thể tiêu biểu gắn với lịch sử - hình thành của Thành phố, giá trị văn hóa mang nét đặc trưng của Nhân dân Thành phố.

2.3.4. Tăng cường nguồn lực cho lĩnh vực văn hóa

Tập trung đầu tư xây dựng công trình văn hóa, thể thao tiêu biểu, mang tầm vóc khu vực, tương xứng vai trò, vị trí của một đô thị đặc biệt. Tăng cường phối hợp với các sở ngành, đơn vị liên quan và chủ đầu tư thực hiện hoàn thành các dự án trọng điểm. Xây dựng, nâng cấp các thiết chế văn hóa, nghệ thuật, di tích, bảo tàng, thể thao. Đẩy mạnh thực hiện chủ trương xã hội hóa, kêu gọi các nguồn lực xã hội đầu tư xây dựng phát triển cơ sở vật chất toàn Ngành.

2.3.5. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về văn hóa

Thực hiện tốt công tác tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo, không để tồn đọng, kéo dài, tạo điểm nóng khiếu kiện đông người; đảm bảo công tác thanh tra hành chính, thanh tra phòng chống tham nhũng, kiểm tra chuyên ngành văn hóa, thể thao và liên ngành văn hóa - xã hội.

Tăng cường công tác theo dõi thực hiện các kết luận thanh tra, quyết định xử phạt vi phạm hành chí-

nh, các quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật, quyết định xử lý tố cáo; tổ chức thanh tra hành chính, thanh tra phòng chống tham nhũng, kiểm tra chuyên ngành văn hóa và thể thao, liên ngành văn hóa - xã hội. Tập trung nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về văn hóa và thể thao. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra.

Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh để con người phát triển toàn diện; phát huy phẩm chất con người Thành phố đoàn kết, năng động, sáng tạo, đi đầu, dám chấp nhận thử thách, nhân ái, nghĩa tình; nâng cao vị trí, vai trò, mục tiêu, động lực của văn hóa thúc đẩy phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội.

Tăng cường hoạt động văn hóa đối ngoại, đề cao tầm quan trọng công tác đối ngoại ngoại giao để quảng bá hình ảnh đất nước, thành phố, con người Việt Nam với cộng đồng quốc tế. Phát triển chiến lược công nghiệp văn hóa Thành phố giai đoạn 2020 - 2030 đi đôi với thị trường văn hóa.

3. KẾT LUẬN

Cùng với truyền thống đoàn kết, sáng tạo thì xây dựng nếp sống văn hóa, văn minh đô thị là một trong những nội dung quyết tâm cao trong chỉ đạo của Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh, những năm qua, thành phố đã đạt được nhiều thành tích, góp phần không nhỏ vào công cuộc đổi mới đất nước và tiến trình đô thị hóa của thành phố Hồ Chí Minh. Sự vào cuộc đồng bộ của các ngành, đoàn thể, sự chung sức đồng lòng của nhân dân trong những năm qua là động lực, tạo đà để thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục phát triển theo hướng bền vững, văn minh, hiện đại theo Nghị quyết Đại hội lần thứ XI Đảng bộ thành phố đề ra.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- [1]. Sở Văn hóa và thể thao (2020) Báo cáo chính trị tại đại hội đại biểu Đảng bộ Sở Văn hóa và Thể thao lần thứ XI nhiệm kỳ 2020 - 2025.
- [2]. Lưu Trần Tiêu (2019) Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa vì sự phát triển bền vững, đăng trên khoa các khoa học liên ngành, Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [3]. UBND Thành phố Hồ chí Minh (2020), Quyết định số 1280/QĐ-BND Về ban hành các tiêu chuẩn văn hóa giai đoạn 2020-2025.
- [4]. UBND Thành phố Hồ Chí Minh (2020) Tổng kết 10 năm thực hiện chiến lược phát triển văn hóa Việt Nam đến năm 2020, Tr.1.

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIÁO DẠY MÔN HỌC GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH THÍCH ỨNG VỚI SỰ TÁC ĐỘNG CỦA CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP LẦN THỨ TƯ

THS. NGUYỄN THỊ HUYỀN

Khoa Giáo dục Thể chất - Quốc phòng và An ninh, Trường Đại học Đồng Tháp

Ngày nhận: 15/5/2023; Ngày sửa: 22/5/2023; Duyệt
đăng: 23/5/2023

Tóm tắt: Nâng cao chất lượng giáo dục quốc phòng và an ninh là một chủ trương đúng đắn, nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm công dân đối với sự nghiệp củng cố quốc phòng, an ninh, góp phần xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới. Điều đó, đặt ra và đòi hỏi phải nâng cao chất lượng giảng dạy, công tác quản lý và nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên Giáo dục quốc phòng và an ninh để đáp ứng yêu cầu thực tiễn đặt ra. Bài báo tập trung đề cập đến tầm quan trọng của công tác Giáo dục quốc phòng và an ninh, từ đó đề xuất một số giải pháp nâng cao chất lượng Giáo dục quốc phòng và an ninh thích ứng với sự tác động của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Từ khóa: giảng dạy, giáo dục quốc phòng và an ninh, cách mạng công nghiệp 4.0.

Abstract: Improving the quality of defense and security education is a right policy, aiming to raise citizens' awareness and responsibility for the cause of national defense and security consolidation, contributing to building and firmly defending the National Defense and Security Organization. Socialist Vietnam in the new situation. That poses and requires improving the quality of teaching, management and improving the quality of the teaching staff of National Defense and Security Education to meet the practical requirements. The article focuses on the importance of national defense and security education, thereby proposing some solutions to improve the quality of national defense and security education to adapt to the impact of the revolution fourth industry.

Keywords: teaching, defense and security education, industrial revolution 4.0.

Giáo dục quốc phòng và an ninh là môn học bao gồm kiến thức khoa học xã hội, nhân văn, khoa học tự nhiên và khoa học kỹ thuật quân sự, thuộc nhóm các môn học chung. Đây là môn học yêu cầu sinh viên phải nắm được các kiến thức về quốc phòng và an ninh cơ bản, để khi cần thiết có thể hoàn thành nghĩa vụ với Tổ quốc. Môn học này có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong việc xây dựng nền giáo dục quốc phòng toàn dân và đào tạo con người phù hợp với yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (Cách mạng công nghiệp 4.0) và đại dịch Covid-19 đã tạo ra xu hướng mới trong nhiều ngành nghề, lĩnh vực nói chung và giáo dục cũng không ngoại lệ. Đại dịch Covid -19 kéo dài đã gây ra nhiều ảnh hưởng đến tình hình kinh tế toàn cầu nói chung và Việt Nam nói riêng. Ngành giáo dục cũng phải thay đổi dần phương pháp để thích nghi trong bối cảnh của giai đoạn này. Để chủ động thích ứng, đa số trường học đã chủ động thích ứng và chuyển đổi sang hình thức dạy học trực tuyến để giảng viên và sinh viên vừa đảm bảo an toàn vừa tiếp cận được với nội dung môn học. Việc trang bị kiến thức và kỹ năng cần thiết để tiếp cận tài liệu, giáo trình và các thao tác xử lý, làm chủ phương tiện cũng là vấn đề cần quan tâm. Chính vì vậy, nâng cao đội ngũ giảng viên giảng dạy môn giáo dục quốc phòng và an ninh thích ứng với sự tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 là hết sức cần thiết.

1. Cách mạng công nghiệp lần thứ tư

Cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 đã và đang diễn ra mạnh mẽ và tác động toàn cầu. Sự phát triển của một số công nghệ mang tính đột phá trong cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, như công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI), công nghệ mạng 5G, công nghệ sinh học... đã và đang tác động mạnh mẽ tới mọi lĩnh vực của đời sống xã hội như chính trị, kinh tế, y tế, giáo dục, quốc phòng, an ninh, đối ngoại... mang lại những thuận lợi và thách thức mới cho mỗi quốc gia, dân tộc.

Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 bắt đầu vào đầu thế kỷ XXI, nó kết hợp các công nghệ lại với nhau, làm mờ ranh giới giữa vật lý, kỹ thuật số và sinh học. Cho đến nay, cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 đã tác động đến toàn cầu, đòi hỏi sự chủ động và thích ứng nhanh, xử lý linh hoạt những thời cơ và thách thức của các quốc gia trên thế giới. Đối với nước ta, việc tiếp cận cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 có khả năng thích ứng tương đối tốt bởi tính chủ động tạo dựng môi trường phát triển công nghệ với nguồn nhân lực chất lượng cao về ngành công nghệ. Đây là điều kiện thuận lợi để Việt Nam chủ động khai thác các cơ hội mà cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 mang lại. Trong thời gian qua, tỷ lệ ứng dụng thành quả của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 ngày càng gia tăng, nhiều sản phẩm được đưa vào trang bị trong các ngành, nghề. Tuy nhiên, cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 cũng đang tạo ra nhiều thách thức đối với việc bảo đảm an ninh - chính trị của Việt Nam. Sự tăng trưởng

năng động của Việt Nam cùng với sự bùng nổ của các công nghệ hiện đại khiến tỷ lệ tham gia Internet của các cơ quan chính phủ, tổ chức, doanh nghiệp và người dân ngày càng nhiều và trở thành mục tiêu của các cuộc tấn công mạng. Chính vì vậy, yêu cầu đặt ra đối với nước ta cần phải chủ động hơn nữa tiếp cận và thích ứng với sự phát triển của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, phát triển nhanh và bền vững tất cả các lĩnh vực đời sống xã hội trong đó chú trọng trong lĩnh vực giáo dục là hết sức cần thiết.

2. Sự tác động của Cách mạng công nghiệp 4.0 đối với phương pháp dạy học hiện đại

Có thể nói, bản chất của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 nổi bật là sử dụng trí tuệ nhân tạo, vạn vật kết nối và dữ liệu lớn, nên việc áp dụng để đổi mới phương pháp, nâng cao chất lượng dạy và học trong môi trường giáo dục hiện đại hiện nay là hoàn toàn cần thiết. Cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 đã và đang đem lại nhiều điều kiện thuận lợi cho giảng viên hiện nay, đặc biệt là trong lĩnh vực đổi mới phương pháp dạy học theo hướng hiện đại. Giảng viên có thể tiếp cận được với nguồn tài liệu đa dạng phong phú thông qua hệ thống internet, biết sử dụng các phương tiện kỹ thuật kết hợp trong quá trình giảng dạy để nâng cao kiến thức, kỹ năng và tự tin hơn khi truyền đạt kiến thức cho sinh viên. Việc đổi mới phương pháp dạy học cũng được giúp ích nhiều từ đây khi các phần mềm giảng dạy trực tuyến như E - learning, Google meet, Zoom... được áp dụng và tạo ra hiệu quả tốt.

Đứng trên khía cạnh người học, đây là điều kiện tác động giúp sinh viên tích cực chủ động hơn trong tìm kiếm các tài liệu học tập thông qua các thiết bị thông minh như điện thoại, máy tính bảng có kết nối internet, điều này giúp người học có Tư duy sáng tạo, linh hoạt, có thể học tập bất cứ mọi lúc, mọi nơi và thay đổi phương pháp học để tiếp cận kiến thức nhanh, dễ dàng thay vì gò bó mang tính chất học thuộc lòng như trước đây. Ngoài việc tiếp cận kiến thức thì kỹ năng thực hành, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tư duy sáng tạo, kỹ năng phân biện cũng dần được hình thành.

Bên cạnh nguồn tài liệu phong phú, phương pháp học tập đa dạng thì sinh viên cũng phải tìm kiếm cho mình hình thức học phù hợp với điều kiện của bản thân. Việc trang bị các loại máy móc, chất lọc nguồn tài liệu sao cho đúng và các thao tác, truy cập vào phần mềm thuận thực là rất quan trọng, bắt buộc người học phải chủ động thay đổi.

3. Tầm quan trọng của giáo dục quốc phòng và an ninh trong bối cảnh mới

Sinh thời, khi nói về chủ nghĩa xã hội, Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng, thuộc tính dân giàu, nước mạnh đòi hỏi chủ nghĩa xã hội phải có một nền quốc phòng và an ninh vững mạnh đủ sức bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa trong mọi hoàn cảnh, tình huống. Người thường xuyên nhắc nhở: *“Dù nhân dân đã nắm chính quyền, nhưng giai cấp đấu tranh trong nước và mưu mô để quốc xâm lược vẫn còn”*[5].

Trong thời kỳ đổi mới, để phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị trong sự nghiệp quốc phòng và an ninh, Đảng ta xác định: *“Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ*

quốc là hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam. Trong khi đặt lên hàng đầu nhiệm vụ xây dựng đất nước, nhân dân ta luôn luôn cảnh giác, củng cố quốc phòng, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ Tổ quốc và các thành quả cách mạng” [3].

Quan điểm mang tính lý luận này về quốc phòng và an ninh tiếp tục được Đảng ta khẳng định trong các kỳ đại hội của Đảng. *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung, phát triển năm 2011)* khẳng định: *“Tăng cường quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của Đảng, Nhà nước và toàn dân”*. [3]

Ngày 19 tháng 6 năm 2013 Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII, kỳ họp thứ 5 cũng đã ban hành luật quốc phòng và an ninh với một số điều khoản như Điều 4. *“Mục tiêu giáo dục quốc phòng và an ninh Giáo dục cho công dân về kiến thức quốc phòng và an ninh để phát huy tinh thần yêu nước, truyền thống dựng nước và giữ nước, lòng tự hào, tự tôn dân tộc, nâng cao ý thức, trách nhiệm, tự giác thực hiện nhiệm vụ quốc phòng và an ninh, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa”*. [4]

Trong giai đoạn hiện nay, tình hình thế giới và khu vực tiếp tục diễn biến nhanh chóng, phức tạp, tiềm ẩn những yếu tố khó lường. Đối với Việt Nam, các thế lực thù địch vẫn luôn tìm mọi cách chống phá, chủ yếu bằng chiến lược *“diễn biến hoà bình”*, nhằm xoá bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, xoá bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng. Nhằm xây dựng và bảo vệ vững chắc nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa, chúng ta cần xây dựng một thế trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân trong đó học sinh, sinh viên trên cả nước là một lực lượng đồng đảo, có đủ sức khỏe, có trình độ học vấn, có tiềm năng sáng tạo, có khả năng tiếp cận và làm chủ khoa học kỹ thuật hiện đại và là chủ nhân tương lai của đất nước. Do đó, nâng cao chất lượng giảng dạy bộ môn Giáo dục quốc phòng và an ninh là *“...nhiệm vụ chung của Đảng, Nhà nước và toàn xã hội; phải được chỉ đạo, tổ chức thực hiện chặt chẽ, thống nhất từ Trung ương đến địa phương”* [6; tr 1]. Giáo dục quốc phòng và an ninh được tiến hành *“bằng các hình thức phù hợp với từng đối tượng”* [6; tr 1].

Quan điểm của Đảng, Nhà nước ta, Giáo dục quốc phòng và an ninh là tổng thể các hoạt động giáo dục xây dựng, nâng cao phẩm chất, năng lực về quốc phòng và an ninh cho công dân Việt Nam trong các hoạt động nhằm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Chỉ thị số 12-CT/TW ngày 03/02/2007 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác Giáo dục quốc phòng và an ninh trong tình hình mới đã xác định: *“Giáo dục quốc phòng và an ninh là một bộ phận của nền giáo dục quốc dân”* [6; tr 1]. Vì vậy, đội ngũ giảng viên giảng dạy bộ môn Giáo dục quốc phòng và an ninh phải có những giải pháp phù hợp với từng đối tượng người học, góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội.

4. Giải pháp nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên giảng dạy môn học giáo dục quốc phòng - an ninh hiện nay

Một là, nâng cao nhận thức của giảng viên về sự tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 trong giáo dục, đổi mới tư duy, sáng tạo trong dạy học.

Giáo dục quốc phòng là một môn học với khối lượng lý thuyết chiếm trên 70%, bên cạnh việc kết hợp giảng dạy trên lớp, giảng viên còn phải kết hợp một số hoạt động thực hành, làm mẫu tại sân bãi. Việc thay đổi phương pháp giảng dạy giúp sinh viên hứng thú trong quá trình học tập là rất cần thiết. Hiện nay, thay vì chỉ tập trung vào phân tích thì các phương pháp như vấn đáp đã giúp tạo ra sự Tương tác giữa thầy và trò, các phương pháp trực quan giúp kích thích sự chú ý, tạo ra hứng thú hơn cho người học và từ đó hình thành thêm kỹ năng, thái độ và trách nhiệm của người học đối với môn học.

Việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ mô phỏng trong dạy học cũng là một phương pháp tạo ra hiệu quả tốt trong giáo dục quốc phòng - an ninh hiện nay. Mô phỏng trên máy tính cung cấp khối lượng kiến thức tổng hợp và sâu sắc hơn nhiều thay vì chỉ tập trung vào giáo trình. Kết hợp với một số phương tiện nghe nhìn sẽ giúp cho sinh viên hứng thú hơn. Việc mô phỏng về tác dụng, tính năng, cấu tạo, nguyên lý hoạt động của trang thiết bị, vũ khí thông thường, hay tìm hiểu về các loại vũ khí như sinh học, hóa học, vũ khí lửa, vũ khí hạt nhân, việc tiếp cận rất khó khăn, tổ chức đảm bảo phức tạp. Thay vào đó, thông qua hoạt động mô phỏng, sinh viên có thể tiếp cận gián tiếp mà vẫn chân thực và sinh động. Muốn làm được điều này, trước tiên giảng viên cần đón đầu xu thế, dám thay đổi và không ngại thay đổi, cần chú trọng bồi dưỡng năng lực tin học, khả năng ứng dụng công nghệ thông tin và các công nghệ mô phỏng vào bài giảng và phương pháp giảng dạy của mình.

Hai là, phát triển đội ngũ giảng viên Giáo dục quốc phòng và an ninh.

Đội ngũ giảng viên Giáo dục quốc phòng và an ninh là lực lượng nòng cốt của các trường cao đẳng, đại học, số lượng, chất lượng giảng viên đóng vai trò quyết định chất lượng giảng dạy Giáo dục quốc phòng và an ninh. Chất lượng đội ngũ giảng viên ở các trường là tổng hòa những giá trị được tạo ra từ số lượng cơ cấu tổ chức đội ngũ, phẩm chất chính trị, đạo đức, tinh thần trách nhiệm và trình độ năng lực của đội ngũ. Bảo đảm cho đội ngũ giảng viên thực hiện chức trách nhiệm vụ, đáp ứng mục tiêu yêu cầu nhiệm vụ Giáo dục quốc phòng và an ninh. Song song với việc tăng số lượng, việc chú trọng chất lượng của đội ngũ giảng viên là vô cùng quan trọng vì đây là yếu tố quyết định đến chất lượng của giáo dục nói chung và Giáo dục quốc phòng và an ninh nói riêng.

Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh quy định tiêu chuẩn giảng viên, giáo viên giảng dạy Giáo dục quốc phòng và an ninh: “Giáo viên, giảng viên Giáo dục quốc phòng và an ninh phải có trình độ cử nhân Giáo dục quốc phòng và an ninh trở lên; đối với người đã có trình độ cử nhân trở lên ở chuyên ngành khác thì phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm và chứng chỉ đào tạo giáo viên, giảng viên Giáo

dục quốc phòng và an ninh” [4; tr 8]. Luật đã thể hiện rõ những quy định về trách nhiệm của các chủ thể trong nhiệm vụ Giáo dục quốc phòng và an ninh, đặc biệt yêu cầu về nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên làm công tác giảng dạy bộ môn Giáo dục quốc phòng và an ninh ở các trường. Qua đó trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; nhận thức đúng về nguồn gốc, bản chất chiến tranh; các quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, lực lượng vũ trang nhân dân để tiến hành chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Ba là, tăng cường cơ sở vật chất phục vụ trong dạy học lý thuyết và thực hành

Cơ sở vật chất phục vụ hoạt động dạy học là một trong những điều kiện quan trọng để dạy học hiệu quả, nhất là đối với những môn học có cả chương trình lý thuyết và thực hành. Đối với môn học giáo dục quốc phòng - an ninh, việc đảm bảo cơ sở vật chất lại khó khăn khi phải đáp ứng yêu cầu kỹ thuật cao, chuyên dụng và một số vật chất có quy định sử dụng đặc biệt. Bên cạnh việc nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy, thay đổi sáng tạo trong dạy học thì cũng không thể phủ nhận vai trò và tầm quan trọng của phương tiện, vật chất máy móc tác động giúp nâng cao chất lượng giảng dạy và chất lượng đội ngũ giảng viên hiện nay.

Ngoài việc trang bị đầy đủ các cơ sở vật chất thông thường, đảm bảo theo quy định ban hành danh mục các thiết bị dạy học tối thiểu môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh, các trường đại học hiện nay cần đầu tư mua sắm thêm các loại súng mô hình, cắt bỏ. Giảng viên phải tự trang bị và biết sử dụng thành thạo máy tính cá nhân, biết xử lý và đăng tải tài liệu học tập giúp sinh viên tiếp cận tài liệu nhanh chóng

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- [1]. Ban Chấp hành Trung ương (2013), *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013, về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.*
- [2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), *Quy định tổ chức dạy, học và đánh giá kết quả học tập môn học giáo dục quốc phòng-an ninh.*
- [3]. Chỉ thị số 57/2007/CT-BGDĐT ngày 4/10/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về tăng cường công tác giáo dục quốc phòng, an ninh trong Ngành giáo dục.
- [4]. *Chính phủ về Giáo dục quốc phòng (2001-2005)*, Hà Nội, tháng 1/2006.
- [5]. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, (2002), t.7. Nxb CTQG, HN, tr.229.
- [6]. Lê Đình Trung (chủ biên) - Phan Thị Thanh Hội (2016). *Dạy học theo định hướng hình thành và phát triển năng lực người học ở trường phổ thông*. NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP THỨC ĐẨY MẠNH MỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG GIẢNG DẠY CÁC MÔN KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN,

THS. VÕ THỊ NHỎ

Trường Đại học Đồng Tháp

SUMMARY

Today, Digital transformation has been and is a new teaching trend in universities in Vietnam today. Digital transformation in education aims to deploy educational activities in the digital environment. Enhancing the effectiveness of management and expanding methods and opportunities to access education through innovating teaching-learning content, methods, testing and assessment. Creating a breakthrough in quality, rapidly increasing the number of trainings, contributing to improving the quality of human resources, increasing labor productivity and national competitiveness in the context of international integration. Flexible combination between online and traditional teaching methods (Blended learning) for social sciences and humanities with the support of information technology will help Personalize the level of learners, personalize learning. The article, pointing out the need and solutions for digital transformation in teaching social sciences and humanities, Dong Thap University.

Keywords: digital conversion, information technology, Digital transformation in education, political theory, humanities and social sciences.

Ngày nhận: 19/5/2023; Ngày sửa: 22/5/2023; Duyệt đăng: 25/5/2023

1. Đặt vấn đề

Ngày nay, Chuyển đổi số đã và đang là xu thế dạy học mới trong trường đại học ở Việt Nam hiện nay. Chuyển đổi số trong giáo dục nhằm triển khai các hoạt động giáo dục trên môi trường số. Giúp tăng cường hiệu quả công tác quản lý và mở rộng phương thức cũng như cơ hội tiếp cận giáo dục thông qua đổi mới nội dung, phương pháp dạy - học, kiểm tra, đánh giá. Tạo đột phá về chất lượng, tăng nhanh số lượng đào tạo góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tăng năng suất lao động và năng lực cạnh tranh quốc gia trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Việc kết hợp linh hoạt giữa hình thức dạy học trực tuyến và hình thức dạy học truyền thống (Dạy học kết hợp - Blended learning) đối với các môn khoa học xã hội và nhân văn có sự hỗ trợ của công nghệ thông tin sẽ giúp phân hóa trình độ người học, cá nhân hóa việc học. Bài viết, chỉ ra sự cần thiết và giải pháp chuyển đổi số trong giảng dạy các môn khoa học xã hội và nhân văn, trường Đại học Đồng Tháp.

1. Nhận thức về chuyển đổi số và cơ hội trong thời kỳ mới

2.1. Chuyển đổi số là gì?

Là quá trình thay đổi tổng thể và toàn diện của cá nhân, tổ chức về cách sống, cách làm việc và phương thức sản xuất dựa trên các công nghệ số.

Theo trang Tech Republic - Tạp chí trực tuyến, cộng đồng xã hội danh cho các chuyên gia công nghệ thông tin, khái niệm chuyển đổi số là "cách sử dụng công nghệ để thực hiện lại quy trình sao cho hiệu quả hơn".

Theo Garthner, chuyển đổi số là việc sử dụng các công nghệ số để thay đổi mô hình kinh doanh, tạo ra những cơ hội, doanh thu và giá trị mới.

Microsoft cho rằng, chuyển đổi số là việc tư duy lại cách thức tổ chức tập hợp mọi người, dữ liệu và quy trình để tạo ra những giá trị mới.

FPT có quan niệm, chuyển đổi số trong tổ chức, doanh nghiệp là quá trình thay đổi từ mô hình truyền thống sang doanh nghiệp số bằng cách áp dụng công nghệ mới như dữ liệu lớn (Big Data), Internet vạn vật (IoT), điện toán đám mây (Cloud)... thay đổi phương thức điều hành, lãnh đạo, quy trình làm việc, văn hóa công ty.

Chuyển đổi số (Digital Transformation) rất khác với số hóa (Digitization) và khai thác cơ hội số (Digitalization). Thực tế thì số hóa, khai thác cơ hội số chỉ là một phần của quá trình chuyển đổi số.

Số hóa (Digitization) là một thuật ngữ để mô tả việc chuyển đổi các tài liệu dạng vật lý (giấy) sang dạng số. Bằng cách đó, cho phép đưa nội dung số hóa vào quy trình làm việc của tổ chức. Chẳng hạn như tự động hóa các quy trình hoặc cung cấp cho mọi người quyền truy cập thông tin.

Chuyển đổi số trong giai đoạn hiện nay đóng vai trò hết sức quan trọng và cần thiết vì nó đem lại cơ hội mở ra nhiều tiềm năng hơn nữa cho tổ chức bằng cách cho phép mở rộng quy mô hoạt động, cải thiện hiệu quả hoạt động và nhiều lợi ích khác với chi phí tối ưu.

Tại sao phải chuyển đổi số? Chuyển đổi số không chỉ giúp tăng năng suất, giảm chi phí mà còn mở ra không gian phát triển mới, tạo ra các giá trị mới ngoài các giá trị truyền thống vốn có.

Cùng với sự phát triển của công nghệ và xu thế

hội nhập với nền giáo dục thế giới, với khả năng linh hoạt, tương tác, tự học, chuyển đổi số góp phần đổi mới phương pháp dạy học, cải tiến và nâng cao tính tích cực về chất lượng đào tạo toàn diện.

2.2. Nên chuyển đổi số khi nào?

Chuyển đổi số là quá trình khách quan, chuyển đổi số đã và đang diễn ra. Cuộc sống không ngừng vận động, biến đổi. Mỗi người cũng cần không ngừng thay đổi, thích nghi. Chuyển đổi số ngay lập tức bằng cách chuyển đổi về tư duy, nhận thức, sau đó dần chuyển đổi cách sống, cách làm việc và phương thức sản xuất dựa trên các công nghệ số.

2.3. Chuyển đổi số như thế nào?

Chuyển đổi số là một quá trình đa dạng, không có con đường và hình mẫu chung cho tất cả. Từng tổ chức, từng cá nhân cần xác định lộ trình riêng, thích hợp.

2.4. Chuyển đổi số trong giáo dục là gì?

"Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030" được phê duyệt tại Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 3.6/2020 của Thủ tướng Chính phủ như sau:

"Phát triển nền tảng hỗ trợ dạy và học từ xa, ứng dụng triệt để công nghệ số trong công tác quản lý, giảng dạy và học tập; số hóa tài liệu, giáo trình; xây dựng nền tảng chia sẻ tài nguyên giảng dạy và học tập theo cả hình thức trực tiếp và trực tuyến. Phát triển công nghệ phục vụ giáo dục, hướng tới đào tạo cá thể hóa. 100% các cơ sở giáo dục triển khai công tác dạy và học từ xa, trong đó thử nghiệm chương trình đào tạo cho phép sinh viên, sinh viên học trực tuyến tối thiểu 20% nội dung chương trình. Ứng dụng công nghệ số để giao bài tập về nhà và kiểm tra sự chuẩn bị của sinh viên trước khi đến lớp học".

3. Sự cần thiết chuyển đổi số trong giảng dạy các môn khoa học xã hội và nhân văn, trường Đại học Đồng Tháp

Ứng dụng CDS sẽ tạo ra mô hình giáo dục thông minh, từ đó giúp việc học, hấp thụ kiến thức của người học trở nên đơn giản và dễ dàng hơn. Sự bùng nổ của các nền tảng công nghệ đã tạo điều kiện thuận lợi để truyền đạt kiến thức và phát triển được khả năng tự học của người học mà không bị giới hạn về thời gian cũng như không gian.

Hiện tại, CDS trong giáo dục được ứng dụng dưới 3 hình thức chính là: ứng dụng công nghệ trong phương pháp giảng dạy: lớp học thông minh, lập trình... vào việc giảng dạy; ứng dụng công nghệ trong quản lý: công cụ vận hành, quản lý; ứng dụng công nghệ trong lớp học, công cụ giảng dạy, cơ sở vật chất.

3.1. Chuyển đổi số giúp giảng viên tiếp cận, khai thác kho tài liệu để phục vụ quá trình giảng dạy

Trước đây, hoạt động khai thác, sử dụng tài liệu phục vụ giảng dạy phần lớn phải phụ thuộc vào điều

kiện của thư viện ở cơ sở đào tạo thì nay giảng viên và sinh viên đã có thể tiếp cận với thư viện số, truy cập nhiều trang web tài liệu miễn phí hoặc mất một khoản phí nhỏ để đọc và tải về những tài liệu cần thiết cho môn học, truy xuất nguồn gốc của các câu trích dẫn trong những tác phẩm kinh điển... Hệ thống tài liệu phong phú, đa dạng đã mở ra cơ hội tiếp cận với kho tàng tri thức khổng lồ của nhân loại qua các thời kỳ lịch sử. Bài giảng của giảng viên nhờ đó sinh động, phong phú và mang tính trực quan.

Trong kỷ nguyên của IoT (Internet of Things), chỉ cần có một thiết bị điện tử có thể truy cập Internet là giảng viên, sinh viên đều có thể tìm kiếm thông tin, chia sẻ thông tin, tương tác lẫn nhau. Cũng nhờ những thành tựu của khoa học công nghệ mới mà việc tiếp cận với những tiêu chuẩn nghiên cứu khoa học thế giới, tìm hiểu và thực hiện viết bài cho các tạp chí quốc tế đang được giảng viên hết sức quan tâm.

Nhờ đó, mở ra cơ hội nâng cao năng lực nghiên cứu của giảng viên, nâng cao chỉ số đánh giá của trường đại học trong bảng xếp hạng các trường ở phạm vi khu vực hoặc quốc tế.

3.2. Chuyển đổi số thúc đẩy đổi mới nội dung phương pháp giảng dạy của giảng viên trường Đại học Đồng Tháp

Đối với nội dung giảng dạy đòi hỏi giảng viên giảng dạy đại học tập trung vào các môn học cung cấp kiến thức chung, kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành. Trong giai đoạn trước, quá trình giảng dạy thường rơi vào tình trạng "cháy giáo án" vì thời gian trên lớp không đủ để giảng viên truyền tải hết nội dung lý thuyết của môn học.

Song trong thời đại mới, giảng viên hoàn toàn có thể áp dụng thành tựu của khoa học công nghệ mới trong quản lý lớp học, phân chia nội dung giảng, nội dung thảo luận, nội dung tự học và kiểm soát các hoạt động học tập của sinh viên thông qua ứng dụng kahoot.it, pollev.com... Giảng viên cũng có thể sử dụng thực tế ảo, mạng xã hội, điện toán đám mây... để làm sinh động nội dung mà mình muốn truyền tải đến người học, đồng thời cũng có thể liên kết đến nhiều nội dung học tập khác có liên quan đến môn học.

Về phương pháp giảng dạy: Khoa học công nghệ cũng có thể hỗ trợ đắc lực cho giảng viên trong việc đổi mới phương pháp giảng dạy, chuyển từ chủ yếu truyền đạt tri thức sang những phương pháp giảng dạy tích cực, có sử dụng các ứng dụng hiện đại như Prezi, Google drive, Top hat, Pandora... Những ứng dụng này giúp cho bài giảng thêm sinh động, kết hợp được nhiều cách thức tương tác đến người học khác nhau thông qua nghe, nhìn, cảm nhận, từ đó sinh viên có thể phát huy tối đa các năng lực nhớ, hiểu, vận dụng, phân tích, đánh giá, sáng tạo từ chính phương pháp mà giảng viên cung cấp.

3.3. Chuyển đổi số giúp đa dạng hóa hình thức giảng dạy và học tập, tạo ra cơ hội học tập không giới hạn cho người học

Giáo dục trực tuyến đang ngày càng phổ biến ở nước ta nhằm đáp ứng nhu cầu học tập linh hoạt về thời gian và địa điểm của người học. Các giảng viên có thể sử dụng công nghệ để thiết kế bài giảng trình chiếu, cũng có thể thiết kế những video dạy học, thực hiện thí nghiệm, thực hành, diễn thuyết... Công nghệ giúp tri thức, kinh nghiệm của người thầy không chỉ gói gọn trong khuôn viên trường đại học mà có thể được phổ biến rộng rãi toàn cầu. Điều này vừa đáp ứng nhu cầu của một bộ phận người học, vừa tạo thêm những cơ hội về việc làm, thu nhập cho giảng viên.

Trước tác động của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, các trường đại học đang từng bước CĐS trong giáo dục, đào tạo nói chung và trong giảng dạy các môn KHXH&NV nói riêng. Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại phục vụ cho dạy và học các môn KHXH&NV luôn được chú trọng. Đồng thời, các trường đại học thường xuyên đổi mới nội dung, đa dạng hóa hình thức dạy và học các môn KHXH&NV với nhiều hoạt động hướng tới việc bồi dưỡng và nâng cao năng lực công nghệ thông tin, trình độ ngoại ngữ của cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên nhằm đáp ứng yêu cầu CĐS.

Các trường đại học đã tập trung CĐS vào trong dạy, học, kiểm tra, đánh giá gồm số hóa các học liệu (sách giáo khoa điện tử, bài giảng điện tử, kho bài giảng E-learning, ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm), thư viện số, phòng thí nghiệm ảo, triển khai hệ thống đào tạo trực tuyến. Đội ngũ giảng viên đã chú trọng số hóa bài giảng, ứng dụng các phần mềm vào xây dựng bài giảng các môn KHXH&NV, đổi mới cách thức, phương pháp giảng dạy, kỹ thuật quản lý lớp học, tương tác với người học sang không gian số, khai thác công nghệ thông tin để tổ chức giảng dạy các môn KHXH&NV. Bên cạnh đó, toàn bộ dữ liệu về quá trình học tập của người học cũng được theo dõi và lưu trữ bằng công nghệ.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả chuyển biến tích cực, quá trình chuyển đổi hoá trong giáo dục và đào tạo nói chung, trong giảng dạy các môn KHXH&NV nói riêng trong các trường đại học ở nước ta vẫn còn tồn tại nhiều khó khăn, bất cập: Hình thức giảng dạy, ứng dụng công nghệ thông tin, thiết kế, khai thác các phần mềm vào dạy học và kiểm tra đánh giá các môn KHXH&NV ở các trường đại học hiện nay về cơ bản thiếu đồng bộ.

4. Giải pháp cơ bản nâng cao chất lượng chuyển đổi số trong giảng dạy các môn khoa học xã hội và nhân văn, trường Đại học Đồng Tháp

- Giáo dục, nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của CĐS trong giảng dạy các môn KHXH&NV ở các

trường đại học nói chung, trường Đại Đồng Tháp nói riêng. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước về thực hiện CĐS trong giáo dục, đào tạo sự đồng bộ của các cấp, ngành trong quản lý chất lượng đào tạo của các trường đại học ở Việt Nam. Tập trung giáo dục đến cán bộ, giảng viên, nhân viên về vai trò, sự cần thiết và tầm quan trọng của CĐS trong giảng dạy các môn KHXH&NV, cùng nhau xây dựng văn hóa số trong giáo dục, đào tạo nói chung và đổi mới phương pháp giảng dạy các môn KHXH&NV tại các trường đại học ở Việt Nam hiện nay.

Đổi mới phương pháp giảng dạy:

+ Các hình thức giảng dạy trên nền tảng công nghệ Zoom meeting, Google meet, Google classroom... mặc dù đã khắc phục được các nhược điểm của hình thức giảng dạy truyền thống trên lớp học, song vẫn còn nhiều bất cập như đòi hỏi mức độ sẵn sàng cao về công nghệ đối với cả người học, người dạy và nhà trường, đòi hỏi sự thay đổi toàn diện trong tư duy giảng dạy và tư duy học tập. Trong bối cảnh đó, mô hình Blended Learning (BL) với cách tiếp cận tích hợp cả hai hình thức giảng dạy trực tuyến (online) và trực tiếp (offline) là một giải pháp ưu việt, giúp hạn chế các nhược điểm, đồng thời phát huy thế mạnh của cả hai hình thức giảng dạy và học tập nói trên. Mô hình học tập BL được xem như bước khởi đầu để giúp người học thay đổi và làm quen dần với mô hình E-learning. Việc thực hiện mô hình dựa trên ứng dụng nền tảng công nghệ số trong dạy học giúp người học nâng cao ý thức tự học và sự chủ động trong hoạt động học tập. Hiện nay, việc ứng dụng mô hình BL trong giảng dạy bậc đại học là một lựa chọn phù hợp trong bối cảnh công nghệ số ngoài việc phát huy được các lợi thế của lớp trẻ khi tham gia học, mô hình còn giúp người dạy có thể linh động và đa dạng hơn các phương pháp giảng dạy để thu hút người học.

+ Mô hình BL được thực hiện kết hợp theo một tỷ lệ nhất định, tỷ lệ này có thể thay đổi tùy thuộc vào mức độ áp dụng. Hiện nay có 4 mức độ để áp dụng mô hình dạy học Blended learning trên thế giới, bao gồm:

Người dạy và người học gặp gỡ trong lớp học truyền thống và sử dụng các công nghệ đơn giản như email, web cho bài giảng điện tử.

Người dạy và người học gặp gỡ trong lớp học truyền thống và sử dụng các công nghệ cao như mô phỏng, video số, trợ giảng số...

Người dạy và người học gặp gỡ online, sử dụng các công nghệ đơn giản như CMS, bảng tin điện tử.

Người dạy và người học gặp gỡ online, sử dụng đa công nghệ vừa đồng bộ và phi đồng bộ phức tạp như blog, wiki, video conferencing...

- Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng về công nghệ thông tin cho cán bộ quản lý, giảng viên, đáp ứng yêu cầu CĐS. Từng giảng viên phải không ngừng học hỏi,

trau dồi kiến thức chuyên môn nghiệp vụ, tích cực học tập trau dồi kỹ năng sử dụng phương tiện, thiết bị điện tử, máy tính, liên quan đến ứng dụng công nghệ thông tin cho việc giảng dạy. Triệt để thay đổi phương pháp giảng dạy từ truyền thụ kiến thức một chiều, bị động sang áp dụng phương pháp giảng dạy hiện đại, lấy người học làm trung tâm nhằm phát huy tính tự học, tự nghiên cứu của học viên, chuyển từ trạng bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất, nhân cách người học đáp ứng tốt yêu cầu Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất trang thiết bị, chương trình, giáo trình, tài liệu, học liệu và mạng phục vụ đào tạo công nghệ thông tin, điện tử, viễn thông và ứng dụng công nghệ thông tin. Chú trọng xây dựng và phát triển hạ tầng công nghệ theo hướng đồng bộ, tập trung, thống nhất, kết nối mạng internet, thiết bị công nghệ thông tin đảm bảo phục vụ tốt cho giảng dạy các môn KHXH&NV ở các trường đại học. Đảm bảo tốt hệ thống các thiết bị phần cứng như hệ thống máy móc, đường truyền internet.

- Tập trung phát triển học liệu số phục vụ giảng dạy các môn KHXH&NV, kiểm tra, đánh giá, tham khảo; hình thành



kho học liệu số, học liệu mở chia sẻ dùng chung đáp ứng nhu cầu tự học tập suốt đời và trao đổi thông tin, linh hoạt tri thức của xã hội, liên kết với quốc tế, đáp ứng nhu cầu tự học, học tập suốt đời, thu hẹp khoảng cách giữa các vùng miền; tiếp tục đổi mới cách dạy và học trên cơ sở áp dụng công nghệ số, khuyến khích và hỗ trợ áp dụng các mô hình giáo dục đào tạo mới dựa trên các nền tảng số.

Thúc đẩy triển khai mạng xã hội giáo dục có sự kiểm soát và định hướng thống nhất, tạo môi trường số kết nối, chia sẻ giữa cơ quan quản lý giáo dục, nhà trường, gia đình, giảng viên, sinh viên; phát triển các khóa học trực tuyến mở; triển khai hệ thống học tập trực tuyến dùng chung trong nghiên cứu, giảng dạy ở các trường đại học hiện nay.

5. Kết Luận

Để việc chuyển đổi số thành công, đạt hiệu quả. Hoạt động dạy học thực sự chất lượng, trước mắt các tổ chức giáo dục, người dạy và người học phải thay đổi, thích nghi và tìm ra các phương pháp dạy học hiệu quả, tối ưu nhất. Trên thực tế, mỗi thử thách đều mở ra một cơ hội mới. Những thử thách giúp phát triển tiềm năng bởi vì nó phát hiện những điểm yếu và chúng ta có thể sửa chữa và củng cố những sai sót của mình cho một tương lai tốt hơn. Việc sử dụng Blended learning trong dạy học cho các môn khoa học xã hội và nhân văn, trường Đại học Đồng Tháp cũng mới bước

đầu được triển khai nên vẫn cần thêm thời gian thử nghiệm và nhân rộng ra các học phần khác.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Thủ tướng Chính phủ: Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 3-6-2020 phê duyệt “Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.
2. Tô Hồng Nam (2020), Chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo: Thực trạng và giải pháp, *Tạp chí TT&TT số 2*, tháng 4/2020.
3. Trần Huy Hoàng & Nguyễn Kim Đào (2014), Tổ chức hoạt động dạy học theo B-learning Đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo sau 2015, *Tập san Nghiên cứu khoa học*, số 5, trang 66 - 74, ĐHSP Huế, 11/2014.
4. Phạm Kim Nam (2017), Cách mạng Công nghiệp 4.0 và cơ hội của Việt Nam.
5. Laurillard, D. 2016. “Teaching as a Design Science: What it Takes to Learn” Filmed at UCL Knowledge Lab, London: Lecture Video.
6. Rooney, J. E. (2003). Blending learning opportunities to enhance educational programming and meetings. *Association Management*, 55(5), 26-32.

CÁC TIÊU CHUẨN VÀ QUY TRÌNH THIẾT KẾ BÀI GIẢNG TRÊN HỆ THỐNG HỌC TẬP TRỰC TUYẾN

THS. PHẠM VĂN THANH

Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam

Ngày nhận: 23/5/2023; Ngày sửa: 23/5/2023;
Duyệt đăng: 25/5/2023

SCORM (Sharable Content Object Reference Model) là một chuẩn kỹ thuật được sử dụng trong e-learning để đảm bảo tính tương thích giữa các nội dung học tập và các hệ thống quản lý học tập (LMS - Learning Management System). SCORM định nghĩa các quy tắc và yêu cầu kỹ thuật để đảm bảo tính tương thích giữa các nội dung học tập và các hệ thống LMS khác nhau, giúp cho các nội dung được phát triển bởi các nhà cung cấp khác nhau có thể tương thích với nhau. SCORM cũng cung cấp các tiêu chuẩn cho việc quản lý, theo dõi và đánh giá quá trình học tập của người học trên các hệ thống LMS.

xAPI (Experience API), còn được gọi là Tin Can API, là một chuẩn kỹ thuật tiên tiến hơn SCORM trong việc ghi nhận hoạt động học tập của người dùng trên các nền tảng học tập trực tuyến và offline.

xAPI sử dụng cấu trúc dữ liệu "statement" để lưu trữ thông tin về các hoạt động học tập, bao gồm các thành phần như: đối tượng hành động (người học), hành động (như xem, đọc, hoàn thành), mục tiêu học tập (như khóa học, bài kiểm tra, tài nguyên học tập), và kết quả học tập (như điểm số, thời gian hoàn thành).

Với xAPI, các nhà phát triển và quản lý học tập có thể thu thập thông tin chi tiết hơn về quá trình học tập của người học và phân tích dữ liệu để cải thiện trải nghiệm học tập và hiệu quả của chương trình đào tạo.

Điểm giống và khác nhau giữa SCORM và xAPI
Cả SCORM và xAPI đều là các chuẩn kỹ thuật để hỗ trợ việc phát triển và quản lý nội dung học tập trực tuyến, tuy nhiên có một số điểm khác nhau đáng chú ý:

Giống nhau:

- Cả SCORM và xAPI đều hỗ trợ việc ghi nhận hoạt động học tập của người dùng.
- Cả hai chuẩn kỹ thuật đều cho phép các nhà phát triển học tập xác định, đánh giá và theo dõi tiến độ học tập của người dùng trên các nền tảng học tập khác nhau.
- Cả SCORM và xAPI đều cung cấp các tiêu chuẩn và quy tắc để đảm bảo tính tương thích giữa các nội dung học tập và các hệ thống LMS khác nhau.

Khác nhau:

- SCORM chỉ ghi nhận hoạt động học tập trên các khóa học trực tuyến, trong khi xAPI còn ghi nhận hoạt động học tập trên các ứng dụng, thiết bị hoặc tài nguyên học tập khác như mô phỏng, trò chơi, bài kiểm tra, tài liệu PDF, video và audio.
- xAPI sử dụng cấu trúc dữ liệu "statement" để lưu trữ thông tin về các hoạt động học tập, cho phép thu thập thông tin chi tiết hơn về quá trình học tập của người dùng và phân tích dữ liệu để cải thiện trải nghiệm học tập và hiệu quả của chương trình đào tạo. Trong khi đó, SCORM sử dụng cấu trúc dữ liệu "lesson" và "assessment" để lưu trữ thông tin về tiến độ học tập của người dùng.

• Cách thức triển khai của SCORM và xAPI cũng khác nhau, với SCORM cần một phần mềm hoặc hệ thống LMS để chạy nội dung học tập, trong khi đó xAPI có thể được triển khai trực tiếp trong các ứng dụng hoặc thiết bị học tập.

Xu hướng sử dụng tiêu chuẩn nào trong tương lai?

Hiện nay, việc sử dụng chuẩn nào trong tương lai vẫn chưa thể dự đoán chính xác vì cả SCORM và xAPI đều có những ưu điểm và hạn chế riêng. Tuy nhiên, có một số xu hướng cho thấy sự dịch chuyển từ SCORM sang xAPI trong những năm gần đây:

1. Tính linh hoạt: Với tính năng ghi nhận hoạt động học tập trên nhiều nền tảng và thiết bị khác nhau,



Nguồn: xapi.com/blog

xAPI giúp người dùng có trải nghiệm học tập linh hoạt hơn so với SCORM.

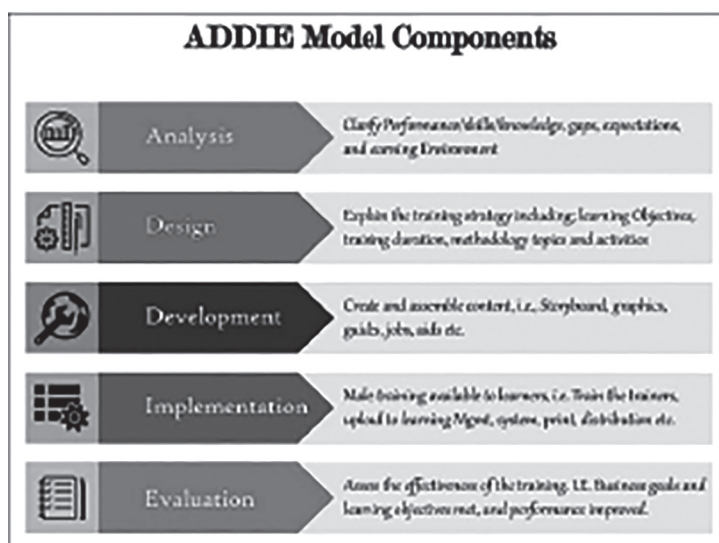
2. Tính hiệu quả: Với cấu trúc dữ liệu "statement" và khả năng phân tích dữ liệu chi tiết hơn, xAPI giúp các nhà phát triển học tập đánh giá hiệu quả hơn và cải thiện chương trình đào tạo một cách nhanh chóng và chính xác.

3. Công nghệ mới: Với sự phát triển của các công nghệ mới như trí tuệ nhân tạo, học sâu, học máy, xAPI

là một nền tảng tốt để kết hợp và phát triển các ứng dụng học tập thông minh và đa dạng hơn.

Tuy nhiên, vẫn có một số nhược điểm của xAPI cần được cân nhắc, bao gồm chi phí triển khai, đào tạo người dùng và tính tương thích với các hệ thống LMS hiện có. Do đó, việc sử dụng chuẩn nào phụ thuộc vào mục đích sử dụng, đối tượng người dùng và tình hình phát triển của công nghệ học tập trong tương lai.

Quy trình thiết kế bài giảng theo mô hình ADDIE bao gồm 5 bước chính như sau:



Nguồn: <https://vncmd.com/>

Bước 1: Phân tích nhu cầu học tập (Analysis): Bước này nhằm mục đích xác định nhu cầu học tập của người học, các đối tượng học tập, mục tiêu học tập, tài nguyên và điều kiện học tập để xác định các yêu cầu của bài giảng.

Bước 2: Thiết kế bài giảng (Design): Bước này bao gồm lựa chọn phương pháp giảng dạy, nội dung giảng dạy, cấu trúc bài giảng, tài liệu học tập, các hoạt động học tập, cũng như các tiêu chí đánh giá hiệu quả của bài giảng.

Bước 3: Phát triển bài giảng (Development): Bước này là giai đoạn tạo ra các nội dung học tập dựa trên bài giảng được thiết kế trong bước 2. Ở giai đoạn này, người thiết kế sẽ tạo ra các tài liệu, đoạn video, slide trình chiếu, thiết kế giao diện trực tuyến, v.v.

Bước 4: Triển khai (Implementation): Bước này nhằm mục đích triển khai bài giảng đã phát triển ở bước 3 cho người học. Các nội dung học tập sẽ được cung cấp cho người học thông qua các phương tiện giảng dạy khác nhau như lớp học trực tuyến, khóa học trực tuyến, video giảng dạy, tài liệu học tập, v.v.

Bước 5: Đánh giá và cải tiến (Evaluation): Bước này nhằm mục đích đánh giá hiệu quả của bài giảng đã triển khai. Những phản hồi và đánh giá từ người học sẽ được thu thập để đánh giá hiệu quả của bài giảng và đưa ra cải tiến cho các phiên bản bài giảng trong tương lai.

Tóm lại, quy trình thiết kế bài giảng theo mô hình ADDIE là một quá trình chuẩn mực để tạo ra các bài giảng chất lượng, đảm bảo đáp ứng các mục tiêu học tập và mang lại hiệu quả cho người học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- <https://xapi.com/>
- <https://atomi.vn/elearning/dinh-nghia-va-su-khac-biet-giua-scorm-va-xapi/>
- <https://vncmd.com/chuyen-de/nhan-su/mo-hinh-addie/>
- <https://mikotech.vn/mo-hinh-addie/>
- <https://vmpttraining.com/vong-lap-5-buoc-trien-khai-chuong-trinh-dao-tao-voi-addie/>

NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO (AI) VÀ GPT GIÚP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG DẠY HỌC TRONG TRƯỜNG ĐẠI HỌC

THS. VŨ LAN PHƯƠNG

Trường Đại học Mở Địa Chất

Ngày gửi: 24/5/2023; Ngày sửa: 24/5/2023; Duyệt đăng: 24/5/2023

Tóm tắt:

Thời gian vừa qua thế giới đã ngỡ ngàng về sự ra đời của ChatGPT, đã có rất nhiều các quốc gia, nhà khoa học cho ra những ý kiến khác nhau về AI - ChatGPT. ChatGPT được ra mắt dưới dạng nguyên mẫu vào tháng 11 năm 2022 và nhanh chóng thu hút sự chú ý nhờ việc nó có thể hồi đáp chi tiết và trả lời lưu loát trên nhiều lĩnh vực kiến thức khác nhau. Độ chính xác không đồng đều về dữ kiện thực tế của nó được xác định là một hạn chế đáng kể, những theo thời gian những vấn đề này sẽ được hoàn thiện.

ChatGPT đặt ra thách thức cho rất nhiều ngành nghề, lĩnh vực khác nhau trong xã hội, nhưng hơn hết sự quan tâm được các quốc gia, các chuyên gia nhìn về ngành giáo dục, nơi tạo ra những con người tri thức làm chủ công nghệ trong hiện tại và tương lai. Bài toán đặt ra cho ngành giáo dục là làm thế nào để làm chủ công nghệ AI - GPT (Ứng dụng ChatGPT) trong công tác quản lý giáo dục, công tác giảng dạy và học tập ngày càng được nâng cao, đáp ứng xu thế giáo dục thông minh, sử dụng trí tuệ nhân tạo theo xu hướng GPT, Data centric hiện nay đang là một vấn đề rất quan trọng được mọi người quan tâm. Do đó, cần phải nghiên cứu để xuất các biện pháp phù hợp để từng bước nâng cao chất lượng giảng dạy của giáo viên, chất lượng học tập của học sinh góp phần thúc đẩy nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo

Một số khái niệm, thuật ngữ dùng trong bài viết:

- **AI (Tiếng anh: Artificial Intelligence)- Trí tuệ nhân tạo:** Là trí thông minh được thể hiện bằng máy móc, trái ngược với trí thông minh tự nhiên của con người. Thông thường, thuật ngữ "trí tuệ nhân tạo" thường được sử dụng để mô tả các máy móc (hoặc máy tính) có khả năng bắt chước các chức năng "nhận thức" mà con người thường phải liên kết với tâm trí, như

"học tập" và "giải quyết vấn đề".

Nguồn: <https://vi.wikipedia.org>

- **GPT (viết tắt của Generative Pre-training Transformer):** là một mô hình tạo văn bản AI được viết bởi Alec Radford sau đó được phát triển tại OpenAI của Elon Musk. Năm 2018, GPT chính thức được ra mắt, nó sử dụng một mô hình ngôn ngữ tổng quát bao gồm hai mạng thần kinh tự cạnh tranh để hoàn thiện lẫn nhau. Chỉ dựa trên dữ liệu đầu vào hạn hẹp, GPT có thể tạo ra những đoạn văn bản hoàn chỉnh.

Nguồn: <https://vi.wikipedia.org>

- **Chat GPT, viết tắt của Chat Generative Pre-training Transformer:** là một chatbot do công ty OpenAI của Mỹ phát triển và ra mắt vào tháng 11 năm 2022, và nhanh chóng thu hút sự chú ý nhờ việc nó có thể hồi đáp chi tiết và trả lời lưu loát trên nhiều lĩnh vực kiến thức khác nhau. Độ chính xác không đồng đều về dữ kiện thực tế của nó được xác định là một hạn chế đáng kể.

Nguồn: <https://vi.wikipedia.org>

- **Data-centric AI là:** việc lập trình tập trung vào dữ liệu thay vì code. Đặt dữ liệu vào trung tâm của bài toán đồng nghĩa với việc cần nhiều thời gian và nguồn lực hơn cho quy trình dán nhãn, quản lý, tổng hợp và chuẩn hóa dữ liệu.

<https://product.vinbigdata.org>

I. Đặt vấn đề:

ChatGPT đã tạo làn sóng ảnh hưởng tới mọi lĩnh vực đời sống, trong đó có giáo dục là ngành được nhiều chuyên gia quan tâm nhất. Ngày 13/2/2023, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã tổ chức Toạ đàm "ChatGPT, Trí tuệ nhân tạo - Lợi ích và thách thức đối với giáo dục". Hội thảo, 5 lĩnh vực chính trước "cơn sốt ChatGPT" được đặt ra gồm: (1) Cần có chính sách tạo hành lang quản lý ứng dụng công nghệ mới vào thực tiễn; (2) xây dựng hạ tầng số đảm bảo thu hẹp khoảng cách trong giáo dục; (3) cơ sở dữ liệu của ngành Giáo dục; (4) đào tạo

hiệu quả cán bộ quản lý và giáo viên trong việc thích ứng và sử dụng công nghệ; (5) xây dựng khung năng lực số dành cho học sinh. Tại hội thảo, Thứ trưởng Hoàng Minh Sơn nhấn mạnh, dữ liệu, thông tin, kiến thức, tri thức thì càng chia sẻ nhiều càng giá trị. Nhiệm vụ của ngành Giáo dục không chỉ chia sẻ thông tin mà còn chia sẻ kiến thức, tri thức nên đem đến lợi ích lớn lao cho người dân, cho xã hội. Với công nghệ, một số việc của con người đã được làm thay. Công nghệ giáo dục nổi lên từ nhiều năm nay, ứng dụng trong dạy học trực tuyến và trí tuệ nhân tạo. “Đây là một cơ hội rất lớn mà chúng ta cần phải có những chính sách kịp thời. Trước hết, chúng ta cần bắt đầu thay đổi nhận thức, cách nhìn nhận những công nghệ này, cách đón nhận nó. Tâm thế đón nhận của các học sinh, nhà giáo, nhà quản lý giáo dục sử dụng, cảm nhận, trải nghiệm công nghệ để hiểu hơn và cùng thảo luận, tiếp tục làm rõ hơn lợi ích mà ChatGPT mang lại, tương lai phát triển của ChatGPT và những công nghệ khác. Điều này, đòi hỏi mọi trường Đại học cần có những cái nhìn tổng thể và toàn diện để đưa công nghệ này vào ứng dụng trong công tác dạy và học phù hợp với đặc điểm riêng của trường.

II. Cơ sở lý luận, thực trạng và những thách thức đặt ra trường đại học

1. Cơ sở lý luận:

Theo Phó Chủ nhiệm Ủy ban Văn hóa, Giáo dục của Quốc hội Nguyễn Thị Mai Hoa, giáo dục đại học thời gian qua đã thực sự có quá trình chuyển mình ngày càng mạnh mẽ để đáp ứng kỳ vọng của xã hội, của Đảng, của Nhà nước, của mỗi một người dân về giáo dục đại học, đặc biệt năm 2012 chúng ta có Luật chuyên ngành về giáo dục đại học và được sửa đổi năm 2018, nhiều vấn đề vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện đã được tháo gỡ bằng hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật.

Trong cuộc họp Ban chỉ đạo cải cách hành chính và Ban chỉ đạo chuyển đổi số của Bộ Giáo dục và Đào tạo Bộ GD&ĐT. Bộ trưởng Nguyễn Kim Sơn chủ trì phiên họp thường kỳ cho biết, đối với cơ sở dữ liệu về giáo dục đại học, Bộ GD&ĐT đã hoàn thành việc xây dựng về hạ tầng kỹ thuật và đang triển khai thu thập dữ liệu từ các cơ sở giáo dục trên cả nước.

Năm 2022, Tổ chức xếp hạng Times Higher Education công bố kết quả xếp hạng đại học Thế giới 2023 (THE WUR 2023). Theo đó, Việt Nam có 6 cơ sở giáo dục đại học lọt vào bảng xếp hạng THE WUR 2023.

Kết quả xếp hạng cho thấy sự hội nhập của giáo dục đại học Việt Nam với thế giới đang từng bước phát triển và gia tăng đáng kể. Dựa trên việc phân tích các dữ liệu thống kê kết quả kiểm định chất lượng các cơ sở giáo dục và chương trình đào tạo của các trường Đại học tại Việt Nam thời gian gần đây, có thể nhận dạng những thành tựu cốt lõi của giáo dục Đại học Việt Nam đặt trong các xu hướng của giáo dục Đại học thế giới hiện nay như sau:

Xu hướng thứ nhất: Chương trình giảng dạy chú trọng các năng lực cần thiết trong môi trường làm việc tương lai

Xu hướng thứ hai: Áp dụng các phương pháp giảng dạy dựa trên khoa học của việc học tập và chấp nhận phương pháp học tập chủ động

Xu hướng thứ ba: Mở rộng địa điểm và thời gian học tập cho người học

Xu hướng thứ tư: Hỗ trợ người học sẵn sàng cho lực lượng lao động, được chăm sóc sức khỏe thể chất và tinh thần

Xu hướng thứ năm: Đổi mới quản trị đại học

2. Thực trạng ChatGPT ứng dụng trong ngành giáo dục:

Trong thời gian ngắn khi ChatGPT ra đời đã có rất nhiều phản hồi được cộng đồng sinh viên, chuyên gia công nghệ, giáo viên trực tiếp trải nghiệm đưa ra những kết quả của mình, với kết luận ChatGPT còn nhiều điểm hạn chế, chưa chính xác,... nhưng theo thời gian nó sẽ dần hoàn thiện và hướng đến cá nhân hóa người dùng, học theo những thuật toán thông minh được ứng dụng vào. Theo GS.TS. Lê Ngọc Hùng thì cuộc chơi của khoa học công nghệ hiện đại sẽ ngày càng phát triển và đổi thay, các nhà quản lý trước khi đưa bất cứ vấn đề công nghệ mới nào vào trường học, hoạt động giáo dục cần cân nhắc kỹ: (1) điều đó có làm giảm nhẹ công việc cho người giáo viên không? (2) Có đem lại hứng thú không? (3) Có tăng năng suất, hiệu suất công việc không? (4) Có mang lại chất lượng và hiệu quả hơn không? (5) Có tăng thêm thu nhập không?.

Trong việc ứng dụng AI-GPT vào giảng dạy và nghiên cứu theo GS.TS. Trần Trung - Giám đốc Học viện Dân cho rằng, các hãng công nghệ đưa ra các công cụ cho người dùng sẽ phụ thuộc vào khả năng sử dụng thông thái và phù hợp của người dùng. Trong giảng dạy hay nghiên cứu, con người cần phải hiểu bản chất của công cụ và nó cung cấp dịch vụ ra sao.

ChatGPT cũng chỉ là một chatbot, nó không đại diện cho AI và AI cũng chỉ là một trong những lĩnh vực của công nghệ số. Vì vậy, có thể sử dụng nhiều ứng dụng chatbot khác nhau cho những mục đích khác nhau và tránh việc “tin cây hóa” hay tuyệt đối hóa các công cụ này. Cùng với xu hướng này PGS.TS. Vũ Trọng Lương cho rằng đây là một công cụ rất hữu ích và thuận tiện trong giáo dục, có thể nâng cao khả năng học tập, giảng dạy, tăng cường tính tương tác và trải nghiệm khả năng học tập, cải thiện giảng dạy và khả năng đánh giá, phân tích. Nếu sử dụng đúng cách, khoa học và có sự hỗ trợ của con người thật thì sẽ tạo được tính chính xác, hiệu quả trong quá trình học tập của người học.

3. Thách thức đặt ra

ChatGPT tạo ra nỗi lo liên quan tới đạo đức người học. ChatGPT có thể trở thành công cụ khiến sinh viên lạm dụng và sử dụng trong gian lận thi cử. Điều này đặt ra thách thức lớn cho thầy cô giáo và những người quản lý giáo dục trong việc đánh giá chất lượng thật của mỗi kết quả học sinh mang lại.

Theo GS.TS. Hồ Tú Bảo - Viện Nghiên cứu cao cấp về Toán chia sẻ về các xu hướng AI tác động đến giáo dục cho biết, hiện nay nhiều quốc gia trên thế giới đã sử dụng AI như một công cụ chuyên dụng nhằm giải quyết các vấn đề cụ thể của cuộc sống. Công nghệ AI có thể cải thiện được năng lực trí tuệ của con người, AI cũng đang làm thay đổi cách truyền đạt kiến thức của người dạy và cách tiếp thu kiến thức của người học. "Trong môi trường số, gia đình, nhà trường và xã hội đang cùng nhau tạo ra những thay đổi tác động lên giáo dục. Vậy chúng ta phải thay đổi cách làm, cách nghĩ như thế nào khi không chỉ có nhà trường, gia đình mà công nghệ cũng đang góp phần mang đến kiến thức cho người học?".

Trong lĩnh vực kiểm tra đánh giá, PGS.TS. Vũ Trọng Lương - Khoa Quản trị Chất lượng trích dẫn một số báo cáo khoa học cập nhật nhất hồi tháng 2/2023 của tác giả Thomas K.F. Chiu và cộng sự liên quan đến việc ứng dụng AI trong kiểm tra đánh giá: "AI mang đến những ưu thế trong việc xây dựng các bài kiểm tra adaptive test phù hợp với năng lực và đặc điểm của người học; cung cấp hệ thống chấm điểm tự động với trải nghiệm tự luận và trình diễn; cuối cùng là cung cấp dự đoán khả năng, năng lực của người học dựa trên dữ liệu thu được từ thái độ và biểu hiện học tập trên nền tảng trực tuyến". AI cũng được ứng dụng trong

tổ chức thi cử, giám sát gian lận, phát triển và chuẩn hoá câu hỏi thi trong lĩnh vực khảo thí...

III. Khuyến nghị một số giải pháp ứng dụng AI - GPT nâng cao chất lượng dạy học

Xu hướng giáo dục kết hợp với công nghệ là điều tất yếu trong ngành giáo dục, để hiểu rõ và làm chủ công nghệ phục vụ cho việc dạy và học là rất cần thiết, và hiện nay việc AI-GPT (ChatGPT) đang đặt ra những thách thức cho ngành giáo dục những cũng là cơ hội để thầy, cô giáo cùng học sinh nghiên cứu quy luật, tính năng, ứng dụng và làm chủ công nghệ để phục vụ cho chính công việc giảng dạy và học tập của mình giúp tiết kiệm thời gian, nâng cao kiến thức trong chính các môn học của mình thông qua kho dữ liệu lớn của nhân loại được AI-GPT tổng hợp lại cung cấp cho chúng ta. Sau đây tác giả xin đưa ra một số giải pháp ứng dụng AI - GPT nâng cao chất lượng dạy học trong trường Đại học như sau:

1. Đối với người dạy:

Lấy người học là trung tâm, dạy học dựa trên nhu cầu của người học được thiết kế thông minh, tổ chức các khóa học cho các sinh viên khoa học có tính định hướng cao, hướng người học tới việc nghiên cứu công nghệ, các công cụ công nghệ hỗ trợ học tập khai thác dữ liệu học tập phù hợp và thông minh nhất, điều đó đòi hỏi mọi giáo viên, nhà quản lý giáo dục cần:

- Thay đổi phương pháp giảng dạy, thu thập dữ liệu, tài liệu nghiên cứu xây dựng bài giảng và cách thức tương tác với sinh viên bằng việc biến AI-GPT (ChatGPT) trở thành trợ lý ảo cho giảng viên, nhà quản lý giáo dục (nhà trường), cụ thể:

- + Tạo ra các bài giảng tương tác: ChatGPT có thể tạo ra các bài giảng tương tác để hỗ trợ giảng dạy của giảng viên. Bằng cách sử dụng các câu hỏi và câu trả lời, ChatGPT có thể giúp giảng viên tạo ra các bài giảng thú vị và hấp dẫn, đồng thời đảm bảo rằng các thông tin được truy cập đến các nguồn trích dẫn cụ thể và chi tiết đến tác giả, đầu sách,...

- + Trong giao tiếp trực tuyến giữa sinh viên và giáo viên: ChatGPT có thể được sử dụng để tạo ra một phòng chat trực tuyến giữa sinh viên và giáo viên trong đó họ có thể trao đổi thông tin và giải đáp các thắc mắc của sinh viên. Điều này giúp tăng cường sự tương tác giữa giáo viên và sinh viên, giúp sinh viên hiểu rõ hơn và giải quyết được các vấn đề đang gặp phải trong quá trình học tập.

- Nâng cao năng lực sử dụng các công cụ công nghệ cho giảng viên, nhà quản lý giáo dục, điều này sẽ giúp giảng viên, nhà quản lý giáo dục (nhà trường) tiết kiệm thời gian, cụ thể:

+ ChatGPT giúp cho giảng viên soạn giáo án, giải đáp thắc mắc, nhận xét kết quả học tập của sinh viên với sự giúp đỡ của ChatGPT.

+ ChatGPT giúp nhà quản lý giáo dục (nhà trường) giảm bớt khối lượng công việc, tăng năng suất, hiệu quả và chất lượng

2. Đối với người học:

- Sinh viên phải biết và ứng dụng công nghệ phục vụ cho việc học tập, bằng việc ngay từ khi bắt đầu bước chân vào trường Đại học, các sinh viên cần được trang bị kiến thức về công nghệ và ứng dụng công nghệ vào trong học tập, cụ thể: ChatGPT có khả năng tóm tắt bài học, tài liệu học tập, nghiên cứu chuyên sâu, tìm kiếm thông tin một cách nhanh chóng, điều mà sinh viên tốn rất nhiều thời gian mới có thể tổng hợp được tài liệu từ nhiều nguồn khác nhau.

- Hình thành thói quen tìm kiếm tài liệu bằng công nghệ kết hợp với việc học tập và luyện tập làm bài, thi thử thông qua các ứng dụng công nghệ thông minh, cụ thể: ChatGPT có thể được sử dụng để cung cấp tài liệu và tài nguyên học tập cho sinh viên, như tài liệu giảng dạy, tài liệu tham khảo và đề thi.

3. Đối với nhà trường:

- Đầu tư hạ tầng công nghệ và các phần mềm ứng dụng phục vụ cho giảng viên, nhà quản lý và sinh viên theo cấu trúc riêng của Trường Đại học Mở Địa Chất.

- **Tạo ra một ứng dụng GPT-Chatbot trợ giúp sinh viên:** Ứng dụng này có thể được sử dụng để giúp sinh viên tìm kiếm thông tin về trường các khoa, các khóa học, chương trình đào tạo và cơ hội học bổng. Ngoài ra, chatbot cũng có thể giúp sinh viên giải đáp các câu hỏi liên quan đến đề tài nghiên cứu, các vấn đề liên quan đến các chương trình học tập chuyên ngành của mình.

- **Nhà trường tổng hợp các công nghệ mới nhất phục vụ cho giáo dục:** Việc này sẽ trợ giúp sinh viên tiếp cận được các công nghệ này để hỗ trợ cho việc học tập, thực hành các bài học chuyên ngành cần tính tương tác và luyện tập nhiều, việc giới thiệu các công nghệ tích hợp các ứng dụng chuyên ngành mới nhất sẽ giúp sinh viên trải nghiệm, nâng cao chất lượng học tập của mình tại trường.

Kết luận

AI-GPT (ChatGPT) mang lại cho người dạy và học rất nhiều lợi ích, đồng thời cũng đặt ra những yêu cầu bắt buộc giúp cho các bên liên quan đến ngành giáo dục phải thích ứng và phát triển toàn diện trong thời đại 4.0 hiện hữu.

Ngay sau khi ra mắt, ChatGPT đã tạo nên cơn sốt chưa từng thấy trong giới sinh viên. ChatGPT đã giúp sinh viên tìm kiếm, tổng hợp thông tin một cách nhanh, hiệu quả nhất, nhờ vậy sinh viên tiết kiệm thời gian, công sức xử lý các công việc đơn giản để từ đó tập trung vào tư duy những vấn đề mới cần khả năng phản biện cao và sắc.

ChatGPT ra đời là một công cụ hỗ trợ người dạy hiệu quả, giảng viên sử dụng công cụ này để giải quyết các công việc của mình một cách thông minh, hiệu quả và nhanh nhất, điều này giúp giảng viên có nhiều thời gian tư duy nâng cao chất lượng giảng dạy, hiểu và đánh giá sinh viên một cách toàn diện, rõ ràng hơn. ChatGPT ra đời cũng đặt ra áp lực thay đổi phương pháp giảng dạy, người thầy không ngừng học công nghệ, làm chủ công nghệ, vận dụng công nghệ vào đào tạo, lúc này người thầy không chỉ là người cung cấp tri thức mà vừa là nhà công nghệ, là nhà tư vấn - cố vấn cho sinh viên.

Tuy ChatGPT có một số những hạn chế về ngôn ngữ và những câu hỏi mang tính riêng, quốc gia, vùng miền,.. nhưng nếu giảng viên, nhà quản lý giáo dục, sinh viên hiểu đúng bản chất của nó ứng dụng vào trong dạy học, quản lý, học tập đúng mục đích, đúng thời điểm sẽ tạo ra những kết quả chất lượng thay vì lạm dụng ChatGPT vào những việc không trong sáng./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. <https://moet.gov.vn>
2. <https://vi.wikipedia.org>
3. <https://daibieunhandan.vn/giao-duc--y-te1/5-xu-huong-va-5-thach-thuc-cua-giao-duc-dai-hoc-i314613/>
4. <https://vinbigdata.org>
5. <https://funix.edu.vn>
6. <https://education.vnu.edu.vn/index.php/WebControl/viewnews/2791>
7. <https://giaoduc.net.vn/giao-duc-doi-dau-voi-suc/>

"BÁNH MÌ" BAGUETTE: CẦU NỐI VĂN HÓA ẨM THỰC PHÁP - VIỆT "BÁNH MÌ" BAGUETTE: CUTURAL BRIDGE - A TASTE FOR CONNECTION FRANCE - VIETNAM

THS. ĐỖ THỊ THU TRANG

Khoa Tiếng Pháp - Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

TÓM TẮT: Ẩm thực đóng vai trò vô cùng quan trọng trong việc duy trì sự sống và phát triển cả thể chất lẫn tinh thần của con người. Ngày nay, khi xã hội ngày càng phát triển, nhu cầu của cuộc sống tăng lên, thị hiếu ẩm thực con người vì thế cũng được nâng cao, ai cũng muốn được thưởng thức những bữa ăn ngon, đảm bảo dinh dưỡng và đẹp mắt. Dần dần ẩm thực đã trở thành một trong những nhu cầu hưởng thụ được con người đặt lên hàng đầu trong đời sống hàng ngày.

Mỗi đất nước, mỗi quốc gia, mỗi vùng miền đều có những bản sắc văn hoá riêng, trong đó có văn hoá ẩm thực. Thông qua ẩm thực, yếu tố văn hóa được quảng bá rộng rãi hơn đến mọi người, không chỉ có thực khách trong nước mà cả quốc tế. Có những món ăn khi nhắc đến sẽ là đại diện hình ảnh cho cả một dân tộc, ví dụ như: kim chi (Hàn Quốc), sushi (Nhật Bản); lẩu thái (Thái Lan), pasta (Ý), cà ri (Ấn Độ), bánh macaron (Pháp) ... và bánh mì (Việt Nam). Tuy nhiên, ít ai biết rằng chiếc bánh mì của người Việt Nam bây giờ lại có nguồn gốc từ phương Tây, cụ thể là nước Pháp.

Từ khóa: ẩm thực, văn hóa, bánh mì, so sánh đối chiếu, Việt Nam, Pháp.

Ngày nhận: 19/5/2023; Ngày sửa: 22/5/2023; Duyệt đăng: 25/5/2023

"BÁNH MÌ" BAGUETTE: CUTURAL BRIDGE - A TASTE FOR CONNECTION FRANCE - VIETNAM

ABSTRACT: Food plays an important part in the development of nations as well as the physical and mental life of people. along with the development of society and basic needs, people's requirements for food also improve. Hence, people nowadays prefer meals and food with good qualities rather than quantity. A meal is not only what we eat but also how the food is served, the story behind each plat, etc. Gastronomy has then become a way to enjoy life for many people.

Each country, each nation, each region has its

own cultural traits included gastronomy specialities. It's also via those famous plats of each place that people around the world get to know places better. A certain plats became the symbol of many countries such as: Kim Chi for Korea, Sushi for Japan, Pasta for Italy, a variety of curry and India, Macaron for France... and Banh mi for Vietnam. However, it's not so well known yet that the originality of this famous Vietnamese street is actually France.

Keywords: culinary, culture, "bánh mì", comparison, Vietnam, France.

1. Đặt vấn đề

Ẩm thực Việt được đánh giá có rất nhiều món ngon và tinh tế đủ sức quyến rũ làm cho các thực khách nước ngoài không thể nào quên. Trong đó, chiếc bánh mì bình dân của Việt Nam là một món ăn hiện rất hot, thậm chí có thể gọi là nổi đình nổi đám ở nước ngoài. Trong những năm gần đây, bánh mì ngày càng thăng hạng trên bản đồ ẩm thực thế giới khi liên tục lọt vào top những món ăn ngon, "lên sóng" trên những tờ báo lớn và xuất hiện trên trang chủ Google.

Để được nổi tiếng như hiện nay, bánh mì Việt Nam đã trải qua nhiều thăng trầm lịch sử. Từ chiếc bánh mì dài mà người Pháp mang đến khi đô hộ đất nước ta, đến ổ bánh mì kẹp các loại nhân làm từ đặc sản của các vùng, miền trên cả nước.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Lịch sử ra đời

* Bánh mì dài baguette Pháp

Có rất nhiều giả thuyết về lịch sử ra đời của chiếc bánh mì dài này:

- Giả thuyết thứ nhất: Thời Napoléon do lính phải di chuyển nhiều, người làm bánh mì của Napoléon đã nghĩ ra cách nặn cái bánh dài để dễ nhét vào túi quần, sử dụng tiện hơn bánh tròn to.

- Giả thuyết thứ hai: khoảng cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20, trong khi xây dựng đường tàu điện ngầm Paris, thợ đào hầm đều mang theo dao díp để cắt bánh mì tròn bự. Đôi khi thợ gây lộn ẩu đã gây thương tích bằng chính loại dao cắt này. Viên kỹ sư Fulgence Bienvenüe phụ trách thi công đã đề nghị người cung cấp bánh mì làm sao không cần dao vẫn cắt được

bánh. Vì thế người thợ bánh mì đã sáng chế ra cái bánh mì Baguette, dài, giòn bẻ bằng tay không cần cắt.

- Giả thuyết thứ ba: Đây là giả thuyết được nhiều người đồng ý nhất: Bánh mì Pháp có nguồn gốc từ Áo. Vào thế kỷ XVIII, nước Pháp thời bấy giờ nằm dưới quyền trị vì của vua Louis XVI và vợ ông, bà Marie Antoinette là người gốc Áo. Khi sang đất Pháp làm hoàng hậu, bà vẫn không quên mang theo những âm hưởng của nước Áo quê hương, đặc biệt là trên lĩnh vực ẩm thực. Nhiều người thợ làm bánh giỏi nhất ở thủ đô Vienna của Áo đã được triệu sang Pháp để phục vụ các bữa ăn hoàng gia. Đây chính là cách mà bánh mì được du nhập vào nước Pháp.

Vào thời điểm đó, bánh mì này chỉ được dành cho giới hoàng gia chứ không được phổ biến rộng rãi trong mọi tầng lớp xã hội như bây giờ. Khi chế độ vua chúa của Pháp bị chế độ cộng hòa thay thế, quyền bình đẳng giữa mọi công dân Pháp được khẳng định, bánh mì Baguette không còn là đặc quyền của giới



2.2. Kích cỡ

quý tộc và hoàng gia nữa mà là của tất cả mọi người.

* *Bánh mì đường phố Việt Nam*

Bánh mì được người Pháp mang vào Việt Nam lần đầu để phục vụ binh lính suốt thời Pháp đô hộ Đông Dương đến khi thất bại ở Điện Biên Phủ năm 1954. Sau đó, dưới bàn tay của các thợ làm bánh mì Việt tài ba, những ổ bánh mì mang cái chất rất riêng của người Việt đã ra đời. Ban đầu chỉ có một vài địa điểm nhỏ nhưng rất nổi tiếng như bánh mì Hòa Mã, sau đó bánh mì tiếp tục được cải biên để có khổ và độ dài như hiện nay. Trải qua nhiều thăng trầm lịch sử, ngày nay bánh mì đã trở thành điểm nhấn đặc biệt trong nền ẩm thực Việt.

Món bánh dân dã ngày nay được bán trên khắp các con đường ở thành phố lớn đến thôn quê, những ổ bánh vàng ươm, giòn rụm cùng các loại nhân hấp dẫn làm ai nhìn thấy cũng phải thòm thèm. Người ta cũng không còn xem bánh mì là món ăn chơi nữa mà bánh mì đã trở thành món ăn chính cho mọi đối tượng, bánh vừa ngon vừa rẻ lại rất tiện lợi.

<i>Bánh mì Pháp</i>	<i>Bánh mì Việt</i>
	
<p>- Bánh mì Pháp thường sẽ có chiều rộng 5 - 6cm, cao 3 - 4cm nhưng có thể dài tầm 60 - 70cm và khối lượng khoảng 250 gam.</p> <p>- Đối với người Pháp, một chiếc bánh mì ngon khi có lớp vỏ bên ngoài được nướng giòn cứng và có màu rất vàng bắt mắt. Phần nhân bánh bên trong sẽ có màu trắng sáng và đặc biệt là cực kỳ mềm dẻo.</p>	<p>- Đầu thế kỷ 19, chiếc bánh mì “baguette” theo chân lính Pháp vào nước ta vẫn còn chuẩn phong cách Pháp: dài khoảng 80 cm, mềm hơn và đặc ruột. Người ta gọi bánh mì khi ấy là “ổ bánh Tây”, không phải nhà nào cũng có điều kiện để ăn.</p> <p>- Sau này để phục vụ cho mọi tầng lớp cùng được thưởng thức món bánh này và để ứng phó với tình trạng khan hiếm bột mì, những người thợ bánh mì Việt đã trộn thêm bột gạo và cho ra đời chiếc bánh mì nhỏ hơn, ruột mềm hơn. Những chiếc baguette ngày nào trở nên rỗng hơn, ruột bông xốp, trong khi vỏ ngoài giòn rụm, chiều dài chỉ khoảng 30-40 cm.</p> <p>Để làm cho bánh mì Việt Nam hấp dẫn hơn và có bản sắc riêng, thợ làm bánh đã khéo léo thêm bột nở cho ruột bánh rỗng xốp chứ không đặc. Khi ruột bánh mì rỗng, người ăn có thể kẹp vào nhiều thức ăn khác để làm tăng giá trị dinh dưỡng.</p>

2.3. Các món ăn kèm cùng bánh mì

* *Bánh mì baguette Pháp*

- Cách ăn bánh mì baguette đúng chuẩn là dùng tay bẻ thành miếng nhỏ, hoặc cắt thành từng đoạn bánh vừa ăn.

- Sau đó, người ta sẽ phết một lớp bơ, mứt hoặc ăn kèm với: patê, thịt nguội, thịt hun khói

- Bánh mì còn được ăn kèm với các loại súp rau củ, thịt ...

* *Bánh mì nhân kẹp Việt*

- Xuất phát từ việc một vài chủ tiệm bánh mì ở Sài Gòn cảm thấy việc ăn bánh mì cùng bơ, thịt nguội, pate trên đĩa (theo kiểu người Pháp) quá "cồng kềnh"



và mất thời gian, bèn nghĩ ra cách kẹp vào bánh để có thể thuận tiện mang theo. Cứ như thế, những chiếc bánh mì kẹp có mặt khắp các ngõ ngách Sài Gòn, trở thành món ăn chính, xuất hiện tại hầu khắp các đô thị cho tới vùng thôn quê Việt Nam.

- Ở dải đất chữ S này, bánh mì có thể được tìm thấy ở bất cứ thành phố nào, bất cứ con đường nào, từ khu phố lao động bình dân đến những trung tâm thương mại sầm uất, từ những vỉa hè, lề phố cho đến khách sạn sang trọng. Điều thú vị là, bạn có thể gặp đủ phiên bản khác nhau, nếm nhiều hương vị khác nhau - tương ứng với đặc trưng ẩm thực của từng thành phố, vùng miền.

+ Thành phố Hồ Chí Minh là một trong những nơi sở hữu nhiều phiên bản nhân bánh mì bậc nhất nước ta. Trong đó, bánh mì thịt nướng được coi là nổi tiếng nhất. Ngoài những viên thịt nướng vàng ươm, thơm phức, ăn rất ngậy mà không bị ngấy mỡ, ổ bánh mì giòn tan tại đây còn có sự kết hợp của dưa chua, dưa leo, hành ngò cùng nước sốt ớt cay xé, đậm đà.

+ Hà Nội chinh phục thực khách với bánh mì nem khoai. Món ăn có sự kết hợp thú vị giữa 2 loại quà vặt được giới trẻ yêu thích, khoai tây chiên và nem chua rán.

+ Hải Phòng nổi tiếng với bánh mì cay. Ổ bánh mì chỉ to gần bằng hai ngón tay, dài khoảng 20 cm, thường kẹp loại nhân duy nhất là pate, tương ớt và chút rau mùi.

Còn rất nhiều phiên bản bánh mì kẹp ở các thành phố, vùng miền khác. Ở mỗi nơi người dân đều sử dụng các loại nhân đặc biệt để mang lại một hương vị riêng cho thú bánh quốc dân này. Tuy nhiên, chúng đều có chung những đặc điểm như: tiện dụng, thơm ngon, phù hợp với mọi đối tượng và mọi lứa tuổi.

3. Kết luận

Bánh mì baguette Pháp đã trở thành một biểu tượng trong cuộc sống thường ngày của người dân Pháp. Ngày 30/11, Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên Hợp quốc (UNESCO) đã công nhận bánh mì baguette của Pháp là di sản phi vật thể của nhân loại.

Khi đến với Việt Nam, dưới bàn tay tài ba của những người thợ làm bánh, chiếc bánh mì Pháp đã trở thành một phiên bản vô cùng xuất sắc và đậm bản sắc riêng của Việt Nam: nhỏ gọn, tiện lợi và thơm ngon. Đến người Pháp khi thưởng thức món bánh mì kẹp cũng phải công nhận sự quyến rũ kì lạ đến từ hương vị khó quên này.

"Ổ bánh mì Việt sinh ra từ cuộc giao thoa văn hóa Pháp - Việt. Một ổ baguette dài với thịt nguội và bơ hoặc phô mai được thay đổi, thêm thắt, chuyển hóa thành ổ bánh mì nhỏ hơn, thêm các nguyên liệu mang đầy đủ tâm hồn Việt: rau thơm, hành, ngò, patê, thịt heo hoặc gà, chút nước sốt từ thịt, rắc muối, tiêu và cả ớt miếng, mang đủ các vị - Google giới thiệu về món bánh mì", Google giải thích như thế về biểu tượng bánh mì trên Google Doodle.

TÀI LIỆU THAM KHẢO SÁCH:

[1]. Frédéric Zégierman, *Le grand livre de la gastronomie française*, Encyclopédie par régions, 2013.

[2]. Valentin Duval, *Du pain à la baguette en machine à pain*, Moulinex Romain Pages Éditions, 2007.

[3]. Trần Tiến Dũng, *Không gian gia vị Sài Gòn*, NXB Thế giới, 2016.

[4]. Ngô Thị Giáng Uyên, *Bánh mì thơm*, cà phê đắng, NXB Trẻ, 2010.

Trang web

[1]. <https://doanhnhansaigon.vn/am-thuc/baguette-phap-va-baguette-viet-nam-van-hoa-am-thuc-cua-the-gioi-1114613.html>

[2]. <https://thanhvien.vn/hanh-trinh-banh-mi-viet-nam-1851508260.htm>

PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CHO SINH VIÊN SƯ PHẠM TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC TIỀN GIANG DEVELOPING INFORMATION TECHNOLOGY CAPACITY FOR TEACHING STUDENTS AT TIEN GIANG UNIVERSITY

ThS. LÊ PHẠM THỊ THU OANH

Trường Đại học Tiền Giang

TÓM TẮT

Ngày nay, công nghệ thông tin với sự phát triển không ngừng đã tạo ra nhiều đóng góp thiết thực cho sự phát triển của xã hội. Bên cạnh đó, sự tác động mạnh mẽ của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đã và đang ảnh hưởng sâu sắc đến mọi mặt của đời sống xã hội, đặc biệt đối với hoạt động dạy và học trong các trường đại học. Việc phát triển năng lực công nghệ thông tin cho sinh viên có vai trò vô cùng quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo của cơ sở giáo dục đại học; đồng thời tạo ra nhiều phương thức giáo dục thông minh hơn. Bài viết này đề cập đến việc định hướng phát triển năng lực công nghệ thông tin cho sinh viên sư phạm tại trường Đại học Tiền Giang nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục trong bối cảnh 4.0

Từ khóa: Năng lực công nghệ thông tin; sinh viên; Đại học Tiền Giang.

Ngày nhận: 23/5/2023; Ngày sửa: 23/5/2023; Duyệt đăng: 25/5/2023

ABSTRACT

Today, with the continuous development of science and technology, digital technology is one of the fields with the most practical contributions to the development of society. In addition, the strong impact of the industrial revolution 4.0 has been profoundly affecting all aspects of social life, especially teaching and learning activities in universities. The application of digital technology to teaching and learning plays an extremely important role in improving the quality of training and creating more intelligent education methods. This article refers to the impacts of digital technology in teaching and learning activities at Tien Giang University in order to meet the requirements of educational innovation in the context of 4.0

Keywords: Information technology capacity; student; Tien Giang University.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hiện nay, cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật với sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin đã tác động sâu sắc và trực tiếp đến mọi mặt đời sống kinh tế xã hội của tất cả các quốc gia trên thế giới, mở ra một kỉ nguyên mới đối với nhân loại - kỉ nguyên số hóa. Vì vậy, việc ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số vào tất cả các lĩnh vực trở thành một điều tất yếu. Điều này tạo ra những cơ hội nhưng đồng thời cũng là những thách thức to lớn đối với sự phát triển của kinh tế, văn hóa xã hội một quốc gia nói chung và công tác giáo dục đào tạo nói riêng.

Trong bối cảnh đó, Đảng và Nhà nước đã ban hành Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện GD-ĐT, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế chú trọng đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ các yếu tố cơ bản của GD-ĐT theo hướng coi trọng phát triển phẩm chất, năng lực của người học. Theo tinh thần của Nghị quyết thì “tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy và học theo hướng hiện đại; ... Chuyển từ học chủ yếu trên lớp sang tổ chức hình thức học tập đa dạng, chú ý các hoạt động xã hội, ngoại khóa, nghiên cứu khoa học. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy và học”. Có thể thấy, nghị quyết đã khẳng định tầm quan trọng và sự cần thiết của việc ứng dụng công nghệ thông tin vào trong hoạt động dạy và học.

Tuy nhiên, để khai thác được nguồn tài nguyên công nghệ thông tin vô tận đòi hỏi cả người dạy và người học phải được rèn luyện những kĩ năng cơ bản, cần thiết về công nghệ thông tin để có thể phát triển thành năng lực công nghệ thông tin của chính mình; đáp ứng được xu thế phát triển chung trong bối cảnh giáo dục 4.0.

Trong những năm gần đây, việc ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học được ngành giáo dục đặc

biệt quan tâm. Việc sử dụng công nghệ thông tin, công nghệ số vào trong hoạt động dạy và học đã dần thay đổi phương pháp giảng dạy học tập từ truyền thống sang phương pháp giảng dạy tích cực, giúp người dạy và người học phát huy được khả năng tư duy, sáng tạo, sự chủ động và đạt hiệu quả cao hơn. Từ mô hình lớp học tập trung đã dần chuyển sang các mô hình dạy học trực tuyến, sử dụng công nghệ thông tin và công cụ số, truyền thông để hỗ trợ các hoạt động giảng dạy, học tập, tăng cường tính tương tác giữa người học với người học, người học với người dạy.

Như vậy, có thể thấy với sự trợ giúp của công nghệ thông tin, giáo dục trong bối cảnh 4.0 đã tạo ra phương thức hoàn toàn khác, hướng đến sự phân hóa, cá thể hóa, cá nhân hóa cao độ. Hệ thống kết nối con người - thông tin - vật thể, máy móc tạo thành một chuỗi liên kết, thúc đẩy quá trình chuyển đổi thiết chế giáo dục thành một hệ sinh thái đổi mới và sáng tạo.

2. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

Bảng 1: Đánh giá về vai trò của công nghệ thông tin trong dạy học

TT	Mức độ đánh giá	Số lượng (SV)	Tỷ lệ (%)
1	Hoàn toàn không quan trọng	1	0.67
2	Không quan trọng	2	1.33
3	Bình thường	32	21.33
4	Quan trọng	95	63.33
5	Rất quan trọng	20	13.33

Kết quả thống kê cho thấy đa phần sinh viên đã nhận thức được tầm quan trọng của công nghệ thông tin trong dạy học. Điều này báo hiệu việc ứng dụng công nghệ số trong hoạt động dạy và học nhằm phát triển năng lực công nghệ thông tin cho sinh viên ngành

2.1. Thực trạng sử dụng công nghệ thông tin trong dạy học tại trường Đại học Tiền Giang

Trong bối cảnh xã hội ngày càng hiện đại, khi công nghệ số phát triển cùng với Internet ngày càng phổ biến, lượng người sử dụng điện thoại di động đã gia tăng một cách nhanh chóng. Theo thống kê của tác giả nghiên cứu tại Trường Đại học Tiền Giang, toàn trường có trên 95% người học sử dụng điện thoại thông minh hoặc laptop, ipad. Từ số liệu thống kê trên chứng tỏ việc phát triển năng lực công nghệ thông tin cho sinh viên nói chung và sinh viên ngành sư phạm nói riêng có tính khả thi.

Để tìm hiểu về vấn đề này, tác giả đã tiến hành khảo sát ngẫu nhiên 150 sinh viên sư phạm thuộc các chuyên ngành: Sư phạm Toán, Sư phạm Ngữ văn; Giáo dục tiểu học, Giáo dục mầm non tại trường Đại học Tiền Giang sơ bộ ở một số nội dung:

Đánh giá của sinh viên về vai trò của công nghệ thông tin trong dạy học

sư phạm tại trường Đại học Tiền Giang hoàn toàn có tính khả thi.

Nhận thức của sinh viên về sự cần thiết sử dụng công nghệ thông tin trong lớp học:

Bảng 2: Nhận thức của sinh viên về sự cần thiết sử dụng các công nghệ thông tin trong lớp học

TT	Mức độ cần thiết	Số lượng (SV)	Tỷ lệ (%)
1	Không cần thiết	1	0.67
2	Cần thiết	115	76.67
3	Rất cần thiết	34	22.66
Tổng		150	100

Khi khảo sát nhận thức của sinh viên về sự cần thiết của việc sử dụng công nghệ thông tin trong lớp học, đa số sinh viên đều nhận thức được sự cần thiết của việc này (76.67% nhận thức ở mức cần thiết và 22.66% nhận thức ở mức rất cần thiết). Kết quả khảo sát như trên cho thấy sinh viên đã có được sự nhận thức tương đối đúng đắn và mong muốn được tạo môi trường học tập có sử dụng công nghệ thông tin trong lớp học. Điều này là yếu tố cần thiết thúc đẩy việc ứng dụng các công cụ số hỗ trợ hoạt động dạy và học trong lớp học có chất lượng hơn, phát triển năng lực công

nghệ thông tin cho sinh viên sư phạm hiệu quả hơn.

2.2. Xác định năng lực công nghệ thông tin cần phát triển cho sinh viên sư phạm

Từ thực trạng khảo sát trên cho thấy, việc đề ra biện pháp phát triển năng lực công nghệ thông tin cho sinh viên ngành sư phạm tại trường Đại học Tiền Giang vô cùng quan trọng và cần thiết, góp phần nâng cao hiệu quả đào tạo phù hợp với yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay. Và để hiện thực hóa điều này, cần làm rõ những năng lực công nghệ thông tin cần thiết rèn luyện và phát triển cho sinh viên.

- Năng lực sử dụng các phương tiện kĩ thuật trong học tập: máy tính, máy chiếu, điện thoại thông minh, bảng tương tác,...

- Năng lực sử dụng các phần mềm, ứng dụng hỗ trợ học tập và nghiên cứu chuyên môn: word, excel, powerpoint, flash, ... các phần mềm hỗ trợ cho công việc giảng dạy trong tương lai của sinh viên ngành sư phạm: flash, stroymap, Kahoot, Edraw Mind Map, phần mềm hỗ trợ soạn bài giảng Avina Authoring Tools, LectureMarker; phần mềm hỗ trợ dạy học thí nghiệm ảo Yenka, ... Sự phát triển của công nghệ số yêu cầu người dạy và người học không ngừng nghiên cứu, cập nhật các ứng dụng công nghệ số phù hợp với hoạt động dạy và học trong lớp học.

- Năng lực khai thác và sử dụng nguồn tài nguyên thông tin trên mạng Internet một cách an toàn và hiệu quả.

- Năng lực ứng dụng công nghệ thông tin trong học tập, rèn luyện nghiệp vụ sư phạm: biết vận dụng, chia sẻ, sử dụng các công cụ kĩ thuật nâng cao để cập nhật thông tin liên quan đến lĩnh vực chuyên môn nghề nghiệp của mình; kết hợp công nghệ thông tin với truyền thông để tham khảo, chia sẻ, hợp tác tài nguyên với bạn học, giảng viên.

Theo chương trình về Phát triển bền vững 2030 của UNESCO thì việc phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin có tiềm năng lớn đối với sự phát triển kinh tế xã hội. Năng lực công nghệ thông tin là một trong những năng lực thiết yếu của công dân kĩ thuật số đang ngày càng quan trọng trong thế kỉ 21.

Đối với sinh viên sư phạm, năng lực công nghệ thông tin được xem là một năng lực bắt buộc phải có, xem đây là năng lực chung, bởi lẽ chúng ta đang sống trong một môi trường thế giới công nghệ số đã làm thay đổi cách sống, cách nghĩ và cách làm. Ngoài ra, công nghệ thông tin còn là môi trường dạy học, công cụ sư phạm, thiết bị dạy học, là chìa khóa vàng để giúp sinh viên trở thành những người giáo viên giỏi trong tương lai.

2.3. Một số biện pháp phát triển năng lực công nghệ thông tin cho sinh viên sư phạm tại trường Đại học Tiền Giang

(i) Tổ chức dạy các học phần về ứng dụng công nghệ thông tin cho sinh viên

Hiện nay, việc ứng dụng công nghệ thông tin đều được thực hiện trong tất cả các học phần nhằm đáp ứng nhu cầu đổi mới về phương pháp, hình thức dạy học ở đại học. Vì vậy, để rèn luyện năng lực công nghệ thông tin cho sinh viên nói chung và sinh viên ngành sư phạm nói riêng, học phần Ứng dụng công nghệ thông tin cần được đưa vào giảng dạy ngay từ học kì đầu tiên và trở thành học phần tiên quyết cho tất cả các ngành đào tạo. Bên cạnh đó, nên xây dựng thêm những học phần Ứng dụng công nghệ số, Các phần mềm hỗ trợ dạy học, Thiết kế và sử dụng phần mềm trong dạy học; ... trong các lĩnh vực,

trong đó có giáo dục để sinh viên có sự định hướng trong việc lựa chọn các học phần ứng dụng công nghệ số phù hợp với chuyên ngành đào tạo của mình.

Năng lực được hình thành và phát triển thông qua hoạt động vận dụng các kiến thức, kĩ năng học được để giải quyết các tình huống do cuộc sống đặt ra. Vì vậy, để hình thành và phát triển năng lực, mà cụ thể là năng lực công nghệ thông tin cho sinh viên, cần sử dụng các hình thức tổ chức dạy học, phương pháp dạy học theo định hướng người học vận dụng các kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống. Trong dạy học các môn về Tin học, Ứng dụng công nghệ thông tin, Ứng dụng công nghệ số; ... chú trọng tới việc rèn luyện kĩ năng sử dụng công nghệ thông tin để giải quyết các nhiệm vụ cụ thể.

Ngoài ra, để rèn luyện, nâng cao năng lực công nghệ thông tin, sinh viên còn phải thông qua các bộ môn khác, mà ở môn học đó, sinh viên sử dụng công nghệ thông tin để giải quyết các nhiệm vụ được giao trong quá trình học tập và nghiên cứu. Theo đó, SV có thể tự mình luyện tập để hình thành năng lực công nghệ thông tin thông qua việc sử dụng các ứng dụng của công nghệ thông tin học tập các môn học khác.

(ii) Ứng dụng công nghệ số vào đổi mới hình thức học tập trong dạy học các học phần

Trong hoạt động học tập không thể phủ nhận vai trò của giảng viên trong việc hình thành và phát triển các kĩ năng cho sinh viên. Do đó, để phát triển kĩ năng ứng dụng công nghệ số trong hoạt động học tập thì việc đề ra các biện pháp tác động từ phía giảng viên là rất quan trọng, đóng vai trò hỗ trợ, hướng dẫn, giúp đỡ sinh viên.

Trong môi trường học tập ở bậc Đại học - Cao đẳng, phương pháp học tập của sinh viên chủ yếu là tự học, tự nghiên cứu; giảng viên chỉ là người tổ chức, dẫn dắt quá trình tự lĩnh hội của sinh viên. Vì thế, giảng viên nên quan tâm tới việc đổi mới phương pháp dạy học theo hướng khơi gợi nhu cầu tìm tòi học tập của sinh viên, phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo ở người học để tận dụng nguồn học liệu mở trên mạng Internet. Bên cạnh đó, việc lựa chọn phương pháp đánh giá hợp lí và thường xuyên đánh giá mức độ nhận thức về kĩ năng giải quyết vấn đề của sinh viên cũng nên được giảng viên chú ý thực hiện.

Điều chỉnh hình thức dạy học từ truyền thống sang mô hình dạy học tích cực, kết hợp với mô hình giảng dạy B-learning, E-learning. Như vậy, sinh viên buộc phải tự học, tự tìm hiểu một phần kiến thức thông qua mạng Internet dưới sự hướng dẫn của giảng viên.

Giảng viên nên động viên, khích lệ sinh viên sáng tạo, linh hoạt, chủ động, có ý thức tự tìm tòi học hỏi cùng nhau qua các ứng dụng mạng xã hội (học online, học qua Webchat, classroom, ...); tương tác trực tuyến với nhau và với giảng viên để giải quyết các vấn đề, nhiệm vụ học tập được giao.

Trong quá trình giảng dạy, việc xây dựng và vận dụng bài tập tình huống phù hợp với việc ứng dụng công nghệ số là yếu tố quan trọng để phát triển kỹ năng ứng dụng thông tin cho sinh viên. Giảng viên có thể chú ý tới việc xây dựng, sử dụng bài tập đáp ứng được những yêu cầu: *Thứ nhất*, bài tập được xây dựng theo trình tự từ dễ đến khó, từ mức độ soạn thảo văn bản, xây dựng bài báo cáo đến khó hơn là thiết kế fanpage, html, website, ... *Thứ hai*, tăng cường xây dựng và sử dụng đa dạng hóa các loại hình bài tập trắc nghiệm khách quan với nhiều mục đích khác nhau: bài tập kiểm tra nhận thức, kỹ năng, khả năng vận dụng... thông qua các công cụ số miễn phí. *Thứ ba*, chú trọng xây dựng những bài tập có nội dung phong phú, sáng tạo, thể hiện đặc thù của môn học chuyên ngành và sự vận dụng vào trong thực tế cuộc sống.

(iii) Xây dựng các tài liệu hướng dẫn tự học theo Module nhằm phát triển năng lực công nghệ thông tin cho sinh viên sư phạm

Đồng thời với việc xây dựng các học phần về ứng dụng công nghệ số cho các chuyên ngành đào tạo, các tài liệu tự học có hướng dẫn theo hình thức Module cũng cần được nghiên cứu và xây dựng nhằm phát triển năng lực công nghệ thông tin trong việc chuyển đổi số cho sinh viên.

Module dạy học là một dạng tài liệu dạy học, được cấu trúc một cách đặc biệt (bao gồm mục tiêu, nội dung, phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá kết quả học tập). Module được thiết kế nhằm chuyển tải một đơn vị kiến thức tương đối độc lập của chương trình để người học có thể tự học theo hướng dẫn. Các phần trong module (bài đọc, phần chỉ dẫn, bài kiểm tra, ...) được sắp xếp theo trình tự rõ ràng, thuận tiện đảm bảo sinh viên tự học, tự kiểm tra, đánh giá.

(iv) Tổ chức cho sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học về ứng dụng công nghệ số trong học tập

Ngoài các đề tài liên quan đến chuyên ngành đào tạo, giảng viên nên định hướng cho sinh viên nghiên cứu và thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học về ứng dụng công nghệ số gắn với chuyên môn của mình. Giảng viên có thể hướng dẫn, tổ chức cho sinh viên thiết kế các phần mềm, các ứng dụng, thiết kế website hoặc khai thác các phần mềm ứng dụng, website có sẵn vào chuyên ngành đào tạo trong quá trình học tập tại trường. Khuyến khích sinh viên tìm hiểu và khởi nghiệp từ những ứng dụng của công nghệ số trong lĩnh vực chuyên môn của mình.

Bên cạnh đó, việc tổ chức những buổi tập huấn, hội thảo về công nghệ số cũng cần được tổ chức định kỳ nhằm trang bị và nâng cao nhận thức cũng như kỹ năng ứng dụng các kỹ thuật công nghệ số thông minh cho sinh viên, đáp ứng được nhu cầu phát triển năng lực công nghệ thông tin trong đổi mới giáo dục với bối cảnh 4.0 hiện nay.

Các hội thi sáng tạo kỹ thuật, ứng dụng công nghệ số nên được khuyến khích tổ chức thường xuyên và có sự

hỗ trợ về kỹ thuật của các đơn vị phát triển và sử dụng công nghệ số trên địa bàn. Đây vừa là sân chơi sáng tạo cho sinh viên trong lĩnh vực công nghệ thông tin, vừa là cơ hội để sinh viên có cơ hội tìm tòi sáng tạo, phát triển bản thân trong quá trình học tập tại trường.

3. KẾT LUẬN

Kết quả khảo sát ban đầu về thực trạng cho thấy phần lớn sinh viên tại trường Đại học Tiền Giang đều nhận thức được và đầy đủ về tầm quan trọng cũng như sự cần thiết của công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học. Vì vậy cần phải có những biện pháp tác động để hình thành và phát triển năng lực công nghệ thông tin trong học tập cho sinh viên nói chung và sinh viên ngành sư phạm nói riêng tại trường Đại học Tiền Giang.

Những biện pháp phát triển năng lực công nghệ thông tin cho sinh viên ngành sư phạm tại trường Đại học Tiền Giang nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục trong bối cảnh 4.0 muốn được thực hiện có hiệu quả cần sự tham gia của nhiều yếu tố. Thứ nhất, tất cả giảng viên nên vận dụng linh hoạt các công cụ số hỗ trợ trong các học phần dạy của bản thân. Bên cạnh đó nhà trường cần tạo điều kiện về cơ sở vật chất, môi trường phù hợp để giảng viên và sinh viên có thể vận dụng các công cụ số có hiệu quả và tích cực. Và sau cùng, bản thân sinh viên với vai trò là chủ thể của hoạt động học tập cần phải tích cực, hứng thú, chủ động tham gia tương tác, chia sẻ cùng nhau dưới sự tư vấn, tổ chức, hướng dẫn của giảng viên qua các hệ thống quản lý học tập hay các công cụ số hỗ trợ học tập.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- [1] Daniela Janssen - Christian Tummel - Anja Richert - Ingrid Isenhardt (2016). Virtual Environments in Higher Education - Immersion as a Key Construct for Learning 4.0. International Journal of Advanced Corporate Learning, No. 2, pp. 20-26.
- [2]. Anealka Aziz Hussin (2018). Education 4.0 Made Simple: Ideas For Teaching. International Journal of Education & Literacy Studies.
- [3]. Phó Đức Hòa, Ngô Quang Sơn (2008). Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học tích cực. NXB Giáo dục.
- [4]. Chính phủ (2017). Quyết định số 117/QĐ-TTg ngày 25/01/2017 về việc phê duyệt Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hỗ trợ các hoạt động dạy - học, nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025".
- [5] UNESCO, (2008), ICT competency framework for teachers.
- [6] UNESCO, (2011), UNESCO ICT Competency Framework for Teachers.
- [7] UNESCO, France, UNESCO (Ed.), (2018), ICT competency framework for teachers.

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG DẠY VÀ HỌC TIẾNG ANH CHO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC BẠC LIÊU TRONG THỜI ĐẠI 4.0

SẨM NGỌC KHẢ TÚ

Trường Đại học Bạc Liêu

Tóm tắt: Trong thời kỳ hội nhập ngày nay, cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang tạo ra những ảnh hưởng mạnh mẽ và tích cực đến mọi lĩnh vực, trong đó có ngành giáo dục nói chung và giáo dục đại học nói riêng. Trường Đại học Bạc Liêu đang chuyển mình nhằm đào tạo SV theo hướng phát triển kỹ năng, tư duy đổi mới. Tuy nhiên, lợi ích của công nghiệp 4.0 chưa được khai thác triệt để trong việc dạy và học tiếng Anh cho sinh viên (SV) trường Đại học Bạc Liêu. Bài tham luận này sẽ trình bày những lợi ích của ứng dụng công nghệ 4.0 trong dạy và học tiếng Anh và đề xuất một số kiến nghị nhằm góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy tiếng Anh trường Đại học Bạc Liêu.

Từ khóa: cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, giáo dục đại học, lợi ích, kiến nghị

Ngày nhận: 23/5/2023; Ngày sửa: 23/5/2023; Duyệt đăng: 25/5/2023

ENHANCING THE QUALITY OF TEACHING AND LEARNING ENGLISH FOR STUDENTS OF BAC LIEU UNIVERSITY IN INDUSTRIAL ERA 4.0

Abstract: In the current period of integration, industrial revolution 4.0 has had intensely positive impacts on a lot of domains, especially education in general and higher education in particular. Bac Lieu University has been changing in order to train students based on developing skills and a growth mindset. Nevertheless, the benefits of Industry 4.0 have not been absolutely discovered in English teaching and learning at Bac Lieu University. The article will indicate several benefits of Industry 4.0 in English teaching and learning and recommend possible solutions to improve the quality of English teaching at Bac Lieu University.

Key words: industrial revolution 4.0, higher education, benefits, solutions.

1. Đặt vấn đề

Nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển giáo dục nói chung và giáo dục của địa phương nói riêng, vấn đề “Nâng cao chất lượng giáo dục” được các nhà quản lý giáo dục và đội ngũ giáo viên hết sức quan tâm. Trong thời đại công nghiệp 4.0 ngày nay, cùng với sự bùng nổ của công nghệ thông tin, dạy và học ngoại ngữ đặc biệt là tiếng Anh chính là cầu nối chúng ta với mọi nơi trên thế giới. Khả năng ngoại ngữ tốt sẽ giúp sinh viên (SV) mở được cánh cửa bước vào thế giới, học thêm một nền văn hóa, tôn giáo mới và nắm bắt được nhiều cơ hội cho mình. Tuy nhiên, để tận dụng hiệu quả cơ hội cũng như vượt qua thách thức từ cách mạng công nghiệp 4.0, trường đại học Bạc Liêu nói chung và đội ngũ giảng viên ngoại ngữ nói riêng cần nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của công nghệ 4.0 và khai thác lợi ích của công nghiệp 4.0 một cách hiệu quả nhất.

2. Lợi ích của ứng dụng công nghệ 4.0 trong dạy và học tiếng Anh

Có thể nói việc tối đa hóa tiềm năng công nghệ vào giảng dạy là một trong những ưu tiên hàng đầu trong lĩnh vực giáo dục hiện nay, giúp người học tiếng Anh tiếp thu một cách tối ưu và phát triển những kỹ năng cần thiết để tự tin và giải quyết vấn đề linh hoạt. Nhưng trước hết, chúng ta cần làm rõ khái niệm “Cách mạng công nghiệp 4.0”.

Theo Gartner, Cách mạng Công nghiệp 4.0 (hay Cách mạng Công nghiệp lần thứ Tư) xuất phát từ khái niệm "Industrie 4.0" trong một báo cáo của chính phủ Đức năm 2013. "Industrie 4.0" kết nối các hệ thống nhúng và cơ sở sản xuất thông minh để tạo ra sự hội tụ kỹ thuật số giữa công nghiệp, kinh doanh, chức năng và quy trình bên trong. Còn theo Wikipedia, công nghiệp 4.0 là khoảng thời gian đánh dấu một bước ngoặt lớn của con người trong toàn xã hội, nhờ áp dụng các thành tựu công nghệ mới vào đời sống, từ đó thay đổi bức tranh toàn cảnh về xã hội (theo hướng tích cực). Công nghiệp 4.0 bao gồm tất cả các công nghệ liên quan

đến hệ thống vật lý không gian mạng, Internet.

Hơn nữa, chúng ta sẽ ứng dụng những máy móc, phương tiện thông minh để hỗ trợ trong nhiều ngành nghề như sản xuất, kinh tế, kỹ thuật, y tế, và cả giáo dục. Từ đó, có thể định nghĩa dạy và học Tiếng Anh trong thời đại 4.0 là phương pháp dạy và học Tiếng Anh dựa trên sự hỗ trợ của kỹ thuật số, các công nghệ 4.0 và phương pháp này sẽ mang lại những lợi ích sau:

- Thời đại 4.0 giúp chúng ta lĩnh ngộ được lượng thông tin rất lớn với tốc độ truyền tải nhanh chóng. Công nghiệp 4.0 mở ra cho người dạy và học ngoại ngữ phương pháp học tập đa dạng và cách thức tìm kiếm, sắp xếp khoa học và tiến bộ hơn. Giảng viên (GV) và SV hoàn toàn có thể tìm kiếm thông tin nhanh chóng thông qua trang Google chỉ với vài từ khóa cũng như dễ dàng tiếp cận các tài liệu dưới bản file hoàn toàn miễn phí.

- Bên cạnh đó, các phương tiện công nghệ cũng được ứng dụng vào việc dạy và học giúp công tác học tập trở nên dễ dàng, hứng khởi và hiệu quả hơn. Ví dụ như các thiết bị cơ bản như máy tính, máy chiếu được khai thác triệt để tạo ra những bài giảng trình chiếu điện tử đẹp mắt, sinh động.

- Việc dạy và học sẽ trở nên trực quan và gây hứng thú hơn nhờ sự hỗ trợ của các thiết bị công nghệ như máy tính bảng hay bảng tương tác smartboard. Ngoài ra, các chương trình giảng dạy, kiểm tra như STEM, GNOMIO, E-TEST sẽ được thực hiện một cách trực quan và sinh động theo kiểu học mà chơi, chơi mà học. GV và SV cũng dễ dàng để tiếp cận kho tài liệu quý giá và miễn phí từ các chương trình giáo dục trực tuyến mở như TED, kho tài liệu MIT, Harvard...

- Với điện thoại thông minh kết nối wifi, 3G hay 4G, GV và SV có thể dễ dàng truy cập vào các trang web trực tuyến như VOA, Youtube hay truy cập vào kho nhạc, phim ảnh, tài liệu bằng tiếng Anh nhanh chóng và miễn phí. Việc học tiếng Anh qua phương pháp nghe, nhìn như vậy sẽ giúp SV dễ dàng tiếp thu cũng như nhớ lâu hơn, đặc biệt là SV chuyên ngữ cần luyện tập nghe nói, ngữ âm, ngữ điệu như người bản xứ.

- Thông qua các trang mạng xã hội (Social Networking Sites) như Facebook, Zalo, Viber, Skype..., SV có thể kết bạn để giao lưu, tham gia các cộng đồng nói tiếng Anh trực tuyến trên thanh công cụ Voice chat or Video chat rất thú vị để luyện nghe nói. Một số ứng dụng học tiếng Anh có thể tải về máy tính hoặc điện thoại, có thể học bất cứ khi nào sẽ giúp SV thường xuyên rèn luyện từ vựng, cách phát âm chuẩn.

- GV và SV có thể kiểm soát được tiến độ dạy và học của mình thông qua các phần mềm quản lý lớp học hay các ứng dụng như LMS, nhập điểm và coi điểm qua hệ thống quản lý đào tạo UIIS.

3. Một số đề nghị, giải pháp

3.1. Đối với nhà trường:

- Yêu cầu của thời đại công nghiệp 4.0 đặt ra là cả GV và SV đều phải giỏi ngoại ngữ và công nghệ thông tin. Cho nên nhà trường cần thường xuyên tổ chức các khóa học đào tạo nâng cao kỹ năng tin học cho SV và cả GV.

- Cần có kế hoạch đầu tư vào hạ tầng công nghệ tiên tiến, phục vụ cho việc giảng dạy. Nhà trường cần nghiên cứu xây dựng các phòng học lab nghe nhìn, phòng thảo luận, phòng chức năng có lắp đặt wifi, máy tính, tai nghe và các phần mềm được cài sẵn để đảm bảo mỗi SV luyện nghe nói Tiếng Anh hiệu quả.

- Trang bị các cơ sở vật chất như máy chiếu, TV, bảng tương tác ở tất cả các phòng học. Đèn và quạt cũng phải được trang bị và sửa chữa để tạo ra không khí mát mẻ thoải mái trong lớp học.

- Nghiên cứu, cập nhật và triển khai một số xu thế ứng dụng công nghệ đang được ứng dụng phổ biến trên thế giới, đáp ứng đầy đủ nhu cầu và mục đích của người học, phục vụ hiệu quả hoạt động dạy và học tiếng Anh như kết hợp mở rộng, các khóa học trực tuyến, công nghệ di động...

3.2. Đối với giảng viên:

- Không ngừng nghiên cứu, học tập để nâng cao trình độ, chuyên môn nghiệp vụ cũng như trình độ ứng dụng công nghệ thông tin, phục vụ cho việc nghiên cứu và giảng dạy.

- Nghiên cứu tìm kiếm các cách thức giảng dạy bằng công nghệ, áp dụng cách thức giảng dạy truyền thống kết hợp với các bài giảng điện tử, các nguồn trực tuyến; hoặc tổ chức các lớp dạy trực tuyến bằng các phần mềm hoặc hệ thống LMS.

- Mạnh dạn thiết kế chương trình giảng dạy trên lớp, cho phù hợp với trình độ SV và kích thích sự hứng thú của SV. Ví dụ ở học phần nghe nói, cho SV luyện tập theo nhóm, sử dụng điện thoại quay clip và gửi email hoặc đăng ký tài khoản trên youtube để giáo viên đánh giá. Một ví dụ khác như ở học phần ngữ âm thực hành, GV yêu cầu SV thu âm lại giọng mình gửi qua email hoặc up trên GNOMIO để GV đánh giá kết quả, cũng như giúp SV nghe lại, chỉnh sửa phát âm của mình.

- Cho phép SV sử dụng các thiết bị công nghệ như smartphone, máy tính bảng trên lớp cũng như khi làm các bài tập ở nhà để tìm kiếm thông tin và

truy cập phần mềm trực tuyến khi GV yêu cầu.

- Thường xuyên tận dụng khai thác nguồn dữ liệu trên internet phục vụ cho công tác giảng dạy. Ví dụ tìm kiếm và chia sẻ cho SV các nguồn tài liệu online, ebook hay các file pdf để SV nghiên cứu phục vụ cho việc học tập.

- Đầu tư biên soạn các bài giảng bằng phần mềm điện tử như powerpoint, violet hay active software để đem lại cho SV những hình ảnh sinh động dễ thuộc, dễ nhớ.

- Định hướng, hướng dẫn SV cách thức tiếp cận các phương pháp học mới sử dụng công nghệ nhằm đẩy nhanh và nâng cao hiệu quả giảng dạy.

3.3. Đối với sinh viên:

- Cần xác định rõ, xác định đúng động cơ thái độ học tập cho mình. Nhận biết những ưu khuyết điểm của mình để có những biện pháp khắc phục.

- Phải có sự tương tác với giảng viên, mạnh dạn đặt ra câu hỏi trao đổi trên lớp, có thể gửi email hay tương tác qua SNS nếu có vấn đề thắc mắc sau giờ học.

- Phát huy tính tự giác, tự học, tìm những video clip hay những đoạn audio luyện nghe ngữ âm, thực hành nói theo chủ đề mỗi ngày để nâng cao kỹ năng nghe nói.

- Trực tiếp liên hệ với giảng viên để giảng viên hướng dẫn, giới thiệu những tài liệu, phần mềm hay và cần thiết phục vụ cho việc học.

- Tham gia các khóa học trực tuyến để nâng cao trình độ.

- Đăng ký các tài khoản SNS để kết bạn và tương tác với cộng đồng nói tiếng Anh để luyện tập kỹ năng. Ngoài ra tạo tài khoản google hay google mail để thuận tiện cho việc tương tác với GV nhận các tài liệu học tập bổ ích.

- Tham gia các chương trình ngoại khóa sôi nổi, câu lạc bộ nói tiếng Anh để giao lưu kết bạn, rèn luyện kỹ năng, nâng cao sự tự tin khi trình bày trước đám đông.

- Phải chủ động tích lũy tri thức về ngoại ngữ, cụ thể là tiếng Anh và công nghệ thông tin để dễ dàng ứng dụng công nghệ 4.0 vào việc học tập. Ví dụ đăng ký các khóa học giao tiếp tiếng Anh, chúng chỉ đánh giá năng lực ngoại ngữ hay các khóa học rèn luyện ứng dụng công nghệ thông tin.

- Sự bùng nổ của công nghiệp 4.0 cũng có những mặt tiêu cực, SV cần trang bị kỹ năng quản lý thời gian để không sa đà vào mạng xã hội, game online và nhiều thú giải trí khác khiến việc học tập thiếu hiệu quả, giảm năng suất.

4. Kết luận

Bài tham luận này chỉ ra những thuận lợi của ứng dụng công nghệ 4.0 trong dạy và học tiếng Anh. Rõ ràng ứng dụng công nghệ vào giáo dục nói chung và đào tạo tiếng Anh nói riêng đang diễn ra mạnh mẽ trên nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam. Mô hình giáo dục ứng dụng công nghệ cho các cấp, đặc biệt là với đại học được đánh giá mang lại môi trường học tập thú vị và hiệu quả hơn bởi SV đã có khả năng kiến thức ngoại ngữ và công nghệ cơ bản cùng với điều kiện sở hữu và tiếp cận các thiết bị công nghệ như smartphone, máy tính để bàn. Bài viết cũng đề ra một số đề nghị, giải pháp giúp GV và SV khai thác triệt để lợi ích của công nghệ nhằm tạo môi trường tốt nhất cho việc nâng cao chất lượng dạy và học tiếng Anh đạt hiệu quả ở trường Đại học Bạc Liêu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

E-talk (2016), “*Tiếng Anh thời đại 4.0 - mô hình giáo dục của tương lai*”, <https://e-talk.vn/tieng-anh-thoi-dai-4-0/>.

Hoa Lê, (2021), “*4 yêu cầu “cứng” đối với sinh viên “đời” 4.0*”, Giáo dục - Đại học, <https://www.vanlanguni.edu.vn/giao-duc-dai-hoc-2/874-4-yeu-cau-cung-doi-voi-sinh-vien-doi-4>, truy cập ngày 28/2/2021.

Huỳnh Trọng Dương (2019), “*Báo cáo đề dẫn hội thảo khoa học nâng cao chất lượng đào tạo bậc Đại học.*”, Chuyên đề Đại học Quảng Nam, <http://www.thidukhenthuongvn.org.vn/chuyen-de/truong-dai-hoc-quang-nam-dau-tu-nang-cao-chat-luong-dao-tao-de-thu-hut-nguoi-hoc> , truy cập ngày 26/4/2019.

Ngoại Ngữ AHA (2018), “*Bí quyết học tiếng Anh hiệu quả của sinh viên thời công nghệ 4.0*”, Dân trí Online, <https://dantri.com.vn/giao-duc-huong-nghiep/bi-quyet-hoc-tieng-anh-hieu-qua-cua-sinh-vien-thoi-cong-nghe-40-20181008111801671.htm>, truy cập ngày 08/10/2018.

Trịnh Thị Chuyên, (2019). “*Tiếng Anh - chìa khóa mở cánh cửa hội nhập quốc tế thời 4.0*”, Ministry of Education and Training, <http://ftf.saodo.edu.vn/nghien-cuu-trao-doi/tieng-anh-chia-khoa-mo-can-hoi-nhap-quoc-te-thoi-4-0-164.html>, truy cập ngày 18/10/2019.

Trung tâm truyền thông giáo dục (2017), *5 nhóm giải pháp nâng cao chất lượng GD Đại học*, Ministry of Education and Training, <https://moet.gov.vn/>, truy cập ngày 11/01/2017.

TÌM HIỂU DI SẢN MỸ THUẬT CÁC NỀN VĂN MINH LỚN THỜI KÌ CỔ ĐẠI QUA CHỦ ĐỀ MỸ THUẬT THẾ GIỚI CỔ ĐẠI - MỸ THUẬT 6

LEARN THE ART HERITAGE OF THE GREAT ANCIENT CIVILIZATIONS THROUGH THE ANCIENT WORLD ART THEME - ART 6

CN. HOÀNG THỊ HÀ

Trường Tiểu học & THCS THSP Nghệ An

Summary:

Ancient art developed over 3000 BC, originating in Mesopotamia (present-day Iraq), Egypt and then Greece (from the 3rd century BC to about early AD) and Rome. Lasting for the next 500 years, marking a climax in the evolutionary history of mankind. The last topic in the art book of 6 books connecting knowledge has brought us back to the time when the first civilizations appeared in the world.

In this topic, students will feel deeply about a unique art treasure of mankind. In addition to knowing how to exploit the visual value from the ancient world art images, the children will have a sense of understanding the beauty of art, appreciate the world heritage, see the diversity and style. rich and long history of the world's plastic arts in antiquity

Key word:

Ancient World Art, Ancient Egypt, Ancient Greece, Ancient Civilization, Ancient Art Heritage.

Tóm tắt:

Mỹ thuật cổ đại đã phát triển từ hơn 3000 năm trước công nguyên bắt nguồn từ Lưỡng Hà (l-rắc ngày nay), Ai Cập rồi đến Hi Lạp (Từ TK III trước công nguyên đến khoảng đầu Công nguyên) và La Mã (kéo dài trong 500 năm tiếp theo), đánh dấu giai đoạn cực thịnh trong lịch sử tiến hoá của nhân loại. Chủ đề cuối cùng trong cuốn mỹ thuật 6 bộ sách kết nối tri thức đã đưa chúng ta trở về với thời kì bắt đầu xuất hiện các nền văn minh đầu tiên trên thế giới.

Trong chủ đề này học sinh sẽ được cảm nhận sâu sắc về một kho tàng nghệ thuật đặc sắc của nhân loại. Ngoài việc biết khai thác giá trị tạo hình từ những hình ảnh mỹ thuật thế giới cổ đại thì các em sẽ có ý thức tìm hiểu về đẹp tạo hình mỹ thuật, biết trân trọng di sản thế giới, thấy được sự đa dạng, phong phú và lịch sử lâu đời của mỹ thuật tạo hình thế giới thời kì cổ đại

Từ khóa:

Mỹ thuật thế giới cổ đại, Ai Cập cổ đại, Hi Lạp cổ đại, Văn minh cổ đại, Di sản mỹ thuật cổ đại.

Ngày nhận: 23/5/2023; Ngày sửa: 23/5/2023; Duyệt đăng: 25/5/2023

1. Mở đầu

Mỹ thuật cổ đại đã phát triển từ hơn 3000 năm trước công nguyên bắt nguồn từ Lưỡng Hà (l-rắc ngày nay), Ai Cập rồi đến Hi Lạp (Từ TK III trước công nguyên đến

khoảng đầu Công nguyên) và La Mã (kéo dài trong 500 năm tiếp theo), đánh dấu giai đoạn cực thịnh trong lịch sử tiến hoá của nhân loại. Chủ đề cuối cùng trong cuốn mỹ thuật 6 bộ sách kết nối tri thức đã đưa chúng ta trở về với thời kì bắt đầu xuất hiện các nền văn minh đầu tiên trên thế giới.

Qua chủ đề này, học sinh sẽ cảm nhận được giá trị mỹ thuật thế giới thời kì cổ đại qua một số hiện vật như các công trình kiến trúc, điêu khắc, hội họa...

Ngoài việc biết khai thác giá trị tạo hình từ những hình ảnh mỹ thuật thế giới cổ đại thì các em sẽ có ý thức tìm hiểu về đẹp tạo hình mỹ thuật, Biết trân trọng di sản thế giới, thấy được sự đa dạng, phong phú và lịch sử lâu đời của mỹ thuật tạo hình thế giới thời kì cổ đại

2. Nội dung

2.1. Một số di sản mỹ thuật thời kì cổ đại

Sơ lược về mỹ thuật Ai Cập cổ đại

Ai Cập cổ đại là một nền văn minh cổ đại nằm ở Đông Bắc châu Phi, tập trung dọc theo hạ lưu của sông Nile thuộc khu vực ngày nay là đất nước Ai Cập. Ai Cập đã sớm có một nền văn minh bền vững, huy hoàng suốt 3000 năm trước công nguyên. Với đức tính cần cù và sự ưu ái của thiên nhiên người Ai Cập đã tạo ra những công trình kiến trúc, điêu khắc, hội họa nổi tiếng.

Đây là một trong 4 nền văn minh phát sinh một cách độc lập và lâu đời nhất trên thế giới này. Nền văn minh Ai Cập mà được hình thành rõ nét là vào năm 3150 TCN (theo trình tự thời gian của bảng niên đại Ai Cập) với sự thống nhất chính trị của Thượng và Hạ Ai Cập dưới thời vị pharaon đầu tiên (Narmer, thường được gọi là Menes). Có thể nhận biết điều đó qua các công trình nghệ thuật sau:

Kiến trúc

Kiến trúc Ai Cập chủ yếu là kiến trúc lăng mộ (kim tự tháp) nơi an nghỉ của các pha-ra-ông và các khu đền đài nổi tiếng. Nay Ai Cập còn khoảng 67 kim tự tháp. Tiêu biểu là kim tự tháp Kê Ốp hay còn gọi là kim tự tháp Giza cao 138 m và cạnh đáy là 225m.

Kim tự tháp Kê Ốp đứng sừng sững trên cao nguyên Giza qua bao đời, là công trình nhân tạo vĩ đại nhất mọi thời đại. Là một trong 7 kỳ quan thế giới, Không chỉ các nhà khảo cổ, các kiến trúc sư, mà các nhà toán học, vật lý học, thiên văn học cũng phải cúi đầu thán phục trước thiết kế thiên tài của đại kim tự tháp Kê Ốp, nó được đặt ở vị trí

trung tâm nhất của Trái Đất, chính là giao điểm của đường kinh tuyến và vĩ tuyến dài nhất (đường xích đạo).

Điều khắc

Điều khắc chủ yếu là những tượng đá khổng lồ về các Pha-ra-ông, tượng nhân sư (đầu người mình sư tử) và những tượng nhỏ tạc hoàng hậu và các con vật.

Ngoài ra còn có nhiều bức chạm khắc rất tinh tế nói về cuộc sống, tập quán của người Ai Cập cổ đại.

Hội họa

Chủ yếu là tranh tường xuất hiện hầu hết ở các công trình kiến trúc với nét vẽ độc đáo, màu sắc hài hòa đã diễn tả đầy đủ cuộc sống và các sự tích về các vị thần.

Sơ lược Mĩ thuật Hi Lạp thời kì cổ đại

Kiến trúc

Người Hi Lạp cổ đại đã sáng tạo ra kiểu cột rất độc đáo, là kiểu cột tròn khỏe khoắn, thanh nhã và duyên dáng. Những công trình của họ không lớn nhưng đã đạt đến chuẩn mực rất cao. Tiêu biểu là đền Pác - ti - nông. Vẻ đẹp của Pác - ti - nông thể hiện ở đường viền phù điêu ở dưới mái. Mô tả lễ tôn vinh nữ thần A-tê-na với hàng trăm nhân vật được xếp nhịp nhàng, uyển chuyển làm cho ngôi đền thêm linh thiêng, rạng rỡ.

Điều khắc

Nghệ thuật điêu khắc Hy Lạp cổ đại đã đạt đến đỉnh cao của sự hài hòa. Các pho tượng có dáng sinh động như: tượng Đô-ri - pho, người ném đĩa, thần dốt, thần vệ nữ...

Hội họa và đồ gốm

Các tác phẩm hội họa nguyên bản còn lại rất ít và chỉ còn lại những bản sao trên những đồ gốm. Nhưng nó cũng cho ta thấy hội họa Hi Lạp rất phát triển.

Nghệ thuật: Kiến trúc - Điều khắc

Nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc của Hi Lạp là một trong những di sản quý báu của nền văn minh Hi Lạp, đặt nền móng và ảnh hưởng sâu sắc tới nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc phương Tây. Những tác phẩm của người Hi Lạp cổ đại, về một số mặt vẫn còn là hình mẫu cho nghệ thuật đương đại.

Kiến trúc

Ban đầu kiến trúc Hi Lạp còn sơ giản, sử dụng gỗ, gạch và đá, càng về sau chất liệu đá càng được sử dụng nhiều, kiểu cách và hoa văn càng trở nên phong phú và tinh tế.

Thế kỷ VII TCN, kiến trúc Hi Lạp có bước thay đổi lớn, xuất hiện các ngôi đền 4 mặt với 4 hàng cột đá. Kiến trúc hình chữ nhật bằng đá với 4 mặt đều có 4 hàng cột tròn là nét đặc trưng, chung nhất của các kiểu thức kiến trúc Hi Lạp. Các kiểu thức nối tiếp nhau ra đời, với nét khác nhau nổi bật là hình thức của các cột trụ.

Những công trình kiến trúc Hi Lạp nguy nga, đồ sộ xuất hiện chủ yếu trong hai thế kỷ V - IV TCN, với nhiều kiệt tác. Trải qua nhiều thăng trầm lịch sử, đa phần các công trình không còn nữa hoặc hư hại nặng nề, nhưng những tàn tích còn lại vẫn rất tuyệt mỹ, cùng với những ảnh hưởng của kiến trúc Hi Lạp về sau đã cho thấy sự vĩ đại và trường tồn của các công trình kiến trúc Hi Lạp.

Một số kỳ quan của thế giới cổ đại: đền thờ thần Actêmit ở Êphedơ, Lăng mộ vua Môxôlơ (Mausole) ở Halicacnat.

Điều khắc

Nghệ thuật điêu khắc Hi Lạp ra đời từ thế kỷ VIII TCN, ban đầu dùng chất liệu gỗ. Song phải đến thế kỷ V TCN, nghệ thuật điêu khắc Hi Lạp mới vươn lên đỉnh cao của nó, ới hàng loạt tên tuổi của những nhà điêu khắc danh tiếng. Chất liệu chủ yếu của nghệ thuật điêu khắc Hi Lạp là đá.

Nét độc đáo trong nghệ thuật điêu khắc Hi Lạp là sự hoàn mỹ trong mô tả con người, với sự chính xác cao độ về vóc dáng, tỷ lệ các phần trên cơ thể, nét sống động của tượng, thể hiện tâm trạng ưu tư, buồn vui của con người, đồng thời mang đậm nét cá nhân sâu sắc.

Nhìn chung, kiến trúc và điêu khắc Hi Lạp có giá trị lớn, là cơ sở của kiến trúc và điêu khắc Roma cũng như một số nét được kế thừa trong nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc của phương Tây về sau.

Sơ lược về mĩ thuật La Mã (Italya)

La đất nước nằm ở khu vực Địa Trung Hải. Dù chỉ là một nước nhỏ thế kỉ VIII, vào thế kỉ I trước công nguyên họ đã chinh phục được Hi Lạp, rồi chính họ đã bị văn hóa Hi Lạp chinh phục nên nền mĩ thuật La Mã chịu ảnh hưởng văn hóa Hi Lạp. Có thể nói quá trình giao thoa về mĩ thuật của 2 nền văn hóa trải dài năm trăm năm phát triển họ đã tạo cho mình những nét riêng và độc đáo.

Kiến trúc

Điểm mạnh là kiến trúc đô thị, với kiểu nha mái tròn đặc biệt là hệ thống dẫn nước vào thành phố. Họ cũng là người tạo ra xi măng đầu tiên và họ đã xây dựng được những công trình lớn như đền pac-ti-nông(Hi Lạp), đấu trường Colli-de...

Điều khắc

Chủ yếu là các pho tượng chân dung và tượng đài ngoài trời, như pho tượng hoàng đế Mắc ô-ren trên lưng ngựa và các nhiều pho tượng chân dung có giá trị nghệ thuật khác.

Hội họa

Cũng như nền văn minh Ai Cập cổ đại, tranh vẽ của họ là bích họa, chủ yếu là tranh tường lớn được vẽ theo lối vẽ hiện thực. Các tác phẩm được tìm thấy ở Pom-pê-ri, bo-quy-la-nam bị núi lửa vùi lấp.

2.2. Tìm hiểu di sản mĩ thuật các nền văn minh lớn thời kì cổ đại qua chủ đề mĩ thuật thế giới cổ đại - mĩ thuật 6

Học sinh tìm hiểu chủ đề mĩ thuật thế giới cổ đại bằng cách nào

Môn Mĩ thuật giúp học sinh tiếp tục hình thành, phát triển năng lực mĩ thuật dựa trên nền tảng kiến thức, kĩ năng mĩ thuật, thông qua các hoạt động thảo luận, thực hành, trải nghiệm; phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo; có ý thức kế thừa, phát huy các giá trị văn hoá, nghệ thuật; có hiểu biết về mối quan hệ giữa mĩ thuật với đời sống, nuôi dưỡng cảm xúc thẩm mĩ và tình yêu nghệ thuật, phát triển năng lực tự chủ và tự học.

Học sinh được quan sát, nhận biết một số di sản mĩ thuật thế giới thời kì cổ đại. Từ quan sát(hình ảnh, video, hiện vật) nhận biết tên gọi một số di sản mĩ thuật thế giới thời cổ đại.

Việc quan sát bắt đầu từ hình ảnh sản phẩm thực tế và sản phẩm mô phỏng có hình ảnh liên quan tới kĩ thuật thời này(kiến trúc, phù điêu, gốm, tượng, tranh, lịch sử), cụ thể như quan sát phân tích hình ảnh thuộc lĩnh vực kĩ thuật lịch sử: Tranh hang động - khắc đá - tượng - vật liệu...tính thực tế, khoa học, lịch sử của sản phẩm. Qua đó các em sẽ hiểu cơ bản về vẻ đẹp tạo hình kĩ thuật thế giới thời kì cổ đại.

Việc tiếp cận nội dung không chỉ nằm trong phạm vi bài học hay sách giáo khoa kĩ thuật, chủ đề này liên quan đến lịch sử, khảo cổ học và đã được con người khai thác trong phim ảnh, phim tài liệu, các sản phẩm nghệ thuật, sách báo truyện đặc biệt những cuốn truyện dành cho thiếu niên được trình bày một cách hấp dẫn, lôi cuốn và gây hứng thú đối với học sinh. Việc hiểu biết sẽ giúp các con một vốn sống phong phú, xây dựng những tri thức tích hợp như địa lý, lịch sử, văn học....

Quá trình tiếp cận và hình thành sản phẩm qua chủ đề kĩ thuật thế giới cổ đại của học sinh

Quan sát

Một số di sản kĩ thuật thế giới thời kì cổ đại

Với cơ sở vật chất có sẵn các tư liệu hình ảnh từ sách giáo khoa, sách truyện, phim ảnh, tư liệu hình ảnh vi deo trên internet từ các thiết bị tivi, máy tính.... đã mang lại một kho tư liệu phong phú cho nội dung bài học. Việc đầu tiên các con cần quan sát để giải đáp các vấn đề như: Niên đại từng thời kỳ, tạo hình trên những di vật thời cổ đại có gì khác biệt, tên các di sản hiện vật....

Hoạt động quan sát sản phẩm kĩ thuật thời này tập trung các sản phẩm: phù điêu, gốm, tượng, kiến trúc, tranh có thể đưa hình ảnh kiến trúc, văn hóa lịch sử, địa lý.

Sau khi quan sát các em có thể đưa ra kết luận như sau:

Thời cổ đại là sự tiếp nối thời tiền sử của loài người chúng ta.

Thời cổ đại cách chúng ta khoảng 5000 năm - 500 năm trước công nguyên.

Khác so với thời tiền sử là sự đa dạng loại hình, sự tinh xảo hoàn mĩ (tiền sử thì vẽ hang, cổ đại thì tạo kiến trúc, trang trí đồ vật kiến trúc, làm tượng, gốm...tinh xảo)

Quan sát hiện vật: Phù điêu trên đá (văn minh Lưỡng Hà); Bình gốm (văn minh Ai Cập); Tượng đồng (văn minh Ấn Độ); Ngôi đền thời thần Athena (Hy Lạp); Kim tự tháp (Ai cập)...từ đó hiểu được giá trị lịch sử thế giới, giá trị thẩm mĩ, giá trị văn hóa tư duy.

Thể hiện

Tìm hiểu các bước tạo sản phẩm mô phỏng kĩ thuật cổ đại thế giới làm từ vật liệu tái chế.

Mô phỏng một di sản kĩ thuật thế giới thời kì cổ đại bằng hình thức tạo mô hình bằng vật liệu tái chế hoặc đất nặn. Bằng cách này các con sẽ có nhiều hứng thú khi tạo sản phẩm và ghi nhớ đặc điểm của mỗi công trình kiến trúc, điều khắc, hội họa thời kỳ này.

Thảo luận

Thông qua sản phẩm học tập bằng mô hình hoặc trang trí của mình các em sẽ chia sẻ cảm nhận, phân tích (vẻ đẹp, màu sắc, kĩ thuật, tính ứng dụng...) từ sản phẩm kĩ thuật ổng

đựng bút & bức vẽ, nặn của cá nhân hoặc nhóm đồng thời thảo luận các vấn đề: Sản phẩm gì - Chất liệu gì - Cách làm thế nào - họa tiết là hình gì- vẻ đẹp và giá trị của SP).

Vận dụng

Đối với việc dạy kĩ thuật có tính chất đặc thù vừa thư giãn vừa sáng tạo thì giáo viên cần khuyến khích động viên học sinh không bắt buộc trong việc vận dụng làm bài về nhà. Vận dụng sử dụng kĩ năng, kiến thức sáng tạo sử dụng họa tiết là hình ảnh kĩ thuật thế giới thời kì cổ đại để trang trí sản phẩm lưu niệm hoặc ứng dụng mà các em yêu thích.

Giáo viên hướng dẫn học sinh lựa chọn đồ vật của mình (quyển sổ tay, sổ cá nhân ghi chép công thức toán, sổ thơ, sổ nhật kí, sổ lưu bút, hộp đựng bút, các đồ vật mang tính ứng dụng...), họa tiết trang trí là hình ảnh bài học hoặc hình ảnh liên quan đến chủ đề.

Học sinh tự chọn cách thức: in, khắc, vẽ, dán trang trí để tạo thành sản phẩm. Đây là sản phẩm học tập mà các con sẽ tạo nên ý tưởng trang trí hoặc thiết kế các sản phẩm có họa tiết kĩ thuật thời cổ đại.

Kết luận

Có thể nói rằng, kĩ thuật thời kỳ cổ đại là một kho tàng nghệ thuật vô giá được xem là những kỳ quan hùng vĩ, những kiệt tác kĩ thuật hoàn mĩ chịu ảnh hưởng và chi phối bởi tôn giáo của họ. Đây chính là những hiện vật minh chứng cho những nền văn minh lớn của nhân loại mà còn nhiều bí ẩn chưa được giải đáp. Nổi bật nhất của thời kỳ này là các công trình kiến trúc, điều khác độc đáo mang tính đặc trưng riêng của các nền văn minh cổ đại như Ai cập, Hi Lạp, La Mã.

Qua chủ đề này các em sẽ được khám phá về một thời kì văn minh rực rỡ nhất qua các di sản kĩ thuật thời kỳ cổ đại trên thế giới qua quá trình học và tìm hiểu các vấn đề liên quan như kiến trúc, văn hóa lịch sử, địa lý. trải dài mấy ngàn năm trước công nguyên của những nền văn minh cổ đại.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Almanach Những Nền Văn Minh Thế Giới (Tập 2) NXB Văn Hóa Thông Tin 2006
2. Các Nền Văn Minh Thế Giới - Lịch Sử Và Văn Hóa .Tác giả: Philip Lee Ralph - Edward McNall Burns. Dịch giả: N. Trí Tri - Lưu Văn Hy. NXB Văn Hóa - Thông Tin 12/2008
3. Các nền văn minh cổ đại .Tác giả: Françoise Perrudin. Người dịch: Nguyễn thị Như Ý - Đặng Thị Mỹ Lan. Nxb Kim Đồng Đối tượng: Thiếu niên (11 - 15)
4. Đỉnh Gia Lê - Vương Trọng Đức - Phạm Minh Phong - Phạm Duy Anh (2018), Giáo dục Kĩ thuật phổ thông giai đoạn giáo dục cơ bản, Nxb Giáo dục Việt Nam.
5. Nguyễn Quốc Toàn (2000), Phương pháp giảng dạy Mĩ thuật, Nxb Giáo dục.
6. Đoàn Thị Mỹ Hương - Đỉnh Gia Lê (đồng Tổng chủ biên) - Phạm Thị Chinh - Phạm Đình Phong (chủ biên), (2021), Kĩ thuật 6, Nxb Giáo dục.

THỦ ĐOẠN CỦA TỘI PHẠM LỪA ĐẢO CHIẾM ĐOẠT TÀI SẢN TRÊN KHÔNG GIAN MẠNG VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÒNG NGỪA

THIỆU TÁ, TS. NGUYỄN LONG THÀNH

Khoa Cảnh sát hình sự - Học viện Cảnh sát nhân dân

Trong những năm vừa qua, tình hình tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên không gian mạng có những diễn biến phức tạp, để lại hậu quả ngày càng nghiêm trọng cho xã hội. Bài viết phân tích những phương thức, thủ đoạn hoạt động phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên không gian mạng trong giai đoạn hiện nay, đề xuất những giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động phòng ngừa tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên không gian mạng trong thời gian tới.

Từ khóa: lừa đảo, không gian mạng, phòng ngừa.

Ngày nhận: 23/5/2023; Ngày sửa: 23/5/2023; Duyệt đăng: 25/5/2023

Trong thời gian qua, tình hình tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên không gian mạng diễn biến phức tạp cả về số lượng, tính chất và mức độ thiệt hại, gây bức xúc trong dư luận, ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự và đời sống của nhân dân. Qua thực tiễn công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản thời gian qua và diễn biến, tình hình tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên không gian mạng thời gian qua, có thể rút ra một số phương thức, thủ đoạn chủ yếu của loại tội phạm này như sau:

- Các đối tượng sử dụng các dịch vụ với giao thức kết nối Internet (VoIP) để giả mạo số thuê bao gần giống với số thuê bao của cơ quan chức năng trong các cơ quan thực thi pháp luật như: Công an, Viện Kiểm sát, Tòa án gọi điện thông báo cho người bị hại về việc liên quan đến hành vi phạm tội như mua bán ma túy xuyên quốc gia, rửa tiền, gây sức ép, làm người bị hại hoang mang, sau đó yêu cầu chuyển tiền vào tài khoản do các đối tượng này cung cấp để phục vụ công tác điều tra sau đó chiếm đoạt. Các đối tượng còn giả làm nhân viên bưu điện gọi điện thông báo cho người bị hại nhận bưu phẩm có giá trị cao từ nước ngoài gửi về; nhân viên viễn thông, điện lực gọi điện thông báo nợ cước; cảnh sát giao thông gọi điện thông báo phạt nguội, gây tai nạn bỏ trốn... để khai thác thông tin cá nhân trước khi có những hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản nêu trên.

- Các đối tượng giả danh nhân viên của công ty xổ số kiến thiết, trung tâm mua sắm, đài truyền hình,... gọi điện, nhắn tin thông báo cho nạn nhân họ may mắn nhận được phần thưởng có giá trị cao trong chương trình tri ân khách hàng hay khuyến mại nào đó. Để nhận được phần thưởng này, nạn nhân phải mua 01 sản phẩm của đối tượng có giá trị cao hơn giá trị ngoài thị trường hoặc mua thẻ cào có giá trị cao, cung cấp mã thẻ cho đối tượng hoặc chuyển trước cho đối tượng một số tiền đóng thuế để nhận thưởng sau đó

chiếm đoạt.

- Các đối tượng tạo tài khoản ảo trên mạng xã hội, gắn mác là người nước ngoài để kết bạn làm quen, vờ yêu đương, trò chuyện với nạn nhân (chủ yếu là nữ) trong một khoảng thời gian nhất định. Sau đó, đối tượng thông báo gửi quà có giá trị lớn cho nạn nhân; tuy nhiên, để nhận được quà, nạn nhân phải trả trước một số lệ phí; lệ phí này nộp trực tiếp cho nhân viên sân bay, hải quan, thuế (do đồng bọn của đối tượng đóng giả) rồi chiếm đoạt.

- Các đối tượng tuyển cộng tác viên bán hàng online các đối tượng hướng đến nạn nhân là những người nhẹ dạ cả tin, nhất là phụ nữ nuôi con nhỏ, không có việc làm, có nhu cầu bán hàng online để kiếm thêm thu nhập. Các đối tượng đưa ra nhiều thông tin rất hấp dẫn, hứa hẹn thu nhập cao, công việc đơn giản, chỉ cần đăng bài mỗi ngày là sẽ kiếm được tiền... Các đối tượng chờ 01 - 02 ngày sau khi cộng tác viên đăng bài thì sử dụng tài khoản facebook ảo, sim rác đóng giả làm người mua hàng, đặt hàng. Sau khi nhận được hàng, cộng tác viên liên hệ lại những khách đặt mua hàng trước đó để giao hàng thì đều không thể liên lạc được do các đối tượng đã xóa dấu vết; hàng hóa cũng không thể hoàn lại được vì địa chỉ các đối tượng cung cấp là không có thật. Vì vậy, các nạn nhân sẽ phải ôm một số lượng hàng hoá đã thanh toán tiền cho các đối tượng, nhưng có giá trị chênh lệch nhiều hơn từ 40 - 50 lần so với giá trị thực và cũng không thể sử dụng vì đó là hàng giả, hàng kém chất lượng.

- Các đối tượng tạo lập tài khoản mạng xã hội với danh nghĩa kêu gọi quyên góp hoạt động từ thiện, sau đó đăng tải các bài viết về một số hoàn cảnh đang gặp khó khăn, hoạn nạn không có thật để kêu gọi sự giúp đỡ; hoặc giả mạo các trang mạng xã hội chuyên làm từ thiện được Nhà nước cho phép, rồi đăng tải bài viết kêu gọi cộng đồng mạng giúp đỡ. Sau khi nhận được tiền, các đối tượng không chuyển cho các trường hợp gặp hoàn cảnh khó khăn mà sử dụng vào mục đích cá nhân; hoặc chỉ chuyển một phần rất nhỏ để làm hình ảnh nhằm tiếp tục "kêu gọi từ thiện".

- Các đối tượng dùng thủ đoạn xây dựng các website tạo thành các sàn giao dịch tài chính, sàn thương mại điện tử, chứng khoán quốc tế (như Bigbuy24h, Binomo, coolcat, forex, bitcoin...) kêu gọi người dân tham gia đầu tư, kinh doanh với những hứa hẹn về lợi nhuận, mức hoa hồng hấp dẫn, lợi nhuận cao. Người đầu tư đóng tiền vào hệ thống để quy đổi thành tiền "ảo"; tuy nhiên, những đồng tiền này trong các hệ thống thực chất do chúng tự tạo ra, không có giá trị, số lượng muốn có bao nhiêu cũng được. Khi người tham gia

đầu tư đạt đến số lượng như mong muốn, chúng sẽ đánh "sập sàn" hoặc tác động vào hệ thống để chiếm đoạt tiền của nhà đầu tư.

Ngoài ra, còn một số phương thức, thủ đoạn các đối tượng lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên không gian mạng sử dụng như: Các đối tượng mạo danh nhân viên nhà mạng, gọi điện thoại yêu cầu khách hàng cập nhật thông tin cá nhân, giới thiệu đang có chương trình "hỗ trợ chuyển đổi sim từ 3G lên 4G", hoặc đổi sim để nhận ưu đãi và hối thúc nạn nhân nâng cấp lên sim 4G nếu không sẽ không thể sử dụng. Đối tượng sẽ hướng dẫn chủ sim số điện thoại soạn tin theo cú pháp. Sau khi thực hiện thao tác soạn và gửi tin nhắn, ngay lập tức sim số điện thoại đã bị đánh cắp. Sau khi chiếm quyền kiểm soát sim của người dùng, kẻ gian dùng chính sim đó lấy mã OTP từ ngân hàng gửi về sử dụng các dịch vụ tín dụng, vay tiền online... dưới danh nghĩa nạn nhân.

Nguyên nhân dẫn đến sự gia tăng của loại tội phạm này trong thời gian qua là do:

Một là, môi trường mạng liên quan đến sự quản lý của nhiều cơ quan, tổ chức trong và ngoài nước dẫn đến công tác truy xét đối tượng gặp khó khăn. Đặc biệt là đối với các thông tin, tài liệu liên quan đến doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức nước ngoài chưa có văn phòng đại diện ở Việt Nam.

Hai là, cơ chế phối hợp giữa lực lượng Công an với các tổ chức tín dụng, ngân hàng, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông, Internet, trung gian thanh toán... chưa đáp ứng yêu cầu công tác xác minh, điều tra, như: Thời gian trả lời từ các tổ chức, ngân hàng, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thường chậm trễ (từ 2-3 tháng); cơ chế xác minh, cung cấp thông tin, phong tỏa tài khoản ngân hàng có dấu hiệu sử dụng vào mục đích vi phạm pháp luật còn bất cập (chỉ phong tỏa khi có yêu cầu từ cơ quan điều tra); dữ liệu mà các tổ chức, doanh nghiệp cung cấp cho cơ quan công an chưa đầy đủ, không đáp ứng được yêu cầu đặt ra.

Ba là, công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực công nghệ thông tin, truyền thông, viễn thông, ngân hàng... còn nhiều hạn chế. Tình trạng Sim điện thoại, tài khoản ngân hàng, thẻ ngân hàng, tài khoản mạng xã hội, ví điện tử... không chính chủ, sử dụng giấy tờ giả để đăng ký dịch vụ vẫn tồn tại; các đối tượng liên lạc, trao đổi qua các ứng dụng MXH, ứng dụng thoại trên nền internet (OTT) gây khó khăn trong công tác truy xét, xác minh người sử dụng.

Bốn là, công tác hợp tác quốc tế để điều tra, xác minh các vụ, việc có yếu tố nước ngoài chưa đạt hiệu quả cao; việc tương trợ tư pháp trong tố tụng hình sự có được áp dụng nhưng không hiệu quả do cơ quan chức năng nước bạn chậm cung cấp hoặc có cung cấp nhưng yêu cầu bổ sung nhiều thông tin nằm trong quy định bảo mật.

Năm là, nhiều vụ, việc có bị hại, đối tượng ở nước ngoài nên trong quá trình thu thập thông tin, tài liệu gặp nhiều khó khăn; công tác thu thập dữ liệu, chứng cứ gặp nhiều khó khăn về biện pháp kỹ thuật; quan hệ phối hợp giữa các lực lượng trong phát hiện, điều tra loại tội phạm này còn nhiều hạn chế. Việc áp dụng các quy định trong thu giữ, bảo quản, kiểm tra, phục hồi và đánh giá chứng cứ điện tử còn gặp

nhiều lúng túng, bất cập.

Sáu là, cán bộ, chiến sỹ có trình độ, kiến thức, kinh nghiệm đấu tranh với tội phạm trên không gian mạng, trong đó có tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản còn mỏng; nhiều cán bộ chiến sỹ ở cơ sở chưa được đào tạo chuyên sâu, bài bản; phương tiện, thiết bị, phần mềm chuyên dụng phục vụ công tác thu thập, điều tra, xử lý tội phạm trên không gian mạng tại một số địa phương còn nhiều hạn chế.

Qua đánh giá thực trạng, phương thức thủ đoạn của tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên không gian mạng, có thể đưa ra những biện pháp như sau:

Thứ nhất, tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao ý thức phòng chống tội phạm và vi phạm pháp luật liên quan đến các hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên không gian mạng; đưa ra nhiều cảnh báo về các hành vi, thủ đoạn lừa đảo thông qua các phương tiện thông tin đại chúng. Đặc biệt, thời gian tới cần chú ý tuyên truyền cho quần chúng nhân dân biết về phương thức, thủ đoạn hoạt động phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên mạng xã hội. Đồng thời, đi kèm với đó là nâng cao ý thức cảnh giác, bảo mật thông tin cá nhân của người dân, có biện pháp bảo vệ các tài khoản ngân hàng, tài khoản cá nhân để tránh bị các đối tượng lợi dụng, chiếm đoạt. Trường hợp có nghi ngờ về hoạt động lừa đảo chiếm đoạt tài sản thì kịp thời thông báo, tố giác cho cơ quan công an nơi gần nhất để được hướng dẫn giải quyết.

Thứ hai, Các cơ quan chức năng, đặc biệt là lực lượng Công an nhân dân, tăng cường rà soát, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh kịp thời các băng nhóm, đường dây tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên không gian mạng. Kịp thời điều tra, truy tố, xét xử để răn đe, giáo dục và tuyên truyền cho quần chúng nhân dân biết.

Thứ ba, Bộ Công an cần tiếp tục tham mưu cho Chính phủ chỉ đạo tăng cường công tác quản lý Nhà nước về an ninh, trật tự đối với các hoạt động kinh doanh của lãnh đạo các cấp hoàn thiện các quy định của pháp luật, các văn bản hướng dẫn của Bộ, ngành, địa phương trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ để tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước trên không gian mạng, qua đó phòng ngừa, ngăn chặn và phát hiện, xử lý kịp thời các hành vi có liên quan đến tội phạm và vi phạm pháp luật liên quan đến lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Mở rộng, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trong đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung và tội phạm lừa đảo trên không gian mạng nói riêng.

Thứ tư, tăng cường công tác phối hợp giữa các đơn vị chức năng có liên quan, nhất là giữa cơ quan điều tra với hệ thống các ngân hàng để nhanh chóng phong tỏa tài khoản, thu hồi tài sản cho người dân; phối hợp với các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông để phát hiện, truy vết tội phạm; đồng thời thu thập tài liệu, chứng cứ phục vụ công tác điều tra, xử lý tội phạm.

Thứ năm, tăng cường tập huấn, đào tạo về kỹ thuật, công nghệ thông tin cho lực lượng trực tiếp tiến hành phòng ngừa, đấu tranh với tội phạm và vi phạm pháp luật liên quan đến hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên không gian mạng.

NỘI DUNG PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI VIỆT NAM ĐÁP ỨNG YÊU CẦU CỦA CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP LẦN THỨ TƯ

NGUYỄN THỊ NHƯ HOÀI

Học viên khoa Triết học, Trường ĐH KHXH&NV, Đại học quốc gia Hà Nội

1. Mở đầu

Con người với khả năng chế tạo ra công cụ lao động và ứng dụng khoa học - công nghệ đã chứng tỏ vị trí to lớn của mình trong lực lượng sản xuất. Các cuộc cách mạng công nghiệp từ trước đến nay đều có điểm tương đồng là tạo ra sự phát triển nhanh chóng của lực lượng sản xuất dựa trên những thành tựu khoa học và công nghệ. Phải chăng con người luôn phát triển trong các cuộc cách mạng công nghiệp? Con người phát triển tất yếu kéo theo lực lượng sản xuất phát triển nhưng chưa chắc con người đã phát triển. Trong cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất, giai cấp tư sản đã tạo ra lực lượng sản xuất nhiều hơn tất cả các thế hệ trước kia gộp lại nhưng mới dừng lại ở tình trạng gia tăng tư liệu sản xuất chứ không phải là phát triển con người. Bởi vì, mối quan hệ giữa con người với con người vẫn chỉ là mối quan hệ bóc lột, bất công và bất bình đẳng. Do đó, trong cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư chúng ta cần thúc đẩy lực lượng sản xuất, đặc biệt chú trọng phát triển con người chứ không đơn thuần cải tiến công cụ lao động. Hiện nay, Việt Nam cần dựa vào nhiều nguồn lực khác nhau như nguồn vốn tự nhiên, nguồn vốn vật chất và nguồn vốn con người để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Trong đó, nguồn vốn tự nhiên không phải là vô cùng, vô tận mà sẽ cạn kiệt theo thời gian. Đối với một quốc gia có tiềm lực tài chính hạn hẹp như nước ta, phương tiện sản xuất, cơ sở hạ tầng chưa được đảm bảo như các nước trong khu vực và trên thế giới thì việc dựa vào nguồn lực vật chất sẽ vô cùng khó khăn. Con người với những tri thức, kỹ năng, kinh nghiệm và tinh thần sáng tạo đã và đang ngày càng chứng tỏ bản thân là nguồn vốn quý giá nhất. Vận dụng quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển con người, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn coi con người là trung tâm của mọi phát triển, là yếu tố chủ chốt đảm bảo cho sự phát triển bền vững của đất nước. Vấn đề này đã được đề cập trong Đại hội lần thứ XIII: “Phát huy tối đa nhân tố con người, coi con người là trung tâm, chủ thể, nguồn nhân lực quan trọng nhất và mục tiêu của sự phát triển” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, tập 1: 215). Từ tình hình thực tiễn, *phát triển con người Việt Nam hiện nay là phát triển hài hòa các khía cạnh thể lực, trí lực, tâm lực và kỹ lực để con người có đủ sức khỏe, năng lực, phẩm chất và kỹ năng đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của bối cảnh bùng nổ khoa học và công nghệ hiện đại.*

2. Nội dung phát triển con người Việt Nam toàn diện đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư

* Phát triển thể lực

Phát triển thể lực vô cùng cần thiết vì nó đóng vai trò nền tảng ban đầu cho sự phát triển chung của con người. Quá trình phát triển thể lực luôn có mối quan hệ chặt chẽ với trí lực, tâm lực và kỹ lực. Trong bối cảnh khoa học và công nghệ bùng nổ như hiện nay, phải chăng phát triển thể lực không còn quan trọng như trước khi mà máy móc và trang thiết bị hiện đại trở thành phương tiện phục vụ chủ yếu cho đời sống con người? Con người tiết kiệm được sức lực mà năng suất lao động vẫn tăng gấp nhiều

lần so với trước đây.

Tuy nhiên, một quốc gia chỉ có thể phát triển khi có những người dân khỏe mạnh, được đáp ứng đầy đủ các nhu cầu về kinh tế, giáo dục, y tế... Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng khẳng định: “Mỗi dân tộc yếu ớt tức là cả nước yếu ớt, mỗi một dân tộc khỏe mạnh là cả dân tộc khỏe mạnh” (Hồ Chí Minh, 2011, tập 4, tr 212). Do đó, phát triển thể lực, chăm sóc sức khỏe toàn dân là nhiệm vụ quan trọng đảm bảo sự phát triển bền vững của quốc gia - dân tộc. Việc thực hiện các chính sách chăm sóc sức khỏe hợp lý sẽ giúp người dân có cơ hội tiếp cận dễ dàng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe và ngược lại. Hoặc các chính sách phát triển kinh tế, đảm bảo thu nhập, việc làm cho người dân cũng có tác động tích cực đến việc nâng cao tầm vóc và cải thiện sức khỏe thể chất. Thực tế, nhiều trường hợp mắc các bệnh rối loạn tâm thần, suy dinh dưỡng do điều kiện kinh tế khó khăn, áp lực tài chính, tiền bạc đè nặng.

Để phát triển thể lực trước tiên nền tảng vật chất của con người cần được đảm bảo. Chất lượng cuộc sống của người dân chỉ được nâng cao khi nền kinh tế tăng trưởng, thu nhập bình quân đầu người tăng, tình trạng thất nghiệp giảm. Khi đó, mỗi người mới điều kiện kinh tế để chăm lo đời sống, có thời gian, tâm trí để phát triển bản thân. Ngoài ra, hệ thống y tế cũng cần được chú trọng cả về quy mô và chất lượng.

* Phát triển trí lực và kỹ lực

Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đòi hỏi con người phát triển các năng lực tự học, năng lực ngôn ngữ, năng lực tin học, năng lực khoa học và công nghệ... Đồng thời, mỗi người cũng cần có sự hiểu biết liên ngành, có kiến thức sâu rộng vì ngoài mối quan hệ chuyên ngành, chúng ta còn phải giao tiếp, hợp tác với các đối tác ở các lĩnh vực khác nhau. Nếu không có đủ trình độ và năng lực, con người sẽ dễ bị đào thải. Do vậy, giáo dục trí lực phù hợp với yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư là cơ sở để con người tồn tại và phát triển. Hồ Chí Minh đã khẳng định nền giáo dục mới là “đào tạo các em nên những người công dân hữu ích cho nước Việt Nam, một nền giáo dục làm phát triển hoàn toàn những năng lực sẵn có của các em” (Hồ Chí Minh, 2011, tập 4: 40). Tiếp thu tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng ta luôn đổi mới tư duy trong giáo dục để bắt kịp xu thế mới hiện nay. Đổi mới giáo dục - đào tạo hiện nay cần bám sát yêu cầu về việc làm, đảm bảo đầu ra cho nguồn nhân lực mới đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp.

Hiện nay, nguồn nhân lực có tri thức và năng lực hiểu biết được đánh giá cao hơn so với lao động thông thường; vậy nên chương trình giảng dạy cần kết hợp dạy các kiến thức liên ngành, dạy thực hành kết hợp với dạy lý thuyết, dạy “chữ” luôn song hành với dạy “làm người”. Tình trạng đặt nặng thành tích cần được loại bỏ để chất lượng giảng dạy được đánh giá thực chất. Cùng với việc thay đổi chương trình giảng dạy, điều chỉnh phương pháp giảng dạy cũng rất cần thiết để tăng khả năng tiếp nhận thông tin, tri thức của người học. Việc ứng dụng các trang thiết bị hiện

đại trong công tác giảng dạy sẽ giúp học sinh, sinh viên hứng thú, chủ động hơn trong học tập.

Bên cạnh việc phát triển trí lực, chúng ta cũng cần chú trọng việc nâng cao kỹ lực cho mỗi người. So với các giai đoạn trước đây, chưa bao giờ vấn đề kỹ lực được quan tâm như trong thời đại cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Kỹ lực chủ yếu bao gồm kỹ năng và kỹ xảo. Vậy kỹ năng và kỹ xảo là gì? Có thể hiểu đơn giản kỹ năng là cách thức thực hiện, vận dụng kiến thức và thao tác thực hành trong các tình huống cụ thể. Kỹ xảo có thể coi là trình độ cao hơn của kỹ năng; bởi vì kỹ xảo chỉ có thể đạt được khi các kỹ năng của con người đạt đến mức độ điều luyện và thuần thục. Kiến thức được coi là tiền đề giúp con người đánh giá và giải quyết các vấn đề thực tiễn; kỹ năng và kỹ xảo là yếu tố giúp những tri thức ấy được vận dụng một cách chuẩn xác. Trí lực và kỹ lực là hai khía cạnh luôn song hành với nhau, giúp con người hành động và làm việc hiệu quả.

Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đòi con có kỹ năng làm việc; vậy nên đổi mới giáo dục theo hướng “khai phóng” cần được triển khai. Giáo dục phải chuyển dần từ trang bị kiến thức là chủ yếu sang phát triển năng lực, kỹ năng của người học. Đó là: “Đổi mới cách dạy và học trên cơ sở áp dụng công nghệ số; lấy đánh giá của doanh nghiệp làm thước đo cho chất lượng đào tạo của các trường đại học trong lĩnh vực công nghệ thông tin. Khuyển kích các mô hình giáo dục, đào tạo mới dựa trên các nền tảng số” (Bộ Chính trị, 2019). Đồng thời, việc tạo dựng môi trường thúc đẩy mỗi cá nhân tích cực, chủ động phát huy tài năng của mình cũng vô cùng quan trọng. Trước hết, chúng ta cần phải nắm bắt, đánh giá xác định trình độ kỹ năng của mọi người từ đó đưa ra các phương hướng, chiến lược phù hợp.

Để đạt được hiệu quả tốt nhất trong việc phát triển trí lực và kỹ lực của con người, không chỉ các chủ thể như Nhà nước, nhà trường, gia đình cần chung tay, góp sức mà cần mở rộng các cơ sở, chủ thể đào tạo như các tập đoàn, công ty và doanh nghiệp. Việc kết nối chặt chẽ giữa các bộ phận ấy sẽ giúp hạn chế được tình trạng thừa thầy, thiếu thợ và đảm bảo được nguồn nhân chất lượng cao phù hợp với thực tiễn phát triển của xã hội. Để các bộ phận này có thể phối hợp một cách nhịp nhàng, việc xây dựng hệ thống dữ liệu điện tử về thực trạng và nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực sẽ giúp hệ thống giáo dục - đào tạo xác định đúng thực tế nhu cầu nhân lực của xã hội; từ đó điều chỉnh, đổi mới sao cho phù hợp. Ngoài ra, việc khen thưởng, tuyên dương các cá nhân có thành tích cao trong học tập, có năng lực sáng tạo cần được thực hiện thường xuyên để tạo động lực cố gắng, tinh thần tự giác trong việc trau dồi kiến thức, nâng cao năng lực, phát triển bản thân.

*** Phát triển tâm lực**

Hiện nay, trong điều kiện xã hội hiện đại, nhiều giá trị xã hội mới đang ảnh hưởng không nhỏ đến người Việt. Bên cạnh những giá trị tiến bộ, những yếu tố phản tiến bộ cũng đang len lỏi, xâm nhập vào trong tâm thức của người dân, đặc biệt thế hệ trẻ nước ta.

Trong bất kỳ xã hội nào, con người có trí lực, thể lực thôi là chưa đủ, nếu thiếu tâm lực sẽ gây hậu quả nghiêm trọng cho xã hội. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nói: Có tài mà không có đức là người vô dụng, có đức mà không có tài thì làm việc gì cũng khó. Yêu cầu cơ bản đối với con người trong xã hội là phải có tâm, có lòng yêu nước, có đạo đức, có lối sống lành mạnh... Để đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, con người Việt Nam cần biết lưu giữ các giá trị truyền thống đạo đức tốt đẹp của dân tộc; đồng thời, đồng thời loại bỏ những truyền thống lạc hậu, không còn phù hợp và tiếp thu những giá trị tinh hoa của nhân loại. Hồ Chí Minh từng nói: “Đời sống mới không phải cái

gì cũ cũng bỏ đi hết, cái gì cũng làm mới. Cái gì cũ mà xấu thì bỏ. Thứ tự ta phải bỏ hết tinh lười biếng tham lam. Cái gì cũ mà không xấu nhưng phiền hà thì phải sửa đổi lại cho hợp lý... Cái gì cũ mà tốt thì phải phát triển thêm... Cái gì mới mà hay thì ta phải làm” (Hồ Chí Minh, 2011, tập 5: 94). Mỗi cá nhân cần có lối sống lành mạnh, có nếp sống văn minh, có tinh thần trách nhiệm có ý thức chấp hành các đường lối đúng đắn của Đảng, chính sách của Nhà nước và quy định của pháp luật. Với sự phát triển sâu rộng của khoa học và công nghệ, mỗi chúng ta cũng cần thường xuyên tiếp cận, học hỏi các tri thức khoa học tiên tiến, hiện đại nhằm nâng cao hiểu biết và trình độ chuyên môn.

Đảng Cộng sản Việt Nam luôn chủ trương: “phải có cơ chế, chính sách phát huy tinh thần cống hiến vì đất nước; mọi chính sách của Đảng, Nhà nước đều phải hướng vào nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và hạnh phúc của Nhân dân” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, tập 1: 216). Việc xây dựng môi trường xã hội, môi trường văn hóa lành mạnh sẽ giúp mỗi cá nhân hình thành phẩm chất tốt đẹp, đẩy lùi cái xấu, cái tiêu cực. Đồng thời, giáo dục tri thức luôn phải gắn liền với giáo dục đạo đức, lối sống để mỗi cá nhân biết phân biệt đúng - sai, phải - trái, biết đối nhân xử thế, trở thành người công dân tốt của xã hội. Phong trào học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh cần được triển khai sâu rộng để thúc đẩy tinh thần rèn luyện đạo đức, tu dưỡng bản thân. Quá trình phát triển tâm lực có hiệu quả hay không dựa vào những chiến lược phát triển con người và sự quản lý của Nhà nước về các lĩnh vực văn hóa - xã hội. Những tấm gương đạo đức cần được tuyên dương và khen thưởng kịp thời và hành vi có biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, văn hóa cần được xử lý nghiêm khắc để răn đe cho mọi người.

3. Kết luận

Ngày nay, chúng ta đã và đang bước vào cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Cuộc cách mạng này có tác động tích cực và tiêu cực đối với các lĩnh vực của đời sống - xã hội, đặc biệt là vấn đề phát triển con người. Nhiệm vụ đặt ra là tận dụng tối đa cơ hội để con người có điều kiện, nền tảng phát triển toàn diện các khía cạnh của mình. Từ thực tiễn, nội dung về phát triển con người Việt Nam toàn diện đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư là phát triển hài hòa, đầy đủ các khía cạnh thể lực, trí lực, tâm lực và kỹ lực để con người có đủ sức khỏe, năng lực, phẩm chất và kỹ năng đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của bối cảnh khoa học và công nghệ hiện đại. Bốn phương diện này có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, làm tiền đề củng cố, hỗ trợ lẫn nhau; vậy nên, thể lực, trí lực, tâm lực và kỹ lực phải được phát triển đồng thời.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Bộ Chính trị (2019), *Nghị quyết về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, số 52-NQ/TW*, Hà Nội.
2. C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 2, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật.
3. C.Mác và Ph.Ăngghen (1993), *Toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật.
4. C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 46, phần II, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, tập 1.
6. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
7. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.